NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 167 • MARCH 2003

THẾ KỶ 21

14771 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 839-8746

Số Tân Niên

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

TRUNG TÂM Thúy HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Những tác phẩm Audio Book (băng đọc truyện) của

NHÀ VĂN NGUYỄN NGỌC NGẠN

đã và sắp phát hành

AUDIO CASSETTE & CD

TRUYỆN TÌNH CẢM XÃ HỘI

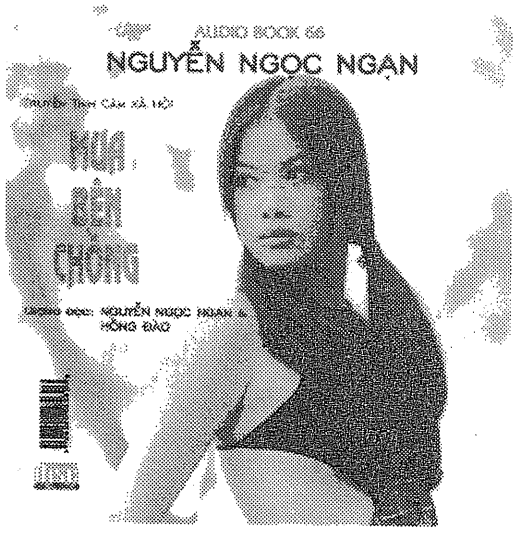

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. La Giường
3. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Tuổi Thanh
7. Vẹn Riêng
8. Chung Quanh Tôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Anh Một Vố Tình
14. Biển Vắn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Muộn
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước
24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Người Tình
27. Cõi Đêm
(Truyện 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chiếc Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tuổi
(Truyện 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép
(Truyện 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn
(Truyện 6 cassettes)
40. Mẩu Quà Cuối Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bến Hành Lang Tòa Án
44. Mảnh Cỏ Ga
(Truyện 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hồ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời
48. Nỗi Mong Đợi Khắc Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
(Truyện 6 cassettes)
50. Tiếng Qua Rèo Vọng Hồn
(Truyện Ma)

51. Đêm Trong Căn Nhà Ma (Truyện Ma)
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà (Truyện Ma)
53. Ngôi Mộ Mới Đắp (Truyện Ma)
54. Xóm Đạo (Phần 1 - Truyện 6 cassettes)
55. Xóm Đạo (Phần 2 - Truyện 6 cassettes)
56. Bóng Người Dưới Trăng (Truyện Ma)
57. Mối Âm (Truyện Tình Cảm)
58. Nhân Quanh Một Mình (Truyện 6 cassettes)
59. Nước Đục (Truyện 6 cassettes)
60. Cõi Âm (Truyện 2 cassettes)
61. Đa Thê (Truyện 2 cassettes)
62. Quỷ Trong Căn L.K. (Truyện 6 cassettes)
63. Đêm Vắng (Truyện 2 cassettes)
64. Hồn Về Trong Gió (Truyện Ma)
65. Nỗi Sầu Sâu Kín (Truyện 2 cassettes)
66. Mưa Bến Chồng (Truyện 2 cassettes)
67. Đêm Không Trăng (Truyện Ma)

TRUYỆN MA

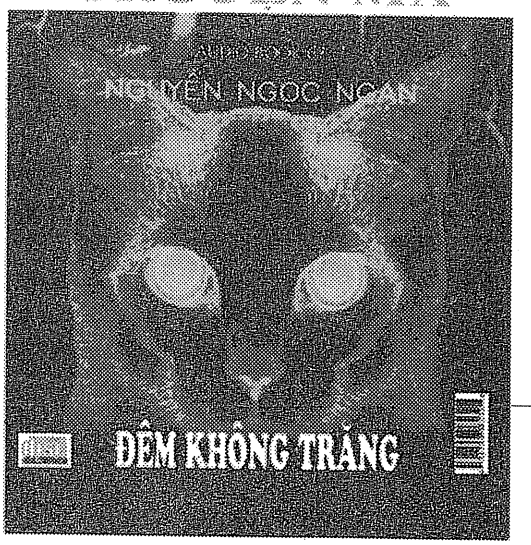

Độc Quyền Sản Xuất và Phát Hành
THÚY NGA
9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2500 Fax: (714) 891-9673
Web Site: http://www.thuyngaonline.com
E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : **Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa**

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ **Giá trả tiền trước (prepaid)**				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/**$15**	$50/**$30**	$100/**$60**	$180/**$100**	5x9cm
1/4 page	$35/**$30**	$100/**$85**	$180/**$155**	$355/**$290**	11x7cm
1/2 page	$70/**$60**	$180/**$150**	$350/**$280**	$600/**$500**	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/**$80**	$250/**$200**	$450/**$370**	$850/**$700**	15x14.5cm
1 page	$130/**$100**	$320/**$270**	$600/**$500**	$1000/**$900**	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện**, giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

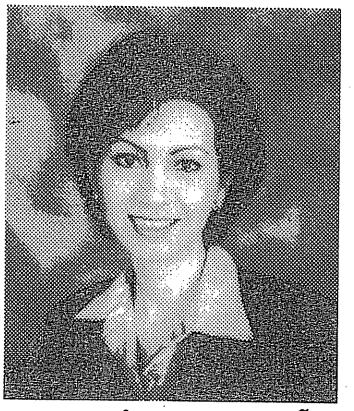

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

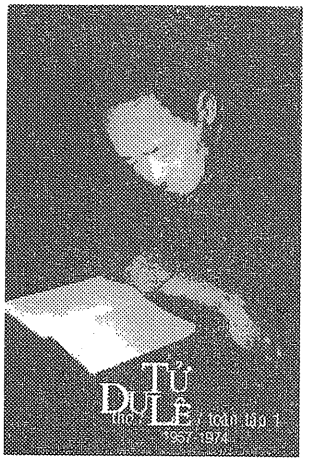

THƠ DU TỬ LÊ TOÀN TẬP I 1957-1974

Tập thơ gần 400 trang, của một nhà thơ vào hạng được quý chuộng nhất hiện nay tại hải ngoại. Đây là tập hợp những quyển thơ của Du Tử Lê từ năm lên 15 tuổi đến ngoài 30, khoảng thời gian đẹp nhất của một đời người. Giá 25 Mỹ kim.

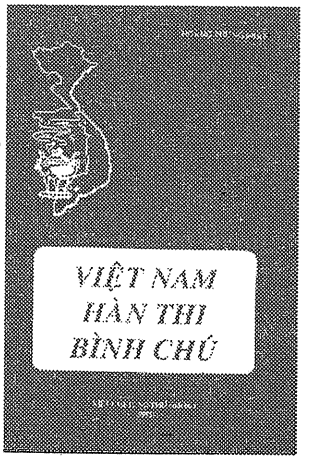

VIỆT NAM HÀN THI BÌNH CHÚ

Sách bình thơ của HOÀNG PHÙNG MIÊN

Tác giả đã có công chọn 84 nhà thơ từ nhiều thế kỷ trước cho đến cận đại, trích tuyển những bài thơ hay và bình chú từng bài. Đây là một thi tuyển khá phong phú về thơ tiếng Việt, một tài liệu rất tốt cho những ai yêu thơ. Giá 20 Mỹ kim

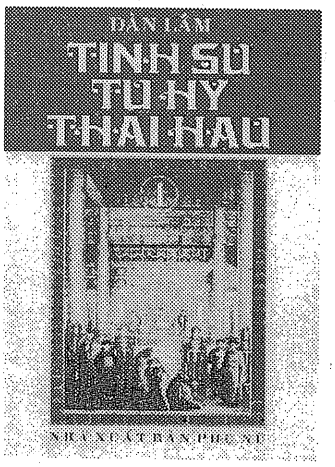

TÌNH SỬ TỪ HY THÁI HẬU

Lịch sử tiểu thuyết của **ĐÀN LÂM,** bản dịch của **NGUYỄN KHẮC KHOÁI**

Ai cũng biết Từ Hy Thái Hậu là một hoàng đế Trung Hoa nổi tiếng xa xỉ và đa tình. Đây là một bộ truyện tiểu thuyết hóa cuộc đời tình ái của bà. Giá 16 Mỹ kim.

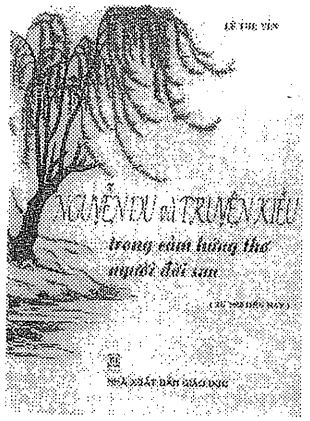

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU TRONG CẢM HỨNG THƠ NGƯỜI ĐỜI SAU

LÊ THU YẾN sưu tầm

Truyện Kiều của Nguyễn Du là một kiệt tác văn học của Việt Nam, tự nó đã gây ra cảm hứng văn thơ cho rất nhiều người đời sau. Sưu tầm này là một sáng kiến và một công phu độc đáo, cống hiến cho người đọc những cảm hứng mà một tác phẩm văn chương mang lại. Giá 8 Mỹ kim.

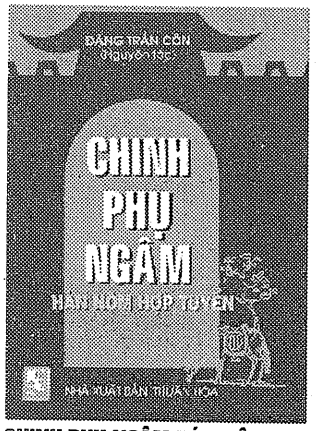

CHINH PHỤ NGÂM HÁN NÔM HỢP TUYỂN

NGUYỄN THẾ và PHAN ANH DŨNG biên soạn

Sách gồm hai phần đi song song: nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn với phần phiên âm, và bản dịch chữ nôm có phần chữ quốc ngữ đi theo. Rất tiện cho những ai nghiên cứu về Hán Nôm. Giá 9 Mỹ kim.

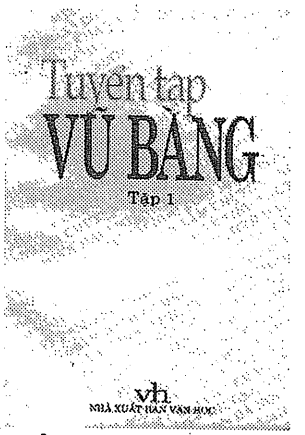

TUYỂN TẬP VŨ BẰNG

Vũ Bằng là một nhà văn nổi tiếng từ thời Pháp thuộc, sau khi di cư vào Nam vẫn tiếp tục sáng tác. Đây là lần đầu tiên tác phẩm của ông được chọn in thành tuyển tập, trọn bộ ngót 3000 trang. Giá: bìa mềm 69 Mỹ kim; bìa cứng 77 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình
Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

100 DOLLAR MỚI
GIAO TẬN NHÀ

LỆ PHÍ THẤP

Little Saigon
8860 Bolsa Ave., Ste A
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 899-3825
(Góc Bolsa & Magnolia, kế bên Bank of America)

San Jose
1716 Tully Road
San Jose, CA 95122
Tel.: (408) 528-9860
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)

San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
San Gabriel, CA 91776
Tel.: (626) 571-8707
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Hawaii, kế bên Phở Số 1)

El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
S. El Monte, CA 91733
Tel.: (626) 444-5588
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)

San Diego
4654 El Cajon Blvd.
San Diego, CA 92115
Tel.: (619) 283-8700
(Bên cạnh nhà hàng Đường Sơn)

Dallas
3347 W. Walnut St. #129A
Garland, TX 75042
Tel.: (972) 494-9496
(Trong khu Hiệp Thái Plaza)

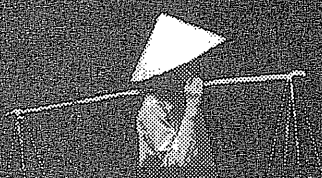

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang. Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ.

1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

Phụ Nữ Gia Đình

NGƯỜI VIỆT

Mua báo dài hạn:

6 tháng (26 số) $60 (FREE cước phí trong nước Mỹ)

Mua lẻ: $2.95 một số + cước phí

Canada: 6 tháng US$90; 1 năm US$170

Á Châu, Âu Châu, Úc Châu: 6 tháng US$190; 1 năm US$370

Liên Lạc: (714) 892-9414

12771 Moran Street, Westminster, CA 92683

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: Tranh của họa sĩ **Nguyên Khai**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm** - Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Tôn Nữ Thu Nga, Trần Tuấn**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 167 – Tháng Ba 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
12. Bế tắc chính sách của kinh tế Mỹ? – **Phạm Đỗ Chí**
14. Tính chất thị trường của kinh tế Việt nam – **Nguyễn Quốc Khải**
33. "Chuyện tào lao" – **Nguyễn Minh Cần**
43. Vài nét về chiến cụ và chiến thuật... – **Trần Quán Niệm**
59. Tạo sinh vô tính và vấn đề đạo đức – **Nguyễn Văn Tuấn**

LỊCH SỬ – NHÂN VẬT
20. Hồ Chí Minh đã có thể thành Titô Việt Nam? – **Minh Võ**
24. Trần Văn Giàu, nhà giáo nhân dân? – **Trần Ngươn Phiêu**
39. Mặt trời Auschwitz – **Quách Tường**
86. Vụ ám sát nhà văn Georgi Markov – **Vũ Quí Hạo Nhiên**
91. Bà mẹ nuôi của Phùng Quán – **Xuân Đài**

TRAO ĐỔI
79. Ảnh hưởng Nho Phật ở Việt Nam – **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
84. Những bức tường lòng – **Tưởng Năng Tiến**
119. Đỗ Quỳnh Dao với "Con Nữ" – **Từ Nguyên**

VĂN
63. Sương khói Sapa – **Tôn Nữ Thu Nga**
71. Nụ hồng tỉ muội – **Trần Mộng Tú**
73. Tết này nhớ Tết – **Lê Minh Hà**
88. Về – **Trần Doãn Nho**
95. Những ngày đầu năm Quý Mùi trên đất Kosovo – **Xuân Quang**
99. Xứ dân gầy – **Xuân Đỗ**
140. Hạt châu – **Linh Bảo**
111. Đêm giao thừa – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**

THƠ
67. Màu trời đó – **Bùi Giáng**. 75. Đặt lầm nỗi nhớ – **Đạm Thạch**. 81. Tiếng vang lục tự. Thuyền ai – **Lý Thừa Nghiệp**. 85. Vô rừng ngày mồng một Tết – **Lưu Hy Lạc**. 93. Nhớ nhung – **Nguyễn Minh Đức**. 97. Tôi và cỏ – **Lê Thị Kim**. 101. Có nhiều khi – **Tôn Nữ Thu Dung**. 107. Mưa cao nguyên – **Tuệ Sĩ**

MỤC THƯỜNG LỆ
9. Bạn đọc viết - 11. Tòa soạn và Bạn Đọc – Thư Trị sự
46. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
52. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo** và **Trần Quán Niệm**
115. Đọc sách: "Lịch sử Việt Nam từ thuộc Pháp..." – **Lê Văn Lân**

Vài ý kiến về số Xuân Quý Mùi

Bài "Chuyện nước" của tác giả Nguyễn Hữu Chung cho thấy tấm lòng của người viết về chuyện nước non dân tộc.

Vấn đề đặt ra cho những người vẫn quan tâm đến tương lai Việt Nam, bên cạnh những bàn thảo, họp hành mỗi năm (hay vài năm) một lần về "chính sách, đường lối tương lai hậu Cộng sản" có lẽ là cần làm sao để có nhiều tiếng nói như ông Nguyễn Hữu Chung gióng lên không ngừng , hầu may ra người dân ta –và cả người cầm quyền hiện nay- chú ý đến nhu cầu sinh tử này.

Xin có một góp ý rất nhỏ : "Civil engineer" không phải là "kỹ sư dân sự" mà là " kỹ sư công chánh."

Bài "Dẫn vào lịch sử" của ông Trần Anh Tuấn cũng thế. Cám ơn tác giả đã mở thêm những góc nhìn mới (tuy như ông nói, chẳng có gì mới) cho người đọc về nhu cầu học sử. Bao nhiêu người trong chúng ta hiện nay –cả trong lẫn ngoài nước- có một ý thức đúng đắn về tầm quan trọng của Sử học với sự phát triển đất nước, ngoài những bài học sơ cấp đầy dẫy những sai lầm của xung động cảm tính?

Ước mong Thế Kỷ 21 tiếp tục đem lại cho người đọc những món ăn tinh thần giá trị như thế.

Phương Chi (Melbourne, Úc Đại Lợi)

Lại Số Xuân Quý Mùi

Số Xuân rất hay. Tôi đặc biệt thích bài của ông Nguyễn Tường Thiết về cuộc trở về Hà Nội. Rất sang trọng, đường hoàng và an tịnh. Xứng đáng là chữ nghĩa, và xứng đáng là hậu duệ của Nhất Linh. Dòng họ này còn cô Thơ Thơ viết cũng thật hay. Có lẽ còn nhiều người nữa mà tôi chưa được đọc.

Tôi cũng rất thích các bài của Ngô Thế Vinh. Đây là một thứ chữ nghĩa đầy trách nhiệm và đầy tình yêu con người.

Lê Minh Hà (Đức Quốc)

Hình ảnh người già

Hôm qua nhận được Thế Kỷ 21 Xuân, đọc đến bài Cây Bàng Lá Đỏ của Nguyễn Tường Thiết thì đã nửa đêm. Sáng ra vội viết chia sẻ với các bạn đôi điều.

Năm kia tôi có về Hà Nội, cũng dẫn các bạn và con cháu đi Phát Diệm và Ninh Bình chơi, không gặp nhiều trở ngại như tác giả Nguyễn Tường Thiết của Cây Bàng Lá Đỏ, vì đi xe riêng. Tuy nhiên những trở ngại của ông Thiết lại làm cho câu chuyện thêm phần thích thú. Đặc biệt câu chuyện ông Thiết kể về người đàn bà ngồi ở đền thờ Đinh Tiên Hoàng mà ông bỏ tiền vào nón để cho khi bà ngủ làm tôi rất thích thú vì tôi cũng gặp một trường hợp tương tự. Bên cổng nhà thờ Phát Diệm tôi có gặp một bà già như thế, cũng ngồi dựa tường ngủ say sưa, tôi chụp ảnh bà ta, bà ta chẳng hay, tôi để tiền vào lòng bàn tay bà, bà cũng chẳng biết. Tôi phập phồng sợ kẻ khác thấy tiền sẽ lấy của bà ta mất, nhưng tôi cũng không muốn đánh thức bà dậy. Mỗi lần về Việt Nam gặp những người già như thế tôi thấy rất buồn, không còn muốn mua sắm, ăn uống gì nhiều. Tôi xin gửi theo đây bức hình của bà già mà tôi chụp ở nhà thờ Phát Diệm.

Sẵn dịp tôi xin phản ảnh ý kiến của một người quen về bìa báo Thế Kỷ 21 số 163, tháng Mười Một 2002. Người ấy nói rằng ông ta không hiểu tại sao tờ báo lại đi đăng hình cái đập của Tàu ở trang bìa? Tàu đã chiếm đất của Việt Nam rồi, lại đi đăng hình khoe thành tích của nó nữa thì thật hết chỗ nói! Người ấy lại trách giới nhiếp ảnh Việt Nam (mà tôi là một thành phần trong đó mới chết chứ!) không cung cấp hình ảnh đẹp của quê hương Việt Nam hay Mỹ cũng được, cho tờ báo làm bìa! Quý vị giải thích dùm việc này được chăng?

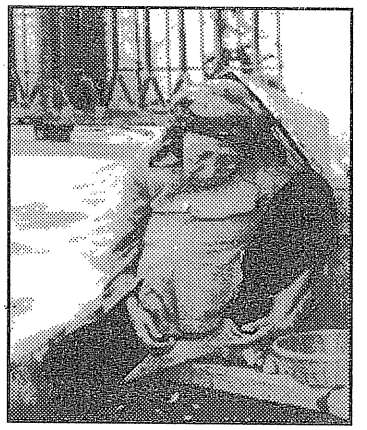
Bà già tại nhà thờ Phát Diệm

Tôn Nữ Thu Nga

Bìa của Thế Kỷ 21 (và của hầu hết báo nào cũng vậy) thường là tranh hoặc ảnh đẹp, phù hợp với quan niệm nghệ thuật của người chủ trương tờ báo cũng như của đông đảo độc giả. Thông thường là như thế. Nhưng khi tờ báo có một chủ đề đặc biệt nào thì kiếm hình bìa cho phù hợp với chủ đề đó, dĩ nhiên cũng phải coi trọng khía cạnh mỹ thuật. Ví dụ năm 1995 có một số đặc biệt về nhà văn Võ Phiến thì hình bìa là một bức tranh của Bé Ký vẽ nhà văn này; số đặc biệt về Nhất Linh năm ngoái thì bìa lại là một bức tranh do chính Nhất Linh vẽ, v.v... Số báo 163, tháng Mười Một 2002 đề cập đến một vấn đề rất quan trọng đối với các nước sống trong lưu vực sông Mekong, đặc biệt là Việt Nam, đó là chuyện người Tàu xây hàng loạt đập thủy điện trên thượng nguồn sông Mekong, không đếm xỉa gì đến các hậu quả rất tai hại cho các nước ở hạ lưu. Sau một thời gian dài nghiên cứu về các nguy hại này và đã viết nhiều bài báo động, tác giả Ngô Thế Vinh năm ngoái đã "giả dạng

thường dân" (tức du khách thường) đến quan sát tận nơi những con đập này, và khi về đã viết một thiên bút ký giá trị dành riêng cho Thế Kỷ 21 mà chúng tôi đăng trong số 163 cùng một số tài liệu khác liên quan. Bức hình chụp con đập Manwan làm bìa cho số báo có chủ đề về các con đập của Trung Quốc không chỉ là một bức phong cảnh đẹp mà chính là ***một tài liệu, một chứng cớ*** *để minh họa cho loạt bài viết nhằm chứng minh sự nguy hại mà Trung Quốc mang lại cho chúng ta qua việc xây đập trên thượng nguồn sông Mekong.*

Nếu chỉ xem bìa mà không liên hệ với nội dung số báo thì có khi không hiểu tại sao lại có một hình ảnh như thế.

Ngậm ngùi

Nhân đọc bài của Nguyễn Tường Thiết đoạn về Huy Cận (TK 21 số Tết), tôi xin trích ra đây một số bài thơ của ông "Ngậm Ngùi " này trong tập HAI BÀN TAY EM do Văn Học Hà Nội Xuất bản năm 1967, tôi đọc khoảng năm 1976 tại thư viện Yenching, Boston :

MỖI SÁNG MAI VỀ:
Gà mái giục luôn
Hợp tác, hợp tác
Đẻ trứng cho tròn
Đừng bươi tung rác...
TUẦN LỄ TRẺ CON
Cô bảo cháu biết không
vua xưa tre thay kiếm
Nay vót tre làm chông
Ta đánh thằng Mỹ Diệm
TỰU TRƯỜNG
Thằng Mỹ chuyên cắn trộm
Xuống hầm kịp nghe con
May mũ rơm nặng chút
Sớm chiều buổi đi về
HÔM NAY CON VÀO ĐỘI
Hôm nay con vào đội
lòng cha vui phơi phới
Tặng con ảnh Lênin
Huy hiệu Hồ Chí Minh...

Dường như Thế Lữ thì buông bút không viết bài nào cả trong suốt thời gian dài, còn Huy Cận *con gà cục tác* mà chuyển thành *con gà hợp tác*... thì kể ra cũng giầu cảm hứng và có "*tâm hồn* " lắm!

Lưu Văn Vịnh

Đôi điều về số báo tháng Chín, 2002

Đọc Thế Kỷ 21 số 161, tháng Chín, 2002 tôi có mấy điều muốn thương xác lại với quý Tòa soạn.

1. Ở trang 8, Tân Văn Hồng nêu ở cột 1 hai câu đối ghép các tên sách của Nhất Linh và nói "... không nhớ tên tác giả, xin vị nào biết, nhỉ dùm cho..." Tôi thấy hai câu đối này có vẻ lạ, có nhiều chỗ trục trặc chưa chỉnh, ví dụ không ai đối "Đời Mưa Gió" (ba chữ) với "Hai Buổi Chiều Vàng" (bốn chữ) cả. Hơn nữa ngày đưa đám Nhất Linh tôi có mặt suốt buổi mà không thấy hai câu đối này. Nên không dám có ý kiến.

May quá một người bạn vừa về Sài Gòn mới qua cho hay vừa tìm thấy ở sách vỉa hè Lê Lợi tập Giai Phẩm Xuân 1943 có in hai câu đối trích lại ở tờ Ngày Nay cũ, như sau:

Hai Buổi Chiều Vàng Nắng Thu Thế Lữ ngâm câu Giòng Nước Ngược

Bên Đường Thiên Lôi Lạnh Lùng Khái Hưng đứng bán Gánh Hàng Hoa

(Hai Buổi Chiều Vàng, Nắng Thu, Lạnh Lùng do Nhất Linh viết. Giòng Nước Ngược là tập thơ đầu của Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Bên Đường Thiên Lôi là tác phẩm của Thế Lữ. Gánh Hàng Hoa do Nhất Linh và Khái Hưng viết chung).

Cần nói thêm Giai Phẩm Xuân 1943 là tập Giai Phẩm cuối cùng tập trung tác phẩm của các thi văn hữu trong và ngoài Tự Lực Văn Đoàn do nhà Đời Nay xuất bản tại Hà Nội, bìa của Tô Ngọc Vân, phụ bản của Nguyễn Gia Trí, có những bài như Tương Biệt Dạ, thơ của Huyền Kiêu, Thoa, truyện ngắn của Thế Lữ, Tha Hương, truyện ngắn của Tường Bách v.v... Một điều đáng chú ý là không thấy các cây bút cột trụ cũ như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo... Phải chăng đó là điềm báo trước sự tan vỡ chia ly?

2. Trang 61, cột 1, Phan Thanh Tâm viết "Ông bạn Trần Văn Ngô, làm báo từ năm 1950 (sic), có bút hiệu là Từ Nguyên..." Tôi có một ông bạn lớn tuổi đáng hàng chú bác, có biết rõ gia đình Trần Văn Ngô, nói rằng năm 1950 thì tiên sinh Trần Văn Ngô mới học lớp Đệ Lục ở trường Trung học Khải Định Huế. Ông bạn kết luận hoặc báo in lầm, hoặc tác giả viết sai.

Phụng Hồng (Winter Park, FL)

Cộng sản hưởng lợi nhờ sự sụp đổ của Cộng sản

Mục Bạn Đọc Viết của số báo 164, tháng 12, 2002, trong bức thư tựa đề "Chờ đến bao giờ" của ông Đinh Tiến Long có một đoạn hết sức đáng chú ý:

"Và chính Việt Nam, Trung Hoa hiện nay cũng đang được hưởng phúc lợi làm ăn buôn bán với thế giới tự do, được hưởng văn minh, được thoát khỏi cảnh nghèo đói, ngu dốt, tối tăm do chính chủ nghĩa cộng sản của họ bày đặt ra trước đây. Nhờ đâu mà họ được như vậy? Chính nhờ những cố gắng không ngừng để đánh bại chủ nghĩa cộng sản của phe tự do, trong đó có cả việc Mỹ đổ quân vào Việt nam!"

Đó là những ý tưởng có thể nói là vô cùng độc đáo, và đúng, rất đúng. Thử ngẫm lại mà xem, nếu ngày nay chủ nghĩa Cộng sản không bị đánh bại, vẫn còn đó, thì hình ảnh của Việt Nam như thế nào? Chắc không gì khác hơn là cả ngày cứ đòi tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và dân chúng vẫn quần quại với khoai mì, bo bo ăn chẳng được no. Chính nhờ sự sụp đổ của khối cộng mà Việt Nam đã được giải thoát, đó là điều chắc chắn. Chính nhờ "chủ nghĩa tư

bản" đổ tiền vào đầu tư mà Việt Nam ngày nay có bộ mặt trông sáng sủa một chút, đó là điều chắc chắn. Vậy dân Việt Nam phải biết ơn xương máu của các chiến sĩ chống Cộng miền Nam và các đồng minh trước đây, cuộc chiến ấy tuy không trực tiếp thành công nhưng đã góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa cộng sản chỉ hơn một thập niên sau.

Người ta không ngạc nhiên khi thấy các nước Đông Âu vừa lên tiếng ủng hộ Hoa Kỳ trong chủ trương đánh Iraq. Họ còn ở trong tâm trạng biết ơn Hoa Kỳ đã giải thoát họ khỏi chủ nghĩa cộng sản sau một trận chiến dai dẳng, đa dạng. Trong trận chiến chống cộng ấy nhiều lúc trong quá khứ Hoa Kỳ đã bị dư luận chống đối dữ dội, nhưng kết quả sau cùng đã cho thấy rõ đâu là chính nghĩa. Có lẽ họ cũng tin tưởng Hoa Kỳ trong trận chiến chống Iraq này. Chiến thắng sau cùng mới thấy rõ trắng đen!

Trần Thanh (Florida)

La chèvre: chú dê?

Số Xuân, trang 91, cột 1, có câu: "Theo văn hào Alfonse Daudet, con dê của ông Seguin là một chú dê non, hiếu thắng lại thêm tính tình bướng bỉnh ngoan cố, thích gì phải làm cho bằng được."

Câu trên có hai chỗ sai. Trước hết, tên của văn hào viết sai, Alphonse chứ không phải Alfonse. Thứ hai, con dê của ông Seguin là một con dê cái (La chèvre de Monseur Seguin) thì không thể gọi là chú dê được.

Những cái sai nho nhỏ như thế về tiếng Pháp rất dễ hiểu và cũng thường xảy ra đối với người Việt ở Mỹ. Học tiếng Pháp trong trường học Việt Nam từ ba bốn chục năm trước, ra đời chẳng dùng, bây giờ ở trong xã hội Mỹ chỉ quen tiếp xúc với tiếng Anh, lâu lâu có dịp đụng tới tiếng Pháp thì sai tứ tung. Nhất là khi gặp tây đầm bên Pháp qua, nhiều người dù trước kia nói rành tiếng Pháp, bây giờ mở miệng nói tiếng Pháp thì cứ vọt ra tiếng Anh! Ngay cả tiếng Việt đối với một số người ít dùng đến cũng còn lọng ngọng, nói gì đến ngoại ngữ...!

P.C. (Internet)

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài của những tác giả sau:

Quách Tường, Phạm Thành Châu, Nguyễn Văn Tuấn, Phạm Đỗ Chí, Tôn Nữ Thu Nga, Minh Võ, Trần Quán Niệm, Lê Minh Hà, Xuân Quang, Xuân Đài, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Trần Mộng Tú, Lê Văn Lân, Nguyễn Hữu Chi, Ngô Thế Vinh, Tưởng Năng Tiến, Trần Doãn Nho, Vũ Quí Hạo Nhiên, Nguyễn Minh Cần, Lưu Hy Lạc, Tôn Nữ Thu Dung, Nguyễn Anh Tư, Võ Doãn Nhẫn, Đạm Thạch, Từ Nguyên, Nguyễn Ái Nhân.

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Thai Thi Mai FL – Nguyen V Dinh CA – Thien Hy TX – Joseph Vu TN – Vo Viet Quy MD – Le Dinh Khoi CA – Ta Xuan Tac MN – Pham N Hanh CA – Tran Ngoc My CA – Tran T Hang CA – Dao Duc Ky CA – Nguyen Thuong Hiep CA – Le Van Sang CA – Dau Phuong Mai VA – Huynh Tan Don CA – Nguyen Ba Lieu CA – Thich Minh Duc CA – LiB: CMC MO – Diep Luu OH – Lib: Milpistas – Bui Chinh Tin VA – Tran Thi Thuong Thuong NM – Le Khac Ngoc Tuy CA- Nguyen Van Dai OR- Le Duy Chanh CA- Charles Sturt Library Australia- Nguyen T. Giang VA- DWC Library IA- Mai Chin

TX- NP Vietnamese Books Australia- Le Van Tu WI- Neathery Robert WA- Nguyen Viet Thanh CA- Le K Vinh NE- Trung Tam Van Hoa / Nguyen Kim NI – Nguyen N. Lam IL- Le Phu Hai France- Dam Dung CA- Tran Thai Binh CA- Tran Tuan Anh CA

Nguyen Gia Khanh France/ NY- Pham Van Dong CA- Tran Van Phe MN- Nguyen Ngoc Kim PA- Phung Cao IA- Phung Chau CA- Nguyen Giao OK- Nathalie Donge MD – Nguyen Thi Ngoc Phuong CA – Rowecom France – Nguyen Huu Dien AL – Vu N Hau CA – Le Cong Giao CA – Le Cong Mung CA – Magazine Divisions AL – Pham Minh Luong CA – Tran Hai Tan CA – Nguyen Hung MA – Nguyen Khac Tung TN – Phan T T Tuyen France – Ng T Ngoc Phuong CA – Nguyen Giao Okla city. Phan Manh Luong CA- Los Angeles Pub Lib. CA.

ĐỘC GIẢ MỚI

Phan Phu MN – Nguyen Thuong Hiep MA – Nguyen Duy NV – Thomas Pham WA – Tu Cao Thang WA – Nguyen Hanh WA – Nguyen Tuan WA – Gi Gi Nguyen WA – Pham Hong An WA – Truong Bich Ngo WA – Cao Huy My VA – Nguyen Xuan Dung WA - Nguyen Van Quynh CA - Nguyen Dinh Hoan FL - Nguyen Tan Si TX - Huyen TonNu Thu Huong HI - Phung Van Phuc MN - Nguyen Hoa FL - Mme Than Trong An France - Nguyen Van Danh Germany.

VH ỦNG HỘ

Phan lac Tiep CA

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Tran Khanh Toan OK - Tam Nguyen, San Diego.

BẾ TẮC CHÍNH SÁCH CỦA KINH TẾ MỸ?

TS PHẠM ĐỖ CHÍ
Washington, D.C.

Cuối tuần qua, 10 kinh tế gia Mỹ lừng danh từng được giải Nobel về kinh tế trong nhiều năm qua đã cùng ký tên vào một bức thư chung tỏ ý e ngại về chính sách giảm thuế mới đây của TT Bush và hoài nghi về hiệu lực của "chương trình kích thích" (stimulus package) của Toà Bạch ốc mới được công bố vào đầu năm nhằm ngăn cản sự chững lại của kinh tế Mỹ.

Một cách tóm tắt, các kinh tế gia trên cho rằng chính sách cắt giảm thuế dự kiến khoảng 674 tỉ USD trong mười năm chỉ có tác dụng thay đổi cơ cấu hệ thống thuế thu nhập Hoa kỳ, nhắm vào giảm thuế của giới có lợi tức cao để kích thích tiêu thụ và đầu tư nơi giới này, và bằng việc cắt bỏ thuế trên lợi tức cổ đông (dividend tax) nhắm đến việc phục hồi thị trường chứng khoán để kích thích đầu tư chung vào nền kinh tế. Ba nhà kinh tế tương đối có khuynh hướng xã hội hơn như Joseph Stiglitz (giải Nobel năm 2001), Franco Modigliani và Lawrence Klein còn thêm rằng các biện pháp trên sẽ đào sâu thêm cách biệt lợi tức trong xã hội và có ảnh hưởng xấu về cả kinh tế và xã hội.

Ngoài ra, tất cả 10 vị này còn hoài nghi về tác động nhanh của giảm thuế lên GDP trong năm nay. Họ nhấn mạnh phải dùng các chính sách *kích cầu* trực tiếp nhằm tăng tổng cầu, nhất là đầu tư. Vài vị với khuynh hướng quen thuộc của đảng Dân chủ cũng nhấn mạnh việc chi tiêu cho các chương trình xã hội trong nước (domestic programs) thay vì dồn hoàn toàn vào các chi tiêu an ninh và quốc phòng.

Sự lên tiếng trên của 10 kinh tế gia Mỹ được giải Nobel trong một tuyên bố chung có tính cách tự nguyện là một điều hãn hữu nói lên mối ưu tư của giới chuyên gia và trí thức về chính sách của chính phủ mà họ cho là không đáp ứng đủ với tình thế chính trị và kinh tế Hoa kỳ khi mà hiểm họa an ninh và chiến tranh vẫn đè nặng lên tâm trí mọi người. Đây là những vấn đề cần được thảo luận rộng rãi về khía cạnh nhân sự cũng như chính sách của TT Bush, nhất là thế kẹt là **thời hạn ngắn ngủi một năm** mà các thay đổi chính sách phải đem đến kết quả cho tăng trưởng kinh tế Mỹ, kịp thời cho các vận động tái cử của ông Bush vào năm2004. Cuộc bầu cử quốc hội bán phần tháng 11/02 dù có đem niềm vui chốc lát cho đảng Cộng Hòa, nhưng cuộc bầu cử này có nhiều mầu sắc địa phương gồm các vấn đề tiểu bang. Cuộc bầu cử TT và Phó TT vào tháng 11 năm 2004 là lúc các vấn đề quốc gia được đặt ra, và người dân thường sẽ không quên vấn đề "túi tiền" của cá nhân và gia đình họ, gồm việc làm và quĩ hưu bổng đã thiệt hại nặng trong hai năm qua.

Về nhân sự, TT Bush mới bổ nhiệm vào tháng 1/03 một thành phần lãnh đạo kinh tế mới và một "phát ngôn viên kinh tế" có khả năng thuyết phục hơn. Ông John Snow, chủ tịch công ty đường sắt lớn CSX, được chọn làm Bộ trưởng Tài chánh, và ông Stephen Friedman làm chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia. Riêng một số quan sát viên vẫn có chút dè dặt với trường hợp bổ nhiệm ông Snow (đang chờ quốc hội chấp thuận) vì ông có thể rơi vào trường hợp của ông O'Neill trong chức vụ Bộ trưởng Tài chánh. Qua báo chí, ông được TT Bush chọn lựa vì khả năng ăn nói và giao thiệp với giới truyền thông hay hơn ông O'Neill, nhưng chức vụ này cần người nắm vững về chính thuế khóa và có thể "bắt mạch" được giới tài chính. Nền kinh tế Mỹ không thể phục hồi vững chắc nếu không có cuộc bỏ phiếu tín nhiệm ("vote of confidence") của Wall Street. Trong các chọn lựa mới, rõ ràng là TT Bush muốn Toà Bạch ốc sẽ trực tiếp chỉ huy về kinh tế trong năm tới trước

bầu cử. Do đó, cũng theo giới bình luận, việc thay đổi nhân sự nóng sốt trên đây tuy quan trọng **vẫn chỉ là điều kiện cần và chưa phải điều kiện đủ là sự đáp ứng chính sách nhanh chóng ở phía Toà Bạch ốc để khôi phục niềm tin của quần chúng vào chính sách kinh tế của chính phủ Bush.**

Vấn đề chính của kinh tế Mỹ hiện tại là sự khủng hoảng niềm tin gây nên bởi niềm bất an không phải chỉ vì kinh tế, mà còn do tình hình về chính trị quốc tế nhất là khủng bố sau biến cố 11/9/01 và đe dọa thường trực của "hội chứng Iraq" và mới đây nữa thêm "tiếng ồn Bắc Hàn" ("North Korea noise"). Một cách công bình phải nhận rằng trong những điều kiện bình thường, các biện pháp trong hai năm qua như hạ lãi suất 12 lần tới mức rất thấp, giảm thuế mạnh, gia tăng chi tiêu quân sự rất lớn đáng lẽ đã giúp được kinh tế phục hồi nhanh chóng hơn. Tuy nhiên **các điều bất bình thường** ảnh hưởng đến kinh tế Mỹ bây giờ **là biến cố khủng bố 11/9** đã làm dân chúng bất an và ngại chi tiêu hơn và **là cơn khủng hoảng trong điều hành xí nghiệp** (corporate governance) với các gian lận về kế toán lợi nhuận và kiểm toán gây mất niềm tin nơi người đầu tư làm trầm trọng hơn sự suy sụp của thị trường chứng khoán vốn đã bắt đầu từ tháng 3 năm 2000 với "trái banh xì hơi" của các cổ phần chứng khoán về công nghệ thông tin. Những biện pháp kích cầu đề nghị bởi các kinh tế gia Mỹ lừng danh trên đây cũng cần thời gian để khắc phục các "niềm tin đã mất" đó.

Chính phủ của TT Bush có lẽ cần đặt trọng tâm vào vấn đề kinh tế nhiều hơn và hướng chú ý dân chúng vào việc phục hồi kinh tế và cải thiện công ăn việc làm. Chính sách lớn về giảm thuế đã được trình bày cho cả 10 năm 2001-2010, khó ai hiện nay có thể thay đổi "triết lý" giảm thuế này của Toà Bạch ốc, nhưng cần tìm các biện pháp "cú sốc" ngay cả về thuế, thí dụ như giảm thuế ngay cho bản khai thuế năm 2002 vào ngày 15/4 tới đây của dân chúng như tăng phần được trừ vào lợi tức đóng thuế khi khai lỗ lã về đầu tư hàng năm từ 3000$ lên 15,000$-20,000$. Và cũng cần trải đều sự giảm thuế cho các thành phần có thu nhập khác nhau, thay vì chỉ nhắm chính vào giới có lợi tức cao để khuyến khích sự làm việc theo triết lý "khuyến khích cung" (supply side economics) quen thuộc của đảng Cộng Hòa.

Tuy nhiên do ngân sách Mỹ bị thất thu lớn tới 159 tỉ đô la trong tài khoá 2002 vừa rồi, và dự báo thất thu tới 300 tỉ đô la trong tài khóa 2003, đang có những dè dặt mới về chính sách giảm thuế mà các lãnh tụ quốc hội Mỹ nói đến rất nhiều. Lo ngại về ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế lên thất thu ngân sách năm 2003 và những năm tới lại được ông chủ tịch Ngân hàng Dự trữ Trung Ương (Fed) Alan Greenspan nhấn mạnh trong bài diễn văn mới nhất hôm thứ hai 10/2 vừa rồi. Ông kêu gọi chính phủ Bush tái lập "kỷ luật về ngân sách", nghĩa là muốn cắt thuế thu nhập thì phải tăng các thuế ở chỗ khác hoặc phải giảm chi bằng một khoản tương đương trong ngân sách. Tiếng chuông báo động này từ một người có uy tín như Greenspan cho thấy chương trình giảm thuế của TT Bush khó được quốc hội Mỹ chấp thuận toàn bộ.

Điều chính phủ Bush cần chú ý là **giảm thuế không tự động làm kinh tế Mỹ phục hồi nhanh chóng** như kinh nghiệm 2 năm vừa qua cho thấy. Chỉ khi nào lòng tin của dân chúng trở lại và chịu chi tiêu thì mới có tăng trưởng kinh tế và duy trì cùng tổng số thuế liên bang và tiểu bang thu được dù mức thuế có thấp đi. Cơn khủng hoảng hiện tại về ngân sách của các tiểu bang vừa được bàn luận trong kỳ họp của các Thống đốc tiểu bang mới đây cũng là hồi chuông báo động khác cho ngân sách liên bang. Nếu chỉ giảm thuế mà không có tăng trưởng kinh tế thì ngân sách liên bang sẽ lại thất thu nặng và có thể tăng áp lực lên lãi suất trở lại từ khu vực tư nhân, vô hiệu hóa các cố gắng giảm lãi suất của Fed. Đây là một bế tắc về chính sách mà ít người chú ý tới lúc này, nhưng sẽ là vấn đề cho TT Bush vào cuối năm 2003 nếu kinh tế Mỹ không phục hồi kịp thời. Ngoài ra, với các đòi hỏi chi tiêu lớn về an ninh và quốc phòng hiện tại, khó mà gia tăng thêm các chi tiêu xã hội trong nước như các nhà kinh tế Nobel đề nghị. TT Bush cũng bị trói tay thêm ở điểm chính sách thứ hai này.

Các nhà lãnh đạo kinh tế mới của Hoa Kỳ vừa cần có thời gian làm quen với không khí chính trị Washington và nhất là lập trường của Toà Bạch ốc, vừa cần hành động kịp thời cho cuộc bầu cử, và vừa cần sự tính toán trong điều tiết vĩ mô để thoát khỏi các bế tắc chính sách nói trên. Đó không phải là chuyện dễ trong không khí ngột ngạt của "chiến tranh" ở thủ đô Hoa kỳ hiện tại./.

* TS Phạm Đỗ Chí, Giáo sư Kinh tế tại The American University (Washington D.C.) và là chuyên viên cấp cao của IMF.

TÍNH CHẤT THỊ TRƯỜNG CỦA KINH TẾ VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC KHẢI
Giáo Sư Kinh Tế, School of Advanced International Studies
Johns Hopkins University
Cựu Chuyên Viên Kinh Tế Ngân Hàng Thế Giới

Vào tháng 7 năm 2002, do đơn khiếu nại của Hội Nông Dân Nuôi Cá Trê của Hoa-Kỳ (Catfish Farmers of America) về nền kinh tế phi thị trường của Việt-Nam và việc Việt-Nam bán phá giá cá trê / cá tra xuất cảng qua Mỹ, Bộ Thương Mại Hoa-Kỳ (TMHK) đã khởi sự một cuộc điều tra theo Luật Thuế Chống Phá Giá và Chống Trợ Giá của Hoa-Kỳ [1]. Vào tháng 11 năm 2002 Bộ TMHK đã phán quyết rằng Việt-Nam có một nền kinh tế phi thị trường. Bộ TMHK nhận định rằng mặc dù Việt-Nam đã thực hiện một số cải tổ kinh tế quan trọng, nhưng chưa thành công trong việc chuyển đổi qua nền kinh tế thị trường. Việt-Nam đã thi hành một số biện pháp đáng kể để mở cửa thị trường và giao thương với cộng đồng thế giới. Nhưng luật cung cầu hiện chỉ được phép hoạt động giới hạn tại Việt-Nam [2].

Bộ TMHK dựa vào các yếu tố sau đây để xếp loại Việt-Nam vào kinh tế phi thị trường:

1. Giá trị của sản phẩm không thể được đo lường bằng giá cả và phí tổn một cách trung thực vì những can thiệp của chính quyền.

2. Tiền tệ của Việt-Nam không thể hoán đổi sang ngoại tệ một cách dễ dàng. Chính quyền đặt nhiều luật lệ quan trọng nhằm giới hạn việc sử dụng, chuyển nhượng đồng bạc Việt-Nam và hối suất.

3. Chính phủ khuyến khích đầu tư trực tiếp ngoại quốc, nhưng vẫn tiếp tục đặt ra luật lệ để hướng dẫn và kiểm soát đầu tư.

4. Mặc dầu phần lớn giá cả đã được thả tự do, nhưng Ủy Ban Giá Cả của nhà nước vẫn tùy tiện duy trì việc kiểm soát giá cả ở ngoài những khu vực độc quyền tự nhiên.

5. Việc tư nhân hóa những doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng tiến hành rất chậm chạp. Do đó tư nhân không thể cạnh tranh với khu vực công về các nguồn tài chánh.

6. Tư nhân không có quyền sở hữu đất đai. Chính phủ không có dự định tư nhân hóa đất đai nào trong tương lai.

Vì phán quyết trên của Bộ TMHK mang tính cách quan trọng, có ảnh hưởng tới sự buôn bán giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam, bài viết này sẽ bàn về tính chất thị trường của nền kinh tế Việt-Nam hiện nay trên căn bản thuần túy chuyên môn.

Không có một nền kinh tế thị trường hoàn toàn tự do

Trên thực tế, trên trái đất này không hề có một nền kinh tế nào hoàn toàn tự do cả. Nước nào cũng có ít nhiều luật lệ đặt ra để điều hành nền kinh tế. Ngay cả nước Mỹ cũng có nhiều luật lệ chi phối trực tiếp hay gián tiếp thị trường. Việc ấn định giá lao động tối thiểu thuộc quyền của Bộ Lao Động, lãi suất ngân hàng thuộc quyền của Quỹ Dự Trữ Trung Ương, trợ cấp nông dân với chương trình nông phẩm thặng dư thuộc trách nhiệm của Bộ Canh Nông là một vài thí dụ áp dụng vào thị trường nội địa. Về ngoại thương, Hoa-Kỳ vẫn duy trì những biện pháp hạn chế nhập cảng như áp dụng hạn ngạch về việc nhập cảng quần áo giầy dép, thép, xe hơi chẳng hạn. Để giúp những công ty Mỹ xuất cảng hàng hóa, Hoa-Kỳ có những chương trình tài trợ xuất cảng như cho vay với lãi suất thấp, bảo hiểm với phí tổn nhẹ, qua U.S. Export-Import Bank, Overseas Private Investment Bank, Commodity Credit Corporation, và Bộ Canh Nông Hoa-Kỳ.

Nếu không áp dụng luật lệ kinh tế để giới hạn ngoại thương được, các nước thường áp dụng những biện pháp hành chánh liên quan đến những vấn đề tên gọi sản phẩm, nhãn hiệu thương mại, tiêu chuẩn vệ sinh và môi trường để hạn chế nhập cảng và bảo vệ kỹ nghệ quốc nội. Việt-Nam bị cấm dùng danh từ catfish (cá trê) để chỉ thịt cá tra / Basa lọc xương xuất cảng qua Mỹ. Cá herring của Hoa-Kỳ xuất cảng qua Âu châu bị cấm gọi

là cá sardine.

Để trả đũa Pháp về lập trường đối nghịch với chính sách của Mỹ về Iraq và ngăn cấm nhập cảng một số nông phẩm của Mỹ, Chủ Tịch Hạ Viện Hoa-Kỳ J. Dennis Haster (CH, Illinois) vào đầu tháng Hai lên tiếng đe dọa sẽ nghiên cứu việc áp đặt tiêu chuẩn vệ sinh mới để giới hạn việc nhập cảng nước suối Evian và các nhãn hiệu khác của Pháp. Số lượng nước suối xuất cảng từ Pháp qua thị trường Mỹ là 65 triệu gallons trong năm 2001. Rượu nho của Pháp cũng lọt vào mắt xanh của DB Haster. Những nhà sản xuất rượu nho của Pháp thường dùng máu bò để làm cho rượu trong. Phương pháp này đã bị cấm sau khi xẩy ra bệnh bò điên vào cuối thập niên 90, nhưng số rượu nho của Pháp chế biến trước đây vẫn còn. Chủ Tịch Hạ Viện Hoa-Kỳ Haster đang tham dò biện pháp ban hành luật bắt những loại rượu của Pháp phải dán bảng cảnh cáo nếu có dùng máu bò [3].

Những kinh nghiệm trên đây cho thấy, chính trị pha trộn với kinh tế là chuyện thường tình. Chính quyền can thiệp vào chuyện mua bán là điều không đáng làm cho ai ngạc nhiên cả. Các quốc gia theo chế độ kinh tế tư bản có thể có mức độ tự do kinh tế khác hẳn nhau. Nơi nào đã có mua bán, trao đổi hàng hóa, là nơi đó có cung cầu và có thị trường. Nếu bảo Việt-Nam không có thị trường thì không đúng với định nghĩa này vì chế độ kinh tế chỉ huy Marx – Lenin đã cáo chung tại Việt-Nam. Bộ TMHK phán quyết Việt-Nam là một kinh tế "phi thị trường." Đây là lối nói tắt. Chúng ta phải hiểu "phi thị trường" theo nghĩa là thiếu tự do kinh tế, không theo luật cung cầu.

Theo định nghĩa của Bộ TMHK, một nền kinh tế phi thị trường là một nền kinh tế không hoạt động theo nguyên tắc thị trường về phí tổn và giá cả [4]. Để xếp loại các quốc gia theo tiêu chuẩn thị trường này, Bộ TMHK cứu xét sáu yếu tố sau đây: (1) Khả năng hoán đổi của tiền tệ; (2) Cách thức ấn định lương bổng qua sự thương lượng giữa nhân công và ban quản trị; (3) Đầu tư ngoại quốc và hợp doanh; (4) Tài sản và phương tiện sản xuất thuộc nhà nước; (5) Vai trò kiểm soát của nhà nước về việc phân phối tài nguyên, giá cả và kế hoạch sản xuất của các xí nghiệp; (6) Những yếu tố khác mà Bộ TMHK thấy thích hợp.

Kinh Tế thị trường có nhiều loại

Lớp kinh tế vỡ lòng ECON 301 tại các trường đại học Hoa-Kỳ dậy sinh viên rằng căn bản của nền kinh tế thị trường là luật cung cầu. Nếu hàng sản xuất ra nhiều hơn nhu cầu, giá sẽ tự động hạ thấp. Ngược lại, nếu mức tiêu thụ cao hơn số lượng hàng sản xuất ra, giá sẽ tự động tăng cho đến khi số cung bằng với số cầu. Đằng sau luật cung cầu này là một giả định quan trọng. Theo đó trong thị trường có nhiều người mua và nhiều người bán. Không ai một mình có khả năng ấn định giá và buộc những người khác phải chấp nhận. Giá cả là do thị trường ấn định. Hai giả định khác là người bán muốn lời tối đa, người mua muốn giá tối thiểu và mọi người được thông tin đầy đủ.

Trên thực tế không bao giờ có thị trường cạnh tranh lý tưởng như vậy. Trái lại có vài ba loại kinh tế thị trường thiếu cạnh tranh. Trường hợp thứ nhất là thị trường độc quyền (monopolistic market) trong đó chỉ có người bán và nhiều người mua. Giá cả do người bán ấn định. Trong trường hợp thứ hai (oligopolistic market) có nhiều người mua nhưng rất ít người bán. Ngược lại, thị trường có thể có ít người mua mà lại có nhiều người bán (oligopsony) hoặc chỉ có một người mua mà thôi (monopsony). Trong những trường hợp kể trên, chính phủ thường can thiệp vào thị trường, đưa vào luật chống độc quyền và bảo vệ công bằng mậu dịch (anti-trust law), chia công ty lớn ra làm nhiều công ty nhỏ để tạo sự cạnh tranh hoặc ấn định giá cả.

Tóm lại kinh tế thị trường có nhiều mức độ cạnh tranh khác nhau. Ngay trong một nước, các khu vực có thể có một dạng thị trường khác nhau. So sánh khu vực điện, nước, cable TV, Internet với khu vực thực phẩm, quần áo, và đồ gia dụng chẳng hạn, chúng ta đã thấy khác. Dựa trên căn bản lý thuyết về kinh tế vừa trình bày ở trên, lập luận của Bộ TMHK bảo rằng Việt-Nam có một nền kinh tế "phi thị trường" vì sự kiểm soát của chính phủ làm giảm mức độ tự do cạnh tranh chỉ là lối nói tắt, khác với định nghĩa thông thường của hai chữ thị trường.

Việt-Nam Đã Chuyển Đổi Từ Một Nền Kinh Tế Chỉ Huy Qua Một Nền Kinh Tế Tư Bản

Sau khi thí nghiệm thất bại chính sách hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam vỏn vẹn trong sáu năm, vì sự chống đối mãnh liệt nhưng hòa bình của nông dân, Việt -Nam bắt đầu trở lại nền kinh tế tư nhân từ tháng 1 năm 1981 khi Ban Trung Ương của Đảng CSVN ra Quyết Định 100 để hợp thức hóa tình trạng giao kèo sản xuất (khâu

khoán) giữa Ban Quản Lý Hợp Tác Xã và xã viên. Nông dân được giao cho một mảnh đất và khoán làm một số việc đồng áng với một số ngày giờ thỏa thuận trước. Nông dân không còn phải làm theo thời khóa biểu do hợp tác xã định và được hưởng số lượng hoa mầu sản xuất thặng dư [5].

Đến năm 1986, Việt-Nam ban hành chính sách Đổi Mới, trở lại chính sách sản xuất tư nhân. Nhưng vì có những tranh chấp nội bộ giữa hai phe bảo thủ và cấp tiến, mãi cho đến tháng 6, 1988 Bộ Chính Trị của Đảng CSVN mới ra Nghị Quyết 10 công nhận gia đình nông dân là đơn vị sản xuất căn bản. Các hợp tác xã vẫn còn tồn tại nhưng chỉ còn đóng vai trò thứ yếu và thông thường còn gây trở ngại cho việc sản xuất của nông dân. Cùng trong năm 1988, nhà nước ra luật Đất Đai. Luật này tái xác nhận rằng đất đai là tài sản chung của nhân dân dưới sự quản trị của nhà nước. Tuy nhiên, dân được trao cho quyền xử dụng, được hưởng hoa mầu sản xuất trên mảnh đất. Việc mua bán đất bị cấm. Năm 1987 Việt-Nam ban hành luật Đầu Tư Ngoại Quốc đầu tiên. Đến tháng 7 năm 1993, luật Đất Đai được cải tổ. Quyền sử dụng đất đai được mở rộng. Người có quyền sử dụng đất đai được phép chuyển nhượng quyền này cho người thừa kế, hoặc cho người khác, thay đổi cách sử dụng đất, cho thuê đất và dùng quyền sử dụng để bảo đảm vay nợ [6]. Vào năm 1994, Hoa-Kỳ bãi bỏ cấm vận. Viện trợ và đầu tư nước ngoài bắt đầu đổ vào Việt-Nam.

Đến thời điểm này, Việt-Nam đã đảo ngược chính sách, trở thành một nước tư bản chính thống. Kinh tế Việt-Nam trước đây, dưới chế độ kinh tế chỉ huy, chỉ có hai thành phần sản xuất là nhà nước và hợp tác xã, nay gồm có nhiều khu vực khác nhau là nhà nước, hợp tác xã, tư nhân và nước ngoài. Giá cả trước đây định bởi nhà nước nay do luật thị trường. Việc quản trị trước đây do nhà nước chỉ huy. Nền kinh tế khép kín với chế độ bao cấp nặng nề. Nay kinh tế cởi mở hơn, buôn bán tự do theo luật cung cầu. Việc phân chia lợi tức trước đây dựa trên sự đóng góp của sức lao động, nay ngoài sức lao động, còn có tư bản, và dịch vụ thương mại [7].

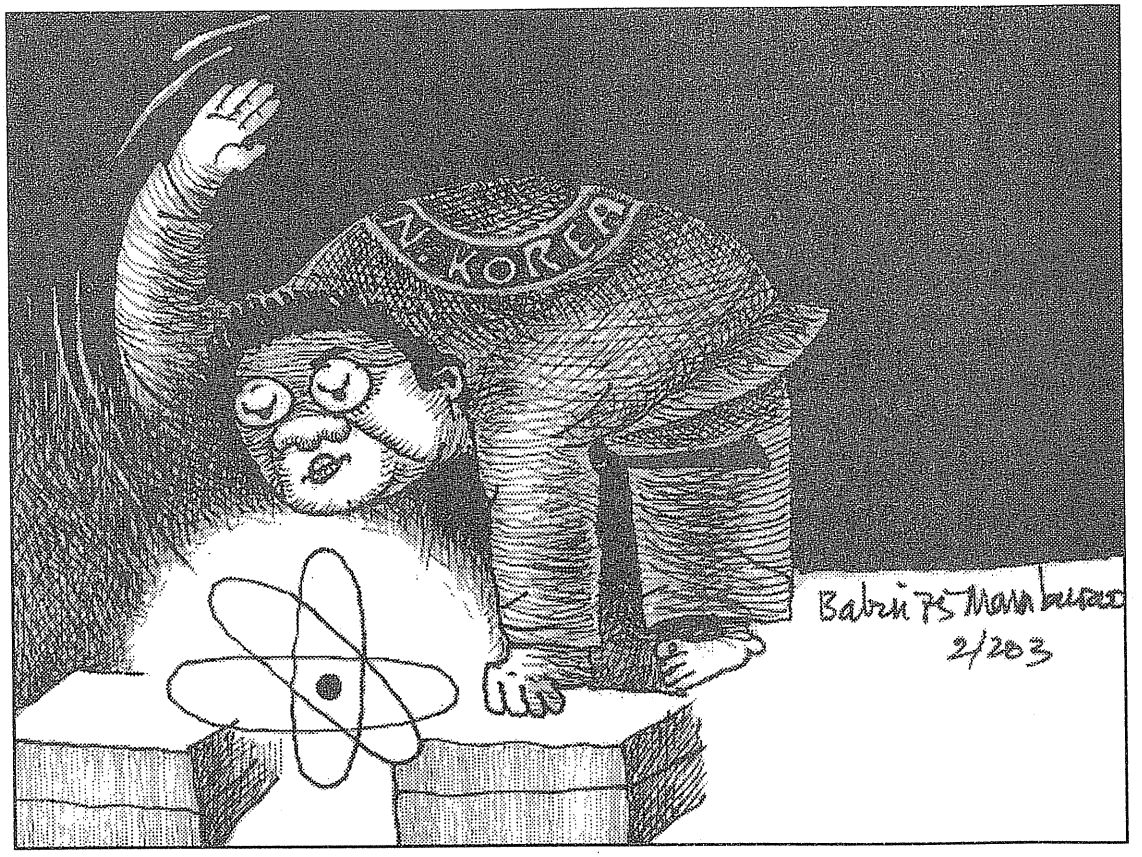

Mức Độ Tự Do Kinh Tế Của Thị Trường Việt-Nam Hiện Nay Còn Rất Giới Hạn

Tính chất thị trường của một nền kinh tế không

thể được đo lường bởi một yếu tố duy nhất là chế độ giá cả. Luật cung cầu của thị trường quy định giá cả là một điều kiện cần thiết nhưng nó cần được hỗ trợ bằng một yếu tố khác là sự tự do di chuyển và trao đổi tin tức, hàng hóa và những phương tiện sản xuất như nhân công, tư bản, đất đai, và nguyên liệu. Nếu điều kiện này không được bảo đảm, giá cả sẽ không được quy định trung thực bởi quy luật cung cầu. Nếu nhân công không được phép tự do di chuyển từ chỗ thiếu việc làm đến nơi cần nhân lực, giá nhân công sẽ không thể điều chỉnh theo luật thị trường tự do được. Việc thông tin tại Việt-Nam, đặc biệt qua hệ thống Internet, một phương tiện hữu hiệu và nhanh chóng, bị kiểm soát chặt chẽ. Sự kiện này làm thị trường không thể hoạt động hữu hiệu được. Giá cả không những bị ảnh hưởng mà cả khả năng cạnh tranh của Việt-Nam cũng gặp phải những bất lợi trầm trọng.

Tổ Chức Heritage Foundation vào cuối năm vừa qua công bố kết quả của một nghiên cứu công phu, với sự hợp tác của the Wall Street Journal, về Chỉ Số Tự Do Kinh Tế (Index of Economic Freedom) của 156 nước trên thế giới [8]. Chỉ số này được căn cứ trên sự phân tách 50 biến số liên quan đến nền kinh tế của mỗi nước. Những biến số này được xếp vào 10 loại sau đây: chính sách ngoại thương, gánh nặng của ngân sách nhà nước, sự can thiệp của chính quyền vào kinh tế, chính sách tiền tệ, đầu tư nước ngoài và nguồn tư bản, dịch vụ ngân hàng và tài chánh, lương bổng và giá cả, quyền sở hữu, luật lệ, và nạn chợ đen.

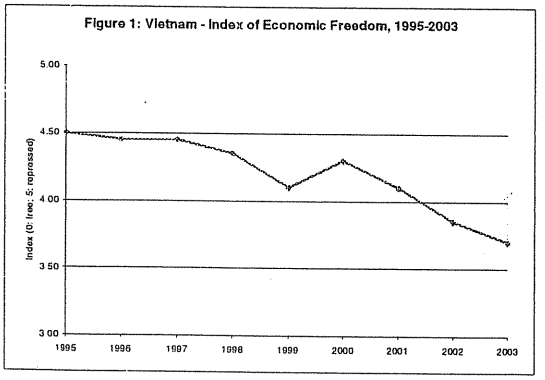

Mức độ tự do kinh tế của Việt-Nam đã được cải thiện trong tám năm vừa qua nhờ những cải tổ kinh tế [9]. Chỉ số thiếu tự do kinh tế của Việt-Nam đã giảm từ 4.50 vào năm 1995 xuống còn 3.70 cho năm 2003 (hình 1). Chỉ số xuống thấp vào năm 1999 vì chính phủ bớt can thiệp vào kinh tế. Tuy nhiên chỉ số tăng trở lại vào năm tiếp theo vì lý do ngược lại. Việt-Nam được đổi từ một nền kinh tế áp bức (repressed economy) qua nền kinh tế hầu hết thiếu tự do (mostly unfree) mới từ năm 2002. Việt-Nam xếp hạng 135 ngay sau Liên Bang Nga. Hồng Kông đứng đầu. Tiếp theo là Singapore rồi đến Luxembourg. Hoa-Kỳ đứng hạng 6. Bắc Hàn đứng chót. Chính sách tiền tệ của Việt-Nam được coi như tự do. Về năm lãnh vực khác là luật lệ, ngoại thương, quyền sở hữu, đầu tư nước ngoài, và dịch vụ ngân hàng, sự kiểm soát của chính phủ còn quá chặt chẽ. Việt-Nam khá hơn về hai lãnh vực giá cả / lương bổng và ngân sách. Việt-Nam vẫn còn là một kinh tế thị trường với mức độ tự do kinh tế rất giới hạn. Nói một cách khác Việt-Nam có một nền kinh tế thị trường dưới sự giám sát của nhà nước (state-supervised market economy) [10].

Luật Lệ: Việt-Nam gần đây đã ban hành một số luật như luật Đất Đai (1988, 1993), Luật Đầu Tư Nước Ngoài (1987, 1996), Luật Thương Mại (1997), Luật Doanh Nghiệp (2000), hệ thống luật pháp của Việt-Nam còn rất sơ khai, thiếu minh bạch và mâu thuẫn. Việc cải tổ luật pháp và hệ thống tòa án sẽ gặp một số khó khăn nghiêm trọng vì những chức vụ chính đều do Đảng CSVN bổ nhiệm. Quan trọng hơn cả, Quốc Hội của Việt-Nam không phải là một cơ quan lập pháp độc lập mà gồm những "Đại Biểu Nhân Dân" mà phần lớn là đảng viên của Đảng CSVN. Chỉ có một số ít không phải là đảng viên nhưng được Đảng CSVN cho phép ra tranh cử. Trên thực tế cơ quan này là một tổ chức của Đảng CSVN, không đại diện cho dân. Như vậy luật làm ra theo chỉ thị của Đảng và có thể thay thế hoặc sửa đổi theo chính sách của Đảng một cách tùy tiện. Chỉ số Tự Do Kinh Tế trong tám năm qua về lãnh vực luật lệ luôn luôn ở mức cao nhất (5) cho thấy Việt-Nam không đạt được một tiến bộ đáng kể.

Chính sách ngoại thương: Thương Ước Việt-Mỹ và AFTA (ASEAN Free Trade Area) đòi hỏi Việt-Nam phải giảm bớt hàng rào quan thuế. Tuy nhiên hiện tại, thuế nhập cảng trung bình của Việt-Nam còn ở mức 19%, cao hơn cả những nước phi thị trường khác như Trung Quốc (15.7%), Uzbekistan (15%), và Bulgaria (12.4%) [11]. Việt-Nam còn duy trì một số hạn ngạch, cấm nhập cảng một số hàng hóa và hạn chế ngoại tệ. Nhà nước giữ độc quyền xuất nhập cảng một số hàng hóa. Chỉ số Tự Do Kinh Tế trong tám năm qua về lãnh vực ngoại thương luôn luôn ở mức cao nhất (5) cho thấy Việt-Nam không đạt được một

tiến bộ đáng kể trong thời gian này.

Quyền Sở Hữu: Quyền sở hữu không được bảo vệ tại Việt-Nam, đặc biệt là quyền sở hữu trí tuệ. Hệ thống tòa án do Đảng CSVN kiểm soát, cho nên không thể duy trì vai trò độc lập và như vậy không thể bảo đảm sự xét xử công bằng. Việc thi hành Thương Ước Việt-Mỹ về lãnh vực quyền sở hữu trí tuệ trong hơn một năm chưa đạt được kết quả nào đáng kể. Chỉ số Tự Do Kinh Tế trong tám năm qua về lãnh vực bảo vệ quyền sở hữu luôn luôn ở mức cao nhất (5) cho thấy Việt-Nam không đạt được một tiến bộ đáng kể trong thời gian này.

Đầu tư ngoại quốc: Trong khi muốn thu hút đầu tư ngoại quốc để mở mang kinh tế, Việt-Nam lại áp đặt nhiều luật lệ để giới hạn hoạt động đầu tư. Những nhà đầu tư ngoại quốc thường bắt buộc phải lựa chọn hình thức liên doanh vì hai lý do rất giản dị. Trước hết là luật đất đai không cho phép người ngoại quốc được quyền sử dụng đất đai mà chỉ có thuê đất của chính phủ hoặc làm ăn chung với một đối tác viên Việt-Nam có quyền sử dụng đất. Thường đối tác Việt-Nam thổi phồng trị giá của quyền sử dụng đất đai. Thứ hai là rất khó xin được giấy phép để chuẩn bị địa điểm thiết lập văn phòng hay nhà máy. Ngoài ra những người đầu tư ngoại quốc không được phép gây vốn bằng cách bán cổ phần. Trong nhiều trường hợp, muốn thực hiện một dự án đầu tư nước ngoài phải có giấy phép của Thủ Tướng như đầu tư trên $40 triệu Mỹ kim, hay sử dụng từ năm mẫu đất thành phố hoặc từ 50 mẫu trở lên ở thôn quê. Đầu tư ngoại quốc vào Việt-Nam trong vài năm vừa qua đã giảm bớt mặc dù kinh tế tăng trưởng khá hơn ở khoảng 6.8% trong những năm 2000-2002 so với 5% - 6% trong những năm 1998 – 1999 [12]. Điều này chứng tỏ rằng môi trường đầu tư chưa được cải tổ đúng mức nên chưa thu hút được vốn nước ngoài. Chỉ số Tự Do Kinh Tế trong tám năm qua về lãnh vực đầu tư nước ngoài luôn luôn ở mức cao (4) cho thấy Việt-Nam không đạt được một tiến bộ đáng kể trong thời gian này.

Dịch vụ ngân hàng và tài chánh: Việt-Nam đã thực hiện một số biện pháp cải tổ khu vực ngân hàng. Ngân Hàng Nhà Nước không còn cung cấp dịch vụ cho vay thương mại nữa mà chỉ giữ nhiệm vụ kiểm soát. Tuy nhiên bốn ngân hàng thương mại lớn của chính phủ vẫn còn chi phối mạnh mẽ khu vực ngân hàng. Dịch vụ cho vay vẫn ưu đãi các cơ sở quốc doanh. Chỉ số Tự Do Kinh Tế trong tám năm qua về lãnh vực ngân hàng luôn luôn ở mức cao (4) cho thấy Việt-Nam không đạt được một tiến bộ đáng kể trong thời gian này.

Hình 2: Chỉ Số Tự Do Kinh Tế 2003 – So Sánh Hai Nước Việt-Nam và Liên Bang Nga

(0: hoàn toàn tự do; 5: hoàn toàn bị kiểm soát)

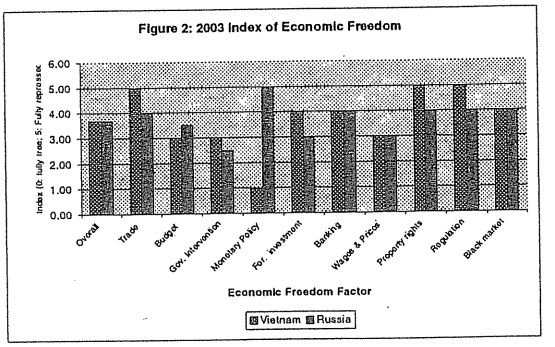

So Sánh Việt-Nam với Liên Bang Nga, một nước mới được Bộ TMHK chuyển từ loại "phi thị trường" qua loại "thị trường" vào 1.4.2002, chúng ta thấy rằng cả hai nước đều có cùng một chỉ số tự do kinh tế là 3.7. Việt-Nam hơn hẳn Liên Bang Nga về chính sách tiền tệ. Hai nước xấp xỉ nhau về các yếu tố còn lại. Tuy nhiên, Liên Bang Nga được xếp vào loại kinh tế thị trường. Trong khi Việt-Nam bị cho vào loại "phi thị trường" (hình 2).

Nguồn gốc: Dựa theo dữ kiện của Heritage Foundation.

Hiển nhiên là có sự khác biệt giữa chỉ số tự do kinh tế và cách tính toán của Bộ TMHK. Phân tách một số trường hợp như Kazakhstan và Liên Bang Nga, trước đây bị xếp vào nhóm kinh tế "phi thị trường," mới được chuyển qua nhóm kinh tế thị trường trong thời gian gần đây, người ta thấy là Bộ TMHK áp dụng triệt để những tiêu chuẩn cụ thể đã đặt ra. So sánh với những tiêu chuẩn để tính chỉ số tự do kinh tế, người ta thấy những tiêu chuẩn đặc thù của Bộ TMHK chú trọng về nguyên tắc thị trường, loại ra ngoài sáu trong mười tiêu chuẩn của chỉ số kinh tế tự do là: ngoại thương, chợ đen, bảo vệ quyền sở hữu, gánh nặng của ngân sách quốc gia, hệ thống ngân hàng, và luật lệ. Do đó chỉ số tự do kinh tế mang ý nghĩa rộng rãi hơn là quy chế thị trường.

Hậu Quả Của Bản Ấn Phi Thị Trường

Vì Việt-Nam bị xếp loại là một nền kinh tế "phi thị trường" cho nên giá cả tại Việt-Nam không được xem như phản ảnh trung thực giá trị của sản

phẩm và chi phí sản xuất theo luật cung cầu của thị trường. Để ấn định giá sản xuất của Việt-Nam theo luật cung cầu, Bộ TMHK đo lường số giờ nhân công và số nguyên liệu dùng trong việc sản xuất tại Việt-Nam, nhưng dùng giá cả của một nước khác tương tự có nền kinh tế thị trường để tính giá thành [13].

Trong trường hợp cá trê/cá tra/cá basa, Bộ TMHK dùng các con số thống kê của Bangladesh. Trong trường hợp Bangladesh thiếu dữ kiện, Bộ TMHK dùng tài liệu của Ấn Độ. Sự chính xác của "phương pháp tính toán phi thị trường" rất đáng ngờ vực: (1) Trong số 50 công ty Việt-Nam được Bộ TMHK gửi mẫu câu hỏi, 13 công ty hồi âm. Nhưng nhân viên của Bộ TMHK chỉ dùng dữ kiện do bốn công ty lớn nhất đệ nạp vì không đủ thời gian; (2) Bốn công ty lớn nộp đủ dữ kiện về giá sản xuất, Bộ TMHK công nhận những công ty độc lập với chính phủ về giá cả, nhưng từ chối không sử dụng vì lý do Việt-Nam là một kinh tế "phi thị trường"; (3) Giai đoạn điều tra là tháng 10, 2001 – tháng 3,2002, với những tài liệu của Bangladesh và Ấn Độ một năm trước đó; (4) Về nước, Bộ TMHK dùng giá nước ở bốn thành phố của Ấn Độ vào năm 1997 và điều chỉnh với mức lạm phát; (5) Về nhân công, Bộ TMHK không dùng giá lao động của ngành nuôi cá tại Việt-Nam mà dùng giá do Bộ TMHK ước tính bằng phương kinh toán học; (6) Thay vì tính giá sản xuất từ cá nhỏ rồi nuôi cho lớn, Bộ TMHK căn cứ vào cá lớn để tính giá sản xuất. Cá lớn đắt hơn. Và do đó giá thành cao hơn [14]. Kết quả là sau khi dùng hối suất của đồng tiền takas (Bangladesh) và đồng rupee (Ấn Độ) tính phí tổn nuôi cá ra đồng Mỹ kim, Bộ TMHK kết luận các nông dân Việt-Nam đã bán cá đưới giá thành từ 38% tới 64%.

Bộ TMHK trước đây đã xếp Liên Bang Nga, Hung Gia Lợi, Slovakia, các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên Bang Sô Viết cũ vào loại kinh tế "phi thị trường." Một số quốc gia này đã trở thành kinh tế thị trường. Trường hợp Việt-Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Bởi lẽ Việt-Nam vẫn tiếp tục chủ trương duy trì vai trò lãnh đạo của khu vực công trong nền kinh tế. Trái với nhiều nước theo xã hội chủ nghĩa cũ như Liên Bang Nga, Hung Gia Lợi, và Slovakia với chủ trương dứt khoát chuyển đổi qua kinh tế thị trường, Việt-Nam vẫn chủ trương một nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặt nặng vai trò chỉ đạo của Đảng và của nhà nước. Như vậy sẽ làm chậm sự chuyển đổi kinh tế cần thiết. Sau hơn một thập niên cải tổ kinh tế, lợi tức trung bình cho mỗi đầu người mới chỉ tăng gấp đôi từ $200 Mỹ kim lên đến $420 Mỹ kim. Việt-Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới. Với mức độ cải tiến như hiện nay, Việt-Nam phải cần 40 năm nữa mới đạt được mức lợi tức $2,000 Mỹ kim như Thái Lan bây giờ. Phán quyết đáng tiếc của Bộ TMHK gây bất lợi cho Việt-Nam trong việc buôn bán với Hoa-Kỳ. Tuy nhiên đây cũng là một cơ hội để Việt-Nam thấy rõ tình trạng chậm tiến và đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải tổ kinh tế để ra khỏi tình trạng "phi thị trường" song song với cố gắng gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới.

Chú thích

1. Chiếu theo Khoản 771 (18) (B) của Luật Thuế 1930 Tu Chỉnh.

2. US Department of Commerce, "Determination of Market Economy Status of the Socialist Republic of Vietnam", Washington, DC: September 2002.

3. Jim Vande Hei, "U.S. Lawmakers Weigh Actions to Punish France, Germany", Washington Post, Washington, DC: February 12, 2003.

4. US Department of Commerce, "Glossary of Terms for Market and Non-Market Economy Cases", DOC website: www.doc.gov, 2003.

5. Rita Liljestrom et al, "Profit and Poverty in Rural Vietnam – Winners and Losers of a Dismantled Revolution", Nordic Institute of Asian Studies, Curzon Press, Great Britain: 1998.

6. Vo Nhan Tri, "Vietnam's Economic Policy Since 1975", Institute of Southeast Asian Studies, Singapore: 1990.

7. Nguyen Thi Canh, "Economic Development in the Renovation Process in Vietnam", Institute for Economic Research of the HCM City, Vietnam: 2002.

8. Heritage Foundation, "2003 Index of Economic Freedom", Washington, DC: November 2002.

9. Chi D Pham and Binh Tran-Nam, eds, "The Vietnamese Economy – Awakening the Dormant Dragon", Routledge Curzon, London: 2003.

10. Congressional Research Service, "State-supervised market economy", Washington, DC: 2002.

11. Heritage Foundation, "2002 Index of Economic Freedom", Washington, DC: November 2001.

12. World Bank, "Vietnam – Delivering on Its Promise", Washington, DC: November 21, 2002.

13. Columbia, Gia Nã Đại, Ba Lan và Liên Hiệp Âu Châu đã dùng phương pháp "thị trường tương tự" để tính thuế nhập cảng vì Việt-Nam là một kinh tế phi thị trường (Akin Gump – Strauss Hauer & Feld, letter to Mr. Donald L. Evans, Department of Commerce dated October 2, 2002).

14. Greg Rushford, "The Unmentionable Fish", Rushford Report, February 2003. [1]

HỒ CHÍ MINH ĐÃ CÓ THỂ THÀNH TITÔ VIỆT NAM?

MINH VÕ

Viết về cuộc chiến Việt Nam, không chỉ có Neil Sheehan trưng dẫn nhà ngoại giao George Tabbott nói, nếu các chính quyền Mỹ đừng ruồng rẫy ông Hồ, thì ông ta đã có thể thành một thứ Titô của Việt Nam; và như vậy đã tránh được chiến tranh. Nhiều sử gia tên tuổi khác như Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Stanley Karnow cũng khẳng định như vậy. Từ đó đã xuất hiện trong từ điển những danh từ và tính từ Titoism, Titoist, Titovite, và động từ Titofy. Ta thử xem hai nhân vật này có gì giống nhau và khác nhau và đối chiếu hoàn cảnh hai đảng, hai nước cộng sản Nam Tư và Việt Nam xem liệu điều các sử gia nói có được phần nào là sự thật.

Josip Broz Titô (1892- 1980) trẻ hơn Hồ Chí Minh (1891- 1969) (*) một tuổi và thọ hơn Hồ 10 tuổi. Titô được đào tạo tại Liên Xô và đã sống tại đây khoảng bảy năm. Hồ Chí Minh cũng được đào tạo tại Liên Xô và sống ở đây khoảng năm năm. Cả hai đều là lãnh tụ cộng sản, cho đến chết vẫn hãnh diện là đồ đệ trung kiên của Mác và Lênin. Cả hai đều tàn sát người quốc gia không theo cộng sản. Cả hai đều áp dụng nguyên lý duy vật biện chứng trong cách hành xử, dùng mọi biện pháp dã man nhất tàn bạo nhất, nham hiểm nhất, miễn sao nắm được quyền bính. Cả hai đều ngụy trang dưới chiêu bài cách mạng vô sản, bảo là nhằm đưa giai cấp này lên nắm quyền chuyên chính; lấy đó làm cứu cánh để biện minh cho những hành động phi nhân, phi dân tộc của mình. Nhưng cuối cùng, sau khi các lãnh tụ nắm được quyền lực, thì giai cấp vô sản lại là giai cấp bị thiệt thòi hơn hết. Chỉ có "giai cấp mới," giai cấp "Nomenklatura" giai cấp "tư bản đỏ" là được độc quyền tham nhũng. Có khác chăng là ở chỗ Ti Tô nhờ có thời tách được ra khỏi Liên Xô, được Tây phương viện trợ dồi dào nên người dân ở Nam Tư được hưởng chút tự do hơn và đỡ đói khổ hơn Việt Nam đôi chút.

Titô là quân nhân, mang quân hàm thống chế, lập nhiều chiến công chống Đức trong thế chiến 2. Hồ Chí Minh, trong thời gian xảy ra thế chiến, đóng vai điệp viên và cán bộ tuyên truyền của Quốc Tế Cộng Sản đi truyền bá chủ nghĩa cộng sản tại Hoa Nam và lập những chi bộ Cộng sản tại vùng Đông Nam Á. Thành tích chống Nhật của ông Hồ hầu như chẳng có gì đáng kể. Ông ta chỉ cung cấp cho Đồng Minh một vài tin tức về hoạt động của quân Nhật ở Đông Dương và cứu được một vài phi công Mỹ bị Nhật bắn rớt. Nhưng với mánh lới xảo quyệt, ông đã dùng sự tiếp xúc với một vài nhân vật Trung Hoa Quốc Dân Đảng như tướng Trương Phát Khuê. và Mỹ như tướng không quân Chennault và mấy sĩ quan trong tổ chức OSS, như Fenn và Patti để phô trương với nhân dân trong nước là ông ta được Đồng Minh ủng hộ, hầu dựa vào đó tuyên truyền và thành lập được mặt trận Việt Minh, mô phỏng theo tổ chức Việt Minh (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội) của nhà cách mạng (không cộng sản) Hồ Học Lãm mà trong đó ông Hồ đã từng có lần giữ một vai trò rất khiêm tốn.

Sở dĩ Ti-tô nổi tiếng thành "Ti-tô" và từ đó phát xuất "chủ nghĩa Ti tô" là do ông ta đã can đảm tách ra khỏi tổ chức quốc tế CS (lúc ấy không còn mang tên là Comintern nữa mà đã trở thành Cominform, một thứ vỏ bọc "Phòng Thông Tin Quốc Tế cộng Sản"). Việc đó xảy ra vào tháng 6-1948. Hành động này chẳng khác gì chống Liên Xô vì Cominform cũng như Comintern trước kia hoàn toàn do Liên Xô chi phối. Nhờ vị trí Nam Tư ở sát với các nước Tây Âu như Ý và được Hoa Kỳ và Anh quốc ủng hộ, nên Stalin đã không đàn áp nổi phong trào ly khai này. Đó là trường hợp ly khai thành công duy nhất trong khối cộng ở Đông Âu.

Tuy thoát khỏi sự kiềm tỏa, chi phối của Liên Xô và khối cộng nhưng Ti- Tô vẫn là Cộng sản. Chế độ mà ông ta áp dụng cho Liên Bang Nam Tư vẫn là chế độ cộng sản Mác Xít – Lêninít, như các nước cộng sản khác. Theo Milovan Djilas thì sở dĩ Ti tô phải bám chặt lấy cái chủ nghĩa không tưởng này là vì "nó tạo nên quyền lực của lãnh tụ, cũng như nó đòi hỏi những điều kiện tiên quyết là một đảng có kỷ luật và một lãnh tụ." Dĩ nhiên để được sự ủng hộ và viện trợ kinh tế của

Anh, Mỹ ông ta phải nới lỏng đôi chút cho có vẻ khác với Liên Xô. Nhưng chế độ ở Nam Tư vẫn hoàn toàn là chế độ "chuyên chính vô sản," nghĩa là độc tài. Các nhân vật đối lập vẫn bị giết hay bỏ tù. Mọi mầm mống dân chủ hóa đều bị triệt tiêu. Ngay Milovan Djilas, nhân vật thứ nhì trong đảng cộng sản Nam tư, từng là bạn thân và đồng chí thân cận nhất của Ti Tô cũng bị thanh trừng chỉ vì dám có tư tưởng cải tổ để chế độ được tự do dân chủ hơn đôi chút. Ông tố cáo chế độ tạo nên một giai cấp tư bản mới, với những đặc quyền đặc lợi và sự nhũng lạm phổ biến. Tác phẩm "Giai Cấp Mới" (xuất bản năm 1957) của Djilas đã mô tả kỹ thứ giai cấp đặc quyền đặc lợi này và đã khiến ông bị kết án là theo "chủ nghĩa xét lại" và trở thành nổi tiếng trên thế giới.

Năm 1985, một học giả người Anh, bà Nora Beloff đã cho ra cuốn "Tito's Flawed Legacy" (Di sản có tỳ vết của Ti-Tô). Bà viết cuốn này sau khi đã trở đi trở lại thăm Nam Tư trong nhiều năm, để nghiên cứu tại chỗ. Giới thiệu tác phẩm này, nhà xuất bản Westview Press (Boulder, Colorado) đã tóm tắt nhận xét của tác giả về Ti-Tô như sau:

Ti Tô không đánh phát xít Đức bằng đánh phe quốc gia thân Tây Phương, trong đó có cộng đồng người Chetniks (1) mà lãnh tụ là nhà ái quốc chống cộng Mihaelovic (ông này sau khi cộng sản toàn thắng ở NamTư đã không tìm cách trốn ra ngoại quốc, nhưng quyết ở lại để tìm cách quy tụ người Serb chống cộng đến cùng, dù ông có rất nhiều cơ hội "di tản"). Ông bị bắt sống trong rừng, hơn một năm sau bị kết tội phản quốc và xử tử ngày 17- 7- 1947. (2)

Bà Nora Beloff khẳng định Ti Tô không phải là nhà ái quốc. Ông ta luôn luôn đặt quyền lực và chủ nghĩa cộng sản bên trên tổ quốc. Bà cũng chê Churchill và Roosevelt là ngây thơ và dễ tin khi xử trí với Ti Tô. Bà nhận định Ti Tô theo đúng con đường của Stalin là độc đảng, độc tài, diệt đối lập, kể cả đồng chí như Djilas chẳng hạn, tuy ở mức độ thấp hơn. Bà nhắc lại câu nói của Stalin khen tặng Ti Tô sau thế chiến II về sự tàn bạo của ông này đối với phe đối lập (không CS): *"Ti Tô là ngọn tháp của sức mạnh. Ông ta đã quét sạch bọn chúng."* (3) Thái độ của tác giả trong tác phẩm là sự buồn phiền chứ không phải sự giận dữ. Bà chỉ muốn người ta đừng nhìn Nam Tư qua kính hồng, và nên ủng hộ những ý kiến tiến bộ đang nảy nở trên đất nước này.

Về chính sách tàn bạo của Ti Tô được mô tả trong cuốn "Ti Tô" (4), Milovan Djilas có nói nhiều về trại tập trung nổi tiếng ở Goli Otok trong đó chỉ nguyên số đảng viên bị giam giữ vì nghi ngờ phản đảng hay có khuynh hướng thân Liên xô, còn luyến tiếc "Phòng thông Tin Quốc Tế" đã có khoảng 15, 000 người. Họ bị hành hạ tra tấn, có khi bị dúi đầu vào đống phân, và hầu hết khi được thả không còn hình dạng người nữa.

Về nền độc tài và sự đàn áp đối lập thì ông Hồ còn hơn Ti- Tô một bậc. Có điều ông Hồ, người Á Đông, kín đáo và thâm hiểm hơn thôi. Cứ xét việc ông để cho đàn em tàn sát các nhà ái quốc, các nhà cách mạng không cộng sản trong những năm ông mới lên cầm quyền, và việc ông tàn sát nông dân trong cải cách ruộng đất, thanh trừng nội bộ đảng trong các chiến dịch chỉnh đảng, chỉnh đốn tổ chức và trong vụ án gọi là xét lại chống đảng sau này thì đủ rõ. Chúng tôi không nhắc lại chi tiết các vụ việc này, vì hầu hết chúng ta đều đã biết.

Về chuyện đàn bà, con gái, vợ con của hai người cũng có những chỗ giống nhau và khác nhau. Ti –Tô được Milovan Djilas mô tả là rất đẹp trai và có số đào hoa. Những bà vợ và tình nhân của ông toàn là những người "đẹp một cách lạ lùng" tất cả đều kém ông cả chục tuổi. Người vợ đầu tiên kém ông chín tuổi; bà vợ thứ hai kém ông 12 tuổi, và bà vợ thứ năm và cuối cùng kém ông 31 tuổi. Tất cả đều không được sống trọn đời với ông. Ngay bà Jovanka Budisavljevic' duyên dáng, đẹp tuyệt vời, kém ông 31 tuổi, từng để nhiều năm săn sóc mọi thứ cho ông với tư cách nội trợ, trợ lý, thư ký, bảo vệ... trước khi thành hôn, cũng bị ông ruồng rẫy vào lúc ông đã ngoài 80 tuổi, để rồi không ai dám nhắc tới tên bà nữa. Milovan Djilas là người rất thân với Ti-Tô khi chưa ly khai và chưa bị Ti-Tô bỏ tù hai lần tổng cộng hơn chín năm, nên biết rất nhiều về những liên hệ gia đình của Ti-Tô; ông kể rằng khi Ti-Tô bị bệnh thập tử nhất sinh, bác sĩ "ngự y" đã tâm sự với ông là nếu không có Jovanka (lúc ấy còn vài năm nữa mới thành hôn với Ti-Tô) và một *bà phước (5)* ở bên cạnh để săn sóc cho bệnh nhân (Ti Tô), thì ông ta đã không dám tiến hành cuộc giải phẫu cho Ti-Tô. Nói thế đủ hiểu bà này yêu Ti-Tô đến độ nào và tận tụy với nhiệm vụ như một bà phước ra sao. Thế mà chẳng những Ti- Tô ruồng rẫy bà ta vào những năm cuối đời như đã nói trên, mà ngay khi mới lấy nhau, cũng chẳng được Ti Tô đối xử một cách xứng đáng. Djilas đã viết về cuộc hôn nhân này như sau: *"Cuộc hôn phối thật bất hạnh và tàn phá, đặc biệt là đối với Jovanka. Bà không có cuộc sống riêng bên ngoài*

nhóm cận thần của Ti- Tô và công việc tẻ nhạt thường ngày theo nhiệm vụ của bà. Nhiều buổi tối khi chúng tôi đến thăm Ti Tô, chúng tôi đã thấy bà phải ngồi ở lối đi của sảnh đường để canh chừng cùng với đoàn hộ tống của chồng cho đến khi Ti Tô đi ngủ. Trong hoàn cảnh đó, sự thèm muốn và đố ky, sự ngờ vực từ phía những người chung quanh là điều không thể tránh. Sự thân mật giữa bà với Ti Tô sẽ có thể bị giải thích bằng nhiều cách khác nhau bất lợi, và bất công cho bà, như: hám danh, bợ đỡ, hai lòng, đa dâm, lợi dụng sự cô đơn của Ti Tô, tham lam. Đôi khi nhân viên an ninh, vì ác tâm hoặc nghi ngờ đã bắt bà phải ăn thử trước những món ăn mà bà nấu cho chồng với tất cả tình yêu của mình." (SĐD tr. 144- 145)

Bà vợ thứ hai tên Harta Hass, kém Ti Tô 12 tuổi, có một sắc đẹp quý phái trưởng giả cũng bị ông ruồng rẫy để lấy bà thứ ba là Zdenka mà Djilas bảo là đẹp một cách nổi bật (strikingly beautiful). Harta đã khóc nức nở trên vai của tác giả khi nghe tin Ti-Tô bỏ bà để gắn bó với Zdenka.

Về điểm này người cộng sản Việt Nam Hồ Chí Minh cũng chẳng thua kém người cộng sản Nam Tư Ti- Tô bao nhiêu. Tăng Tuyết Minh cũng rất chung tình, cũng là cô đỡ đảm đang, chăm lo cho chồng. Nhưng cũng chỉ được ở với chồng ít ngày. Sau khi Hồ thành công, leo lên ghế chủ tịch nhà nước thì ông không còn nhớ tới cô nữa, mặc dù nhiều lần cô gửi thư, nhờ cả tòa đại sứ VC ở Bắc Kinh, và các nhà lãnh đạo Trung Quốc can thiệp. Rồi Nguyễn (hay Nông?) Thị Xuân cũng rất đẹp, rất trẻ, kém Hồ trên 40 tuổi đã có con với Hồ tên Nguyễn Tất Trung (6), đã bị sát hại ra sao, và đã bị bỏ quên ra sao, ngày nay ai cũng đã biết.

Tuy nhiên có một điều khác biệt rất quan trọng giữa hai người đó là Ti-Tô xử sự tương đối công khai hơn, và không giả đạo đức. Còn Hồ Chí Minh thì luôn luôn lén lút. Đảng của ông ta cũng tìm mọi cách che giấu cho ông những chuyện tình lăng nhăng, tính ra có trên nửa tá, còn nhiều hơn cả Ti- Tô. Họ che giấu, và dĩ nhiên theo lệnh của ông Hồ, hay ít ra ông Hồ cũng làm ngơ để họ che giấu giùm, mục đích cốt tạo nên một thần tượng, một huyền thoại rằng "bác" hy sinh cả cuộc đời cho cách mạng giải phóng dân tộc, không màng đến tình cảm cho riêng mình... Cái tham vọng làm thần tượng đã đẩy "bác" và đảng vào chỗ phải ăn gian nói dối và tàn ác dã man.

Về nhà ở. Rất nhiều người đều biết nhà độc tài Nam Tư rất thích ở nhà đẹp và sang trọng. Chỗ ở của ông phần nhiều là những lâu đài vua chúa thời xưa. Ông còn bỏ công quỹ xây dựng thêm một tư dinh vĩ đại theo kiểu tối tân cho ông. Còn ông Hồ thì không dám ở phủ toàn quyền cũ, hay tòa khâm sứ, mà lại cho làm một ngôi nhà gỗ bên cạnh để ở cho có vẻ "thường dân" như dân chúng. Về cái nhà này thì Hoàng Quốc Kỳ cũng đã bình luận châm biếm, mỉa mai trong cuốn "Ma Đầu Hồ Chí Minh" để cho người đọc thấy sự giả dối nhắm mục đích tuyên truyền một cách hơi vụng về. Nhưng dầu sao thì cũng phải nhận là ông Hồ không có cái thú ở nhà sang như Ti- Tô.

Sau khi đã nói qua về một vài điều giống nhau và khác nhau giữa ông Hồ và Ti Tô, chúng tôi mời bạn đọc đi vào điểm chính: Hồ Chí Minh có thể trở thành Ti Tô không? Nghĩa là có thể bỏ Liên Xô, cưỡng lại Liên xô, làm sai các chỉ thị của Liên xô như Ti Tô không?

Trước hết xin hãy xem Robert Shaplen, người khẳng định điều đó hơn ai hết và trước tất cả mọi người. Trong cuốn ***"The Lost Revolution"*** trang 28 ông vừa quả quyết như vậy, thì đến trang 53 ông đã viết rằng ông Hồ phải theo Trung cộng chống Ti Tô, và để cho đài phát thanh của ông ta ở trong rừng kịch liệt đả kích, nguyền rủa Ti Tô, vì ông này "phản Liên Xô, đi với Mỹ để lấy đô la."

P.J.Honey trong *"Cộng Sản Bắc Việt"* cũng nói về việc ông Hồ để cho đàn em đả kích Ti Tô ra sao trên các cơ quan ngôn luận của họ ở Hànội. (7)

Nhà báo Thành Tín, trong cuốn ***"Việt Nam la face cachée du régime"*** trang 72 cũng viết rằng năm 1950 ông Hồ đã theo đường lối của Liên Xô viết bài "đả kích thống chế Ti Tô mà ông ta tố cáo là phản động."

Trong cuốn ***tiểu sử Ti Tô*** do Simon and Schuster, NY, xuất bản năm 1953 (8), tác giả Vladimir Dedijer cho biết: Đầu năm 1950 Hồ Chí Minh yêu cầu Ti Tô nhìn nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa... Ngày 22-2-1950 báo chí Nam Tư công bố về sự nhìn nhận đó. "Vậy mà chỉ vài ngày sau, các đài phát thanh của Hồ điên cuồng đả kích Nam Tư. Tại đây người ta cho rằng có lẽ chính phủ Hồ Chí Minh đã theo lệnh Liên Xô, công khai yêu cầu Nam Tư công nhận, để đặt Nam Tư vào tình huống khó khăn trong bang giao với Pháp và Mỹ; và khi Nam Tư đã tuyên bố sẵn sàng lập bang giao với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thì cuộc tấn công trên radio của Hà Nội bắt đầu! Thái độ vô nguyên tắc này đã để lại hậu quả tiêu cực nhất đối với nhân dân Nam Tư."

Cái làm cho Ti Tô trở thành nổi tiếng là "Ti

Tô", chính là dám tách ra khỏi Liên Xô. Vậy mà ông Hồ lại chống đối, nguyền rủa, đả kích Ti Tô chỉ vì chuyện này và vì phải theo lệnh của Bắc Kinh. Như vậy thì làm sao ông Hồ lại có thể dám cưỡng lại Bắc Kinh (lúc ấy còn tôn thờ Stalin) và dám thoát ra ngoài vòng ảnh hưởng của Liên Xô?

Cứ theo mấy điều kể trên thì cũng thấy ngay là ông Hồ, luôn theo lệnh của Liên Xô, không bao giờ dám làm như Ti Tô. Nhưng cứ giả sử rằng ông ta dám tách khỏi Liên Xô và khối cộng như Ti Tô đi chăng nữa thì sẽ có lợi gì cho nhân dân Việt Nam? Có thể chỉ có lợi cho Mỹ, là tránh được chiến tranh với VC. Còn nhân dân Việt Nam thì vẫn phải chịu sống dưới một chế độ độc tài sắt máu của chủ nghĩa cộng sản. Vì ông Hồ và đồng đảng, cũng giống như Ti Tô và *"Liên đoàn những người cộng sản Nam Tư" (9)* luôn luôn vẫn theo chủ nghĩa cộng sản, vẫn áp dụng chế độ độc đảng, vẫn tàn sát phe đối lập như ta thấy.

Chúng tôi vừa nói "*có thể* chỉ có lợi cho Mỹ." Nhưng không có gì chắc cả. Vì với tính tình gian xảo, lại được đào luyện cẩn thận trong lò Stalin (10), và bị bao vây bởi hàng tá đàn em vốn cũng được đào tạo tại cùng một lò và luôn thi đua trung thành với Stalin, liệu khi được Mỹ giúp đưa lên nắm quyền tại Việt Nam mà không cần chiến đấu với Pháp, ông ta có trung thành được với người bạn Mỹ để chống lại Liên Xô không? Hay ông sẽ lợi dụng ưu thế lúc ấy để củng cố thêm quyền hành, thiết lập một chế độ độc tài sắt máu, hòng lấy đó làm bàn đạp tấn công các nước láng giềng, làm "nhiệm vụ quốc tế," giúp cho Liên Xô thôn tính luôn cả vùng Đông Nam Á, hòng tiến tới mục đích tối hậu của Cộng Sản là tiêu diệt tư bản, đứng đầu là Mỹ? Và như thế cuộc chiến Việt Nam có thể sẽ biến thành cuộc chiến toàn cầu gây chết chóc nhiều hơn nữa cho nhân Việt Nam cũng như nhân dân nhiều nước khác trên thế giới.

Luận điểm này, lúc ấy – những năm 40, 50— có thể các sử gia và nhà báo thiên cộng hoặc thiếu hiểu biết do thông tin một chiều từ Bắc Việt — khó chấp nhận vì không nhìn ra. Nhưng ngày nay, nhìn lại những gì đã xảy ra cho Liên Xô và khối Đông Âu, cũng như những gì đã xảy ra cho dân Việt Nam sau chiến thắng 30 tháng 4,1975, thì những vị đó, nếu có thiện chí và lương tâm chức nghiệp chắc phải xét lại lập trường của mình.

Tổng thống thống chế Josip Broz Ti Tô — từng tự phong tổng thống mãn đời — đã để lại cho Nam Tư một gia sản ra sao sau khi khối Đông Âu tan tành và Liên Bang Xã Hội Chủ Nghĩa Nam Tư bị xé nát với cuộc nội chiến đẫm máu vào những năm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21, ngày nay ai cũng đã thấy. Cũng chẳng kém, chủ tịch, "bác" Hồ Chí Minh cùng với đồ đệ sau khi chiếm được miền Nam đã cải danh nước thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho đến giờ phút này, tuy nước chưa tan rã – mặc dù có sự cắt xét dâng hiến cho đàn anh vĩ đại Phương Bắc— và chế độ chưa cáo chung như các nước Đông Âu, kể cả Nam Tư, nhưng một viễn tượng tan rã thê thảm đang ở trước mặt, với không biết bao nhiêu tệ nạn về mọi mặt môi sinh, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đạo lý... đến nỗi người ta chỉ còn biết tự hỏi, làm sao một chế độ như thế vẫn còn tồn tại. Thiển nghĩ, câu trả lời nằm ở ý chí và nhận thức của người dân trong cũng như ngoài nước hơn là ở thời cuộc trong nước và tình hình chính trị thế giới.

Jan. 8- 2003

Chú Thích

(*) Theo tài liệu chính thức đã ghi vào sử sách thì ông Hồ sinh năm 1890. Chúng tôi ghi năm sinh của ông Hồ là 1891, là dựa vào những tài liệu khả tín khác, nói ông Hồ tuổi con Mèo (Tân Mão, 1891).

(1) Thuộc chủng tộc Serb, trong khi Ti Tô người gốc Croat.

(2) Thực ra trong thế chiến II, có lúc quân đội "Chetniks" (thuộc sắc dân Serbia) của Mihaelovic bị cộng quân tấn công tàn sát dữ quá, đã tạm tìm sự che chở của quân Đức, nhưng vẫn được quân Anh kháng Đức tiếp tế, yểm trợ.

(3) Theo Milovan Djilas trong cuốn tiểu sử "Ti To" thì Stalin đã nói câu này trong khi khiển trách phái đoàn Balan về sự do dự yếu kém của cộng đảng Balan đối với phe đối lập. Một nhà ngoại giao rất trẻ thuộc đảng CS Balan đã kể chuyện này cho tác giả nghe khi ngồi trên xe với ông. (SĐD trang 39)

(4) Được dịch ra Anh ngữ và xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1980, trang 71- 91

(5) Tôi nhấn mạnh, vì Djilas nói rõ bác sĩ Lavric là cộng sản, dĩ nhiên vô thần, mà lại đòi phải có mặt nữ tu này mới dám giải phẫu, vì bệnh quá nguy kịch khó sống sót.

(6) Được đổi thành Vũ Tất Trung và giao cho ông Vũ Kỳ là bí thư của ông Hồ nuôi để giấu kín.

(7) Tác giả đã trưng dẫn nhật báo Nhân Dân, Hà Nội các ngày 23- 4, 5- 5, và 8- 5, năm 1958 để làm bằng.

(8) Trang 435- 436

(9) Danh xưng của cộng đảng Nam Tư kể từ sau đại hội 6 của đảng này vào năm 1952, 4 năm sau khi ly khai khỏi khối CS Liên Xô.

(10) Gọi *"lò Stalin"* cũng có lý do của nó: Đó là trường *"công nhân Đông Phương"* thường được gọi là trường Stalin, vì do chính Stalin lập, nhằm rèn luyện, tôi luyện hay rèn đúc những cán bộ cộng sản cho chiến trường Phương Đông.

TRẦN VĂN GIÀU
Nhà Giáo Nhân Dân??

TRẦN NGUƠN PHIÊU

Trần Văn Giàu, một nhân vật chủ chốt trong thời Việt Minh dành được chánh quyền ở Nam Bộ vào ngày 25 tháng 8 năm 1945, đã tự phong chức Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nàm Bộ. Mười ngày sau đó, Hồ Chí Minh đã phái Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh từ Bắc vào, buộc Trần Văn Giàu phải nới rộng thành phần Lâm Ủy Hành Chánh thành Ủy Ban Nhân dân Nam Bộ và phải nhường chức chủ tịch cho Phạm Văn Bạch, một nhân vật không đảng phái vào thời bấy giờ. Sau đó không lâu, Trần Văn Giàu đã bị Hồ Chí Minh triệu hồi về Bắc để phụ trách nghành giáo dục, không cho phép trở về Nam công tác cho mãi đến năm 1975. Vào năm 1992, Trần Văn Giàu đã được chánh quyền Cộng sản Việt Nam phong tặng danh hiệu "Nhà Giáo Nhân dân."

Người Việt Nam đã từng hấp thụ văn hóa Khổng Mạnh từ ngàn xưa nên lúc nào cũng kính trọng các bậc Thầy của mình. Đạo Khổng há chẳng đã dạy phải xem Thầy trên cả Cha hay sao (Quân, Sư, Phụ). Các tiền nhân mà lịch sử Việt Nam ghi công, được nhìn nhận vào bậc Thầy như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Đồ Chiểu v. v...là những người được dân chúng mến phục chẳng những vì tài ba lỗi lạc mà cũng vì đức độ sáng chói. Chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa đã muốn dân chúng cùng tôn vinh với họ, coi Trần Văn Giàu là "nhà giáo nhân dân" của lịch sử hiện đại. Với những kinh nghiệm đau thương mà đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt toàn dân gánh chịu trong quá khứ, trong thâm tâm, chúng ta lúc nào cũng thấy vẫn phải nghi ngờ những gì đảng chủ trương đề cao.

Trần Văn Giàu đã có một thời sáng giá ở miền Nam vào thập niên 1940. Nhưng đối với các thế hệ trẻ hiện nay, và cả đến một số đông đồng bào miền Bắc, ta có thể ước đoán là chỉ một số ít người được biết rõ về Trần Văn Giàu. Vì vậy nên người viết bài thấy cần phải nhắc đến thân thế và sự nghiệp của Giàu để chúng ta có thể xét nghiệm tài ba và nhân cách của người được Đảng đề cao là "nhà giáo nhân dân."

Trần Văn Giàu thuộc một gia đình trung lưu, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1911 ở xã An Lạc Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tân An. Tân An tức Long An ngày nay là một tỉnh nhỏ trong Nam, ở ven biên Đồng Tháp Mười. Gia đình Trần Văn Giàu có nhiều người tham gia chống Pháp trong phong trào Khởi nghĩa Thủ Khoa Huân. Lúc nhỏ, Trần Văn Giàu theo học trường tiểu học Tầm Vu. Năm 1925, lúc được 15 tuổi thì Giàu theo học trường trung học Chasseloup Laubat. Đây là thời khoảng ông Nguyễn An Ninh trở về miền Nam sau thời gian du học ở Pháp. Nguyễn An Ninh đã tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết ở Sài Gòn, phát hành báo La Cloche Félée (Chuông Rè), vận động thanh niên nên thức tỉnh trước tình hình đất nước, tập hợp những người yêu nước ở cả thành thị và nông thôn vào một mạng lưới cốt cán, chuẩn bị thành lập "Đảng Thanh Niên Cao Vọng." Trường Chasseloup Laubat, tuy là một trung học cho phần đông con nhà giàu nhưng những vận động sôi nổi của Nguyễn An Ninh cũng đã làm thức tỉnh tâm trạng yêu nước của nhiều học sinh trẻ. Những sinh viên đầy nhiệt huyết này đã bí mật tập hợp thành đảng "Jeune Annam" và tên tuổi họ về sau đã thấy gắn liền với các phong trào cách mạng ở miền Nam: Tạ Thu Thâu, Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Văn Số, Bùi Công Trừng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Ngọc Danh v.v... Nguyễn An Ninh vào thời buổi đó dự định tổ chức một cuộc diễn thuyết lớn ở Vườn Xoài, Sài Gòn nhưng việc không thành vì thực dân ra tay bắt Ninh một ngày trước buổi ra mắt. Cũng vào thời gian đó, Bùi Quang Chiêu trong đảng Lập Hiến từ Pháp trở về lại Việt Nam. Thực dân Pháp đã đe dọa hành hung phản đối Bùi Quang Chiêu về việc ông chủ trương tranh đấu cho Việt Nam được độc lập trong một thể chế Lập Hiến. Nhóm Jeune Annam do Tạ Thu Thâu cầm đầu đã tổ chức đón Bùi Quang Chiêu ở bến tàu Nhà Rồng để bảo vệ

Chiêu. Nhân dịp đón rước này, nhóm Jeune Annam cùng dân chúng tham dự cuộc đón rước cũng đã hô hào yêu cầu thực dân Pháp phải thả Nguyễn An Ninh. Trong cuộc biểu tình này không biết Trần Văn Giàu có tham dự không, nhưng đến phong trào dân chúng và sinh viên học sinh các trường biểu tình đưa đám tang ông Phan Châu Trinh năm 1926 thì Giàu có tham gia với các nhóm đàn anh của trường nhưng sau đó, Giàu đã may mắn không bị đuổi khỏi trường.

Việc Trần Văn Giàu được đi học ở trường Chasseloup Laubat và tham dự cuộc bãi khóa nhân dịp đám tang cụ Phan Châu Trinh là do chính Trần Văn Giàu kể lại dưới nhan đề "Dạy người chính là dạy mình," đăng trong "*Nửa thế kỷ những gương mặt nhà giáo,*" Nhà xuất bản Giáo Dục-1995. Trong một tài liệu khác mà người viết bài hiện đang nắm giữ về sự liên hệ giữa Trần Văn Giàu và Tạ Thu Thâu, thì Trần Văn Giàu lại theo học trung học ở một trường tư thục tên Nguyễn Xích Hồng, trên con đường từ Bà Chiểu sang Phú Nhuận. Giàu lại đi học với cái tên mượn tạm (Vì các khó khăn về tuổi tác hay gì một lý do nào khác, nên phải mượn khai sinh đi học?) là Nguyễn Ngọc Minh. Tạ Thu Thâu dạy Pháp văn ở trường tư thục này và vì thấy Nguyễn Ngọc Minh thông minh, lanh lợi, nên để ý thương yêu và giúp đỡ.

Năm 1928, Trần Văn Giàu được cha mẹ chấp thuận cho sang Pháp học nhưng bắt buộc Giàu phải đi làm đám hỏi vợ trước khi được đồng ý cho đi Tây. Giàu đáp chuyến tàu *Cap St Jacques* qua Marseille và theo học lớp Đệ nhất (Première) năm 1928-1929 ở Lycée Toulouse, miền Nam nước Pháp. Giàu đậu Tú Tài phần I năm 1929 và năm sau, học Tú Tài phần II, ban Triết. Vào thời đó phần đông một số sinh viên Việt Nam, ngoài Paris, thường hay chọn các tỉnh ở miền Nam như Montpellier, Aix en Provence, Toulouse..., có lẽ vì khí hậu ấm áp hơn là miền Bắc. Những nhà cách mạng có tiếng tăm sau này ở miền Nam thường đều là các sinh viên đã theo học ở Toulouse như Trần Văn Thạch, Phan văn Hùm v.v... Tạ Thu Thâu thường hay ghé qua Toulouse vì ở đây có một chi bộ của đảng P.A.I. Đảng P.A.I.(Parti Annamite de l'Indépendance tức Việt Nam Độc Lập Đảng) do Nguyễn Thế Truyền thành lập. Vì đến lúc phải trở về nước nên Nguyễn Thế Truyền đã giao lại cho Thâu lãnh đạo đảng P.A.I.

Tại Toulouse, Tạ Thu Thâu vui mừng gặp lại được học trò cũ Nguyễn Ngọc Minh với cái tên mới là Trần Văn Giàu. Thâu đã đối đãi hết lòng với Trần Văn Giàu, coi Giàu như em út vì nhân thấy Giàu khi đi dự hội sinh viên đã thao thao cải rất hăng, lỗi lạc hơn cả các bậc đàn anh đang học cỡ cử nhân. Giai đoạn này đã được nhà văn Huân Phong nêu nhiều chi tiết trong tuần báo *Hòa Đồng* của Hồ Hữu Tường. Thâu đem nhiều sách hay để hướng dẫn Trần Văn Giàu. Nhiều người đã cho là Thâu đang nuôi dưỡng để thâu nạp Giàu làm đệ tử ruột của mình sau này. Các sinh viên Việt vào thuở đó hay tụ tập ăn uống ở một quán ăn có tên Le Coq Hardi (Con Gà Trống Dạn Dĩ). Chủ quán là một phụ nữ Pháp đảng viên Cộng sản nên đã biết hầu hết các sinh viên Việt Nam du học đến ăn ở quán này. Việc Tạ Thu Thâu chăm sóc đối đãi với Giàu, coi Giàu như em út, bà chủ quán cũng đã biết. Người viết bài có may mắn gặp lại bà chủ quán khi đi du học vào năm 1950. Khi được cho biết là năm 1945, Trần Văn Giàu đã chỉ thị cho người xử tử Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, bà đã đưa hai tay lên trời và than: "Thật là chuyện không thể tưởng tượng!" Cái quán lịch sử này hiện nay vẫn còn hoạt động ở số 6 đường Challande, gần Đại học Luật và Văn Khoa Toulouse nhưng do một chủ nhân khác quản lý.

Vào thời khoảng này, ngày 10 tháng 2 năm 1930, cuộc bạo động Yên Bái do Nguyễn Thái Học và các đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức đã bị thất bại và thực dân Pháp đã đàn áp trong máu lửa những người tham gia cuộc khởi nghĩa. Tuy thất bại nhưng đây là một tiếng bom làm thức tỉnh quần chúng Việt Nam và đã vang dội đến cả Âu Châu. Thực dân đã lên án tử hình 13 liệt sĩ anh hùng Yên Bái.

Một phong trào yểm trợ, làm áp lực trong dư luận Pháp để xin giảm án tử hình cho 13 liệt sĩ Yên Bái bằng bích chương, truyền đơn, khẩu hiệu đã được sinh viên và kiều bào Việt Nam tại Pháp tổ chức rầm rộ nhưng chưa thấy được kết quả. Để đánh mạnh vào dư luận quần chúng Pháp, Tạ Thu Thâu đã tập hợp được một nhóm người để tổ chức một cuộc biểu tình trước Điện Élysée là dinh Tổng Thống Pháp. Điện tín gửi mời sinh viên Việt Nam các tỉnh tụ họp về Paris một ngày trước cuộc biểu tình đã được đáp ứng trong đó gồm có: Trần Quốc Mại Đại diện sinh viên Marseille, Nguyễn Văn Chi ở Lyon, Nguyễn Anh Bồn ở Bordeaux. Toulouse có Nguyễn Văn Quan và Trần Văn Giàu tham dự. Để lôi kéo thêm các đoàn thể bạn tham gia cuộc biểu tình, Tạ Thu Thâu và các

bạn xu hướng quốc gia như Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Hình Thái Thông... mời họ đến tụ họp ở Tổng hội Sinh viên Đông Dương A.G.E.I. (Association Générale des Étudiants Indochinois), trổ tài hùng biện lôi kéo họ lên taxi đến nơi biểu tình. Tháng 8 năm 2000, người viết bài có dịp đi Pháp nên đến thăm bà Tạ Thu Thâu, cư ngụ ở St Germain en Laye, ngoại ô Paris. Năm đó bà đã trên 95 tuổi, vẫn còn sáng suốt và bà đã hùng hồn thuật lại vai trò "thủ thành" của Bà ở hội quán AGEI để làm địa điểm liên lạc cho cuộc biểu tình.

Cuộc biểu tình rất đông đã lôi cuốn cả nhiều người Pháp tham gia nhưng cuối cùng cũng bị giải tán. Một số sinh viên bị bắt nhốt ở khám Santé, nhưng sau đó thay vì đem ra xét xử, Pháp lại chủ trương trục xuất họ trở về Việt Nam. Ngày 24 tháng 6 năm 1930, ở bến Marseille, chiếc tàu *Athos II* đã đưa về nước 19 sinh viên thuộc nhiều xu hướng chánh trị: 1. Tạ Thu Thâu - 2. Ngô Quang Huy - 3. Lê Bá Cang - 4. Trần Văn Chiêu - 5. Trần Văn Đởm - 6. Huỳnh Văn Phương - 7. Phan Văn Chánh - 8. Hồ Văn Ngà - 9. Trần Văn Tự - 10. Lê Thiết Tự - 11. Đặng Bá Lân - 12. Trần Văn Giàu - 13. Nguyễn Văn Tạo - 14. Đặng Tấn Phát - 15. Vũ Liên - 16. Nguyễn Văn Tân - 17. Trịnh Văn Phú - 18. Trương Duy Tạm - 19. Trương Duy Đạm.

Khi cuộc Kháng chiến Nam Bộ khởi đầu vào mùa thu năm 1945, trong số 19 người được trả về nước trên chuyến tàu *Athos II*, Trần Văn Giàu đã ra lịnh thủ tiêu 4 nhà ái quốc : Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan văn Chánh, Hồ Văn Ngà!

Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường, sau cuộc biểu tình trước Điện Élysée, đã được các đồng chí Pháp đưa đi lánh nạn ở Bỉ nên tránh khỏi bị trục xuất.

Trong số 19 người bị trục xuất về nước, Trần Văn Giàu là trẻ nhất, lúc ấy mới vừa 19 tuổi. Lúc ở Toulouse, một thành phố có tiếng là có nhiều nhà chánh trị khuynh tả, Trần Văn Giàu lãnh trách nhiệm dịch ra tiếng Việt các bài của Cộng sản Pháp để đăng trên tờ *Cờ Đỏ*, một tờ báo bí mật lưu hành trong giới các binh sĩ Việt Nam bị đưa sang Pháp. Do đó Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 5 năm 1929. Trở về Việt Nam, Giàu chánh thức lập gia đình và lãnh dạy học ở trường trung học Huỳnh Công Phát ở Quận Nhứt Sài Gòn, do Hoàng Minh Giám làm hiệu trưởng. Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và Xứ ủy Nam Kỳ giao cho Giàu làm giảng viên cho một lớp T.K. (Thanh niên Cộng sản). Lớp huấn luyện này bị mật thám phát giác, bao vây nhưng Giàu thoát được nên từ đó phải hoạt động trong vòng bí mật.

Qua năm sau, đầu năm 1931, cơ sở đảng ở Sài Gòn tan vỡ qua các cuộc khủng bố, vây bắt của thực dân. Trần Văn Giàu xin xứ ủy viên Ung Văn Khiêm cho được xuất dương du học một lần nữa. Giàu bí mật rời Sài Gòn sang Pháp cũng lại đi trên chiếc tàu *Cap St Jacques*. Chuyến đi trót lọt vì Giàu vốn đã có làm quen với nhiều thủy thủ của tàu trong chuyến đi trước. Qua được Pháp, nhờ Nguyễn Văn Tạo giới thiệu nên Giàu được đưa qua Liên Xô, theo học trường Đại học Phương Đông ở Moscou. Luận án tốt nghiệp ra trường của Giàu có tên "Vấn đề ruộng đất ở Đông Dương."

Năm 1933, Giàu trở về Pháp, đáp tàu Hòa Lan đi Singapore và từ đây, bí mật trở về Sài Gòn trên chuyến tàu *Félix Roussel* của Pháp. Cơ sở đảng Cộng sản ở miền Nam lúc ấy hầu như bị tan vỡ hết. Giàu có công gầy dựng lại Xứ bộ Nam Kỳ và phát hành tờ báo bí mật *Cờ Đỏ* và cơ sở *Cộng sản Tùng thơ*. Cuối năm 1933, Giàu bị bắt ở Bà Hom (Bình Trị Đông) và bị kết án năm năm tù treo vì không đủ yếu tố buộc tội. Đến tháng 4 năm 1935, sau khi dự Đại hội ở Macao trở về, Giàu lại bị bắt cùng một số người khác và lần này bị kết án năm năm đày đi Côn Đảo. Tháng 5 năm 1940, mãn hạn tù Côn Đảo, Giàu trở về đất liền chỉ được chín ngày thì lại bị bắt trở lại vì dư âm bối cảnh cuộc Nam Kỳ Khởi Nghĩa và vì chiến tranh ở Âu Châu đã bùng nổ nên thực dân Pháp chủ trương phải bắt an trí hầu như tất cả các nhà cách mạng Việt Nam. Giàu bị cầm tù ở căng Tà Lài (Bà Rá). Giữa năm 1941, xảy ra cuộc "vượt ngục" Tà Lài. Giới cách mạng bị giam ở Bà Rá lúc bấy giờ vẫn đồn đại về việc này như một bố trí của Pháp để thành lập những bộ phận giúp đánh đuổi quân Nhật. Tháng 10 năm 1943, trong hội nghị xứ ủy mới thành lập trở lại ở Chợ Gạo (Tân An), Giàu được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ. Trong thời gian này, việc Giàu liên lạc với giới "Pháp mới" đã được chính bộ hạ thân tín của Giàu là Nguyễn Văn Trấn thuật lại trong quyển *"Viết cho Mẹ và Quốc Hội"* (nxb Văn Nghệ, năm 1995, trang 106):

"Tôi đi. Theo lời nói là đi gặp mấy thằng Tây "de la Resistance" (Tây kháng chiến, lời dịch của người viết bài).....

Tôi gặp được ai. Nhà ở số 19 đường Jean

Duclos. Tôi vừa đi vào thì thấy Sáu ngồi gần cửa. Bên tay trái của anh Sáu là chủ nhà. Một thằng Tây quen: Sauterey thơ ký của bộ phận SFIO (Section francaise de l'Internationale ouvrière) là Đảng Xã hội ở Sài Gòn. Bên phải của ông Sáu...! Trời ơi, nó là thằng Duchêne, thanh tra chánh trị của bót lính kín Catinat. Tôi lần lượt bắt tay hai thằng Tây, và ngồi xuống ghế trống.

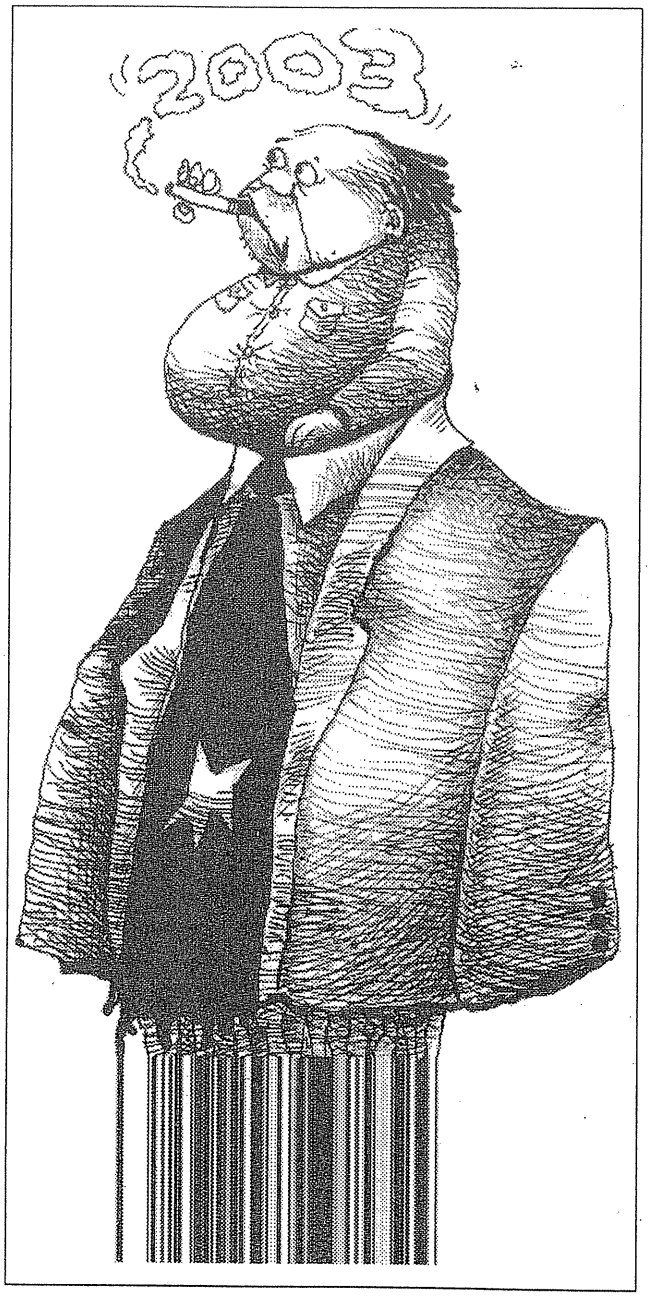

Thằng Duchêne hình như thấy tôi có gì lúng túng bèn nói với tôi:

-Bấy lâu tụi nó tìm chẳng thấy anh. Và nay thì sự tìm bắt đối với anh tôi đã cắt rồi...."

Với bản tánh luôn luôn đa nghi của cán bộ Cộng sản, trước khi đồng ý đến gặp nhóm "Pháp Giải phóng" với Trần Văn Giàu (bí danh "Ông Sáu" trong câu chuyện kể trên), Nguyễn Văn Trấn đã khôn ngoan tìm cách hỏi trước ý kiến các anh lớn trong đảng đang bị còn bị thực dân xử biệt xứ: Nguyễn Văn Tạo ở Rạch Giá, Dương Bạch Mai ở Bà Rịa... thì đều ở xa Sài Gòn. Chỉ có Nguyễn Văn Nguyễn vì ở Gò Công gần hơn nên Trấn chọn đến đó để "kể chuyện ông Sáu biểu đi gặp Tây, và xin Nguyễn về sau hãy làm chứng cho 'khí tiết' của tôi." (*Viết cho Mẹ và Quốc hội*, sđd, trang 105).

Muốn cho chắc ăn, Nguyễn Văn Trấn một năm sau cũng tìm cách phân bua thêm với Thới, một đại diện đảng đến bắt lại liên lạc với Trấn. Đặc biệt là vì Thới, sau khi biết được việc Trấn đã từ đèo Blao gấp trở về Sài Gòn vì nghe được các tin vượt ngục Tà Lài, Bà Rá, cán bộ Thới lại đã phát biểu: "Cũng có vượt ngục và vượt ngục. Người ta có đặt vấn đề là do Tây thả!" Trấn đã tha thiết nói với Thới : "Năm ngoái tôi đã nói với anh Nguyễn, hôm nay tôi nói lại với anh. Xin anh vì kiếp sống chánh trị của tôi, và vì tình của tôi đối với mẹ, mà làm chứng cho tôi... Cuối năm ngoái, có lần tôi về Phú Lạc. Ông Sáu nói: Tối mai ta đi gặp mấy thằng Tây Kháng chiến." (*Viết cho Mẹ và Quốc hội*,sđd,trang 100). Trong thâm tâm, Nguyễn Văn Trấn vẫn thấy việc đi tiếp xúc với trùm mật thám Duchêne là việc không ổn: "Tin cái anh mật thám này, thì bằng tin bối Ba Cụm." ("Bối Ba Cụm," danh từ miền Nam để chỉ các tay trộm lành nghề ở Ba Cụm, Tân An, chuyên đánh cắp các ghe thương hồ, chuyên chở hàng hóa- Lời ghi thêm của người viết bài).

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945, các đảng phái ở miền Nam đã phục hồi hoạt động ráo riết. Ngay cả trước đó, không khí chính trị miền Nam đã bắt đầu sôi sục vì có các phong trào thanh niên thể thao của chánh quyền thực

dân Vichy, Pháp. Lợi dụng thời cơ này, các đoàn thể thanh niên đã kết đoàn theo lời kêu gọi của các sinh viên miền Nam "xếp bút nghiên" từ Hà Nội trở về Nam vì tình thế chiến tranh.

Trần Văn Giàu đã tìm cơ hội để tổ chức huấn luyện chính trị, lôi kéo giới thanh niên trí thức phần đông thuộc đảng Tân Dân Chủ do sinh viên Đặng Đức Hiền thành lập ở Hà Nội. Cơ sở lớp huấn luyện này được đặt ở nhà và văn phòng của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát ở 78-80 đường Mayer (Hiền Vương) ở Đakao. Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Trương Công Cán... đều có tham dự các lớp này và sau đã được kết nạp vào đảng Cộng sản của Giàu. Đây là lần đầu tiên Giàu mở lớp huấn luyện cho dân trí thức. Ngoài ra, Giàu cũng còn phụ trách một lớp huấn luyện cho Tạ Bá Tòng, một sinh viên gốc Triều Châu, ở Sóc Trăng. Ở Hà Nội, Tòng có sinh hoạt về Thanh niên Cứu Quốc của Lê Quang Đạo nên được Đạo giao phó về tổ chức trong Nam, nhưng được Trần Văn Giàu khuyên là nên tổ chức Tân Dân Chủ đoàn trước. Do đó Giàu đã dạy riêng một lớp chánh trị hơn trên 50 đoàn viên Dân chủ cho Tạ Bá Tòng, ở nhà riêng của dược sĩ Trần Kim Quang ở Thị Nghè. Tạ Bá Tòng sau đó đã rất đắc lực trong việc tổ chức Thanh Niên Tiền Phong miền Hậu Giang.

Trước đó Giàu có tiếng thường phụ trách huấn luyện chính trị cho các tù nhân bị thực dân bắt và Giàu được gán cho biệt danh là "giáo sư đỏ" trong tù . Việc ấy chứng tỏ là trong thời thực dân, chế độ nhà tù tuy ác nghiệt, khiến bao nhiêu người bị bắt đã phải chết trong tù, nhưng tù nhân vẫn còn có được cơ hội liên lạc, sinh sống với nhau, so sánh với chế độ biệt giam, gông cùm, vô cùng tàn bạo của các "trại học tập" Cộng sản sau ngày 30-4-1975!

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, thống đốc Nhật ở miền Nam là Minoda đã đồng ý cho tổ chức tụ họp thanh niên trong tổ chức Thanh niên Tiền phong, với ý đồ có thể lợi dụng phong trào này khi cần dùng đến nhân lực người Việt. Hồ Văn Ngà và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch được lãnh sự Nhật Iito giao cho phụ trách việc này và tổ chức Thanh niên Tiền phong đã phát triển rất mạnh mẽ trong giới thanh và tráng niên. Việc đoàn ngũ hóa nhanh chóng một phần lớn là do không khí phấn khởi của dân chúng sau khi thấy thực dân Pháp bị Nhật hất cẳng và chánh phủ Việt Nam đầu tiên Trần Trọng Kim được thành lập. Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiểng cũng đã hăng hái góp phần vào việc huy động phong trào thanh niên này. Trần Văn Giàu, trong bóng tối , đã nhận thức được tiềm lực nguồn nhân sự này nên đã móc nối Phạm Ngọc Thạch để lợi dụng phong trào.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Đồng Minh tuyên bố Nhật đầu hàng vô điều kiện. Ở Sài Gòn, ngày 21 tháng 8, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ, có hơn 200 ngàn người tham dự, tỏ ý chí toàn dân đoàn kết trước sự lăm le trở lại Việt Nam của thực dân Pháp. Mặc dầu trước đó, Việt Minh là một tổ chức chưa được dân chúng Nam Bộ nghe đến nhưng lợi dụng thế đứng của họ vì đã có cơ hội cộng tác với Đồng Minh, lập được các chiến khu ở Bắc Việt nên nay, khi Đồng Minh ở thế thắng trận, Việt Minh liền vội vã tung ra các thủ đoạn tuyên truyền để lung lạc ý chí của dân chúng đang bừng bừng quyết đứng lên bảo vệ nền nền độc lập vừa mới tương đối chiếm lại sau ngày Pháp bị Nhật đảo chánh. Phạm Ngọc Thạch, phụ trách tổ chức Thanh Niên Tiền Phong đã được Trần Văn Giàu móc nối từ lâu nên ngày 22 tháng 8, 1945, trong bầu không khí chính trị đầy phân vân ở Sài Gòn, khi Phạm Ngọc Thạch tuyên bố: "Thanh Niên Tiền Phong gia nhập Mặt trận Việt Minh," Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất của Hồ Văn Ngà kể như đã mất hơn phân nửa lực lượng.

Cuộc dành chánh quyền ở Nam Bộ và thành lập Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ do Trần Văn Giàu và các bộ hạ thân tín như Nguyễn Văn Trấn đã được thành công một phần lớn đều nhờ việc nắm được lực lượng Thanh Niên Tiền Phong. Trần Văn Giàu đã rất hãnh diện về việc này. Tháng 10 năm1989, khi Giàu có dịp trở lại Pháp, trong một cuộc nói chuyện có ghi băng giữa Giàu và các nhà cách mạng Việt Nam ở Pháp, Giàu đã tường thuật việc Giàu đề nghị cho TNTP dùng biểu hiệu cờ vàng sao đỏ, cách chào nhau bằng đưa bàn tay mở rộng ngang vai để về sau cờ được đổi thành cờ Việt Minh, sao vàng, nền đỏ; Việt Minh cũng sẽ chào nhau bằng cách đưa tay lên cao nhưng bàn tay nắm chặt lại thành quả đấm... Giàu thành công nhưng Hồ Chí Minh ở Bắc đã phải gởi ngay hai phái viên cấp tốc vào Nam: Hoàng Quốc Việt, đại diện Đảng và Cao Hồng Lãnh, đại diện Tổng bộ Việt Minh để chỉnh lại công việc của Giàu. Bắc bộ phủ lúc đó trách cứ là Giàu đã dựa vào các tổ chức thân Nhật để cướp chánh quyền, khác với chủ trương chống Nhật ở Bắc. Thanh niên Tiền phong cần phải được đổi thành

Thanh Niên Cứu Quốc. Trần Văn Giàu được chỉ thị phải mở rộng thành phần chánh phủ nên chỉ mười ngày sau khi thành lập Ủy ban Hành chánh Nam Bộ, Giàu không còn được giữ chức Chủ tịch mà phải nhường lại cho Phạm Văn Bạch làm chủ tịch Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, Giàu chỉ còn giữ chức Ủy viên Quân sự. Trong buổi hội ở Paris năm 1989, Trần Văn Giàu đã than thở: "Thế là tôi lại bị gán cho là đã thân Nhật!"

Kể từ ngày dành được chánh quyền ở Nam Bộ, danh Trần Văn Giàu mới được dân miền Nam biết đến. Trước đó trong thời gian tranh đấu chống Pháp, bí mật và công khai ở Sài Gòn, Giàu không có hành động gì nổi bật. Trong lần biểu tình ngày 2 tháng 9, 1945 dân chúng Sài Gòn lần đầu tiên đã thấy được trong các đoàn biểu tình phô trương lực lượng, có một đám người kỳ lạ, ngực để trần, mình xâm chằng chịt, biểu diễn dưới tấm bản ghi "Ban Ám sát Xung phong." Thiên hạ đồn với nhau: đây là tổ chức dưới quyền của Dương Bạch Mai, người phụ trách Quốc Gia Tự Vệ Cuộc.

Ngày 8 tháng 9, tin nhà cách mạng Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi đã làm chấn động không khí chánh trị ở Sài Gòn. Nhóm Tranh Đấu đã thông báo việc này cho dân chúng bằng một bảng lớn dựng trước trụ sở ở góc đường Lagrandière và Aviateur Garros (Lê Thánh Tôn - Thủ Khoa Huân, thời VNCH). Bị chất vấn từ nhiều phía, ngày 9 tháng 9, Giàu ra thông cáo: "Việc Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi không liên quan đến Lâm ủy Hành chánh ở Nam Bộ. Ủy ban Nhân dân ở Nam Bộ được và có quyền xử Tạ Thu Thâu."

Tháng 9 năm 1945 là một khoảng thời gian đặc biệt ở Sài Gòn với tình hình chính trị sôi sục, biến chuyển mau lẹ từng giờ, từng ngày. Sau ngày chánh quyền thực dân Pháp bị Nhật lật đổ, dân chúng đã bồng bột ủng hộ Mặt trận Quốc gia Thống nhất của Hồ Văn Ngà. Nay trên chính trường lại có thêm Mặt trận Việt Minh và sự xuất hiện của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ của Trần Văn Giàu với một thành phần gồm toàn các nhân vật của đảng Cộng sản Đệ tam, không có sự tham gia của các nhân vật yêu nước không Cộng sản. Việc này đã khiến dân chúng vô cùng hoang mang. Thêm vào đó lại có việc quân Anh, Ấn đại diện Đồng Minh đổ bộ lên Sài Gòn để giải giới quân Nhật, cùng với tin tức là các lực lượng Pháp đang chuẩn bị tháp tùng quân Anh trở lại Đông Dương. Trong bầu không khí hỗn độn đó, khó có thể có kết quả gì để hòng can thiệp cho số phận Tạ Thu Thâu, một lãnh tụ có tiếng ở miền Nam, có thể có khả năng vận động quần chúng. Số phận của nhà cách mạng miền Nam thật ra kể như đã được quyết định từ miền Bắc. Việc thủ tiêu Thâu chắc chắn đã được Bắc bộ phủ quyết định khi chỉ định Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh lên đường vào Nam cùng lúc khi Tạ Thu Thâu lấy quyết định trở về Sài Gòn khi hay tin Nhật đã đầu hàng Đồng Minh. Trần Văn Giàu, người đã mang ơn Tạ Thu Thâu, chắc hẳn đã biết rõ số phận của Thâu đã được Bắc bộ Phủ quyết định rồi vì ngày 7-9-1945 Hoàng Quốc Việt đã đến tới Nam Bộ và khi gặp Giàu đã cho Giàu biết quyết định của Trung Ương!

Trong buổi gặp gỡ được thâu băng ở Paris ngày 17-10-1989, hiện còn lưu giữ, Trần Văn Giàu đã bị chất vấn về việc Tạ Thu Thâu đã bị xử tử và gán cho tội "Việt gian phá hoại," do một tên huyện ủy tiểu tốt tên Từ Ty ở Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Trần Văn Giàu đã cao hứng(!) long trọng hứa "Tôi sẽ 'rửa tiếng' cho Tạ Thu Thâu, nếu đảng Cộng sản Việt Nam không chịu rửa tiếng." Nhưng từ ngày hứa đó cho đến nay, chưa hề thấy Giàu chánh thức nói lên một tiếng gì cả!

Khi Hồ Chí Minh tuyên bố ở Pháp năm 1946 nhân dịp bạn thân của Thâu là Daniel Guérin hỏi về cái chết của Thâu: "*Tạ Thu Thâu là một nhà ái quốc có tầm vóc. Chúng tôi khóc cái chết của ông,*" ai ai cũng biết đó chỉ là một lời nói dối chính trị. Nhìn lại khoảng đường lịch sử vừa qua, những lời "nói dối chính trị" của Hồ Chí Minh nay được một số nhân sĩ Việt Nam gọi là "khôi hài đen" (black humour), nhất là hai lời tuyên bố đã được Trần Ngọc Danh, Trưởng phái đoàn Đại diện Việt Nam ở Paris đã cho in trong tập "Hồ Chí Minh," ấn hành tại Paris, tháng 5 năm 1947. Trần Ngọc Danh nhấn mạnh về hai lời tuyên bố của Hồ Chí Minh: lời thứ nhất đăng trên Journal de Genève: "*Những bạn bè của chúng tôi không cần phải lo ngại là chủ nghĩa mác-xít sẽ du nhập vào đất nước chúng tôi,*" lời thứ hai đăng trên báo Le Pays: "*Những lí thuyết mác-xít không thể áp dụng được ở nước chúng tôi.*"

Bộ mặt thật của Trần Văn Giàu chỉ đã được dân miền Nam biết đến sau ngày mở màn cuộc Kháng chiến Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945. Sáng Chủ nhật, lúc 4 giờ sáng ngày lịch sử này, quân Pháp được Tướng Anh, Gracey cho tái võ trang, đã dựa vào lực lượng quân Gurka của Anh, đi tái chiếm Dinh Xã Tây, trụ sở của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ, sở Mật thám đường

Catinat, Kho Bạc, nhà Bưu Điện Sài Gòn v.v... Nhưng kiểm điểm lại, người Việt Nam bị mất mạng đầu tiên khi cuộc kháng chiến bắt đầu lại không do thực dân giết mà lại do các tay sát thủ của Dương Bạch Mai và Trần Văn Giàu: đó là Lê Văn Vững thư ký ủy ban Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu và cũng là thủ lãnh Thanh niên Tiền phong vùng Da Kao.

Rút khỏi Sài Gòn về trú đóng trụ sở ở Chợ Đệm (Tân An), Trần Văn Giàu đã ra lịnh bắt và xử tử Huỳnh Văn Phương, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, nhà báo Diệp Văn Kỳ, luật sư Hồ Vĩnh Ký và vợ là bác sĩ Nguyễn Thị Sương (Thủ lãnh Phụ Nữ Tiền Phong) v.v..; vây bắt Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh... Riêng về trường hợp Huỳnh Văn Phương, chú ruột của Huỳnh Tấn Phát (Chủ tịch sau này của Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam) là người đã giúp đỡ khí giới và phương tiện cho tổ chức của Giàu lại là người bị Giàu cố ý thủ tiêu nhanh chóng, chỉ vì Phương đã nắm được các tài liệu về việc Giàu liên hệ với trùm mật thám Pháp Arnoux và Duchêne! Đặc biệt các nhân vật Đệ Tứ hoặc có cảm tình với Đệ Tứ đều được chú ý thủ tiêu: anh giáo Nguyễn Thi Lợi ở Cần Giuộc (Chợ Lớn), người gầy dựng lại nhóm Tranh Đấu ở Sài Gòn sau ngày Nhật đầu hàng, luật sư Hình Thái Thông ở Mỹ Tho, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Số... Đặc biệt ở vùng Hậu Giang, các nhân vật và tín đồ Hòa Hảo đã bị thủ tiêu, chôn ở các hầm hố chôn tập thể miệt Tân Thành, Cái Cái gần biên giới Miên. Cuộc khủng bố trắng này đã được Dương Bạch Mai, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Đông tiếp tục thi hành ở các vùng Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh cũng như Nguyễn Văn Tây, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Tây ra tay đảm trách ở miền Hậu Giang!

Để kết luận về giai đoạn này, có thể nói là để nắm giữ quyền lực riêng về cho đảng Cộng sản Đệ Tam, Trần Văn Giàu đã nhẫn tâm sát hại hầu hết một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở Nam Bộ, làm tiêu hao tiềm lực cuộc đoàn kết kháng chiến thuở ban đầu. Trong một cuộc gặp gỡ sau này với Trịnh Hưng Ngẫu ở Thái Lan, Trần Văn Giàu còn cho ông Ngẫu biết là y chưa hoàn tất việc thanh toán các nhân vật còn có tên trong sổ đen của y. Nhà văn Pháp Michel Tauriac, nghiên cứu về Việt Nam, trong quyển *"Viet Nam, Le dossier noir du Communisme" (Hồ sơ đen Việt Cộng),* đã gọi Trần Văn Giàu là "tên sát nhân cũ của Việt Minh ở Nam Việt Nam" (*"Trân Van Giau, l'ancien assassin viet minh du Sud-VietNam,"* sách đã dẫn, nxb Plon, 2001, trang 103).

Toán của Trần Văn Giàu chỉ tồn tại ở Nam Bộ trong một thời gian. Phạm Ngọc Thạch, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu đều được "mời" ra Bắc, giữ những chức vụ khác. Trần Văn Giàu thì không được trở lại miền Nam cho mãi đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người phụ trách thi hành các chỉ thị sát nhân của Trần Văn Giàu là Nguyễn Văn Trấn, Giám đốc Quốc gia Tự vệ Cuộc, nên Trấn được dân miền Nam đặt cho biệt hiệu là "hung thần Chợ Đệm." Cuối năm 1948, đương làm bí thư Khu ủy khu 9 thì Trấn cũng bị bứng cho ra Bắc khi Lê Đức Thọ (Sáu Búa) vừa bước chân tới biên giới Nam Kỳ. Trấn, thủ hạ thân tín cuối cùng của Giàu bị lột chức và cho làm đại biểu ra dự Đại hội Đảng, cùng đi với trưởng đoàn là Ung Văn Khiêm.

Vai trò và hoạt động của Trần Văn Giàu ở miền Nam kể như được chấm dứt sau năm 1946. Có thể đoán là ở Trung ương Bắc Bộ, Trần Văn Giàu không được các đồng chí ngoài đó hoàn toàn tin cậy vì Giàu đã được gán cho là đã dựa vào thế lực Nhật để dành chánh quyền và nhất là đã có lúc liên hệ với sở Mật thám Pháp. Thêm vào đó còn có việc: năm 1935, sau khi dự Đại hội đảng ở Macao ngày 19 tháng Tư và trở về lại Sài Gòn, Trần Văn Giàu bị bắt và đã khai với bồi thẩm Trần Văn Tỷ khiến 167 người bị bắt (sau đó có 113 được thả). Hồ Hữu Tường đã có đề cập đến việc này trong báo Hòa Đồng: Khi các đồng chí trong tù trách cứ thì Giàu đã thanh minh: "*Mật thám mà đánh tôi chết thì đảng mất đi một thủ lãnh. Tôi khai như vậy, khỏi bị đòn, các đồng chí mỗi người lãnh ít năm tù để trả giá cái mạng sống của tôi.*"

Trong báo *Văn Nghệ TP.HCM,* số 259 ngày 19-25/11/1996, chúc mừng Trần Văn Giàu được 85 tuổi, trong phần lý lịch chỉ có khai vắn tắt: "Từ 1946-1948, Giàu được Trung ương điều sang giúp bạn xây dựng kháng chiến ở Campuchia."

Thật sự ra trong hai năm này, Trần Văn Giàu được chỉ định ở Thái Lan vì nơi đây số Việt kiều đã tăng từ 50.000 lên khoảng trên 100.000 sau khi người Việt tản cư từ Lào sang. Vào lúc này, không khí chính trị ở Thái Lan rất có cảm tình với kháng chiến Việt Nam. Thủ tướng Thái, Pridi Banomyong khá tự do và có thiện cảm với cách mạng Việt Nam. Pridi Banamyong và Khuang Aphaivong lại còn biết được Giàu khi còn là bạn

học ở Pháp.

Người Việt ở Thái Lan vào thời thủ tướng Pridi, trong không khí tự do, đã không tôn trọng giữ gìn lối sống ngoại kiều: nhà treo cờ đỏ sao vàng phất phới, bộ đội Việt Minh mang vũ khí đi ngoài phố... Khi Trần Văn Giàu sang Thái Lan, có cả bộ đội Việt kiều dàn súng đứng chào! Thủ tướng Pridi còn nhắm mắt giúp cho cả lương thực và vũ khí. Nhờ vậy nên những ai có mặt trong chiến khu Nam Bộ vào các năm 1946-1947 có khi thấy thấp thoáng có các chi đội kháng chiến mặc quân phục màu vàng được gọi là "bộ đội hải ngoại." Đó là các chi đội Trần Phú năm 1946 và hai đoàn Cứu Long I và II trong năm 1947.

Ngoài việc liên lạc với các tổ chức phái tả ở Bangkok và điều khiển Ủy ban Tiếp tế Nam Bộ, Trần Văn Giàu lại còn phụ trách một toán đặc công chuyên môn chống phá các cơ sở chống Cộng của người Việt tại Thái. Năm 1947, Giàu đã chỉ thị cho toán này ám sát (cũng lại ám sát!) năm cán bộ Cao Đài ở Bangkok!

Chuyện gì phải đến đã đến, và vào tháng 10 năm 1947, Phibul Songram đã làm cuộc đảo chính ở Thái và đe dọa cắt đứt các hoạt động Việt Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã cấp thời gởi Hoàng Văn Hoan sang thay thế đại diện chính thức của Việt Nam là Nguyễn Đức Quý nhưng thật sự là để chấm dứt hoạt động của Trần Văn Giàu. Hoàng Văn Hoan đã chấm dứt lề lối hoạt động lộ liễu của các tổ chức Việt kiều đã làm chánh quyền Thái lo ngại. Trong quyển "*Giọt Nước trong Biển Cả,*" Hoàng Văn Hoan đã ám chỉ, chỉ trích Trần Văn Giàu, *"một đồng chí, đi đâu cũng nói chủ nghĩa Mác."*

Năm 1949, Trần Văn Giàu trở về Việt Nam, được cử làm Tổng Giám đốc Nha Thông tin cho đến năm 1951 thì được chuyển qua công tác ở Bộ Giáo dục. Khi tiếp quản Hà Nội năm 1954, Giàu được làm Khoa trưởng Khoa Văn-Sử trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

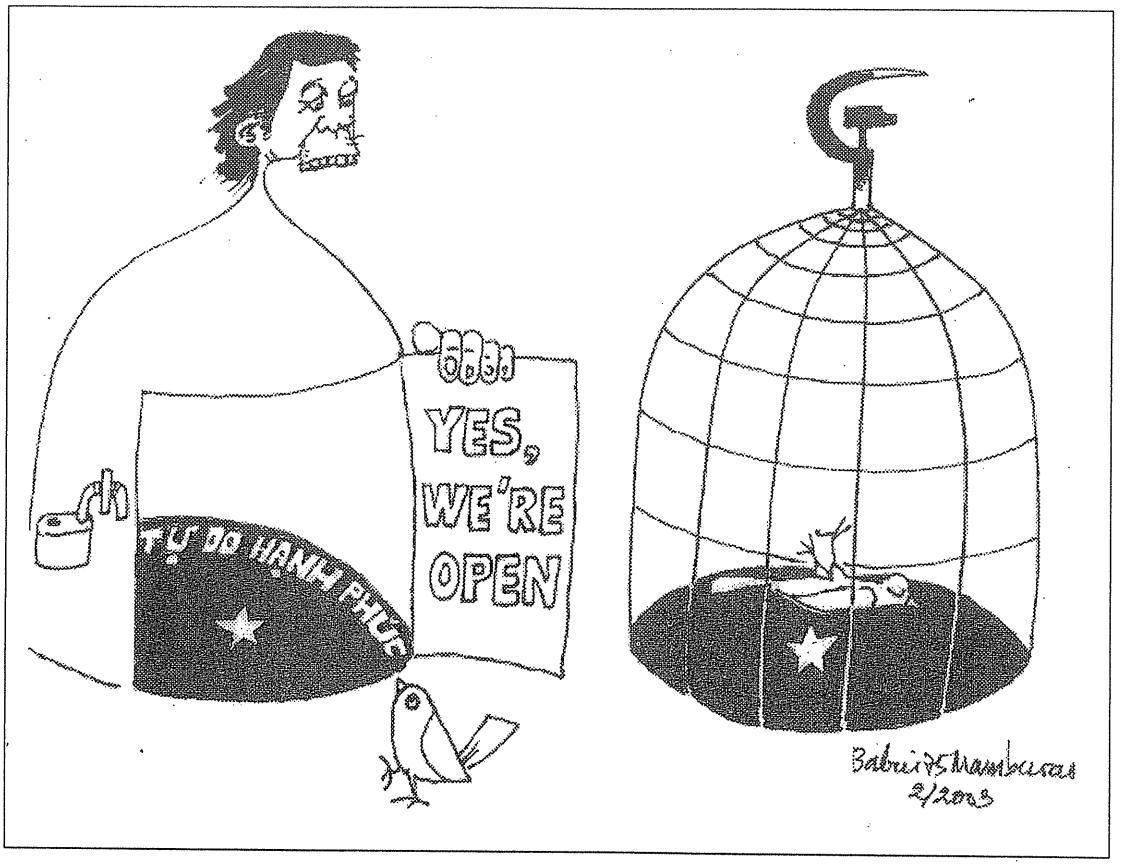

Từ 1960 đến 1975, Giàu được phong hàm Giáo sư, công tác ở Ủy ban Khoa học Xã hội.

Trần Văn Giàu, từ ngày được về Bắc phụ trách về giáo dục ở Đại học cũng như ở trường Đảng, đã được học trò hâm mộ phần lớn nhờ vào những huyền thoại truyền tụng về việc Giàu thành công trong Nam. Nhiều đảng viên đã thường hãnh diện là đã được tham dự những lớp huấn luyện của

Giàu. Giàu cũng trước tác rất nhiều trong thời gian dạy học. Những tác phẩm có tầm vóc là: *Giai cấp công nhân Việt Nam* (4 tập, gần 1000 trang), *Miền Nam giữ vững thành đồng* (5 tập), *Chống xâm lăng* (3 tập, gần 1000 trang)... Những sách viết về sau của Giàu như *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam,* hoặc *Tư tưởng triết học, đạo đức và chánh trị của Nho giáo đời Tống...,* nhất là khi Giàu trở về sống ở Sài Gòn sau năm 1975, nay thường được nhiều học giả cho là viết quá giống các sáng tác của cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục trong Nam?

Được huấn luyện hai năm ở trường Đông Phương của đảng ở Moscou, áp dụng các âm mưu và sách lược học được của Stalin và tuyệt đối trung thành với Đệ Tam Quốc Tế, Trần Văn Giàu và các đồng chí đã xây dựng một chế độ độc tài, độc đảng, thích sùng bái cá nhân, cài công an vào tất cả cơ quan của đảng và nhà nước, khiến đảng viên nào sau cùng cũng đâm ra sợ bộ máy nghiền do chính họ tạo ra có thể trở lại nghiền nát họ! Trong khoảng thời gian 1956-1958, khi có những xáo trộn to lớn trong đời sống dân chúng vì việc Cải cách Ruộng đất, mang danh là lý thuyết gia của đảng nhưng không thấy Giàu lên một tiếng gì. Chỉ có một lần Giàu đã dám nói trong một cuộc tranh luận: "Đào Duy Anh là bậc đàn anh của tôi về sử học, anh Trần Đức Thảo là nhà triết học có uy tín." Đó là thời gian xảy ra vụ Nhân văn Giai phẩm ở Bắc và Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh cũng như nhiều văn nghệ sĩ ở vào tình trạng "có vấn đề" đối với đảng. Trần Quốc Vượng trong bài "*Tình nghĩa Thầy, Trò*", nhắc đến việc này khi còn là sinh viên: "*Tình hình lúc bấy giờ không đơn giản,*" và dám khen "*Anh Đào là một sử gia giỏi,*" nói như vậy hồi bấy giờ không dễ. Trần Văn Giàu, một thành phần đúng ra có khả năng phải tranh đấu chống việc làm sai trái của đảng đã không dám lên tiếng. Thà nhìn nhận sự thật phũ phàng về Cải cách Ruộng đất, theo cách nói của Tôn Đức Thắng mới thật là đúng hơn: "*Đ..M.., tao cũng sợ nó, mầy còn biểu tao dám nói cái gì?*" (*Viết cho Mẹ và Quốc hội,* Nguyễn Văn Trấn, sđd, trang 267).

Trong khoảng thời gian được đảng chỉ định làm công tác giáo dục, Trần Văn Giàu đã có một công trình lớn , viết lách rất nhiều về hầu như mọi đề tài. Tuy nhiên về riêng mặt lý thuyết đảng thì ông vẫn rập theo những luận điệu một chiều của các đồ đệ Stalin. Chế độ ở Liên Sô và Đông Âu đã sụp đổ nhưng không thấy Trần Văn Giàu dám lên tiếng về việc có nên xét đến việc thay đổi cấu trúc của chế độ Cộng sản, có nên đề nghị xây dụng lại một thể chế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn khác? Không thấy Trần Văn Giàu lên tiếng có thể chấp nhận thể chế không độc đảng và độc khối, một chế độ đa đảng, một nền kinh tế tự quản với nhiều nghiệp đoàn, tự do giao lưu tư tưởng trong văn nghệ, tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, quyền biểu tình, quyền đình công... tất cả được thật sự tuyệt đối bảo đảm bằng bản Hiến Pháp?

Thi sĩ Tố Hữu một thời đã có danh, sáng tác rất nhiều bài thơ được ưa chuộng. Nhưng nay, nhắc đến Tố Hữu, dân chúng chỉ nhớ đến bài thơ đã làm ông thân bại, danh liệt, bài thơ "*Khóc ông Xít ta lin*":

Tiếng đầu lòng con gọi: Xít ta lin

.....

Thương mình thương một, thương ông thương mười

Dân miền Nam nôm na gọi bài thơ này là bài thơ "*Bợ đ.. Xít Ta Lin.*"

Trần Văn Giàu, tuy nay có một vốn liếng viết lách phong phú nhưng vì những tội ác đã gây trong buổi đầu cuộc kháng chiến Nam Bộ, đã nhẫn tâm giết hại cả một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở miền Nam, gán cho họ danh từ Việt gian, phản động, một người đã gây bao nhiêu tang tóc nhưng chưa bao giờ nói lên được một tiếng hối tiếc những việc làm đã qua, nên đối với dân miền Nam, Trần Văn Giàu vẫn còn mang tiếng là một kẻ ác .

Tội ác lúc nào cũng là tội ác, nhứt là tội ác không được hối cải. Trần Văn Giàu vì vậy khó có thể được coi là "*Chu Văn An thời nay* "như một nhà văn Trần Thanh Đạm nào đó đã viết ("*Giáo sư Trần Văn Giàu là Chu Văn An thời nay của chúng ta, như núi Thái Sơn giữa đồng bằng sông Cữu Long*") !

Nhà văn Pháp Michel Tauriac đã gọi Trần Văn Giàu là "*Tên sát nhân Việt Minh thời trước.*" Mặc dầu sự nghiệp giáo dục Trần văn Giàu có thể sẽ còn được nhắc đến trong tương lai nhưng quá khứ đầy tội ác của Giàu không thể để dân chúng miền Nam chấp nhận Giàu là một "Nhà giáo Nhân Dân."

Hai tay Trần Văn Giàu đã vấy máu anh em cách mạng miền Nam. Một người như thế chỉ có thể được xem là một " Nhà giáo của đảng Cộng sản Đệ Tam" ở Nam Bộ.

Tháng Mười, năm 2002

"CHUYỆN TÀO LAO"

(Hồi âm bài của anh Bùi Tín)

NGUYỄN MINH CẦN

LTS. Trên báo Thế Kỷ 21 số 158, tháng Sáu, 2002 có đăng bài "Những đề nghị cải tiến bang giao Việt-Mỹ và dân chủ hóa Việt Nam của Viện Nghiên Cứu Chính Sách Công Vụ Hoa Kỳ" của tác giả Nguyễn Quốc Khải. Đến tháng Mười Một thì Thế Kỷ 21 lại có bài góp ý về các đề nghị nói trên, của tác giả Nguyễn Minh Cần, nhan đề "Việc ta, ta cứ làm." Sau đó báo Thông Luận tại Pháp có đăng một bài của tác giả Bùi Tín bàn về bài "Việc ta, ta cứ làm."Nhận thấy các bài thảo luận chủ yếu đều nhằm vào vấn đề dân chủ hóa Việt Nam, chúng tôi đăng tiếp bài sau đây của tác giả Nguyễn Minh Cần, để làm sáng tỏ thêm một số điều từ bài báo của tác giả Bùi Tín.

Thật tình, tôi không muốn viết gì thêm về cái "Lộ trình" gọi là của AEI. Vì nó chẳng đáng để ta phải nói đến nữa. Nhưng đã nhận được thư và bài trả lời của anh Bùi Tín, thì tôi phải hồi âm.

Tôi mừng là bài *"Việc chúng ta, chúng ta cứ làm!"* (Thông Luận (TL), 165, tr.11) của anh Bùi Tín để trả lời tôi, được viết bình tĩnh, chứ không như bức thư anh Tín gửi cho tôi lời lẽ quá nặng nề. Nên khi đọc câu anh viết trong bài: *"Tôi là người dân chủ đa nguyên, luôn chấp nhận, hơn nữa cổ vũ đối thoại, tranh luận..."* thì tôi chỉ thấy buồn vì... nó không đúng như thực tế! Nhưng tôi không muốn nhắc lại tất cả những lời anh viết trong thư, vì làm thế không hay ho gì. Duy có ba điều tôi phải nói rõ với bạn đọc và với anh Tín là:

1/ Bài viết của tôi là để phê phán cái "Lộ trình" của AEI mà tôi nghĩ là nguy hại cho cuộc đấu tranh dân chủ của dân ta nếu nó được chính quyền Mỹ chấp nhận và thực thi, chứ không phải để "đập túi bụi" anh Tín, như anh viết trong thư. Dĩ nhiên, khi phê phán cái "Lộ trình" đó, tôi không thể không nhắc và bàn đến những lời anh cổ động cho nó.

2/ Tôi kể chuyện gặp anh Nguyễn Hữu Chung và câu chuyện giữa chúng tôi với nhau là đúng sự thật. Còn câu nói của anh Chung cũng rất rõ ràng là anh ấy muốn "đập" cái "Lộ trình" của AEI, chứ đâu có phải muốn đập anh em mình trong đó có anh Bùi Tín. Cho nên câu anh Tín viết cho tôi trong thư là không đúng: "*Anh Nguyễn Hữu Chung*...(xin bỏ tên người thứ hai không có liên quan đến bài viết) *là bạn thân của tôi từ lâu, có bao giờ có ý 'đập' tôi đâu! chữ 'đập' là chữ của anh gán cho anh ấy*" ... *"Việc gì cứ phải kéo ai vào! Ta là Ta kia mà!! Tầm vóc anh muốn phình lên lại nhỏ đi đấy!"*... Anh Chung còn đấy, nếu tôi kể sai lời nào thì xin anh cứ vạch ra trên báo! Còn tôi kể chuyện chúng tôi đã trao đổi nhau là để bạn đọc thấy sự phản ứng với cái "Lộ trình" và sự cân nhắc, đắn đo của chúng tôi, chứ đâu có phải kéo ai vào để "tầm vóc mình được phình lên"! Anh Tín ạ, tôi không muốn đối đáp anh theo cái kiểu đó của anh, vì tôi hy vọng, khi bình tĩnh lại, anh sẽ tiếc là đã viết như thế.

3/ Tất cả những lời anh Bùi Tín viết trên báo là tôi sao chép đúng nguyên văn, cả dấu chấm câu, cả chữ viết nghiêng, còn chỗ nào tôi nhấn mạnh, đều có ghi rõ là của tôi. Tôi chỉ không ghi câu đó nằm ở báo nào, trang mấy mà thôi, vì viết báo có thể không làm như viết sách nghiên cứu. Cho nên điều anh Tín viết cho tôi trong thư: "*những đoạn anh gán ý cho tôi – mà tôi không hề có! - cứ như anh chàng Tatarin đánh nhau với cối xay gió!*" thì tôi hoàn toàn bác bỏ. Nếu tôi không nhầm, "anh chàng... đánh nhau với cối xay gió" là Don Quichotte. Nhưng chẳng sao! Tartarin de Tarascon hay Don Quichotte cũng thế thôi. Đó là những tay hợm hĩnh, ngông cuồng, dở hơi, "hâm". Anh cho tôi là một týp người như thế! Cái đó tuỳ cảm nhận của anh. Tôi thấy không cần chấp một câu viết trong cơn tức! Nhưng tôi phải nói rõ: tôi không hề thêm thắt một chữ nào vào các câu trích dẫn ở hai bài viết của anh. Bạn đọc có thể kiểm lại trên mặt báo. Trái lại, có câu mà tôi thấy nếu ghi lại đầy đủ thì trách nhiệm của anh trước độc giả quá nặng nề - tôi lại cố ý lược

bớt đi. Ví dụ: câu *"Chúng ta phải đánh động dư luận để mọi người thấy rằng đây không phải là một cái bẫy, mà đây là một điều kiện lành mạnh cho VN phát triển"* (Cánh Én, 126, tr.10; TL, 161, tr.15). Tôi chỉ ghi lại thế này: "Ông (Bùi Tín) tuyên bố "chúng ta cần phải đánh động dư luận" trong và ngoài nước để mọi người hiểu rõ "Lộ trình" của AEI..." (TK 21, 163, tr.13; TL., 164, tr.18). Vì sao tôi nói đến trách nhiệm nặng nề? Thử hỏi, đi quảng cáo cho một chương trình không nghiêm túc (nếu không muốn nói là vớ vẩn), không dân chủ (vì một vài người của AEI muốn "gà" cho chính quyền nước họ một kế hoạch để chính quyền nước họ "thương thảo" với chính quyền độc tài nước ta, vượt qua đầu các nhà dân chủ và dân chúng nước ta) mà bản thân những người dân chủ và yêu nước không thể nào chủ động được, mà anh Tín dám khẳng định *"đây không phải là một cái bẫy, mà đây là một điều kiện lành mạnh cho VN phát triển"* thì có thiếu trách nhiệm quá hay không?

Nhưng thôi. Lần này, tôi chỉ xin đề cập đến hai vấn đề mà tôi cho là có tính nguyên tắc đặt ra trong bài trả lời của anh Bùi Tín, còn những vấn đề khác thì xin miễn bàn.

Vấn đề quan hệ Việt-Mỹ

Trong bài báo trả lời, anh Tín viết: *"Tôi đã sang Mỹ 12 lần, thăm 8 trường đại học lớn nhất, kết bạn thân với biết bao nhà báo Mỹ, dự hơn 10 cuộc họp lớn nhỏ về chiến tranh VN, về quan hệ Việt-Mỹ..."* (TL, 165, tr.14). Trước đó, anh cũng đã nhấn mạnh: *"Tôi xin nhấn mạnh là những quan chức HK đã nói với tôi rằng..."..."Tôi đã nói chuyện rất lâu với một số thượng nghị sĩ và thứ trưởng ngoại giao HK..."* (TL, 161, tr.15)...Về mặt này thì tôi kém anh Tín: tôi đến Mỹ ít hơn, giao thiệp ít hơn, và thường là bạn bè và những người bình thường thôi.

Tôi tự thấy phải tìm hiểu thêm về nước Mỹ và người Mỹ. Nhưng những điều anh Tín viết về quan hệ Việt-Mỹ trong bài trả lời thì không đem lại cho tôi điều gì mới lạ cả. Riêng việc kết bạn thân với các chính khách thì tôi thường thận trọng. Hồi tôi đến Mỹ lần đầu, doanh gia Tạ Mộng Tân trong đoàn Vẻ Vang Dân Việt đã từng đến Moscow, gặp lại tôi ở Hoa Kỳ (HK), anh Tân khuyên tôi tặng cuốn sách mới ra của tôi cho ông Stephen Young để anh giới thiệu tôi làm quen với ông ấy - theo lời anh - "là một người có thế lực lại có nhiệt tình với VN." Nhưng tôi từ chối. Anh Tân ngạc nhiên, hình như anh cho tôi đã bỏ lỡ cơ hội gặp một chính khách như ông Young. Thật ra, lý do dễ hiểu thôi. Sau vụ ông Young chủ trương vận động tổ chức cuộc họp công khai về vấn đề dân chủ ở Sài Gòn thì giáo sư Nguyễn Đình Huy và hầu hết các chiến hữu của giáo sư bị Hà Nội bắt và xử án tù hết sức nặng nề. Lúc đó, tôi nghĩ rằng, một người có chủ trương phiêu lưu như thế, dù sao cũng phải chịu trách nhiệm lớn về những nỗi khổ đau khủng khiếp của các chiến sĩ dân chủ, thì tôi không thể giao tiếp! Tôi kể chuyện này, vì nghĩ rằng những người dân chủ VN chắc đã và còn có nhiều dịp làm quen với ông Stephen Young.

Tuy ít lần đến Mỹ, nhưng tôi cũng biết khá rõ HK là một siêu cường dân chủ, có truyền thống dân chủ sâu sắc, biết rõ vai trò của HK trong nền chính trị thế giới, nên trong bài tôi đã viết: "Nói chung, vì lợi ích của việc dân chủ hoá đất nước, những người dân chủ và yêu nước VN chủ trương thắt chặt mối bang giao giữa VN với HK, là một siêu cường dân chủ, giàu mạnh nhất thế giới và có ảnh hưởng lớn nhất đến nền chính trị thế giới." Tôi biết rõ là trong chính giới HK có không ít người tốt, nhưng khi đưa ra đường lối chính sách gì cho nước họ thì họ chỉ nhằm phục vụ cho quyền lợi nước họ mà thôi. Tiếc thay, có khi bất chấp cả quyền lợi của phong trào dân chủ hay của đám dân bình thường nước có liên hệ. Đó là sự thật! Xin cứ khách quan nhìn xem: HK, xứ sở có dân chủ thật sự đấy, đã và đang ủng hộ nhiều chính quyền độc tài trên thế giới! Mà chẳng riêng gì HK, cả nhiều nước dân chủ khác cũng thường ủng hộ các chế độ độc tài, chỉ vì quyền lợi ích kỷ của nước họ. Tôi nghĩ rằng các chiến sĩ dân chủ nước ta chớ nên lơ mơ về điều này! Chính vì thế, tiếp theo câu trên, tôi liền viết: "Nhưng <u>việc thắt chặt mối bang giao đó không nhằm củng cố chế độ độc tài toàn trị ở VN, mà phải nhằm thật sự dân chủ hoá VN</u>."

Trong bài trả lời tôi, anh Bùi Tín viết về "Lộ trình": *"Đề nghị tốt đẹp này, thông điệp đầy thiện chí này là trước hết gửi cho toàn dân ta, người chủ của đất nước; ngay tiếp theo là gửi đến các chiến sĩ dân chủ, tiêu biểu cho tương lai VN; vì ĐCS đang cầm quyền, nên HK cũng muốn thông tin rộng rãi cho ĐCS, cho Chính phủ, cho Quốc hội VN để họ biết rằng có một gợi ý rất nghiêm chỉnh như thế, tuỳ họ tiếp nhận, nghiên cứu, tỏ thái độ"* (TL, 165, tr.13). Anh Tín ạ, hiện nay *"toàn dân ta"* <u>chưa phải là</u> *"người chủ của đất nước"*

như anh viết đâu! (Giá mà được như anh viết thì tình hình nước ta đâu đến nỗi tồi tệ như hiện nay và chẳng cần phải đấu tranh vì dân chủ hoá làm chi nữa!). Thế nhưng, cứ giả dụ chính quyền HK chấp nhận "Lộ trình" của AEI và giả dụ *"ĐCS, Chính phủ, Quốc hội VN tiếp nhận" "đề nghị tốt đẹp này"*, thì tôi xin hỏi: "Đại diện chính quyền HK sẽ ngồi vào bàn đàm phán với ai? Với "*toàn dân ta, người chủ của đất nước*" mà vô quyền, hay với tập đoàn đang thống trị "*toàn dân ta*"? Tất nhiên là phải thương thảo với giới cầm quyền. Và lúc đó, liệu "*các chiến sĩ dân chủ, tiêu biểu cho tương lai của VN*" có thể hy vọng hay không là Tổng thống Bush sẽ vỗ vai Tổng bí thư Nông Đức Mạnh mà bảo: "Thôi, các cậu trong Bộ chính trị hãy làm dân chủ hoá VN, các cậu ngồi quá lâu rồi, hãy xuống ghế đi, nhường chỗ cho đám dân chủ"? Chắc là ông Bush sẽ nói đúng như bài bản của "Lộ trình" bốn giai đoạn mà AEI đã gợi ý: "OK! Các cậu cứ ngồi yên vị, miễn là các cậu cùng chúng tớ chống lại sự bành trướng của mấy tay Tàu Hoa lục. Rồi chúng tớ sẽ cho các cậu nhiều đô-la, vũ khí, giúp các cậu củng cố an ninh, quốc phòng, và nói chung củng cố cả cái chế độ của các cậu!"

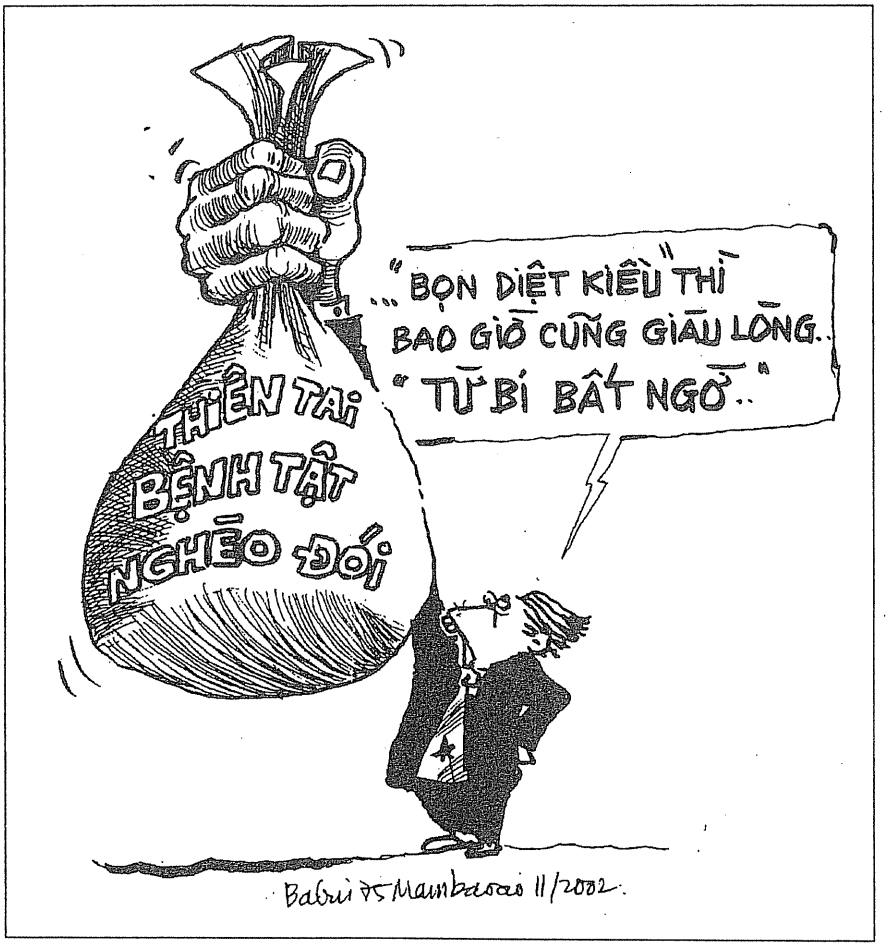

Sự khác nhau giữa anh Bùi Tín với tôi có lẽ chỉ ở điểm này: tôi không tin là "Lộ trình" của AEI sẽ đem lại dân chủ hoá cho đất nước, mà lo rằng chính quyền HK, nếu nghe theo "Lộ trình" đó thì không khéo "sẽ là một đại bất hạnh cho dân VN"; còn anh Tín thì lại tin rằng "Lộ trình" là một *"đề nghị tốt đẹp", "thông điệp đầy thiện chí", "đây không phải là một cái bẫy, mà đây là một điều kiện lành mạnh cho VN phát triển"*. Chỉ có sự khác nhau chút xíu đó thôi. Chuyện này xin độc giả khách quan phán xét.

Anh Bùi Tín viết *"anh Nguyễn Minh Cần nhầm, AEI không phải là chính quyền Mỹ"* (TL, 165, tr.11). Tôi không nhầm đâu, anh Tín ạ, khi tôi viết: "Lộ trình này dù chưa được coi là chính sách chính thức của chính quyền Tổng thống George W. Busch, nhưng AEI là một trong những cơ quan nghiên cứu có thể có ảnh hưởng đến chính sách của chính quyền HK...". Một cơ quan nghiên cứu mà anh Bùi Tín *"đã để cả tháng trời để nghiên cứu"* và Tổng thống R.Reagan đã coi *"AEI là một bộ óc có tác dụng hàng đầu"* (TL, 159, tr.9) đề nghị cho chính quyền HK một "Lộ trình" như thế, thì người có lòng với đất nước phải quan tâm chứ, nhất là khi cảm thấy nó có thể tạo mối nguy lớn cho việc dân chủ hoá VN! Nhất là khi ông Nguyễn Quốc Khải hồ hởi báo tin "đề nghị AEI đã được đệ trình Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Đại Sứ Burghardt, Đô Đốc Thomas B Fargo, Tư Lệnh

Hải Quân HK vùng Thái Bình Dương. TS Stephen Young cho biết ông sẽ cùng...(xin lược bỏ một tràng tên người và cơ quan đã được trưng ra - NMC) ... về Lộ trình AEI" (TK 21, 158, tr.24), thì ai dám coi thường?!

Nhân tiện, có anh bạn viết cho tôi thế này, xin ghi lại nguyên văn để độc giả cùng ngẫm nghĩ: "Còn chuyện Mỹ giúp VN dân chủ hoá? Trời đất ơi! Tôi chỉ lưu ý anh một điều: nếu đảng CSVN làm được việc cho Mỹ thì chính Mỹ sẽ giúp củng cố đảng, cũng như Mỹ đang giúp củng cố các chế độ độc tài ở Egypt và Saudian Arabia v.v... và trên khắp thế giới. Tôi biết nhiều về người Mỹ: họ không xấu, nhưng họ không tốt như họ tưởng. Họ có giá trị đạo đức trong gia đình của họ (và họ tin tưởng thật sự), nhưng khi vui hay vì nhu cầu thì họ cũng đi chơi điếm, và chuyện có người đàn bà làm điếm không phải là lỗi của họ. Nước Mỹ có một chính sách đối ngoại HOÀN TOÀN khác với chính sách đối nội của họ. Người Mỹ coi Con Người (human beeing) ở những xứ khác không như Con Người Mỹ, nếu có thì may ra đối với những dân tộc Âu châu. Vì vậy mà, nếu cấp lãnh đạo nước anh là độc tài, tham nhũng, và dân chúng nước anh nghèo đói, ngu dốt, bị đàn áp v.v... thì chuyện đó không phải là ưu tư của người Mỹ. Nhưng điều này không phải chỉ riêng Mỹ, vì Mỹ không tệ hơn các nước khác. Nhật Bổn đang giúp củng cố chế độ Hà Nội từ mấy năm nay, và chắc anh cũng đồng ý với tôi, Mỹ không tệ hơn Nhật hay Tàu." Tôi cho đây là một nhận xét rất sâu sắc.

Ở hải ngoại, có lẽ ít ai hiểu biết nước Mỹ, người Mỹ và quan hệ Việt-Mỹ sâu bằng cựu Đại Sứ Bùi Diễm. Cuốn hồi ký chân thực của cụ "*Trong Gọng Kìm Lịch Sử*" cho tôi biết thêm được nhiều điều. Hồi năm 1995, cụ có viết một bài tiểu luận sâu sắc "Yếu tố Mỹ trong Chính trị Việt Nam." Tôi nghĩ rằng, đến bây giờ, bài đó vẫn còn nguyên giá trị. Tôi xin phép trích một đoạn để kết thúc vấn đề thứ nhất:

"Trong cuộc tranh đấu cho tự do, dân chủ ở VN, không có người ngoại quốc nào, dù là HK có cảm tình với VN, có thể thay mặt người VN được. Họ chỉ có thể đứng phía sau người VN, giúp đỡ cho người VN (vì thực sự người VN cần đến sự giúp đỡ của họ) nhưng họ không thể phất cờ cho người VN được. Nếu có một bài học nào, quý giá nhất, mà chúng ta có thể rút ra được từ thảm trạng chiến tranh VN trong những thập niên 60 và 70, bài học đó bắt buộc phải là: *không bao giờ có thể trao vào tay người ngoại quốc quyền quyết định về số phận của dân tộc VN được*. Yếu tố Mỹ trong chính trị VN, ... nếu có chăng nữa, cũng không được phép trở thành một yếu tố quyết định, vì danh dự và quyền lợi của dân tộc và để bảo vệ tính cách trong sáng của chính nghĩa mà tất cả những người VN tranh đấu cho tự do và dân chủ ở VN đang theo đuổi, chúng ta không nên quên điều đó."

Toàn cầu hoá (TCH) và cuộc đấu tranh dân chủ hoá VN

Tôi không chống TCH. Mà có ai đó muốn chống nó thì chẳng chống được đâu! Vì đó là một xu thế, một bước tiến hoá của loài người, không ai và không gì cưỡng nổi. Hơn nữa, sao tôi lại chống nó? Khi chính nó (tôi muốn nói TCH trong thời hiện đại - từ cuối thế kỷ 20 đến nay) thúc đẩy xu thế dân chủ hoá bành trướng ra khắp toàn cầu, đang làm sức ép mạnh cho các chế độ độc tài toàn trị phải chuyển hoá hoặc là sụp đổ. Khi chính nó tạo thêm điều kiện thuận lợi cho phong trào dân chủ và hoạt động dân chủ. Ví dụ giản đơn nhất là mạng lưới Internet toàn cầu đang phá vỡ mưu đồ phong toả thông tin của các chế độ độc tài.

Nhưng, theo tôi, nói đến TCH thì phải xét trên nhiều mặt. Mũi nhọn của nó lợi hại nhất, mạnh mẽ nhất đi tiên phong vẫn là khoa học, kỹ thuật và kỹ nghệ, thương mại. Rồi nó kéo theo cả chính trị, luật pháp, văn hoá, y tế, giáo dục, v.v... Trong bài này, chỉ xin bàn qua về mặt chính trị.

Nhìn chung, TCH cũng như mọi việc trên đời này đều có hai mặt, mặt tốt và mặt xấu, mặt lợi và mặt hại. Vấn đề đặt ra là: tốt nhiều hay xấu nhiều, lợi nhiều hay hại nhiều, tốt và lợi cho ai, xấu và hại cho ai? Theo tôi, về nhiều mặt, TCH có cái tốt, cái lợi chung rất lớn, nhưng thường thì các nước càng mạnh và giàu hưởng cái tốt, cái lợi càng nhiều hơn. Còn các nước nghèo và yếu, nếu có tính năng động cao, cũng có thể hưởng cái tốt, cái lợi, như kinh tế tăng trưởng, thu nhập quốc dân gia tăng, không bị khan hiếm hàng hoá, v.v... nhưng đồng thời phải gánh chịu nhiều hậu quả xấu, nặng nề, như sinh thái môi trường bị huỷ hoại, nguồn tài nguyên mau cạn kiệt, bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc bị xoá mờ, v.v... Đó là một thực tế. Cho nên, đừng lý tưởng hoá (idéaliser) TCH đến nỗi không thấy điều quan trọng này: TCH không hề loại trừ quy luật cạnh tranh, quy luật đào thải tự nhiên, không hề xoá

bỏ tình trạng "mạnh được, yếu thua", "khôn sống, mống chết", thậm chí "cá lớn nuốt cá bé." Không những không xoá bỏ, mà có khi nó còn thúc đẩy quy luật nói trên tác động mạnh hơn nữa.

Trong thời đại TCH, về mặt chính trị, mà người đấu tranh cho dân chủ lại idéaliste thì nguy hiểm lắm, trái lại, cần có bản lĩnh cao để phát huy tính năng động của dân tộc mình. Vì TCH chủ yếu do những nước lớn, giàu, mạnh hoặc những công ty đa quốc gia khổng lồ khởi xướng, làm đầu tàu. Họ có quyền lợi riêng của họ, và bao giờ họ cũng đặt quyền lợi của họ lên trên hết. Chớ nên hô hào chung chung: "*Hãy tin ở con người*" (bài anh Bùi Tín, TL, 159, tr.10). Trong cái thế giới đang TCH này, vẫn còn cần phân biệt, ai đáng tin nhiều, ai chỉ nên tin vừa vừa thôi...

Tôi thừa nhận rằng trong số các chính khách của các nước dân chủ tiên tiến, không ít người có cảm tình với cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền của dân ta, nhưng - ngay cả trong thời TCH - khi phải hành động với tư cách là những nhà hoạt động chính trị quốc gia thì họ vẫn phải quan tâm chủ yếu (hoặc chỉ) đến quyền lợi của nước họ. Rốt cuộc, nói gì thì nói thực lực của phong trào dân chủ nước ta mới là yếu tố căn bản để dân chủ hoá nước ta. Chính vì thế, nhại theo lời bài "Nhạc tuổi xanh" của Phạm Duy, tôi viết "Việc ta, ta cứ làm!" Tôi không hề mơ tưởng trong thời TCH, sẽ có một siêu cường nào làm dân chủ hoá nước ta thay cho dân ta được. Trong bài báo trả lời tôi, để phê phán cái tư tưởng "Việc ta, ta cứ làm!" của tôi là "lạc lõng" không hợp với thời đại TCH, anh Bùi Tín viết: "*Bởi vì thế giới đã bước vào thời kỳ 'toàn cầu hoá.' Thế giới nhỏ lại. Như một ngôi làng*" (TL, 165, tr.13). Thi vị quá! Làm ta nghĩ đến ngôi làng VN hiền hoà trước "cách mạng" và trước "cải cách ruộng đất": mỗi khi có ai đó trong xóm làm nhà thì bà con hàng xóm xúm lại hè nhau mỗi người một tay giúp dựng ngôi nhà cho anh ta! Nhưng trong thế giới TCH, dù "*nhỏ lại như một ngôi làng*," tôi tin chắc là sẽ không có một nước nào, dù là cường quốc hay siêu cường đi nữa, đến giúp làm ngôi nhà dân chủ cho dân ta đâu! Họ có thể ủng hộ ta mặt này mặt khác, nhưng việc xây dựng nước VN dân chủ phải là việc của dân ta. Tôi đã viết: "Dân chủ hoá nước ta là việc của dân ta, phải do chính dân ta làm lấy." Đó là một chân lý, một quy luật bất di bất dịch. Đây cũng là kết luận của nhiều người, chứ không phải chỉ riêng tôi.

Để khai thác mặt tích cực của TCH, trong bài viết, tôi đã nhấn mạnh "những người dân chủ và yêu nước VN chủ trương thắt chặt bang giao giữa VN với HK," "nhiệt liệt hoan nghênh sự ủng hộ của chính phủ, quốc hội và mọi tổ chức xã hội, phi chính phủ ở HK đối với phong trào đấu tranh của người dân VN cho tự do, dân chủ và nhân quyền, nhằm thật sự dân chủ hoá đất nước," "nhiệt liệt hoan nghênh sự ủng hộ của mọi nước dân chủ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền ở VN, vì nhận thức sâu sắc rằng sự ủng hộ quốc tế có tác dụng rất lớn đối với công cuộc đấu tranh dân chủ hoá đất nước, giành tự do và nhân quyền." Và trong phần đề nghị, tôi yêu cầu HK và các nước dân chủ khác "kịp thời và mạnh mẽ lên tiếng chống những vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền VN, buộc họ thực hiện đúng những điều kiện trong Thương ước Việt-Mỹ, cũng như trong các Công ước về Nhân quyền, gắn bó những điều kiện viện trợ kinh tế với việc thực hiện những quyền con người của dân chúng, nhất là quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí, lập hội, quyền tự do tôn giáo, quyền được hưởng chế độ tự trị của các sắc dân thiểu số, v.v...". Như thế rõ ràng là tôi đã gắn chặt cuộc đấu tranh dân chủ hoá của nước ta với sự ủng hộ của toàn thế giới văn minh, tức là tận dụng xu thế TCH trên phương diện dân chủ. Anh Bùi Tín phản bác câu của tôi như sau: "*'Việc ta, ta cứ làm!', rất hay! Hay lắm; nhưng tôi e nó gợi lại cái âm hưởng "tự lực cánh sinh" ấm ớ, vớ vẩn, đầy tính chất sôvanh hẹp hòi của thời nào!; dẫn đến "ta đây một mình trực tiếp đánh bại tên đế quốc đầu xo," "ta đây đỉnh cao trí tuệ nhân loại"* (TL, 165, tr.13). Trong thư anh còn viết: *"Thời kỳ TOÀN CẦU HOÁ, đâu có thế? Tự lực cánh sinh, nghe cổ lỗ lắm, lạc lõng lắm," "có vẻ"yêng hùng nhất khoảnh."* Đó là cảm nhận riêng của anh mà thôi. Câu viết của tôi "việc ta, ta cứ làm" hoàn toàn không dính dáng gì đến cái khẩu hiệu "tự lực cánh sinh" của họ Mao đưa ra (và làm thật! phải công nhận thế!) sau khi Liên Xô rút hết chuyên gia và cắt viện trợ cho Trung Quốc. Rồi ông Hồ phụ hoạ một cách vô duyên, cũng lặp lại ở VN "tự lực cánh sinh." Trong khi đó, các lãnh tụ VN thường xuyên "vác bị đi xin" - hết Liên Xô, đến Trung Quốc, rồi các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu - đủ thứ, từ lương thực, thực phẩm, vải vóc, xăng nhớt, đến súng ống, đạn dược, tàu bay, xe tăng, tên lửa, chuyên gia và kỹ thuật viên đủ loại, thậm chí mời cả một số đơn vị quân Trung Quốc sang giúp... Ô hô! "Tự lực cánh sinh"!

Nhân thể nói thêm, trong quá trình TCH hiện nay, nếu phong trào dân chủ nước ta không đủ mạnh để sớm xoá bỏ chế độ độc tài đảng trị (Chớ có chờ tập đoàn thống trị hiện nay sẽ xoá bỏ nó và làm dân chủ hoá theo đề nghị của "Lộ trình" AEI!), để tạo điều kiện cho nước ta phát triển mạnh mẽ thì không khéo nước ta sẽ bị gạt ra bên lề Lịch sử. Nguy cơ đó có thật đấy! Trong cái thế giới đang TCH, cũng không thể loại trừ khả năng là có một số nước lạc hậu, yếu đuối, chia rẽ, nội chiến triền miên, còn dân chúng thì đói khổ, bệnh tật tràn lan, bị đè nén tàn tệ dưới chế độ độc tài, tham nhũng... sẽ bị xoá sổ trên bản đồ thế giới. Không phải là vì thế giới không giúp họ. Có khi giúp bao nhiêu thì chỉ càng đầy túi tham nhũng của bọn cầm quyền từ trên xuống dưới bấy nhiêu, còn người dân được cứu trợ chút ít lại sinh lòng ỷ lại, không có nỗ lực bản thân để đấu tranh cho cuộc sống của mình. Cho nên nói TCH thì phải nhấn mạnh đến sự nỗ lực bản thân cao nhất của dân tộc mình để vươn lên, xoá bỏ chế độ độc tài càng sớm càng tốt, mau đi vào con đường dân chủ để phát triển đất nước mạnh hơn, giàu hơn. Có thế, VN mới mong chen chân vào trào lưu TCH và có chỗ đứng xứng đáng trong thế giới TCH này được.

Phải thấy rõ điều đó để toàn dân tộc ta mau mau hoá giải mọi hận thù, gạt bỏ mọi định kiến với nhau, **đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết** để cùng liên kết nhau, đứng chung trong một trận tuyến đấu tranh cho dân chủ, xoá bỏ chế độ độc tài, toàn trị, rồi kiến tạo đất nước VN hùng cường. Nhân đây, tôi hoan nghênh sáng kiến và lòng dũng cảm của các bạn trẻ trong Trung tâm Dân chủ cho VN ở Montreal đã tổ chức một cuộc Hội thảo hồi giữa năm 2002, tập hợp được nhiều thành phần thuộc các phía khác nhau, chính kiến khác nhau, ngồi lại với nhau với tinh thần **Tổ quốc trên hết**, để cùng nhau tìm một hướng đi cho dân tộc. Rất cảm động là tại Hội thảo cũng đã có vài chiến sĩ dân chủ trong nước góp ý kiến hết sức chân thành. Mong rằng việc làm tốt đẹp của các bạn trẻ ở Canada sẽ được tiếp tục và được các bậc đàn anh tận tình giúp đỡ để chóng lan thành một phong trào chung mạnh mẽ, tạo nên bước ngoặt rõ rệt trong cuộc vận động dân chủ hoá.

Bây giờ, tôi xin chia sẻ với độc giả vài điều được trao đổi giữa chốn bạn bè. Vì lý do tế nhị tôi không nêu tên các bạn đã viết, nhưng xin bảo đảm câu chữ của họ là đúng nguyên văn. Thực hư những điều đó thế nào, xin bạn đọc cứ tìm hiểu.

Một anh bạn rất am tường chính trị của HK viết cho tôi: "*Đối với chính sách Mỹ, nó* (lộ trình đó) *không có một tầm quan trọng gì cả. Càng bàn đến nó ít, càng tốt*". Một anh khác, biết rõ về AEI, viết cho tôi: "*... nếu nói rằng AEI đứng ra chủ trương việc này thì oan cho AEI. Theo chỗ tôi hiểu thì AEI hoàn toàn không có ý kiến gì về vấn đề VN và cũng không để ý đến VN*". Anh bạn đã tham gia buổi họp ở AEI cho biết: "*AEI chỉ cho mượn phòng và tên vì một 'foundation' nào đó có bằng lòng cấp cho ông Young một 'grant,' nhưng phải qua một tổ chức để tổ chức này làm 'fiscal agent' về phương diện tiền nong*". Một anh khác còn kể: "*Khi họp, Mỹ ngồi một bên, VN ngồi một bên...*", "*Tuy họp ở trụ sở của AEI, nhưng bản văn đó không phải do AEI chủ trương. ...Những điều đưa ra phần lớn là ý kiến cá nhân của Stephen Young, và Stephen Young muốn qua sự thông qua của các người đi họp, để nói với bên ngoài rằng đó là ý kiến của người VN. Stephen là người thông minh, có thiện chí tốt với VN, nhưng hành động hơi lạ.*" Anh kết luận: "Đây là chuyện 'mượn đầu heo nấu cháo'." Nói về sự đóng góp của các nhà nghiên cứu VN, anh bạn cho biết: "*Anh* (Võ Nhân) *Trí soạn một bài kinh tế công phu lắm, nhưng chỉ được phát biểu khoảng 10 phút. Họ đâu có muốn nghe!*"

Hóa ra cái gọi là "*đề nghị tốt đẹp này, thông điệp đầy thiện chí,*" "*một gợi ý rất nghiêm chỉnh*" là thế đấy!

Anh Vũ Thư Hiên, một trong số những người đầu tiên viết thư tán đồng bài của tôi, đã cho biết: "*Anh em trong nước gọi cái 'roadmap' là cái 'dốt mép'.*" Điều này phù hợp với nhận xét của vài bạn trong nước nhắn cho tôi: "*Rốt-mép là chuyện tào lao.*" Còn một anh bạn ở Paris viết: "*Anh em bên này gọi 'roadmap' là 'ráo mép'.*" Thật đáng mừng là anh em mình có thừa nhạy cảm chính trị và rất hóm hỉnh! Chẳng biết đúng sai thế nào, một anh bạn ở Pháp viết cho tôi: "*Có lẽ anh Bùi Tín không biết rằng mộng của Stephen Young là được làm đại sứ Mỹ tại Việt Nam.*" Cũng đáng suy ngẫm! Ai mà biết được nước cờ của kẻ khác?

Đấy, toàn chuyện "trời ơi đất hỡi"! Thế mà anh em chúng mình phải tốn giấy, tốn mực, còng lưng hàng tuần viết những bài thuyết trình công phu, hoặc mất công gõ máy vi tính hàng giờ viết bài tranh luận nhau, rồi lại... "giận hờn nhau đủ thứ" (tôi quên tên tác giả câu thơ này)!

12.12.02

MẶT TRỜI AUSCHWITZ

QUÁCH TƯỜNG *giới thiệu*

"Lò Thiêu không phải là lỗi lầm một lần, của lịch sử."
"Bạn không thể tức giận với cả một quốc gia,
lại càng không thể tức giận với thế hệ con,
và thế hệ cháu của nó."
Imre Kertész, Nobel văn chương 2002.

Chỉ là tình cờ, Kertész có mặt tại Berlin, vào ngày 10 tháng 10, và được biết tin nhận giải Nobel văn chương. Tuy nhiên tình cờ như vậy mà lại hay, bởi vì trong 15 năm cuối của chính quyền Cộng Sản tại đất nước ông (Hungary), ông sống bằng việc dịch những tác phẩm cổ điển Đức. Sau khi khối Cộng Sản sụp đổ, cũng Đức quốc là nơi đầu tiên nhìn nhận ông, như là một tiểu thuyết gia. Và từ đó, ông cảm thấy mình ở nhà, ở Berlin, hơn là ở Budapest.

Phiền một nỗi, Mr. Kertész, năm nay 73 tuổi, là một người Do Thái, và khi còn nhỏ, đã bị đẩy vào trại tập trung của Đức Quốc Xã, và những gì ông viết ra, đều xoáy vào [đề tài] Lò Thiêu. Nhưng chính vì những "phiền một nỗi" như thế đó đã làm cho ông cưu mang cả hai. Ông tin rằng xứ sở này đã chấp nhận tội lỗi của nó. Hơn thế nữa, ông không coi Lò Thiêu thuần chỉ là một xung đột giữa những người Đức và người Do Thái, nhưng còn là một tai họa cho cả văn minh Âu Châu. "Bạn không thể tức giận với cả một quốc gia, lại càng không thể tức giận với thế hệ con, và thế hệ cháu của nó", ông nói trong một cuộc phỏng vấn, trong căn hộ nhỏ bé của ông tại Berlin, nơi ông trải qua một năm tại đây, như là một "guest scholar" tại Wissenschaftskolleg, một hàn lâm viện nổi tiếng chuyên về nghiên cứu. "Lò Thiêu không phải là lỗi lầm một-lần của lịch sử. Nó thuộc về lịch sử Âu Châu, và với nó, những giá trị [của thời kỳ] Soi Sáng của Âu Châu, sụp đổ."

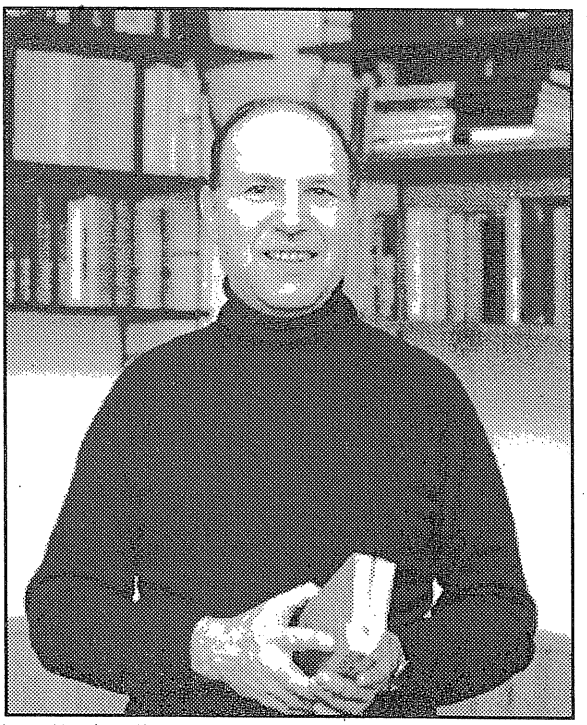
Imre Kertész, Nobel Văn Chương 2002

Hàn Lâm Viện Thụy Điển sẽ vinh danh Kertész - kẻ xa lạ, an outsider, chữ của tờ Đọc, Lire, của Pháp, khi loan tin ông được Nobel - trong dịp trao giải thưởng vào ngày 10 tháng Chạp sắp tới đây, cũng đã nhấn mạnh tới khía cạnh, mà theo họ, phân biệt những gì ông viết với những người sống sót Lò Thiêu. "Với ông ta, Auschwitz không phải là một trường hợp khác thường quái dị, một vật lạ (alien body) ở ngoài dòng lịch sử bình thường của Âu Châu... Nó là sự thực tối hậu về sự thoái hoá của con người trong cuộc sống hiện đại."

Lạ nữa, là, mặc dù sống sót cả hai trại tù và cũng là lò thiêu, Auschwitz và Buchenwald, không

phải vì lý do đó mà ông viết, theo kiểu suy nghĩ, tôi là nhà văn, vì tôi sống sót lò thiêu, hay là chứng nhân từ đáy địa ngục.

Đúng hơn là như thế này: Sau năm 1950, khi Hungary bị khuất phục trước bạo lực Xô Viết, ông cảm thấy như là mình "được" chuyển, từ trại tập trung này qua một trại tập trung khác. Cho tới một ngày, ông cảm thấy, "nó đây rồi, phải như thế thôi": mặc khải nhà văn của ông chính là mặc khải tìm một góc riêng cho cái gọi là tự do mình là mình (freedom of self-definition, như chữ của ông). Ông kể lại kinh nghiệm đó như sau:

"Đó là năm 1955, và tôi đang ở một hành lang, tôi nghe thấy tiếng bước chân ở phía sau tôi", ông hồi tưởng và kể lại bằng tiếng Hungary; bà vợ ông, Magda - gốc Hungary, lớn lên tại Mỹ - dịch ra tiếng Anh. Tiếng chân người cứ thế lớn dần, và tôi hình dung ra, cả một đoàn người lũ lượt, trùng trùng lớp lớp ở phía sau tôi, cứ thế mà bước tới. Nhóm người, lũ người, đoàn người đó, trong trí tưởng tượng của tôi, trong viễn ảnh mà tôi nhìn ra thế giới, đại khái là thế giới vây quanh tôi, "của tôi", nó "bầy ra" sự lãng quên, vẻ đồng phục, nỗi cúi đầu nhẫn nhục chịu đựng số kiếp của mình. Là một thành viên, thuộc vào lũ người lũ lượt cùng bước đi như thế đó, có nghĩa là mất tiêu luôn căn cước. Tôi phải bước ra khỏi hàng. Đó là lý do tôi quyết định, mình sẽ là một nhà văn".

Một cách nào đó, Nobel văn chương ba năm mới đây, có vấn đề. Những người được giải, và công chúng đều sững người, khi biết tin. Naipaul, năm ngoái cho biết, ông đã tưởng ông ra rìa. Năm trước nữa, Cao Hành Kiện coi đây là một phép lạ. Và khi vinh danh ông, Viện Hàn Lâm cho rằng, đây là kinh nghiệm của một cá nhân, mong sống sót lịch sử của đám đông. Còn Kertsész: một kẻ đứng bên lề, một kẻ lạ. Trở thành nhà văn chỉ vì muốn bước ra khỏi hàng. Ngay dịch giả qua tiếng Anh hai tác phẩm của ông, trong có cuốn Không Số Kiếp, cũng không nghĩ tới chuyện ông được Nobel. Katharina Wilson, dạy môn Văn Chương So Sánh (Comparative Literature, Đại học Georgia), trong một cuộc phỏng vấn, ngay sau khi biết ông được Nobel, cho biết, bà thực sự không tin, không thể tưởng tượng được lại có chuyện đó. "Tôi luôn luôn nghĩ, đây là một nhà văn hảo hạng (first rate), một thiên tài theo kiểu của ông ta, nhưng tôi chẳng hề tin, ngay cả chuyện ông được đề cử (nominated), đừng nói đến chuyện được giải Nobel.

-Tại sao bà lại chẳng hề tin ông ta sẽ được Nobel. Bộ ông ta chẳng được ai biết tới, cả về người, lẫn của (tác phẩm)?

Không phải như vậy. Ông ta được nhiều người biết tới, thí dụ như ở Đức. Nhưng nổi tiếng trên toàn thế giới, đâu cũng nghe tên, đọc tác phẩm, cái đó lạ đấy.

-Nghe nói, bà và ông xã cùng dịch, nhưng chỉ bán lèo tèo chừng 5 ngàn cuốn. Ngay ở nơi quê hương bản quán, ông ta cũng không được nổi tiếng? Nhưng mà này, tại sao lại chọn ông ta để mà dịch? Liệu mấy ông Hàn cũng có mắt xanh như bà, khi trao giải Nobel?

Đúng là ông ta không nổi đình nổi đám, ở quê hương, theo kiểu nhà văn ở trên đỉnh. Còn chuyện mắt xanh hay không mắt xanh của mấy ông Hàn, làm sao tôi biết được. Lý do tôi dịch ông ta, đúng ra là cơ duyên, nói tình cờ thì cũng được. Số là, vào thời điểm đó, tôi có một "cảm giác mạnh", rằng phải kiếm ra một cách giải thích khác đi, về Lò Thiêu, cho cả tôi và những sinh viên của tôi, theo nghĩa, trói voi bỏ rọ, gói trọn (minimize) thảm kịch mà Lò Thiêu đại diện. Tôi nghĩ ông ta là một người như vậy, một người không lôi cổ đám sinh viên, những người trẻ tuổi, dộng đầu họ vào tường, bắt họ nhìn vào đó, Lò Thiêu, với những con mắt khiếp đảm... nhưng là một người với một giọng nói hợp với giới trẻ, khi trình bầy thảm kịch đó. Nhưng cái mà tôi gọi là thiên tài thứ thiệt, rất ư là thiên tài, ở nơi ông, theo tôi, ở trong Không Số Kiếp, đó là ông bịa ra (invent) một nhân vật kể chuyện ngôi thứ nhất. [Nhiều người cho rằng, và thực sự đúng như thế, cái tôi là cái đáng ghét. Nhưng với một nhà văn thiên tài, đây là cách nhanh nhất, để kể một câu chuyện.] Kertész kể câu chuyện Auschwitz, bằng cái giọng "tôi ơi là tôi, không cường điệu, không bi thảm hoá, không đủ mọi chuyện"; ông kể từ cái nhìn của người kể chuyện thứ nhất, và người kể thứ nhất (the first person narrator) này là một đứa trẻ 14 tuổi, trẻ nguyên xi, chưa từng có một chút hiểu biết chuyện gì đang xẩy ra. Đây là cái nhìn của một cậu bé thơ ngây. Và sức mạnh của câu chuyện, chính là ở chỗ, chúng ta, những độc giả phải hiểu, cho cả chúng ta, và cho cả cậu bé, rằng cái bi kịch của câu chuyện kể ở đây, là, độc giả bắt buộc phải hiểu, những điều ghê gớm tởm lợm đang xẩy ra, nhưng người kể – cậu bé ngây thơ - lại được miễn nhiễm! Một cách nào đó, một câu chuyện như vậy treo lửng sự phán đoán, và làm cho kinh nghiệm dễ thấm hơn, mà lại không bị đập đầu vào tường.

Không phải những năm trước đây, Nobel không

có vấn đề, nếu nói về chuyện "trao giải cho một kẻ lạ". George Szirtes, trong bài viết "Imre Kertész là ai?", trên Phụ Trang Văn Học Thời Báo London (TLS), số đề ngày 18 tháng Mười, 2002, đặt câu hỏi, thực sự ông ta là ai, và "thú nhận", chúng ta đúng là đã bị "trúng lạnh", lại một lần nữa, như chúng ta thường bị như vậy, mỗi lần nghe tin Nobel lọt sổ, nghĩa là lọt ra ngoài nhóm ngôn ngữ tinh anh (a group of elite languages). Đã có trường hợp, với nhà thơ Ba Lan, Wislawa Szymborska. Tác phẩm của bà chỉ được "chúng ta" biết tới, qua bản dịch của Adam Czerniawski, của nhà xb Forest Books. Theo ông, "cách" trao giải Nobel, có thể "đọc ra được", qua câu sau đây, của Kjell Espmark: "sự chuyên hiểu – proper knowledge – cái hay nhất, đẹp nhất về văn học, tại những xứ sở khác, là cần thiết cho Viện Hàn Lâm [khi] phải phán đoán về nền văn học của chính nó.

Hiểu theo nghĩa trên, sự "ngu si dốt nát", không biết đến những nhà thơ nhà văn như Szymborska, Kertész, thí dụ vậy, của chúng ta, là một tội lỗi. [Chúng ta ở đây, qua tác giả bài viết, là thế giới văn chương viết bằng tiếng Anh]. Tác giả "thú nhận" thêm, cái đọc của ông, về Kertész, cũng chỉ lèo tèo một tí, qua nguyên tác, và qua hai bản dịch tiếng Anh, của "bà và ông xã của bà", tức Katharina Wilson và chồng như trên đã nói tới, và do những nhà xuất bản cò con ở Mỹ ấn hành. Khi bản dịch tiếng Anh của cuốn Sorstalanság (Fateless: Không Số Kiếp), ra mắt độc giả tiếng Anh, có bài phê bình trên tờ TLS, số đề ngày 15 tháng Giêng, 1993. Peter Sherwood, tác giả bài điểm, cho rằng, đây là một cuốn sách thuộc thể loại có tính xã hội nhiều hơn là tính văn chương. Và như thế, thế nào nó cũng chìm vào quên lãng, (nguyên văn: như thể những cuốn sách như vậy chưa từng hiện hữu)!

Imre Kertész là ai?

Ông sinh tại Hungary, vào năm 1929, trong một gia đình Do Thái đã hội nhập, tới mức Kertész "mù tịt" luôn, về "truyền thống" của mình, ngoại trừ ba việc lặt vặt, dễ nhớ, dễ làm như là thắp hương thắp nhang trước bàn thờ (nguyên văn: vài ba nghi lễ tông giáo Do Thái), vài ba tiếng Hebrew. Đây là hiện tượng chung ở Hungary vào thời kỳ đó. Khi xẩy ra vụ "Thống Nhất", Hungary và Áo nhập làm một, vào năm 1867, những người Do Thái ở Hungary, thuộc tầng lớp cởi mở đã rủ nhau Hung-hóa - hay trớ trêu hơn, Đức hoá – tên của họ, và trở nên yêu nước Hung hơn cả những người Hung chính hiệu. Cuối thế kỷ 19, Budapest là một thành phố phát triển nhanh nhất (fastest growing) trên thế giới, và tầng lớp Do Thái cởi mở (liberal) hầu như nắm trọn cả về thương mại lẫn văn hoá tại đây. Về mặt chính trị, những người Do Thái, chính họ, cũng chia làm hai, một, bảo thủ (thế hệ cha), và một, tiến bộ (thế hệ con). Chính quyền Bôn sê vích ngắn ngủi, sau khi đế quốc Áo Hung sụp đổ, vào cuối Cuộc Thế Chiến I, là do Do Thái cầm đầu. Và khi nó sụp đổ, nhóm cầm quyền hữu phái của Admiral Horthy đã tỏ ra cực kỳ nghi kỵ ảnh hưởng của người Do Thái. Vào lúc này, do hiệp ước Versailles, Hungary đã bị cắt một nửa lãnh thổ, và 1/3 dân số, và tội lỗi đều đổ lên đầu lên cổ người Do Thái. "Do Thái gian", "phản quốc" là những chiếc nón cối cực kỳ nguy hiểm. Nếu bạn là Do Thái, tốt nhất, bạn nên cúi đầu xuống, một sự nhịn là chín sự lành: hãy là những thành viên ngoan ngoãn, dễ bảo, của cộng đồng! Những năm đầu thập niên 1920, khi Kertész chào đời, tình hình lại càng khó khăn. Ông ra đời đúng vào năm xẩy ra vụ Wall Street Crash.

Như trong thông báo dành cho báo chí, Hàn Lâm Viện Thụy Điển nhắc tới giọng văn "không lập lờ", không hòa giải, của Kertész, cũng như "nghiệp" văn của ông ("Nếu phải nghĩ tới một cuốn sách sẽ viết, thì nó vẫn là về Lò Thiêu", như ông đã tuyên bố). Nhưng, thế nào là một cách nhìn "khác", về Lò Thiêu? Đọc như thế nào, để không bị đập đầu vô tường, hoặc "thảm" hơn, như đã xẩy ra với Tam Ích; ông có lận than, vừa mới lớn, đầy hăng say, nhiệt huyết, ông vớ ngay phải những cuốn sách viết về Lò Thiêu, thế là tiêu luôn, tuy đã cố gắng chữa trị, bằng Mác xít, tức là bằng "thiên đường mù" (chữ của Dương Thu Hương), hoặc bằng "thiên đường nhân tạo", nhưng chẳng ép phê gì hết, thế là bèn đưa cổ vào thòng lọng! Cái chết của ông, khi được báo chí hồi đó diễn tả, đã gây chấn động, trong đám tụi tôi, là đám đàn em: ông xếp những cuốn sách thành một cái ghế, và rồi trèo lên, khi đã đưa cổ vào trong chiếc thòng lọng, ông đạp đổ mớ sách...

Khi điểm cuốn The Cave của nhà văn Nobel José Saramago, trên tờ TLS số đề ngày 25 tháng Mười 2002, David McAllister có nhắc tới một câu của Saramago, "có được những ý nghĩ, tư tưởng thuộc loại xịn không phải dễ. Có được thứ tạm xài được (at least praticable), là được rồi." The Cave là cuốn thứ ba, trong một bộ ba cuốn

(trilogy), gồm Mù Loà, Tất Cả Những Cái Tên, những cuốn tiểu thuyết ám dụ về sự độc ác theo kiểu tổ hợp, với những đoàn người lũ lượt cứ thế bước tới, đi dưới ngọn cờ, viết dưới ánh sáng của... Đảng, thí dụ vậy! Không phải dễ, việc bước qua một bên, làm kẻ "outsider", như Kertész đã từng "mặc khải". "Như xì ke, ma túy, một khi bạn đã nếm mùi [đã "xếp hàng"], là coi như "vứt đi"! (nguyên văn: "This is like a drug, you try it once, and you're hooked"), một nhân vật trong The Cave nhận xét như vậy, về cái thú xếp hàng, và được hưởng những "đặc quyền đặc lợi", và những "niềm vui" của nó. Giống như những tù nhân trong hang động của Plato. Chỉ khác một chút, những tù nhân "xếp hàng" có thể 'tự do" bỏ hàng.

Không cần tư tưởng thứ xịn, chỉ cần thứ xài được. Tiểu thuyết bộ ba "Hang động, Tất cả những cái tên, Mù lòa" của José Saramago, là từ cuốn 1984 của Orwell mà ra, nhưng những câu chuyện của Saramago đáp ứng đòi hỏi thời đại toàn cầu hóa, với tất cả những nhức nhối của nó. Cái nhìn trẻ thơ của Kertész, trong Không Số Kiếp, so với cái nhìn của Oskar, một đứa trẻ mãi mãi lên ba, trong Cái Trống Thiếc, của Grass. Nhưng nếu với Grass, theo Dương Tường khi dịch cuốn sách trên, câu chuyện của ông một thứ khôi hài đen (u-mua đen, chữ của dịch giả), theo tôi, là bởi vì thứ ngôn ngữ đó, tư tưởng đó không những xài được, mà còn hết sức cần thiết, cho tiếng Đức, sau khi đã bị chủ nghĩa Nazi lợi dụng. Nói một cách khác, nếu coi tư tưởng Nazi là thứ "xịn", thí dụ vậy, thì chính thứ xài được ở Grass chẳng hạn, mới thật là cần thiết, không có không được, một khi thứ xịn kia trở thành một lời dối trá khổng lồ.

[Chúng ta hãy nhớ lại những bài hát 'mô phỏng" nhạc cách mạng, giải phóng... tại miền nam, sau 1975. Hãy nhớ lại một thời kỳ thật là ngắn ngủi, cả miền nam đã say mê với những "Từ trận thắng hôm nay, ta xây lại bằng mười". Giấc mộng lớn đó, nếu bạn là người Việt nam may mắn sống sót cuộc chiến, bắt buộc bạn phải mê, không có "oong đơ" gì hết! Nhưng sau đó, chính những "phiên bản" mới nói lên sự thực cay đắng, và "từ trận thắng hôm nay, ta xây lại bằng mười", biến thành "từ trận thắng hôm nay, ta ăn độn dài dài"].

Kafka là một trong những người ảnh hưởng sâu đậm tới tư tưởng cũng như văn phong của Kertész. Cách nhìn ngây thơ, treo lửng mọi phán đoán, bởi vì chưa từng biết phán đoán, của một đứa trẻ, tại Lò Thiêu, là cũng từ Kafka, theo như một cách đọc "khác" , về nhà văn "u tối" này. Đây là cách đọc ông, của một số nhà văn nhà phê bình hiện đại, thí dụ như của Kundera, trong Những Di Chúc Bị Phản Bội. Thế giới Vụ Án, Toà Lâu Đài, là "địa ngục", là "ác mộng", là "kín bưng", nhưng không phải không có những "cửa sổ" (chữ của Kundera), hé cho thấy một thế giới khác, chắc là dễ thở hơn. Không phải tới Kundera, người ta mới nhận ra những khía cạnh, cứ tạm cho là "hy vọng", ở trong thế giới "ma quỉ, mộng mị" của Kafka. Sartre, khi tìm hiểu sự thành công của Kafka, trong "Văn học là gì?" (Nhận Định, II), đã viết: "... Tôi cho rằng ông [Kafka] muốn miêu tả phận người. Và cái phần mẫn cảm đặc thù ở đây, đối với chúng ta, là, trong một vụ án cứ thế kéo dài, rồi bất thình lình chấm dứt trong đau thương, tức tưởi; những ông phán, ông toà thì không ai biết được, mà cũng chẳng làm sao với tới, chúng ta nhận ra lịch sử, và chính chúng ta, trong lịch sử. [Quách Tường tôi nhận ra ở đây, cuộc chiến, và chính chúng ta, ở trong cuộc chiến cứ thế kéo dài, và chết bất thình lình trong đau thương tức tưởi]. Nhìn dưới góc độ triết học, những nhân vật của Kafka, như Joseph K. và K., với Sartre, tượng trưng cho "nỗi ở đời" của con người: "Địa ngục, là kẻ khác". {Trích từ "Những nhà phê bình của thời đại chúng ta và Kafka", Claudine Raboin giới thiệu, nhà xb Garnier, 1973]

Camus nhìn ra, cả hy vọng lẫn phi lý, ở trong Kafka: Nói đến hy vọng ở đây, không phải là tiếu lâm, là cà chớn (ridicule). Bởi vì, càng bi thảm tới cỡ nào là nỗi ở đời của những nhân vật của Kafka, hy vọng càng hung bạo chừng đó..., hay nói như Kierkegaard, "Phải đập nát bấy hy vọng trần gian, để làm bật ra hy vọng thứ thiệt, và được cứu rỗi, nhờ nó. (On doit frapper à mort l'espérance terrestre, c'est alors seulement qu'on se sauve par l'espérance véritable – la Pureté du coeur: Sự Trong trắng, trinh nguyên của trái tim) (sđd).

Nhân nhắc tới Camus, Mặt Trời Địa Trung Hải, xin giới thiệu Mặt Trời Auschwitz (chữ của nhà xb Actes Sud, khi dịch qua tiếnng Pháp tác phẩm của Kertész), như một trích đoạn sau đây cho thấy:

"Ở nơi đó, cũng vậy, giữa những ống khói, trong những quãng ngừng của khổ đau, có một cái gì giống như là hạnh phúc.... Vâng, đúng là nó đấy, hạnh phúc ở trại tập trung, điều mà tôi sẽ nói tới sau này, khi có người hỏi. Thì cứ giả dụ như sẽ có người hỏi. Thì cứ giả dụ như chẳng bao giờ tôi quên nổi, hạnh phúc."

VÀI NÉT VỀ CHIẾN CỤ VÀ CHIẾN THUẬT CỦA HOA KỲ THẾ KỶ 21

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong mấy tháng gần đây, tình hình thế giới trở nên nóng bỏng với nỗ lực chuẩn bị chiến tranh đánh Irag do quyết tâm của Bush và nội các. Tổng thống Bush hung hăng tuyên bố: Nếu các quốc gia trên thế giới không ủng hộ quan điểm của Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ đơn phương hành động.

Sau chiến tranh VN, chiến cụ và chiến thuật của Hoa Kỳ đã được cải tiến rất nhiều, tận dụng kỹ thuật điện tử tân tiến để phát triển những loại vũ khí hữu hiệu hơn, hầu mau chóng thanh toán chiến trường, giảm thiểu tổn thất nhân mạng. Khá nhiều bài báo đã nói về các vũ khí này, như máy bay tàng hình B1, bom khôn JDAM (Joint Direct Attack Munition), máy bay do thám không người lái (predator, dragon eyes v.v), phi đạn viễn khiển tầm xa cruise missile Tomahawk, do đó bài này chỉ đề cập đến một vài ý niệm mới trong chiến tranh của thế kỷ 21.

Chiến cụ mới:

Xe tăng bằng sứ

Từ trước đến nay, trên trận địa, xe tăng (xe thiết giáp) là một vũ khí đáng sợ. Là một pháo đài bằng sắt di động, có hỏa lực đại pháo mạnh mẽ để công phá các công sự kiên cố, các kiến trúc lớn, xe tăng có khả năng vượt các chướng ngại, mở đường cho bộ binh tòng thiết theo sau. Trên chiến trường, giữa đổ nát và khói lửa mù mịt, xe tăng gầm gừ tiến tới, như một con cua sắt khổng lồ đầy đe dọa, đè bẹp mọi chướng ngại trên đường đi và khạc ra những viên đại pháo đinh tai nhức óc với sức phá hoại kinh hồn. Bắn xe tăng bằng đạn súng nhỏ chỉ như muỗi đốt gỗ. Phải có đạn xuyên phá mới mong chận đứng được nó, vì xe bọc thép dầy.

Chính vì lớp thép dầy che chở mà xe tăng thành ra quá nặng nề, dễ sa lầy, tốn nhiên liệu (nửa mile một galon xăng). Khi muốn chuyên chở đến chiến trường xa, cần phải chở bằng tầu thủy nên quá chậm trễ. Nếu nhẹ hơn, phi cơ chuyển vận hạng nặng có thể chở xe tăng và đáp ứng mau lẹ với nhu cầu chiến trường, cũng như khi lâm chiến xe tăng dễ dàng di chuyển nhanh chóng khỏi vùng nguy hiểm.

Đã từ lâu trong kỹ nghệ thương mại từ cơ phận xe hơi tới chip của máy vi tính đã được chế tạo bằng sứ và đã chứng tỏ được sự tiết kiệm tài chánh và công dụng của nó. Riêng trong lãnh vực quân sự, nhẹ nhàng nhưng chắc chắn là yếu tố quyết định.

Đầu tiên là năm 1970, giới quân sự Mỹ đã bắt đầu áp dụng đồ sứ vào việc kiến trúc máy bay trực thăng, đặc biệt là chế tạo ghế phi công ngồi và bao bọc phòng lái để che chở phi hành đoàn. Dĩ nhiên đây không phải là đồ sứ thường như chén kiểu và tách trà mà là loại đặc biệt sản xuất bởi công ty Ceradyne, có thể chịu đựng một áp lực rất cao. Đặc biệt loại áp dụng cho xe tăng có thể chịu một áp lực 140,000 pound trên một inch vuông, có nghĩa đạn bắn không suy chuyển.

Năm 1993, trong cuộc hành quân truy kích tại Somali, các binh sĩ Mỹ mặc áo giáp sắt che trước ngực và sau lưng nặng 20 pounds. Nặng đến nỗi, binh sĩ phải cởi bỏ áo giáp cho dễ di chuyển, nhưng khi đụng trận, họ dễ dàng bị thiệt mạng trước hỏa lực địch. Tổng cộng chiến cụ và đạn dược binh sĩ Mỹ khi lâm trận phải mang một trọng lượng chừng 100 pounds.

Từ kinh nghiệm xương máu này, quân lực Hoa Kỳ nỗ lực tìm kiếm một vật liệu nhẹ nhàng và chắc chắn. Đó là đồ sứ. David Newlin, giám đốc ban kỹ thuật thuộc hãng General Dynamic cho hay: "Đồ sứ, trên phương diện sản xuất, dễ chế tạo hơn, không tạo nhiều phó sản phế thải, và dễ sửa chữa." Hãng này đặt cơ sở tại Fallschurch, Virginia, chuyên cung cấp xe tăng cho quân đội Hoa Kỳ.

Áo giáp bằng sứ, khi bị bắn hư hại, không phải vứt bỏ như áo giáp sắt mà chỉ cần vá lại.

Với loại xe AAAV xử dụng bởi Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, có thể chạy lướt trên mặt nước và chạy trên bờ, thay vì gắn từng mảnh sứ, hãng General Dynamic tạo một hỗn hợp sứ lỏng, đúc thành khuôn trước mũi xe. Sau vài ngày sứ khô, liền lạc thành một khối và kín nước.

Điều trở ngại hiện nay là xe tăng bằng sứ chỉ mới chịu đựng được đạn súng nhỏ hoặc súng hạng trung, nhưng với các loại đạn của xe tăng địch có sức xuyên phá mãnh liệt, hoặc mìn lớn, nó chưa được hữu hiệu cho lắm. Quân đội Mỹ vẫn tiếp tục nghiên cứu và phát triển cho đến ngày hoàn hảo hơn.

Bruce Fink, giám đốc ban vật liệu nhẹ thuộc Phòng Thí Nghiệm Lục Quân cho hay: "Mấy năm trước, nếu bạn bảo xe tăng sẽ được chế tạo bằng sứ, chắc chắn người nghe sẽ cho là bạn điên. Nhưng gần đây, người ta thấy có lý, và vài năm nữa, nó sẽ được sử dụng trên chiến trường. Không thấy sao, các phi thuyền con thoi còn được lót bằng 22,000 viên gạch sứ nữa là."

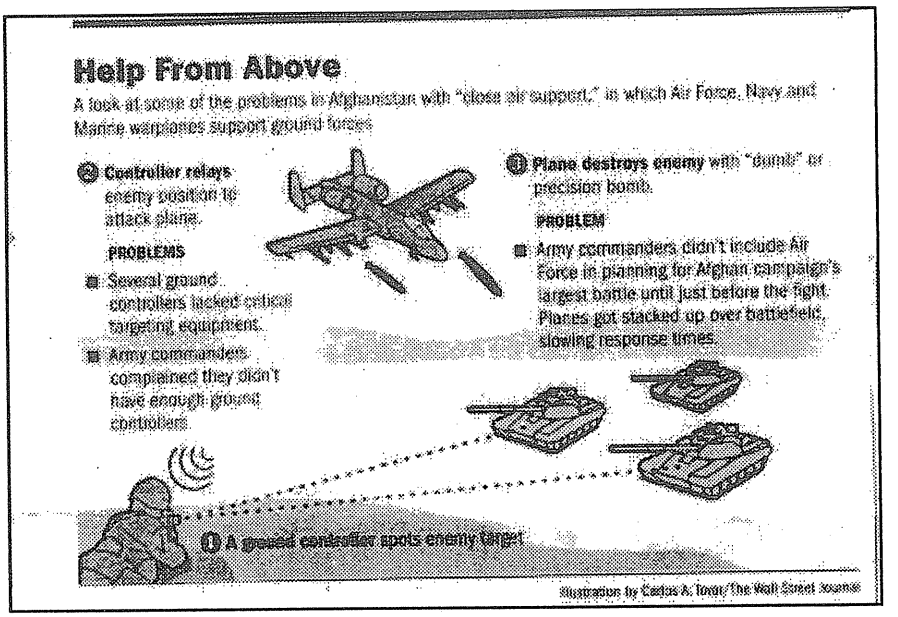

Chiến thuật mới tại trận chiến Irag: thằng què cõng thằng mù

Sau chiến tranh VN, Hoa Kỳ tham gia vài cuộc chiến có kích thước nhỏ hơn như trận chiến vùng Vịnh giải cứu Kuwait khỏi sự lấn chiếm của Iraq, chiến dịch đánh quân Taliban ở Afghanistan v.v.

Chiến thuật của Hoa Kỳ trong các trận chiến vừa kể là tốc chiến tốc thắng, hoàn toàn trông cậy vào kỹ thuật điện tử tân kỳ và các loại vũ khí chính xác, không dùng nhiều bộ quân mà xử dụng không quân cùng tối đa bom đạn, kiểu đánh giặc nhà giầu.

Nhưng thực tế, thành công chỉ có được khi có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng khác quân chủng. Nói đến đây, các độc giả nhà binh đã có dư kinh nghiệm vì, tại bất cứ quốc gia nào, Hải Lục Không Quân luôn luôn không tin tưởng nhau cho lắm, có hợp tác thì cũng như kiểu "bằng mặt mà không bằng lòng." Tại sao thế? Vì quân chủng nào cũng tự hào về truyền thống của ngành nghề mình. Nhờ cậy người khác yểm trợ, không biết tin được bao nhiêu. Điển hình, nếu một đơn vị bộ binh lâm chiến họ tin tưởng vào sự yểm trợ của xe tăng hay đơn vị pháo binh cơ hữu. Nay xin sự yểm trợ từ không quân, bay tít mù trên 15,000 feet, lỡ hết xăng, hoặc thời tiết xấu, các quan phi công hào hoa bỏ mặc chiến trường bay về hậu cứ, thì biết làm sao đây. Chẳng lẽ nằm chờ chết. Vả lại các đơn vị trọng pháo hay xe tăng, cùng một hệ thống quân giai, dễ xài xể hơn, dễ tận dụng hơn.

Do đó sự phối hợp hoạt động giữa các quân chủng chính là mối ưu tư của tướng Tommy Frank Tư Lệnh Lực Lượng miền Trung Đông khi ông hoạch định kế hoạch tấn công Iraq trong tương lai. Ông cần sự phối hợp ăn khớp tối đa của quân bộ chiến và phi cơ. Nếu mọi việc như dự tính thì bộ quân sẽ chớp nhoáng tiến về Baghdad như vậy trọng pháo và xe tăng sẽ không theo kịp để yểm trợ. Thay vào đó lục quân và thủy quân lục chiến sẽ được không yểm bởi phi cơ của không quân và hải quân bay ở cao độ 15,000 thả hàng loạt bom chính xác để dọn đường cho bộ binh. Chiến thuật này gọi là "không yểm tiếp cận" (close air support).

Lý thuyết là như thế, nhưng trở ngại chính là quân lực Hoa Kỳ chưa bao giờ thành công trong loại chiến thuật mới mẻ này, dù rằng có đạt được

chút ít thành công trong trận chiến tại Afghanistan. Hai bên bộ binh và không quân đổ lỗi cho nhau về những thất bại trên chiến trường, khiến cho việc chấn chỉnh trong tương lai thêm khó khăn. Trong chiến dịch Anaconda, không yểm luôn chậm trễ và rơi lạc mục tiêu làm chết ít nhất 12 bộ binh. Giới chức quân sự cho hay, tất cả là do sự thiếu phối hợp giữa những lực lượng tham chiến và vấn đề này chắc chắn sẽ lại tái diễn trên chiến trường Iraq.

Trường hợp điển hình là những chuyên viên chỉ điểm (controller), thông thường là các quân nhân không quân, tháp tùng bộ binh hoặc thủy quân lục chiến ra chiến trường, có nhiệm vụ xác định vị trí của địch quân (đoàn quân hoặc xe tăng) rồi chuyển vị trí đó lên cho phi công đang bay trên vùng trận địa. Controller có thể gọi phản lực cơ bay ở cao độ 15,000 feet, trang bị bom khôn JDAM, hay khu trục cơ A10, bay thấp và chậm hơn, nhưng yểm trợ hữu hiệu hơn.

Đến đây người ta thấy ngay điểm yếu của chiến thuật gọi là tân kỳ của Hoa Kỳ. Đó là mức độ thành công của không yểm hoàn toàn phụ thuộc controller dưới đất. Nếu không có tọa độ cung cấp bởi controller thì bom khôn cũng hóa bom ngu vì chẳng biết đường tìm đến mục tiêu. Cũng tương tự một nhân viên bưu điện thành phố Nữu Ước, phải phát một bức thư, mà trên phong bì chỉ có tên người nhận mà không có địa chỉ vậy.

Kinh nghiệm chiến trường Afghanistan cho thấy không yểm thường mất từ 25 phút đến một giờ mới thả được một quả bom khôn do bộ binh yêu cầu. Tướng Lục Quân Franklin Hagenbeck, Tư Lệnh lực lượng trên bộ của chiến trường này, trong cuộc phỏng vấn với báo chí cho hay: "Khi thực tập hay lúc không đụng trận thì không sao. Nếu hai bên đang giao chiến mà một tiếng sau mới thấy một trái bom thả xuống thì thà chết sướng hơn." Quân lính trên bộ than phiền là ở cao độ 15,000 feet thông thường phi công không nhận dạng được những mục tiêu nhỏ. Trường hợp khác là các đơn vị bộ binh không có đủ controller cần thiết hoặc controller bị thương là bù trất. Ấy là chưa kể trong trận chiến gay go, controller không dễ đến gần vị trí địch quân. Bộ binh đề nghị huấn luyện controller của họ với số đông để phòng hờ, nhưng không quân không chịu vì muốn huấn luyện một controller cần năm năm và nhiệm vụ người này là phải điều khiển một lúc cả chục phi cơ được trang bị nhiều loại bom khác nhau.

Trường hợp ở Afghanistan còn rắc rối hơn nữa là controller không được cấp phát các dụng cụ điện tử thích hợp. Loại bom thường được xử dụng là bom 2,000 pounds, chỉ hữu hiệu khi được hướng dẫn chính xác. Controller dùng một dụng cụ phóng ra tia laser để có tọa độ của mục tiêu rồi đọc tọa độ này cho phi công, phi công sẽ cho tọa độ đó vào bộ phận điều khiển của bom vả thả xuống trận địa. Thế mà nhiều controller được điều động tới Afghanistan lại không được trang bị dụng cụ laser nói trên (phí tổn 20,000 MK một chiếc) hoặc không được huấn luyện cách xử dụng. Khi được trang bị, họ than phiền là tia laser không đủ mạnh để máy móc trên phi cơ nhìn thấy, nhất là khi gió thổi cát bụi mù mịt, điều thường xẩy ra tại Iraq. Trong trường hợp này, controller phải trực tiếp đọc cho phi công tọa độ của các mục tiêu di chuyển, nhiều khi mất đến 20 phút, chuyển xong thì mục tiêu đã sang chỗ khác. (Lời bàn thêm của TQN: trước một đoàn quân rầm rộ tiến đến với xe tăng và pháo binh bắn dọn đường cũng như các toán tiền thám của địch tỏa rộng ra trước cánh quân chính, dễ gì controller dám đến gần để xử dụng tia laser cho chính xác. Thôi thì đành nằm ở xa, phóng đại tia laser ra, tới đâu hay tới đó. Điều này cũng dễ hiểu, vì controller ở tuyến đầu, chịu nguy hiểm nhiều hơn cả, trong khi các phi công an toàn trên trời cao và đại quân bộ binh án binh nơi hậu tuyến).

Trung sĩ Romero, tham dự trận chiến Afghanistan cho hay: "Phần lớn bom thả từ phi cơ, đánh trật mục tiêu. Theo tôi thấy, muốn tiêu diệt địch, dùng trọng pháo là tốt nhất."

Quan niệm từ xưa đến nay là bộ binh xử dụng không yểm làm địch quân phải ẩn núp, để bộ binh tiến lên thanh toán chiến trường, bây giờ thì ngược lại, bộ binh không chú trọng đến việc giao chiến mà chỉ có nhiệm vụ xác định mục tiêu rồi gọi không quân oanh tạc. Giới bộ binh tự hỏi: "Như vậy thì không quân yểm trợ bộ binh hay bộ binh yểm trợ không quân."

Để kết luận, người ta thấy rằng bom đạn dù tinh khôn đến đâu vẫn cần sự hướng dẫn của con người. Chiến thuật mới của Hoa Kỳ phụ thuộc vào máy móc điện tử mỏng manh và đắt giá (vài chục ngàn MK một chiếc). Trường hợp máy móc hư hại hay trục trặc (hết pin, đánh rớt, dính bùn đất) là bó tay. Bom khôn nhưng cũng chỉ như thằng mù do thằng què là controller cõng đi chỉ đường. Thằng què què luôn thì thằng mù chịu chết, không biết đâu mà đi.

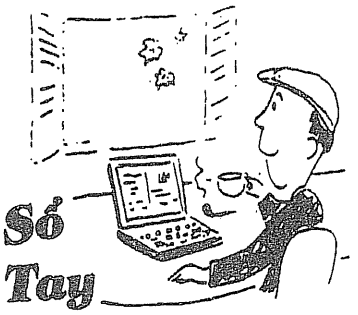

NGÔ NHÂN DỤNG

AI TRẺ AI GIÀ?

Không mấy khi một ông bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lại nói một lời làm cho cả nước Pháp nổi giận. Từ bữa ông Donald Rumsfeld phê bình các nước chống chủ trương đánh Iraq của chính phủ George W. Bush, (Đức, Pháp, Bỉ) như là "Old Europe" – (nên dịch là gì? Âu châu cổ/ xưa/ cũ/ già/ cổ lỗ/ lụ khụ/ lỗi thời ...?) thì người Pháp không thể nào tha thứ cho ông. Ông Rumsfeld lại ca ngợi các nước ở Đông Âu, tất cả mới thoát nạn cộng sản hơn 10 năm nay, gọi họ là nhóm "Âu châu trẻ."

Trẻ? Mười ba nước ở Đông và Trung Âu đã nêu ý kiến về vấn đề Iraq, lập trường của họ trên căn bản giông giống chính phủ Mỹ. Trong số 13 nước đó có ba nước đã được Liên hiệp Âu châu đồng ý cho gia nhập là Hung, Tiệp, Ba Lan; còn 10 nước khác đang là ứng viên được xét trong năm tới.

Nhưng thực ra giữa các nước Âu châu và Mỹ quốc bên nào trẻ bên nào già? Oscar Widle đã nói đùa: "Tính trẻ trung của Mỹ quốc là truyền thống già nua nhất của họ. Nó đã kéo dài đến 300 năm!" So với dân Âu châu thì dân Mỹ giữ được nhiều tính chất của một dân tộc già, rất bảo thủ, đặc biệt là họ đề cao những giá trị cổ truyền: Lòng ái quốc, bảo vệ truyền thống tôn giáo và gia đình. Hãy coi ông Tổng thống Mỹ luôn luôn đọc diễn văn là nhắc đến tên Thượng Đế, họp nội các cũng phải cầu nguyện, dân Mỹ trước khi coi banh cũng đứng dậy nghe quốc ca, chủ nhật nhà thờ đông đảo. Những giá trị đó ở Âu châu đã dần dần bị pha loãng. Không những họ không đề cao tự ái dân tộc mà còn đang tính xóa bỏ tất cả các biên giới; và vai trò của các giáo hội yếu dần trong đời sống chính trị cũng như xã hội.

Tính về tuổi tác, nước Mỹ tuyên bố độc lập trước khi nước Đức và Ý ra đời hàng trăm năm! Hiến pháp Mỹ là bản hiến pháp cổ nhất thế giới (viết năm 1787,) và từ năm 1791 đến nay chỉ được tu chính sơ sơ chứ chưa bao giờ thay đổi. Dân Mỹ bây giờ hơi tý là nói đến các ý kiến lập quốc của các "quốc phụ" chứ các nước Âu châu chẳng ai lại thờ cúng tổ tiên mãi như vậy! Đến bây giờ mà dân Mỹ vẫn vin vào bản hiến pháp cũ kỹ của họ để đòi hưởng những quyền như quyền mua súng, đeo súng, căn cứ vào một nhu cầu khi mới nổi lên đánh đuổi quân của Anh hoàng. Ở Pháp người ta đã thay đổi hiến pháp lập chế độ cộng hòa năm lần, chưa kể những lần theo chế độ quân chủ, đế chế, và nhiều cuộc thí nghiệm linh tinh khác! Hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa ở Mỹ là hai đảng chính trị lâu đời nhất thế giới (thành lập năm 1828 và 1854,) trong khi ở Âu châu các đảng ra đời rồi chết, hợp rồi tan, chẳng bao giờ yên. Nếu tính hay thay đổi là tính của người trẻ tuổi thì phải nói các nước Âu châu đều trẻ hơn Mỹ cả! Thế mà ông Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lại bảo là họ già!

ÂU CHÂU GIÀ BÈN DẠY DỖ MỸ

"Âu châu già" giận lắm. Đã bị gọi là già thì họ nhận là già luôn, và cho bọn trẻ một bài học! Ngoại trưởng Pháp Dominique de Villepin chống lại yêu cầu đánh Iraq ngay của Mỹ, lên giọng dạy dỗ ở diễn đàn Liên Hiệp Quốc: "Đây là một thông điệp từ một quốc gia đã già, nước Pháp, từ lục địa, Âu châu của chúng tôi, nó đã trải qua những cuộc chiến tranh, đã bị chiếm đóng, và đã bị những đạo quân man dã xâm lăng." Ông Régis Debray thuộc đảng Xã hội Pháp vốn đối lập với ông Chirac nhưng cũng phải lên tiếng hỗ trợ chính phủ. Ông viết rằng nếu nước Mỹ muốn chuẩn bị cuộc chiến tranh "mà chính ông Osama bin Laden rất mong xảy ra" thì kệ nước Mỹ. Ông cựu cố vấn của Tổng thống Francois Mitterrand bảo nếu Mỹ đánh Iraq là tặng cho các nhóm Hồi Giáo quá khích một cơ hội bằng vàng, trong lúc phong trào đó đang yếu đi.

Ông Régis Debray nói kinh nghiệm của "Âu châu già" đã trải qua, với những đoàn Thập Tự quân đã dùng gươm đi đánh Jerusalem, những đạo quân viễn chinh đem súng đi đánh Algiers, Bắc Kinh, v.v.. Âu châu già học được một điều là phải phân biệt chính trị với tôn giáo. Họ học được về sức mạnh của tinh thần độc lập của các dân tộc khác. Âu châu già học được bài học ở đời phải biết khiêm tốn. Phải nhìn xa chứ đừng nhìn ngắn hạn. Âu châu già đã trả cái giá đắt cho những nhầm lẫn cũ. "Thế giới bây giờ rất phức tạp, không thể giản dị hóa bằng cách nhìn: trắng với đen, chính với tà, ta với địch." Ông chế nhạo: bao giờ thì Washington biết đếm tới số

ba?

Khi dân Mỹ nghe Tổng thống Chirac chống lại chủ trương đánh Iraq gấp của chính phủ Bush thì báo chí ở Mỹ đem cả nước Pháp ra chế riễu và bảo rằng họ "quên ơn." Một người Pháp ở Normandie sau khi tỏ ý biết ơn quân đội Mỹ đã giải phóng Pháp đuổi quân Đức năm 1944, đã nói: "Quý vị đã giúp chúng tôi giành lại tự do, nhưng đâu phải vì thế mà bây giờ quý vị vin vào đó mà đi đòi lại, không cho chúng tôi được tự do có ý kiến đối nghịch?" Ông Jean Francois Poncet, một Nghị sĩ và cựu Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, công nhận nước Pháp "nợ Mỹ" đã giúp Pháp trong cuộc đại chiến thứ hai. Nhưng, "Có nên để mối nợ đó ảnh hưởng tới chính sách ngoại giao của chúng ta hay không, khi chúng ta thấy nó đi ngược lại cho quyền lợi của chính nước Mỹ và của Âu châu?"

PHÁP DẠY DỖ ÂU CHÂU TRẺ

Các nước Đông và Trung Âu tỏ ra sốt sắng ủng hộ Mỹ hơn, vì họ đã sống qua chế độ cộng sản dưới sự kiềm chế của Nga, và họ biết rằng nếu không có nước Mỹ thì còn lâu họ mới được tự do như bây giờ. Vì vậy 13 nước sẵn sàng lên tiếng ủng hộ chính phủ Bush về vụ Iraq, trong lúc Pháp và Đức chống lại. Làm như vậy, họ chứng tỏ ở Âu châu không phải nước nào cũng nghe theo hai nước lớn nhất là Pháp và Đức trong chính sách ngoại giao. Mà giấc mộng của hai nước đàn anh này là biến Liên hiệp Âu châu thành một khối đối trọng của Mỹ trên bàn cờ thế giới.

Ông Tổng thống Pháp Jacques Chirac không bỏ lỡ dịp dạy "cho Âu châu trẻ một bài học." Nhưng ông Chirac là người Pháp, và người Pháp thường được học văn chương thi phú ngay từ khi vào trường tiểu học, họ rất thích trau dồi nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Ông không la lên: Các chú bé câm miệng lại! Nói như vậy sỗ sàng quá, đến con chim con kiến trong thơ ngụ ngôn của La Fontaine cũng biết nói năng văn vẻ hơn. Ông Chirac chỉ nói rằng những nước Đông Âu "bỏ lỡ một cơ hội im lặng" (ont manqué une bonne occasion de se taire!) Báo chí ở Mỹ dịch là "missed a good opportunity to shut up." Nhưng dịch như vậy là nặng nề quá, ông Chirac thực sự đã nói "dịu dàng" hơn nhiều. Nói "shut up", cũng giống như người Việt bảo "câm cái miệng đi cho tôi nhờ," thì người Pháp có thể dùng ngôn ngữ khác, thí dụ "une bonne occasion de fermer leur gueule" hay giản dị hơn, "une bonne occasion de la fermer." Nói như vậy gần với chữ Anh "shut up" hơn. Ông Chirac chỉ dùng chữ "se taire" bình thường, không sỗ sàng quá. Đủ thấm thía mà lại văn hoa hơn nhiều.

Nếu ông Chirac thay chữ "se taire" bằng những chữ "garder le silence" hay "se garder de s'exprimer" (giữ im lặng; không phát biểu) thì nghe long trọng hơn, đúng ngôn ngữ ngoại giao. Nhưng nói năng nghiêm nghị như thế thì không chứng tỏ được là ông đang bực mình. Bực mình theo kiểu một người lớn nghe trẻ con "bép xép." Mà ông Chirac thì trong lòng muốn bầy tỏ cái ý đó, có như vậy mới phụ họa và đáp lại những hình ảnh "Âu châu trẻ" đối chọi với "Âu châu già" mà ông Don Rumsfeld nêu ra.

Cho nên ông Chirac phải phê bình việc công bố bản ý kiến của các nước Đông Âu một cách "kẻ cả" hơn: "Hành động này không tỏ ra có tinh thần trách nhiệm lắm. Và không có vẻ được dậy dỗ tốt lắm." Dịch ra tiếng Việt tạm lấy ý vậy thôi chứ không hoàn toàn đúng tiếng Pháp của ông Chirac. Báo chí ở Mỹ dịch là "vô trách nhiệm và không lễ độ lắm," (rather irresponsible and not very polite) cũng không phản ảnh đúng ý ông Tổng thống Pháp.

Ông Chirac nói giản dị và nhẹ nhàng: "Ce n'est pas un comportement bien responsable. Ce n'est pas très bien élevé." Khi người Pháp nói ai đó "pas très bien élevé" thì có ý ám chỉ đó là một đứa trẻ thiếu người dậy dỗ, tuy không nặng nề như chữ "mal élevé," có nghĩa tương tự như "mất dậy, vô giáo dục." Nhưng khi nói một người lớn "không được giáo dục tốt" thì cũng coi người đó như trẻ con! Đúng là ông Chirac muốn chế nhạo hình ảnh "Âu châu trẻ" của ông Rumsfeld!

Cho đến đầu tháng Ba năm 2003 thì coi bộ chiến tranh Iraq khó tránh khỏi. Chính phủ Pháp đã báo động rằng cuộc chiến Iraq sẽ chia rẽ thế giới. Nếu Mỹ cứ đánh mặc dù Đức chống và Pháp phủ quyết thì khối NATO sẽ bị chia rẽ, Liên Hiệp Quốc cũng trở thành vô vị, và một "trật tự mới" của thế giới sẽ thành hình! Người Mỹ có vẻ không quan tâm đến cái trật tự mới đó lắm, vì họ tự hào bây giờ Mỹ là siêu cường duy nhất trên trái đất. Nhưng đối với dân Mỹ thì ảnh hưởng kinh tế của cuộc chiến mới đáng quan tâm.

CHIẾN TRANH LÀ TỐN TIỀN

Chiến tranh là tốn tiền. Nhưng nếu một cường quốc đem quân đi chinh phục một nước

nhỏ thì sau chiến tranh vẫn còn tốn tiền thêm nữa. Không những phải lo nuôi binh sĩ trong đạo quân chiếm đóng và bình định, mà còn lo tái thiết cái xứ bại trận, nuôi cả tù binh, hàng binh và hàng dân! Và các chính trị gia trong nước cũng như người dân thường sẽ hỏi: Tại sao lại đem tiền của chúng tôi mà chi tiêu cho bọn chúng nó hưởng?

Câu hỏi này không phải do các đại biểu Quốc hội Mỹ đặt ra cho chính phủ Bush. Đó là lời can gián của quan Hữu Nội Sử đời Hán Vũ Đế (140 – 87 trước Tây Lịch) tên là Cấp Ảm. Hồi đó phiêu kỵ tướng quân Hắc Khứ Bệnh đi đánh Hồ bắt được bốn vạn người. Sau đó vua rợ Hồ là Hồn Gia đem hai vạn dân vào hàng phục. Vũ Đế vui mừng sai đem "hai vạn cỗ xe ngựa" đi đón đám hàng dân này, ban thưởng và nuôi nấng họ (Mỗi cỗ xe cho một ông Rợ Hồ?). Ngân sách chính phủ thiếu hụt, Vũ Đế phải bắt dân bán chịu ngựa và hàng hóa để đưa ra biên giới nuôi người Hồ. Nhưng dân chúng thời đó cũng biết rằng bán chịu cho nhà nước giống như đổ của cải xuống cái hố không đáy, cho nên họ lén lút giấu ngựa và cất hàng hóa đi. Nhà vua ra lệnh bắt, trị tội chém; ở Tràng An có đến năm trăm người phạm tội. Cấp Ảm là người trung trực thẳng thắn, từng can gián vua nhiều lần. Một lần Vũ Đế tỏ ý muốn theo chính sách của đời Nghiêu, Thuấn, Cấp Ảm nói thẳng rằng: "Bệ hạ trong lòng đầy những ham muốn mà bên ngoài lại làm bộ nhân nghĩa, không theo Nghiêu Thuấn được đâu!" Lần này, nghe tin vua định giết dân Trường An vì cần có tiền nuôi dân Hồ, ông xin vua hãy chém đầu ông thay cho đám dân bị tội. Ông đặt thẳng câu hỏi: "Tại sao lại bắt dân Trung Quốc mệt mỏi đi hầu hạ Di, Địch?" (Theo Sử Ký, Tư Mã Thiên.)

Nếu Mỹ đánh Iraq và lo quản trị xứ này trong năm tới thế nào cũng có nhiều đại biểu Quốc hội đặt những câu hỏi tương tự. Ngay bây giờ những người đóng thuế ở Mỹ coi như đã sẵn sàng cuốn ngân phiếu ký một cái check 750 đô la cho chiến phí, nếu phí tổn chỉ là 100 tỷ mỹ kim như Ngũ Giác đài dự đoán.

Chiến tranh ở Iraq tốn kém, nhưng ảnh hưởng của cuộc chiến trên nền kinh tế Mỹ và thế giới không phải chỉ là 50 đến 100 tỷ mỹ kim như Bộ Quốc phòng Mỹ ước tính cho chiến phí (Riêng việc di chuyển quân đội đi sang vùng Vịnh rồi về cũng tốn chừng 20 tỷ rồi.) Năm 1991 cuộc chiến vùng Vịnh tốn hơn 60 tỷ, tương đương với 80 tỷ theo giá bây giờ. Nhưng hồi đó các nước như Nhật Bản, Á rập Sau đi gánh phần lớn các món chi tiêu, chính phủ Mỹ chỉ tốn hơn 4 tỷ tính theo đô la bây giờ. Lần này nước Mỹ sẽ phải trả tất cả các món chi phí. Nhưng chiến phí chỉ là một phần nhỏ. Sau cuộc chiến, 50 ngàn đến 75 ngàn quân Mỹ phải đóng lại và chi phí cho họ sẽ tốn từ 100 tỷ đến 600 tỷ trong mười năm. Giáo sư William Nordhaus, Đại học Yale cho một con số lớn hơn, ông tính rằng trong 10 năm nước Mỹ sẽ tốn từ 100 tỷ mỹ kim đến 1,900 tỷ.

Những ước lượng này tùy thuộc tính chất cuộc chiến sắp tới. Chiến tranh sẽ nhanh chóng (trong vòng một tháng?) hay kéo dài? Cuộc chiến sẽ thu hẹp ở Iraq hay lan ra các xứ chung quanh? Thổ Nhĩ Kỳ, Iran có nhân nước đục thả câu đưa quân vào hoặc hỗ trợ các nhóm của họ ở trong nước Iraq hay không? Ông Saddam Hussein có thành công trong việc phá hoại các giếng dầu lửa ở Iraq và các xứ chung qaunh như Israel, Kuwait hay không? Sức phá hủy nặng hay nhẹ? Khối OPEC sẽ phản ứng thế nào, có tăng số lượng dầu sản xuất hay không? Tất cả những câu hỏi đó còn chưa trả lời được vì quá nhiều ẩn số chưa thể đoán trước.

KẾ HOẠCH IRAQ HẬU CHIẾN

Nhưng trước khi chiến tranh xảy ra, chính phủ Mỹ giờ đã chi 5 triệu đô la cho hơn một chục nhóm chuyên viên đang cộng tác với Bộ Ngoại giao Mỹ để soạn thảo một kế hoạch hậu chiến cho Iraq. Ủy ban này đặt ra 17 vấn đề phải giải quyết, từ việc cải tổ ngân hàng đến hệ thống y tế, giáo dục. Bên Bộ Quốc phòng Mỹ cũng đã lập một Văn phòng Tái thiết và Cứu trợ Nhân đạo để lo việc tương tự. Một ủy ban 16 người do Bộ Ngoại giao mời đang bàn những vấn đề kinh tế hậu chiến ở Iraq. Họ đã bàn những chuyện tỉ mỉ như: Nên đem hết những đồng tiền Iraq (dinar) in hình ông Hussein ra "đốt lửa liên hoan," hay để cho nó biến đi từ từ? Sau khi Saddam Hussein đổ, nên "tha thuế" cho dân chúng sáu tháng hay hai năm? Sau đó nên áp dụng một chế độ thuế như thế nào? Sẽ đánh thuế lợi tức lũy tiến như ở Mỹ hiện nay, hay chỉ có một suất thuế duy nhất (flat tax) như ứng cử viên Tổng thống Steve Forbes đã mấy lần đề nghị cho dân Mỹ? Hãng hàng không Iraq nên giữ hình thức quốc doanh hay đem tư nhân hóa? (Một người Mỹ gốc sắc tộc Kurd ở Iraq, ông Rubar Sandi đã tình nguyện làm Tổng Giám đốc công ty tư nhân Iraq Airlines

sau này.)

Hiện cơ quan viện trợ Mỹ USAID đã soạn một kế hoạch sáu tháng, đề cập tới những vấn đề như bảo đảm hệ thống nước uống cho dân chúng thành phố, máy điện phát khẩn cấp hoặc phân phối thực phẩm cứu đói. Xứ Iraq hiện nay nằm trong một hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, nếu bộ máy chính phủ bị tê liệt thì cả nền kinh tế như rắn mất đầu. Bộ Tư pháp Mỹ đã ấn hành một tài liệu 600 trang bằng tiếng Á rập đề nghị những cải tổ trong luật lệ của Iraq, bảo đảm những quyền căn bản như tự do ngôn luận, lập hội, lập đảng, và tất nhiên có tự do kinh doanh.

Ông Sinan Al-Shabibi là một cựu viên chức trong Bộ Kế hoạch chính phủ Iraq, bây giờ ở Genève, được mời đến Washington tham khảo ý kiến. Ông là một bạn học cũ của ông Saddam Hussein, ở Đại học Cairo, Ai cập. Ông đồng ý việc tha thuế cho dân nhưng không nên kéo dài quá một năm; và ông phản đối ý kiến dùng một thuế suất flat tax do ông Sandi đề nghị. Ông Sandi quốc tịch Mỹ, thuộc đảng Cộng Hòa (như tỷ phú Forbes) sau khi đã ở Mỹ 28 năm. Ông Shabibi nói: những đứa đã làm giầu nhờ chế độ Hussein phải đóng thuế nhiều hơn! Hiện nay dân Iraq chỉ đóng hai thứ thuế là thuế thổ trạch và thuế đánh trên di sản. Nay mai, chế độ mới ở Iraq, sau một thời gian tha thuế toàn dân sẽ đánh thuế lợi tức cá nhân và thuế tiêu thụ nữa.

Bà Nasreen Sideed, một bộ trưởng trong chính quyền khu tự trị người Kurd ở bắc Iraq bay sang Mỹ góp ý kiến, bà đồng ý nên tư nhân hóa công ty hàng không, nhưng không đồng ý tư nhân hóa các ngành giáo dục và y tế. Nên nhớ hiện nay Iraq theo chủ nghĩa Baath, một thứ chủ nghĩa Xã hội, và ngân sách chính phủ phần lớn do lợi tức dầu lửa cung đốn cho nên tha hồ tiêu pha mà dân vẫn đóng ít thuế.

PHỤC HOẠT KỸ NGHỆ DẦU LỬA

Còn các giếng dầu thì sao? Việc đầu tiên chắc chắn là phải chữa cháy! Năm 1991 khi quân Mỹ tấn công giải phóng Kuwait, ông Saddam Hussein đã ra lệnh cho nổ tung các giếng dầu ở xứ này. Việc chữa cháy năm đó mất 9 tháng mới xong. Năm nay, người ta tin là ông Hussein đã cho gài bom ở các giếng dầu, sẵn sàng cho cháy hết và phá hết nếu bị đánh, mà chắc chắn là bị thua. Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đã ký hợp đồng với một công ty chuyên chữa cháy giếng dầu của Mỹ, họ đang chuẩn bị các chuyên viên và dụng cụ, trong vòng mấy ngày là bay sang Iraq làm việc. Số giếng dầu lửa ở Iraq nhiều gấp ba ở Kuwait và thời gian chữa cháy phải mất vài năm! Việc phục hồi hạ tầng cơ sở cho ngành dầu lửa xứ này sẽ tốn 5 tỷ mỹ kim. Iraq có số dự trữ dầu lửa lớn hạng nhì trên thế giới, chỉ thua Á rập Sau đi. Muốn tăng số lượng dầu sản xuất cho tương xứng phải tốn 40 tỷ trong 10 năm.

Ai sẽ trả tiền? Tất nhiên sẽ dùng lợi tức dầu lửa để trả, nhưng phải mất mấy năm mới giải quyết được chuyện công ty nào được phép khai thác mỏ dầu nào. Chắc công ty dầu lửa quốc doanh ở Iraq phải được giữ lại, các nước khác tới chỉ lo về kỹ thuật khai thác như ở Á rập Sau đi thôi. Ngoại trưởng Mỹ Colin L. Powell đã hứa một câu ngụ ý đó: Dầu lửa xứ Iraq phải để phục vụ quyền lợi dân Iraq. Năm 1991 người Kurd đã tiến chiếm các mỏ dầu phía bắc ở Kirkuk và Mosul, năm nay có thể quân đội Thổ Nhĩ Kỳ cũng đến chiếm vùng này, quân Mỹ sẽ phải lo chiếm lấy trước để bảo đảm không bị phá.

Quân đội Mỹ chiếm đóng hoặc một chính quyền Iraq thân Mỹ chắc sẽ thiên vị các công ty Mỹ. Nhưng các công ty Pháp và Nga đã nghiên cứu hiện trường từ nhiều năm qua cho nên nếu đấu giá họ sẽ có lợi thế hơn vì họ không cần chi tiêu nhiều món. Và họ đã ký một số hợp đồng sơ khởi không thể bị bỏ qua dù chính quyền thay đổi. Vả lại trên thế giới chỉ có độ tám tổ hợp dầu lửa có khả năng khai thác kho dầu lửa Iraq, trong đó có TotalFina của Pháp, Lukoil của Nga. Chính phủ Hussein đã hứa dùng lợi tức dầu lửa để trả nợ cũ của Pháp (gần ba tỷ mỹ kim) và Nga (9 tỷ mỹ kim) thì chính quyền sau này cũng vẫn phải trả nợ. (Nếu chỉ tính lợi lộc về dầu lửa cho các công ty Mỹ thì việc Mỹ bỏ tiền ra để đánh nhau là lỗ vốn, thà thỏa hiệp cho ông Hussein tiếp tục cai trị để đổi lại cho Mỹ vào thêm khai thác dầu còn có lợi hơn.)

MỸ SẼ CỬ ĐẠI DIỆN VÀO KHỐI OPEC?

Việc quản lý xứ Iraq sau chiến tranh sẽ tốn kém nếu nước Iraq lâm vào cảnh loạn lạc, sứ quân tranh hùng, dân Kurd đòi độc lập, quân Thổ Nhĩ Kỳ và quân Iran nhân dịp Hussein sụp đổ xâm nhập rồi không chịu rút đi. Trong một thời gian dài hàng năm, sẽ cần đến 75 ngàn quân Mỹ đóng lại Iraq lo việc bình định. Đó cũng là một món chi tiêu khổng lồ, và không biết kéo dài mấy năm. Ủy ban Quân quản Mỹ sẽ phải lo cai trị, chắc một vị đại tướng Mỹ như tướng

Tommy Franks đang chỉ huy cuộc chiến sẽ đóng vai toàn quyền như Tướng MacArthur ở Nhật Bản sau năm 1945.

Ủy ban này sẽ cử đại diện đi dự các hội nghị của nhóm OPEC hay không? Đó là một trong những vấn đề chính phủ Mỹ phải quyết định! Đó sẽ là một vấn đề tế nhị, vì các nước khác trong khối OPEC chắc sẽ không chấp nhận đại diện của một ông tướng Mỹ vào ngồi với họ! Trong khi đó tướng Franks phải quyết định nhiều chuyện tỉ mỉ khác, thí dụ đồng tiền dinar của Iraq in hình ông Saddam Hussein sẽ được thay thế ra sao. Ông Sandi là chuyên viên ngân hàng, đề nghị đồng tiền mới sẽ có hối suất cố định dựa trên đô la Mỹ và đồng euro. Chính ông cũng đề nghị đem các đồng tiền cũ đi đốt để ăn mừng. Trong các ủy ban hậu chiến ở Washington, đã có đề nghị tiền dinar in hình Đại đế Hammurabi, của đế quốc Babylonia trước đây 17 thế kỷ, một người đóng góp cho văn minh nhân loại với một bộ hình luật và dân luật đầu tiên, một câu trong đó bây giờ đã thành tục ngữ quốc tế là "mắt đổi mắt, răng đổi răng." Nhưng hiện nay ở Iraq có hai đồng dinar, một do chính phủ Hussein phát hành (giá một mỹ kim hơn 3,000 đồng) và một đồng dinar "Thụy sĩ" do chính quyền Kurd ở miền bắc ấn hành giá cao hơn, chỉ có 8 dinar lấy một mỹ kim.

Ngân sách Mỹ đang khiếm hụt hơn 300 tỷ một năm. Tiền chiến tranh và tái thiết Iraq chưa kể trong đó. Trong một năm nữa, chúng ta sẽ bắt đầu nghe các đại biểu Quốc hội Mỹ đặt câu hỏi, tương tự như, "Tại sao lại bắt dân (Mỹ Quốc) mệt mỏi (vì kinh tế trì trệ) đi hầu hạ Di, Địch?" Giống như trước đây hơn 2,000 năm ông Cấp Ảm đặt câu hỏi với Hán Vũ Đế.

Sử Ký của Tư Mã Thiên kể rằng sau khi nghe câu hỏi đó Vũ Đế đã im lặng một lúc rồi phát biểu: "Ta đã lâu không nghe Cấp Ảm ăn nói bậy bạ, hôm nay hắn lại nói bậy nữa!" Mấy tháng sau Cấp Ảm mắc một lỗi nhỏ, bị bãi chức về vườn. Vũ Đế đỡ phải nghe những lời nói thẳng! Mấy năm sau, Vũ Đế tiếc tài của Cấp Ảm mời trở lại; nhưng không cho làm quan trong triều mà cử đi làm thái thú quận Hoài Dương - cho đỡ điếc tai. Cấp Ảm từ chối thế nào cũng không được, đi trị nhậm rồi giúp cho dân chúng ở đó phong túc và bình an hơn. Ở Hoài Dương được bẩy năm thì mất.

Tổng thống Bush thì không thể nào làm được như Vũ Đế nhà Hán! Và ở nước Mỹ có rất nhiều ông Cấp Ảm. Chế độ dân chủ thật là phiền cho người cai trị!

CHIẾN TRANH KÍCH THÍCH KINH TẾ?

Năm ngoái, trong tỷ lệ tăng trưởng hơn 2% củaTổng sản lượng Nội địa nước Mỹ đã có 0.1% (một phần ngàn) nhờ các hoạt động sản xuất để chuẩn bị cho cuộc chiến Iraq có thể sắp xẩy ra. Con số đếm bằng đô la là khoảng 10 tỷ do Economy.com, một công ty nghiên cứu ở Pennsylvania ước tính. Số chi tiêu về quốc phòng trong thời chiến có thể thúc đẩy cho kinh tế hoạt động mạnh hơn, đưa tới ý kiến cho rằng chiến tranh giúp cho nền kinh tế các nước gia tăng hoặc hồi phục nếu đang trì trệ, suy thoái. Ý kiến này đã được nêu ra từ sau Đại chiến thứ nhất, 1914-18. Các đảng xã hội và cộng sản lúc đó tố cáo rằng các công ty tư bản sản xuất vũ khí cổ động chiến tranh để có cơ hội phát tài.

Nhiều người cánh tả cũng cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ và trên thế giới trong thập niên 1930 chỉ chấm dứt được nhờ cuộc đại chiến 1939 – 45 khi guồng máy sản xuất ở Mỹ chuyển hướng chế tạo vũ khí, và hàng triệu người nhập ngũ đã giải quyết nạn thất nghiệp. Chiến tranh thế giới thứ hai cũng được coi là một cơ hội giúp cho kinh tế phát triển, vì rất nhiều cuộc nghiên cứu, phát minh khoa học do chiến tranh thúc đẩy, sau này được áp dụng cho những ngành sản xuất hàng hóa dân sự. Vì chiến tranh thúc đẩy nên mới có những cuộc thí nghiệm về năng lượng nguyên tử mà sau thế chiến giúp thành lập các nhà máy điện nguyên tử. Những phát minh khác được áp dụng như ra đa, máy bay phản lực, tia sáng la de (laser) sau chiến tranh đã sinh ra những ngành công nghiệp mới.

Nhưng thật sự hệ thống kinh tế tư bản có cần chiến tranh để kích thích sản xuất và phát triển hay không? Lịch cử gần đây cho thấy niềm tin tưởng đó là sai lầm, mặc dù vẫn có những người muốn tin nên không chịu nhìn nhận sự thật đó. Cuộc chiến tranh Việt Nam diễn ra trong lúc kinh tế Mỹ đang trong chu kỳ phát triển, đã thúc cho con số GDP tăng lên cao thêm nữa nhờ số sản xuất quân sự. Nhưng chính vì chi phí quốc phòng đó mà mức lạm phát ở Mỹ tăng vọt lên, mở màn cho cuộc suy thoái kinh tế năm 1975. Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 xẩy ra trong lúc kinh tế cũng đang phát triển rồi, cho nên chi phí quân sự chỉ đóng góp thêm 0.3% vào GDP; nhưng hậu quả làm cho ngân sách khiếm hụt khiến chính phủ George Bush I phải tăng thuế và nước Mỹ rơi vào cuộc suy thoái làm cho ông Bush I thất cử.

Trái lại, trong thập niên 1990, nước Mỹ không tham gia cuộc chiến tranh nào đáng kể, chiến tranh lạnh với khối cộng sản chấm dứt giúp cho ngân sách quốc phòng giảm đi; nhưng đó là thời gian mà kinh tế Mỹ phát triển nhanh nhất và kéo dài lâu nhất. Trong khi người ta không lo sản xuất vũ khí thì các chương trình chi tiêu khác của chính phủ cũng không bị trở ngại, các xí nghiệp phục vụ thị trường hàng hóa dân sự đã gia tăng hoạt động, thu hút nhân lực đưa tới tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất.

Trong ngân sách quốc gia mà Tổng thống Bush mới trình Quốc hội Mỹ có 380 tỷ chi phí quốc phòng, cho tài khóa từ tháng Mười năm 2003 đến hết tháng Chín 2004. Nhưng con số đó chưa tính đến chi phí cho chiến tranh với Iraq. Trước khi chiến sự bắt đầu, Bộ Quốc phòng Mỹ đã nộp thêm ngân sách phụ trội mà con số chi tiêu cho cả cuộc chiến có thể trên 100 tỷ mỹ kim. Số tiền 100 tỷ đó chỉ lớn bằng 1% của Tổng sản lượng Nội địa nước Mỹ hiện nay, cho nên con số chi tiêu đó dù có ảnh hưởng kích thích trên nền kinh tế cũng không đáng kể. Ngược lại, chiến tranh có thể gây ảnh hưởng tai hại cho sinh hoạt kinh tế, mối thiệt hại này sẽ cao hơn mối lợi do 100 tỷ mỹ kim kích thích tạo ra.

Có thể so sánh với chi phí quân sự trong các cuộc chiến trước đây để thấy chiến tranh Iraq không giúp kích thích sản xuất đáng kể. Trong 5 năm thời Đại chiến thứ hai, GDP của Mỹ tăng thêm tổng cộng 69% thì có hơn 41% là hoạt động quốc phòng. Nếu muốn so sánh với bây giờ, thì chi phí cho cuộc chiến phải lên tới 4 ngàn 2 trăm tỷ mỹ kim, chứ không phải là 100 tỷ. Trong cuộc chiến tranh Hàn quốc kéo dài 14 tháng GDP Mỹ tăng 10.5% mà chi phí quân sự đóng góp 8%. Trong gần hai năm nước Mỹ tham chiến ở Việt Nam (Tháng Ba năm 1965 đến tháng Bẩy 1967) GDP tăng gần 10% nhưng trong đó chỉ có dưới 2% là chi phí cho cuộc chiến; mà vì chính phủ Mỹ lúc đó cũng chi tiêu rất nhiều trong các chương trình xã hội nên lạm phát đã xẩy ra. Trong tám tháng xung đột Vùng Vịnh (1990 – 91) kinh tế Mỹ chỉ tăng thêm 0.3% nhờ chi phí quân sự còn GDP lại tụt giảm, đưa tới ngân sách khiếm hụt và cuộc suy thoái sau đó.

Số tiền chi tiêu cho cuộc chiến Iraq không giúp kích thích cho hoạt động kinh tế Mỹ bao nhiêu vì phần lớn các chi phí đó là để di chuyển quân đội từ các nơi về mặt trận và chi tiêu cho việc đóng quân ở vùng Vịnh. Chiến tranh không giúp cho các nhà máy ở Mỹ hoạt động nhiều hơn và tuyển dụng nhân công nhiều hơn. Quân đội Iraq đang trong tình trạng kiệt quệ vì mười năm cấm vận, họ không đủ sức kháng cự khiến cho cuộc chiến sẽ không kéo dài để bộ Quốc phòng Mỹ phải đặt thêm nhiều xe thiết giáp, tầu thủy, súng đạn và máy bay!

Do đó, nếu chiến tranh xẩy ra với Iraq, ảnh hưởng trên nền kinh tế Mỹ sẽ hại nhiều hơn lợi. Ngay từ năm ngoái, mối lo ngại chiến tranh đã khiến cho thị trường chứng khoán tụt giảm, các xí nghiệp ngưng không muốn đầu tư thêm vào máy móc, thiết bị. Họ cũng sa thải bớt người chứ không thuê mướn thêm. Kinh tế Mỹ trong hai năm qua còn vững là nhờ người dân tiêu thụ, lo mua nhà, mua xe. Từ khi Tổng thống Bush lên cầm quyền, số người mất việc đã lên tới gần hai triệu và giá trị các cổ phần ở Mỹ đã giảm bớt gần 5 ngàn tỷ mỹ kim. Khi chiến tranh bắt đầu, giá dầu lửa thế nào cũng tăng lên; không phải chỉ vì số lượng dầu thô của Iraq ngưng xuất cảng làm số cung cấp cho thế giới giảm đi 2 triệu thùng mỗi ngày, nhưng còn vì các tầu chở dầu không dám đến nhận dầu từ Kuwait và một số quốc gia vùng Vịnh Ba Tư. Giá dầu tăng sẽ làm cho kinh tế cả thế giới suy yếu, mà kinh tế Mỹ không thể mạnh nếu cả thế giới bớt sản xuất và tiêu thụ. Mối lo về kinh tế cũng khiến cho người tiêu thụ ở Mỹ lo tiết kiệm, và đó là điều tai hại nhất vì hàng tiêu thụ chiếm hai phần ba Tổng sản lượng Nội địa của Mỹ.

Liệu cuộc chiến Iraq có giúp cho công cuộc nghiên cứu khoa học gia tăng để sau đó nền kinh tế được hưởng lợi như hồi Thế chiến thứ hai hay không? Câu trả lời là không. Vì hiện nay chính kỹ nghệ quốc phòng của Mỹ đang thụ hưởng những sáng chế, phát minh trong các ngành tin học, viễn thông mà các công ty dân sự, thương mại ở Mỹ đã mở đầu và phát triển trong thập niên cuối thế kỷ trước.

Vì vậy, ý kiến cho rằng nước Mỹ muốn gây chiến để phục hồi kinh tế nhanh chóng hơn là do thành kiến mà thôi. Ngược lại, nếu chiến tranh gây ra thêm xáo trộn ở vùng Trung Đông thì kinh tế Mỹ sẽ còn bị trì trệ và hồi phục chậm hơn là không có chiến tranh. Nếu chính phủ Mỹ chi tiêu 100 tỷ trong các chương trình dân sự như giáo dục, y tế, giao thông vận tải, vân vân, hoặc cắt giảm thuế để các công đầu tư ngay, thì ảnh hưởng dây chuyền trên nền kinh tế còn tốt chơn là 100 tỷ chi vào chiến tranh. Nếu chính phủ Mỹ phải tấn công Iraq, thì nguyên nhân chắc chắn không phải là vì muốn kích thích cho kinh tế bớt trì trệ./.

KHÔNG THỂ LÀM NGƠ LỜI CHỈ TRÍCH KỸ NGHỆ CHẾ TẠO XE SUV

THANH THẢO

Vài hôm trước, nhân lái xe đi thăm một người thân ở xa, Thanh Thảo để ý hình như trên xa lộ có nhiều chiếc xe cao ngông nghênh hơn cách đây mới mấy năm. Những chiếc xe cao và gồ ghề này thuộc loại xe vận tải nhẹ kiểu thể thao gọi tắt là SUV (Sports Utility Vehicle).

Vốn tính không thích những chiếc xe nặng ký, Thanh Thảo không mấy quan tâm đến kiểu xe SUVs cao và to hơn xe du lịch này được chế tạo khác nhau ra sao ngoại trừ những lúc bực mình vì bị những chiếc xe "to xác" này vượt qua mặt một cách bất cẩn.

Tuy nhiên, gần đây vì nhu cầu năng lượng dầu hỏa đang trở thành vấn đề đáng quan tâm, Thanh Thảo cho rằng những người chọn lái loại xe này có thể đang đi ngược trào lưu tiết kiệm năng lượng mà loại xe ghép chạy bằng xăng lẫn điện (hybrid) hoặc loại xe chạy bằng năng lượng sạch dùng trong phi thuyền không gian (Fuel Cell) là những điển hình.

Trong khi cuộc chiến chống Iraq và chế độ khủng bố quốc gia này ám trợ đang ngày càng có triển vọng diễn ra, các cơ xưởng chế tạo xe hơi và xe thể thao tại Detroit phải đương đầu liên tục với những chiến dịch chỉ trích.

Những lời chỉ trích đến từ những nhà tranh đấu bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu thụ và cả những người cho rằng loại xe thể thao "ngốn xăng" này gián tiếp trợ lực khủng bố bằng cách mang tiền (đổ xăng) bỏ thêm vào túi những kẻ lãnh đạo khủng bố toàn cầu.

Nhờ dựa vào thế thượng phong của những nhà làm luật thiên kinh doanh tại Bạch Ốc và Hạ Viện Liên Bang, các hãng chế tạo xe SUV vẫn bán xe đắt hàng như tôm tươi mặc các lời chỉ trích mãi cho đến tháng Giêng vừa qua.

Theo tạp chí BusinessWeek, vào tháng Giêng 2003, Giám Đốc Cơ Quan Bảo Toàn Giao Thông Vận Tải, ông Jeffrey W. Runge, đã mở đầu chiến dịch công kích các hãng xe tại Detroit bằng lời công bố ông sẽ không cho phép con trai tuổi dậy thì của mình lái xe thể thao SUV cho dù đó là "...chiếc xe sau cùng trên mặt đất này." Lý do ông nêu ra là sự kém an toàn cố hữu của loại xe thể thao SUV.

Sở dĩ lời công bố của ông Runge gây sự chú ý từ cả hai phía chuộng và ghét loại xe thể thao này vì ông từng là bác sĩ mổ có thời trực tại phòng cấp cứu các bệnh viện trước khi nhận nhiệm vụ điều hành Cơ Quan Bảo Toàn Giao Thông Vận Tải. Ông Runge, 47 tuổi, đã nêu thí dụ từ những trường hợp cấp cứu ông phải đảm trách. Những trường hợp được nêu thuộc tai nạn xảy ra do sự kém an toàn của kiểu xe SUV.

Ngày 11 tháng Hai 2003 sắp tới đây ông Runge sẽ thuyết trình trước cử tọa gồm những giám đốc thuộc các hãng chế tạo xe thể thao SUV. Theo dự kiến của các chuyên gia, bài thuyết trình về cách tăng an toàn của những kiểu xe thể thao vận tải nhẹ sẽ gồm đề nghị thay đổi cấu trúc kiểu xe này bằng cách hạ thấp chiều cao của xe, gắn thêm những túi hơi an toàn hai bên sườn xe và chế loại khung xe có khả năng giảm tác động của sự va chạm. Nghe những ý kiến này hẳn các ông giám đốc hãng xe hơi không vui vì thay đổi kiểu SUV vừa tốn kém thêm nhiều, vừa làm xe mất vẻ "gồ ghề" vì bị hạ thấp chiều cao.

Nhưng bài thuyết trình ngày 11 tháng Hai chỉ là bước khởi đầu. Vào ngày 26 tháng Hai, ông Runge sẽ điều trần trước Ủy Ban Thương Mại Thượng Viện do Thượng Nghị Sĩ John McCain dẫn đầu rằng kiểu xe tải thể thao hiện có hoàn toàn bất an. Ông sẽ đề nghị kỹ nghệ xe hơi tự nguyện thay đổi cách đổi kiểu xe cho an toàn hơn theo đề nghị của Liên Bang. Không những chỉ dùng lời nói, ông Runge sẽ thuyết phục Ủy Ban Thương Mại bằng những con số trong bản thống kê liên bang. Thống kê cho thấy trong số 100,000 chiếc xe tải thể thao, tỉ lệ tử vong vì tai nạn do xe lật nhiều vòng cao hơn gấp 2 lần tỉ lệ tử vong do cùng tai nạn của loại xe hơi du lịch.

Kỹ nghệ chế tạo xe tại Detroit lo lắng vì lối thuyết trình mạch lạc và thái độ hòa hoãn của ông Runge đang giúp thêm vây cánh cho những chiến dịch chỉ trích loại xe tải thể thao trong

mấy tháng nay. Chẳng hạn quảng cáo của một nhóm thuộc hệ phái Tin Lành Evangelical, nêu lo ngại nhiệt lượng địa cầu tăng vì xe SUV đốt quá nhiều xăng với câu hỏi: "Liệu Chúa Jesus sẽ lái xe gì?" Quảng cáo của nhóm bảo vệ người tiêu thụ do bà Arianna Huffington hỗ trợ còn đi xa hơn, ám chỉ những người lái xe tải thể thao SUV và vứt tiền đổ xăng cho loại xe này là... gián tiếp tài trợ khủng bố.

Trong khi giới hữu trách tại Washington khen ngợi lối làm việc của ông Jeffrey W. Runge, kỹ nghệ xe hơi tại Detroit phải tìm kế hoạch đối phó với bản điều trần của ông.

Với sự hỗ trợ của Thượng Nghị Sĩ quyền lực John McCain và những nhóm tranh đấu bảo vệ người tiêu thụ, kế hoạch tìm cách đẩy vị bác sĩ giải phẫu này khỏi chức vụ Giám Đốc Cơ Quan An Toàn Giao Thông Vận Tải là việc làm thiếu khôn ngoan. Vì vậy, kỹ nghệ chế tạo xe hơi tại Detroit đang vận động một chiến dịch quảng cáo nêu thiện chí của kỹ nghệ xe hơi bằng cách hứa sẽ... hạ thấp chiều cao những kiểu xe tải thể thao từ Trailblazer của hãng Chevrolet, Envoy của hãng GM, đến Explorer của hãng Ford đời mới xuống (những người thích lái SUV vì chiều cao buồn năm phút nhé!)

Việc ba hãng xe hơi chính của Mỹ tại Detroit chịu thay đổi kiểu xe tải thể thao SUV là một thắng lợi lớn cho ông Runge và những nhóm tranh đấu bảo vệ môi trường cũng như người tiêu thụ.

Cứ thử tưởng tượng xem loại xe tải thể thao này mang đến 90% lợi tức cho ba đại công ty kỹ nghệ xe hơi Hoa Kỳ mà nay cả ba đều phải đổi kiểu xe mặc dù trước đây họ đã lơ là những thư yêu cầu của chính quyền Tổng Thống Bush chúng ta có thể hình dung thế lực của vị Giám Đốc Cơ Quan An Toàn Giao Thông Vận Tải. Lời chỉ trích của vị bác sĩ giải phẫu này quả thật không thể làm ngơ!

TARGET THẤT BẠI VÌ ĐI LẠC HƯỚNG

THANH THẢO

Nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn còn phát triển tuy rất chậm phần lớn là nhờ vào giới tiêu thụ chịu khó tiếp tục mua sắm. Trong mấy năm gần đây những dãy cửa tiệm bán lẻ giá hạ tại Mỹ được chuộng nhiều vì người tiêu thụ vẫn thích mua sắm nhưng không thích trả giá cao. Mua sắm tại các tiệm chuyên được biết đến bằng giá rẻ như Wal-Mart trông có vẻ rõ rệt là mình tiết kiệm vì thế nhiều người chọn mua hàng tại dãy tiệm đối thủ của Target.

Lý do, tuy cũng bày bán rất nhiều mặt hàng gia dụng hàng ngày như Wal-Mart, Target thành công trong việc thu hút được nhiều giới khách hàng trẻ trung nhờ các quảng cáo đủ loại về những kiểu quần áo rẻ nhưng hợp thời trang hoặc những loại máy móc điện tử nhỏ vừa tân tiến vừa ít tốn tiền.

Nhưng những người ghé vào Target vì đọc hoặc xem quảng cáo trên các tạp chí và chương trình truyền hình đã thất vọng khi ghé cửa tiệm này trong mấy tháng vừa qua. Tổng số hàng bán được tại Target chứng tỏ điều này.

Theo tạp chí *BusinessWeek*, tổng số hàng bán tại các cửa tiệm Target đã giảm từ mức tăng 6.8% của tam cá nguyệt đầu xuống còn –1.1% trong tam cá nguyệt cuối năm 2002. Tuy dự kiến tăng số hàng bán từ 1% đến 3% trong tháng Giêng 2003, nhưng trên thực tế, theo công bố ngày 6 tháng Hai 2003, Target đã phải đương đầu với tỉ lệ tăng có 0.3% trong tháng Giêng 2003. Không lẽ người tiêu thụ đã chán mua hàng tại Target? Lý do nào khiến công ty thành công lớn một thời này mất sức thu hút?

Theo nhiều phân tích gia kinh tế, tuy tình trạng kinh tế trì trệ có dự phần vào mức hàng bán giảm tại Target, trở ngại công ty này đang gặp phải là do hình thức quảng cáo.

Với mục đích thu hút giới tiêu thụ trẻ trung Mỹ gọi bằng từ "hip", tạm dịch "thời đại mới" Target đã dùng những phương thức quảng cáo rất "mode" nhằm bán những mặt hàng khá cao giá như quần áo thời trang, máy móc điện tử nhỏ, những hàng gia dụng mới nhất trên thị trường... Tuy vậy, lợi nhuận cao nhất Target thu được nằm trong những mặt hàng thuộc loại nhu yếu phẩm như xà bông giặt, xà bông rửa chén, giấy lau tay, thuốc đánh răng...Target hy vọng số người tiêu thụ được (hoặc bị) thu hút vào đây sẽ mua những món hàng hợp thời trang rồi nhân tiện mua luôn nhu yếu phẩm cho được việc.

Khổ nỗi, số người tiêu thụ thuộc loại "thời đại mới" ghé vào Target ngày càng thưa dần. Số người thuộc nhóm các bà nội trợ hoặc khách hàng lâu năm lại bỏ Target vào cửa hàng Wal-Mart vì giá nhu yếu phẩm tại nơi này rẻ hơn Target.

Quảng cáo nhiều chắc chắn phải tốn kém. Trong khi Target chi khoảng 2.4% tổng số bán cho khoản quảng cáo, công ty đối thủ Wal-Mart chỉ phải chi có 0.3%. Chi phí quảng cáo chính

là nguyên nhân gây trở ngại lớn cho Target trong thời gian bán chậm. Theo phân tích gia thuộc công ty Salomon Smith Barney, cứ mỗi một phần trăm giảm trên tổng số hàng bán, Target mất 3 cents lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu. Trong khi đó, nếu cùng gặp phải tỉ lệ giảm 1% trên hàng bán được, công ty Wal-Mart chỉ mất 2 cents lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu.

Target cũng gặp thêm trở ngại về mặt hàng trang phục, chiếm khoảng 25% tổng số hàng bán tại cửa hàng này. Trong tam cá nguyệt thứ ba của năm 2002 tỉ lệ trang phục Target chiếm trên thị trường giảm từ 3.7% xuống còn 3.5%. Trong khi đó, theo nghiên cứu của công ty thời trang NPD Fashionworld, Wal-Mart đã tăng tỉ lệ trên cùng thị trường cùng thời gian từ 12.4% lên 12.9%. Chưa kể một số công ty khác như Kohl's Corp. cũng đang ngắm nghé bành trướng vào thị trường này. Nhiều người tiêu thụ cho biết họ thất vọng khi vào tiệm Target định mua trang phục vì xem quảng cáo trên ti vi. Theo những người này, vào đến cửa tiệm người ta thấy ngay đây là một tiệm bán lẻ giá hạ chứ không phải một tiệm trang phục dù là trang phục hàng ngày, nói chi đến "thời đại mới."

Kết quả đáng buồn: Target hiện đang kẹt vốn trong các món hàng tân thời gồm các loại máy móc điện tử nhỏ, hàng gia dụng và quần áo nhắm vào giới tiêu thụ "thời đại mới." Thêm vào đó, những công trình tu sửa, tân trang các cửa tiệm cho hợp thời trang mang lại những chi phí cố định rất cao Target đang phải gánh chịu. Vì lý do này Target không thể hạ giá hàng bán nhiều trong khi đối thủ chính như Wal-Mart tiếp tục hạ giá đều đặn. Theo phúc trình của công ty UBS Warburg, lợi tức của Target trong tam cá nguyệt tính đến cuối tháng Giêng 2003 là 6.5%, thua xa mức lời dự kiến 21%. Đà này Target đang trong tình trạng "tiến thoái lưỡng nan."

Nếu chỉ chú trọng vào những mặt hàng bán lẻ giá hạ và chỉ nhắm vào giới tiêu thụ trung thành với cửa tiệm mình có lẽ Target đâu đến nỗi gặp trở ngại hiện nay.

THẢM HỌA TRÊN THƯỢNG TẦNG KHÍ QUYỂN

TRẦN QUÁN NIỆM

Những giây phút cuối cùng

Ngày 1 tháng 2 năm 2003, (Mồng Một Tết Quí Mùi) 7 phi hành gia (1) trên phi thuyền con thoi Columbia đã trải qua 16 ngày trên không gian, thực hiện xong các thí nghiệm khoa học, sửa soạn trở về trái đất. 7 giờ sáng họ hoàn tất những thủ tục cần thiết chuẩn bị cho phi thuyền vào vùng khí quyển. Với vận tốc 12,500 miles/giờ (20,000 km/giờ) (Match 18.3) và ở cao độ 122,000 mét, vỏ phi thuyền cọ sát với không khí và nhiệt độ bên ngoài thân tầu lên tới gần 3,000 độ F. Để che chở phi thuyền, 22,000 miếng gạch đặc biệt có khả năng cản nhiệt được gắn bao bọc phi thuyền, quan trọng nhất là phần mũi và dưới bụng.

Thật ra lúc phi thuyền được hỏa tiễn phóng đi, rời quả đất để vào không gian, có nhiều nguy hiểm chực chờ. Khi trở về tương đối an toàn hơn. Với tốc độ đã có sẵn khi bay quanh quả đất, phi hành đoàn chỉ cần khai hỏa các hoả tiễn nhỏ, để giảm bớt tốc độ và hướng phi thuyền rời thượng tầng không gian. Khi vào vùng hấp lực của quả đất, phi thuyền sẽ tự động bị hút xuống, chỉ cần hướng dẫn phi thuyền vào đúng quĩ đạo là đủ. Nói thì phức tạp nhưng thật ra phi hành đoàn không phải làm gì nhiều. Máy điện toán của phi thuyền nhận tín hiệu từ trung tâm kiểm soát không gian trên mặt đất sẽ tính toán quĩ đạo, khai hỏa hoả tiễn, điều chỉnh hướng đi khi cần thiết và phi thuyền sẽ lướt nhẹ xuống. Chỉ khi gần bãi đáp tại trung tâm không gian NASA ở Florida, vị phi đoàn trưởng mới điều khiển cho phi thuyền đáp an toàn trên phi đạo như một phi cơ.

5:45 sáng giờ Cali, nhà thiên văn Tony Beasley thuộc Học Viện Kỹ Thuật tại Cali hướng viễn vọng kính lên trời quan sát phi thuyền Columbia bay ngang. Lúc này phi thuyền ở độ cao 60 miles và ở vận tốc 20 lần âm thanh. Ông thấy vài ánh sáng loé lên nhưng ông đoán là phi thuyền vứt bỏ vài một vật liệu không cần, hoặc vài viên gạch cản nhiệt bung ra chẳng hạn. Nhưng ngay sau đó ông thấy một ánh sáng lớn hơn bùng lên, và tách ra làm mấy mảnh, ông đoán là có điều gì bất thường xẩy ra.

Vài phút sau, tại Texas, bà Trudy Orton đứng ngoài vườn nghe một tiếng nổ trên không. Lúc đó trời đã sáng rõ, bà thấy một luồng khói trắng vắt ngang nền trời. Bà gọi người hàng xóm và chỉ lên cao: "Cái gì vậy kìa!"

Lúc này tại trung tâm không gian Kennedy ở Florida là 9 giờ sáng. Các giới chức NASA, gia đình của phi hành đoàn, các nhân sĩ cộng đồng và chính trị

đã có mặt tại khán đài ngay bãi đáp, chờ đón phi thuyền và phi hành đoàn. Chức sắc của chính quyền Do Thái cũng có mặt đặc biệt để vinh danh phi hành gia Do Thái đầu tiên là Đại Tá Ilan Ramon. Mọi người hân hoan, nói chuyện tươi vui. 9:10 phút vẫn không thấy bóng dáng phi thuyền, họ bắt đầu lo ngại. Ngay sau đó giới chức chính quyền đưa tất cả quan khách lên xe bus ra về. Ai cũng bàng hoàng vì chắc chắn phải có tai họa thật trầm trọng xẩy ra.

8:53 sáng trên phi thuyền cũng như tại trung tâm kiểm soát không gian mọi việc đều bình thường. Vài phút sau đó, 8 giờ 56, bộ phận thăm dò nhiệt độ cho biết nhiệt độ tăng lên một cách đáng kể tại khu vực cánh bên trái. 9:00 giờ trung tâm kiểm soát không gian tại Houston gọi lên phi thuyền cho hay về sự trục trặc về nhiệt độ vừa được ghi nhận. Phi đoàn trưởng là Đại Tá Rick Husband bình tĩnh đáp nhận. Nhưng ngay sau đó, tất cả im lặng tuyệt đối. Dụng cụ tại trung tâm ghi nhận rất nhiều trục trặc tại các máy móc trên phi thuyền. Lúc này phi thuyền đang ở cao độ 200,000 feet trên nền trời Texas và phi thuyền đã nổ tan. Bảy phi hành gia đều tử nạn.

Trung tâm kiểm soát không gian dự đoán các phi hành gia có chừng 60 đến 90 giây ý thức được sự việc trước khi lìa trần. Cha của phi hành gia Do Thái Ilan Ramon cho hay, những giây kinh khủng này chính là những thế kỷ cho các phi hành gia vẫn số.

Nhìn về dĩ vãng

Lịch sử phi hành:

Nền khoa học không gian Mỹ được hình thành và tiến triển vượt bực từ năm 1961, khi Nga Sô phóng được vệ tinh Sputnik lên không gian. Nước Mỹ chới với vì thua sút bất ngờ. Năm 1962 Tổng Thống Kennedy đọc bài diễn văn để đời, đặt mốc điểm là trong 10 năm, Mỹ sẽ đưa người đầu tiên đổ bộ mặt trăng. Sau đây là vài dấu mốc thời gian quan trọng.

- Năm 1962, phi hành gia đầu tiên của Mỹ là John Glenn bay

Phi hành đoàn của phi thuyền con thoi Columbia bị nạn vào ngày 1 tháng 2 năm 2003

trên quĩ đạo trái đất. Ông bay ba vòng chỉ trong vỏn vẹn năm giờ và trở thành anh hùng không gian của nước Mỹ. Sau đó có nhiều phi vụ gửi người lên không gian, nhưng các phi thuyền chỉ là một phòng nhỏ, chật hẹp (capsule) sau khi trở về quả đất (đáp xuống biển) là không thể xử dụng lại được.

- Năm 1969 Mỹ đổ bộ mặt trăng đúng như lời hứa của Tổng Thống Kennedy.

- 5 tháng 1, 1972 Tổng thống Nixon ra lệnh phát triển và đóng một phi thuyền có thể xử dụng lại sau khi phóng.

- 12 tháng 4, 1981: Columbia là phi thuyền con thoi đầu tiên được đóng và phóng vào không gian. Chuyến du hành thí nghiệm này chỉ kéo dài trên hai ngày.

- 18 tháng 6, 1983: Sally Ride, bay trên phi thuyền Challenger, là nữ phi hành gia đầu tiên. Phi thuyền mang theo hai vệ tinh để phóng vào không gian.

- 30 tháng 8, 1983 Phi hành gia Mỹ đen đầu tiên, trên phi thuyền Challenger.

-28 tháng 11, 1983 Columbia mang lên không gian SpaceLab (phòng thí nghiệm không gian) đầu tiên. Phòng này được chế tạo bởi nỗ lực hỗn hợp của NASA và European Spave Agency của Pháp, mục đích thực hiện các thí nghiệm khoa học trong không gian và sau đó mang về trái đất. Mỹ dự trù sẽ có 24 SpaceLab trong vòng 14 năm.

7 tháng 2, 1984 Bruce McCandless đi ngoài không gian, mà không cần dây nối vào phi thuyền.

- 29 tháng 1, 1988 Sau tai nạn Challenger, chương trình không gian bị ngưng 32 tháng, trước khi Discovery bay vào không gian trở lại.

- 4 tháng 5, Atlantis mang lên không gian phi thuyền không người lái Magellan để phóng đi thám hiểm sao Vệ Nữ (Venus) nhưng không thành công.

- 18 tháng 10, 1989 Atlantis mang lên không gian phi thuyền Galileo thám hiểm hành tinh Jupiter.

- 26 tháng 4, 1990. Discovery chuyên chở viễn vọng kính thiên văn Hubble thiết trí trên không gian để quan sát các thiên thể trong vũ trụ,

- 7 tháng 5, 1992 Phi thuyền Endeavour được đóng để thay thế Challenger, và phóng lên không gian lần đầu tiên.

- 29 tháng 6, 1995 Atlantis lần đầu tiên cập vào trạm không gian MIR của Nga Sô.

- 29 tháng 10, 1998 Thượng nghị sĩ John Glenn, 77 tuổi, phi hành gia đầu tiên vào không gian năm 1962, trở lại không gian trên phi thuyền Discovery.

- 4 tháng 12, 1998, phi hành đoàn của Endeavor (hợp tác với Nga Sô) bắt đầu ráp nối trạm không gian quốc tế trên thượng từng khí quyển.

Lịch sử tai nạn

Trong bất cứ một chuyện gì ở đời, cũng đều hàm chứa những bất trắc, nguy hiểm, hoặc do nhầm lẫn của con người, trục trặc kỹ thuật hay những nguyên do khác, huống hồ một chương trình thám hiểm không gian vĩ đại và phức tạp. Tại giàn phóng, phi thuyền nằm bên cạnh vài ngàn tấn nhiên liệu lỏng, sẵn sàng nổ tung mỗi khi có một trục trặc nhỏ về kỹ thuật, ấy là chưa kể vô vàn nguy hiểm chực chờ trong không gian, khi phóng lên, khi bay về. Trên phi thuyền có 2 triệu 500 ngàn bộ phận. Nếu độ chính xác là 99% thì một phần trăm còn lại, cũng có nghĩa 2,500 bộ phận hư hỏng. Nói như vậy để độc giả thấy mức độ hiểm nguy mà các phi hành gia phải chịu.

Trong lịch sử 45 năm của NASA đã nhiều lần tai nạn xẩy ra.

- Năm 1967 khi chờ đợi trên giàn phóng, phi thuyền đã bốc cháy vì chạm điện khiến 3 phi hành gia tử nạn.

- Năm 1970, phi thuyền Apollo 13 khi rời giàn phóng, bình chứa oxy nổ, khiến phi vụ bị hủy bỏ,

- Năm 1986, Challenger nổ tung khi rời giàn phóng được 73 giây. Bẩy phi hành gia tử nạn trong đó có nữ giáo viên McAuliffe.

- 1987 người máy Pathfinder được phóng lên thám hiểm Hoả Tinh (Mars), nhưng đáp xuống mặt Hỏa Tinh quá mạnh nên máy móc hư hại chỉ hoạt động vài ngày là ngưng.

- 1 tháng 2, 2003, phi thuyền Columbia nổ tung trên không trên đường trở về trái đất, 16 phút trước khi đáp xuống trung tâm không gian Kennedy tại Florida.. Columbia được đóng năm 1981 và xử dụng liên tục 22 năm.

Và còn vô số những trục trặc kỹ thuật khác kém quan trọng hơn khiến các phi vụ bị chậm trễ, và ngân sách tốn kém vượt bực, đã không được đề cập tới.

Thu nhặt mảnh vụn

Mảnh vụn của Columbia và thi thể bảy phi hành gia rơi xuống trái đất rải rác trên hai tiểu bang Texas và Louisiana trong một diện tích rộng lớn 25,000 dặm vuông. Trong khi nước Mỹ bàng hoàng, sửng sốt, thương tiếc sự hy sinh của bảy

phi hành gia, coi đây là một quốc tang, và trong khi khắp thế giới xôn xao theo rõi chi tiết tai nạn này, một nhân lực đông đảo và một phí tổn khổng lồ được huy động để thâu hồi các mảnh vụn phi thuyền hầu cơ quan có trách nhiệm điều tra xác định được nguyên nhân tai nạn. Khi phi thuyền rời giàn phóng, máy thu hình ghi nhận một mảnh sốp cản nhiệt bong khỏi thân bình chứa nhiên liệu đập vào cánh phi thuyền bên trái. Chuyên viên xác quyết mảnh sốp không gây hư hại cho phi thuyền, nhưng bây giờ người ta nghi là mảnh sốp đã phá hại hay làm bong những viên gạch cản nhiệt gắn trên thân phi thuyền, khiến khi Columbia trở vào vùng khí quyển, các viên gạch bị ảnh hưởng dây chuyền hư hại thêm nhiều và vỏ phi thuyền không chịu được sức nóng trên 3,000 độ nên nổ tung. Vì các phi hành gia đều tử nạn nên không sao biết được chính xác những gì đã xẩy ra. Tuy nhiên năm 1981, khi Columbia bay phi vụ đầu tiên, 164 viên gạch đã hư hại khi phi thuyền được phóng lên thế mà Columbia vẫn trở về an toàn và sau đó bay thêm 27 phi vụ nữa.

Nhiều giả thuyết khác được nêu ra, khiến cuộc điều tra chắc chắn không dễ dàng và mau chóng.

Cho đến nay khoảng trên 4,000 mảnh đã được tìm thấy. Có mảnh nhỏ như con tem, có mảnh lớn bằng cánh cửa, phần lớn bị biến dạng và cháy xém. NASA sẽ ráp nối những mảnh vụn thành hình phi thuyền với hy vọng xác định được nguyên nhân tai nạn.

Tại sao cần đưa người lên không gian

Ngày mồng Một Tết đang lái xe lên chùa lễ Phật, chúng tôi nghe tin thảm họa Columbia trên radio. Sau nhiều phút bàng hoàng sửng sốt, người bạn đời của tôi lên tiếng: Họ đưa người vào không gian làm gì nhỉ?

Tôi ngẩn ngơ, không có câu trả lời, chỉ nói đại khái: Họ làm những thí nghiệm khoa học.

Nhưng lý do có vẻ không đủ mạnh để thực hiện những chuyến bay nguy hiểm mà mỗi phi vụ tốn 500 triệu Mỹ Kim (lúc mới dự trù chỉ là 5 triệu MK) ấy là chưa kể hàng tỷ Mỹ Kim để duy trì chương trình không gian. Phi vụ của Columbia là phi vụ thứ 107. Sau những sôi nổi hồi hộp của những phi vụ đầu tiên, sau này phi thuyền lên không gian như đi chợ, báo chí không đề cập tới nữa. Họa chăng chỉ còn giới chức chính quyền có liên quan và giới chức ngành không gian cùng các phi hành gia và gia đình họ là quan tâm tới mà thôi.

Ba mươi năm sau khi phi hành gia đầu tiên được phóng vào không gian, và trước khi Columbia nổ tung giới khoa học đã nhiều lần đặt câu hỏi: Có cần thiết gửi người vào quĩ đạo nữa không. Họ cho hay, mỗi phi vụ chở phi hành gia lên không thực hiện các thí nghiệm khoa học, cơ quan không gian có thể chế tạo các phi thuyền nhỏ không người lái ít tốn kém hơn, không phí phạm nhân mạng mà vẫn đem lại kết quả chính xác tương tự (2).

Như thế thì tại sao, Hoa Kỳ vẫn duy trì những phi vụ này? Người ta cho rằng không ai dám nghĩ tới việc thay đổi lề lối làm việc của cơ quan NASA, vì các phi vụ đưa người vào không gian đã tạo một ảnh hưởng tâm lý cao độ là chứng tỏ kiến thức và kỹ thuật không gian siêu việt của đại cường Hoa Kỳ trước con mắt của các quốc gia nhược tiểu. Điểm này được thấy rõ là sau 30 năm, biết bao phi hành gia Hoa Kỳ, Nga Sô đã bay vào vũ trụ, nhưng đối với các nước chưa mở mang thì được tham dự vào chương trình không gian, được gửi lên quĩ đạo trái đất vẫn là một niềm kiêu hãnh quốc gia. Điển hình là trên Columbia trong phi vụ này, có phi hành gia Do Thái đầu tiên là Đại Tá phi công Ilan Ramon, 48 tuổi, mà Do Thái đã chuẩn bị đón tiếp và vinh danh anh như một anh hùng dân tộc. Trường hợp tương tự là nữ phi hành gia Ấn Độ Kalpana Chawla 41 tuổi. Đây là lần thứ hai cô vào quĩ đạo. (3)

Các quốc gia Âu Châu vẫn thường xuyên phóng phi thuyền không người lái lên không gian nhưng ít khi được nhắc tới. Cuối năm 2002 một phi thuyền của Pháp nổ tung khi rời giàn phóng, nhưng vì không có phi hành gia lâm nạn, nên dư luận không sôi nổi như vụ Columbia.

Ngân sách Quốc Hội dành cho chương trình không gian càng ngày càng bị cắt giảm. Năm 2003 số tiền dự trù là 14 tỷ MK, chỉ là 1% của ngân sách quốc gia Hoa Kỳ trên 2 ngàn tỷ MK (trillion), và cũng không đáng kể so với ngân sách quốc phòng 284 tỷ MK.

Trong tương lai gần, khi nguyên nhân tai nạn của Columbia được xác định, người ta hy vọng giới lãnh đạo Hoa Kỳ sẽ có câu trả lời cho câu hỏi: Có cần người trên những phi vụ không gian hay không.

Số phận trạm không gian quốc tế

Khi Columbia tan thành mảnh vụn, việc đầu tiên giới

chức NASA nghĩ tới là báo tin khẩn cấp cho hai phi hành gia (hay vũ trụ gia), một Nga, một Mỹ trên trạm không gian quốc tế. Cả hai đã ở đây từ tháng 11, 2002 và dự trù được thay thế bằng phi hành đoàn khác trong chuyến bay ngày 1 tháng 3, 2003 của Atlantis. Câu hỏi kế tiếp là: có nên tiếp tục duy trì trạm này hay không? Cũng cần xin nói thêm, trạm không gian quốc tế được thiết lập để thực hiện các thí nghiệm khoa học trong môi trường vô trọng lực và quan trọng hơn cả là nó sẽ được xử dụng như một trạm chuyển tiếp phóng hỏa tiễn thám hiểm Hỏa Tinh (Mars). Nhưng cho đến bây giờ, cả hai nhiệm vụ trên đều không thành, vì việc xây cất quá tốn kém, chậm trễ. Ngân sách Hoa kỳ đột nhiên phải tiêu cho những vấn đề an ninh khẩn thiết hơn sau vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001. Mười sáu quốc gia hứa đóng góp vào dự án để giành quyền có những thí nghiệm trên đó cũng lơ là dần. Nga ỳ ra không chịu đóng tiền, viện cớ nghèo, thật ra là làm eo, vì Mỹ phải cần những kiến thức và kinh nghiệm của Nga trong lãnh vực thiết lập và duy trì trạm không gian. Tất cả đùn cho anh nhà giầu Mỹ Quốc chi tiền.

Để đưa người và vật liệu xây cất lên trạm, Mỹ sử dụng phi thuyền con thoi. Bây giờ mất Columbia, Mỹ chỉ còn ba chiếc Atlantis, Endeavour và Discovery (tiền đóng mỗi chiếc là một tỷ Mỹ kim). Trong khi điều tra nguyên nhân làm Columbia nổ tung, tất cả các phi vụ của phi thuyền con thoi đều bị ngừng, thời gian không biết bao lâu. Người ta còn nhớ, sau vụ Challenger gặp tai nạn năm 1986, các chuyến bay bị ngừng 32 tháng. Không có các phi vụ của phi thuyền con thoi, trạm không gian phải trông cậy vào phi thuyền của Nga trong nhiệm vụ mang phi hành đoàn mới lên thay cho toán cũ.

Ngày 4 tháng 2, phi thuyền không người lái Progress của Nga vừa chuyên chở lên trạm thực phẩm và nhiên liệu. Nhưng phi thuyền của Nga nhỏ, không chở được nhiều phi hành gia và vật liệu, chỉ được coi như là chiếc phao cấp cứu mà thôi.

Ngoài ra trạm không gian cần lực hỏa tiễn đẩy lên cao định kỳ để duy trì trong quĩ đạo ấn định, nếu không sẽ rơi xuống.

Phí tổn dự trù cho trạm không gian đầu tiên được ấn định là 8 tỷ MK, năm 1993 tăng thành 19.4 tỷ, năm 2000 thành 23.3 tỷ và năm 2002 thành 35 tỷ.

Tương tự Kennedy, Tổng Thống Bush cha năm 1989 cũng có tham vọng đi vào lịch sử bằng cách dự trù sẽ đổ bộ người lên Hỏa Tinh trong 30 năm tới. Nhưng lời cam kết của ngài chẳng ai quan tâm tới. NASA lơ là không xúc tiến dự án vì quá khó khăn. Quốc Hội và dân chúng cũng không chú ý vì còn những vấn đề khẩn cấp cho nhân sinh trên quả đất cần giải quyết.

Ngay sau khi được tin Columbia gặp nạn, Tổng Thống Bush con tuyên bố hùng hồn, dù sao đi nữa chương trình thám hiểm không gian vẫn tiếp tục. Thật thế, dù muốn dù không, Hoa Kỳ cần phải duy trì thế ưu việt về khoa học kỹ thuật.

Tuy nhiên, tai nạn Columbia có ảnh hưởng nặng nề trên tương lai của NASA và hai công ty lớn là Boeing và Lockeed Martin Corp. Hai công ty này đấu thầu dịch vụ không gian, nổi tiếng phóng tay tiêu phí vô hạn chế.

Đồng thời, sau những hăng say, khích động của chương trình phóng người lên mặt trăng 30 năm về trước, nhóm kỹ sư và khoa học gia ưu tú của NASA đã đến tuổi gần về hưu. Với ngân sách hạn hẹp, NASA gặp khó khăn trong việc thu hút các tài năng trẻ hầu bảo đảm sự an ninh và hữu hệu của chương trình không gian.

Cũng cần nói thêm, các máy điện toán của NASA tại trung tâm điều khiển cũng như trên phi thuyền đã trở nên lỗi thời, chậm chạp, còn xử dụng chip 8086 của những năm đầu thuộc thập niên 80.

(Tài liệu đúc kết từ báo chí Mỹ)

Chú thích

(1) Bảy phi hành gia tử nạn là: phi đoàn trưởng Rick Husband 45 tuổi. phi công William McCool, 41 tuổi. chuyên viên sắp xếp (payload commander) Michael Anderson, 43 tuổi (Mỹ đen) và Ilan Ramon, 48 tuổi (Do Thái). 3 chuyên viên phi vụ Kalpana Chawla, 41 tuổi, Mỹ gốc Ấn (nữ), David Brown, 46 tuổi và Laurel Clark, 41 tuổi (nữ).

(2) Có thể Hoa Kỳ bí mật thực hiện những thí nghiệm trên lãnh vực quân sự.

(3) Khối người Việt hải ngoại cũng đã có một phi hành gia. Đó là ông Trịnh Hữu Châu (tên Mỹ là Dr. Eugen Trinh). Sinh trưởng tại Sài Gòn (9/14/50) sống tại Pháp từ năm ba tuổi. Tú Tài (Paris 68), Cử Nhân (Columbia 72), Cao Học (Yale 74), Tiến Sĩ (Yale 77). Làm việc với NASA tại Pasadena, sau đó được tuyển chọn là phi hành gia sau những lọc lựa gắt gao, nhờ khả năng chuyên môn, thể chất cường tráng, năng khiếu phi hành. Lên không gian trong phi vụ 50 (STS 50) năm 1992, với tư cách chuyên viên (payload specialist) trên phi thuyền Columbia. Phi vụ kéo dài 14 ngày. Hiện là nhân viên cao cấp của NASA tại nhiệm sở Hoa Thịnh Đốn. Vì cơ quan NASA không loan báo rộng rãi phi vụ 50 và vì ông Châu khiêm nhường, nên ít người biết đến, ngoại trừ giới khoa học gia Mỹ cũng như Việt làm việc tại NASA.

TẠO SINH VÔ TÍNH VÀ VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC

NGUYỄN VĂN TUẤN

I.

Những ai từng đọc truyện "Tề thiên đại thánh" đều biết đến câu chuyện Tôn ngộ không nhổ một cọng tóc, và từ cọng tóc hóa thành hàng trăm Tôn ngộ không khác với hình dạng y chang như Tôn ngộ không "thật". Cố nhiên, chúng ta cho rằng câu chuyện chỉ là huyền thoại, một giả tưởng, có tính cách giải trí. Nhưng với phát triển của công nghệ sinh học ngày nay, câu chuyện trên không còn là huyền thoại nữa mà có thể thành sự thật. Trong một tương lai không xa, chúng ta có thể "sao y bản chính" chính chúng ta, bằng một kĩ thuật có tên là *Biến đổi nhân của tế bào thể*, còn được đề cập đến [một cách không mấy chính xác] là "tạo sinh vô tính" (hay cloning) [1].

Tạo sinh vô tính là một trong những phát triển cực kì quan trọng trong công nghệ sinh học. Lần đầu tiên trong lịch sử con người, chính con người có thể đóng vai trò của một "Thượng đế" để tạo ra chính mình. Lần đầu tiên, con người có thể được kiến tạo mà không cần đến giao hợp giữa nam và nữ, không cần đến tinh trùng của người đàn ông. Tạo sinh vô tính là một tiến bộ quan trọng cho thấy tiềm năng vĩ đại của con người. Con người đã tiến gần đến tình thế mà chúng ta có thể *sản xuất*, hơn là *sản sinh*, ra chính mình.

Quá trình và phương pháp tạo sinh vô tính bắt chước quá trình sinh sản tự nhiên trong con người, hay động vật nói chung, và dựa vào mô hình của sinh học phân tử (molecular biology). Theo mô hình này, con người được cấu trúc bằng hàng tỉ tế bào. Mỗi tế bào của cơ thể (trừ hồng cầu) đều có nhân; trong nhân chứa các chất liệu di truyền, nhiễm sắc thể (chromosome) quyết định cấu trúc đặc tính cho mỗi cá thể. Con người có 23 đôi nhiễm sắc thể (22 đôi thường và một đôi xác định giới tính). Trong mỗi nhiễm sắc thể có nhiều gien. Mỗi gien được cấu tạo bằng một mảng DNA (viết tắt của từ DeoxyriboNucleic Acid) nằm trong các nhiễm sắc thể này. Mỗi mảng DNA gồm có bốn yếu tố hóa học (hay bốn mẫu tự): A (adeline), C (cytosine), G (guanine), và T (thymine).

Trong quá trình sinh sản tự nhiên, sự phát triển của một con người bắt đầu bằng chỉ một tế bào. Khi một tinh trùng thụ tinh với một trứng và tạo ra một tế bào đơn, và tế bào đơn này có tiềm năng phân chia để hình thành nên một cơ thể sống hoàn chỉnh. Từ đó, phương pháp tạo sinh vô tính nhại theo quá trình này, nhưng không cần đến tinh trùng. Có thể tóm lược phương pháp tạo sinh vô tính một cách ngắn gọn như sau: Bước 1, lấy một trứng của một phụ nữ, rút bỏ các chất liệu di truyền (tức là DNA hay ADN). Bây giờ cái trứng trở thành, nói như ngôn ngữ hàng ngày, một cái hãng sản xuất các phôi. Bước 2, lấy chất liệu di truyền DNA từ một tế bào của một người khác hay của chính người phụ nữ, rồi chuyển chất liệu này vào cái trứng. Bước 3, chuyển điện vào trứng để trứng bắt đầu hoạt động, và một khi trứng hoạt động thành công, chúng ta sẽ có một phôi. Bước 4, phôi sẽ đưa vào một môi trường sinh học (chẳng hạn như cấy vào tử cung của người phụ nữ) sao cho nó phát triển thành nhiều tế bào mầm hay thành một cái thai hoàn chỉnh. Bước 5, nếu không muốn cho nó phát triển thành phôi thai, có thể lấy tế bào mầm (và dùng nó cho các mục tiêu trị liệu), và nếu lấy tế bào mầm thì cái phôi sẽ bị tiêu hủy.

Công nghệ sinh học và kĩ thuật thường đi trước luật pháp và đặt ra nhiều vấn đề đạo đức. Việc phát triển công nghệ tạo sinh vô tính là một ví dụ. Vào cuối tháng 12 năm 2002, một công ty sinh học ở Canada, *Clonaid*, có liên quan mật thiết với một giáo phái kì dị có tên là Rael, tuyên bố rằng họ đã thành công sáng tạo ra một bé gái, được đặt tên Eve, bằng kĩ thuật tạo sinh vô tính. Từ khi tin này được loan truyền đi, dư luận thế giới bàn tán một cách mê loạn, từ hoài nghi đến lên án. Chính phủ nhiều nước trên thế giới, kể cả Pháp và Mỹ, kêu gọi tẩy chay, thậm chí cấm đoán hoàn toàn kĩ thuật tạo sinh vô tính.

Phản ứng này có thể hiểu được, vì trước đây, một cuộc thăm dò ý kiến trong công chúng cho thấy phần lớn (90%) dân Mỹ phản đối việc tạo sinh vô tính. Hai cuộc thăm dò ý kiến khác [3,4] cũng cho thấy một kết quả tương tự. Nhưng kết quả của thăm dò ý kiến thường bị ảnh hưởng bởi cách mà nhà nghiên cứu đặt câu hỏi. Ngoài ra, công chúng thường không có kiến thức sâu về công nghệ sinh học, nên ý kiến của họ có thể không phản ánh ý kiến "thực" của họ, và do đó, có vẻ mang nặng cảm tính hơn là phân tích khoa học.

II.

Cloning, hay tạo sinh vô tính, là một cách nói chung cho ba hình thức kiến tạo di truyền, mà tôi tạm gọi là **tái sản sinh vô tính** (reproductive cloning, hay adult DNA cloning), **tạo phôi vô tính** (embryo cloning), và **trị liệu bằng tạo sinh vô tính** (therapeutic cloning, hay biomedical cloning).

Tái sản sinh vô tính, nói một cách nôm na, là phương pháp sao y bản chính một động vật đang sống. Người ta chiết DNA từ một trứng và thay thế nó bằng DNA từ một tế bào lấy từ một động vật đã trưởng thành. Sau đó, trứng thụ tinh, bây giờ gọi là *tiền phôi* (pre-embryo), cấy vào tử cung và cho nó phát triển thành một động vật hoàn chỉnh. Đây là phương pháp mà Tiến sĩ Ian Wilmut thuộc Viện Roslin ở Scotland đã thành công tạo ra một con cừu nổi tiếng "Dolly" vào năm 1997. Năm 1998, Tiến sĩ Ryuzo Yanagimachi thuộc Đại học Hawaii cũng thành công tạo ra một số chuột bằng kỹ thuật tạo sinh vô tính. Cùng năm, ở Nhật một số nhà khoa học tạo ra một số bê cũng bằng kỹ thuật này.

Tuy nhiên, những nghiên cứu trên chưa được ứng dụng trong con người, mà chỉ được thực hiện trong các động vật cấp thấp. Đến cuối năm 1998, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Kyeonghee (Nam Hàn) tuyên bố rằng họ đã thành công trong việc tạo ra phôi con người bằng kĩ thuật tạo sinh vô tính. Hai nhà khoa học, Kim Seung-bo và Lee Bo-yeon, lấy một trứng từ một phụ nữ 30 tuổi, họ loại bỏ DNA trong trứng, và thay vào đó một tế bào của chính người phụ nữ. Trong một báo cáo khoa học, họ cho biết họ có thể "nuôi" cho phôi đến giai đoạn mà họ có thể cấy vào tử cung của người phụ nữ để sản sinh ra một em bé. Tuy nhiên, mục tiêu của họ không phải tạo ra một con người, mà chỉ tạo ra những bộ phận của cơ thể để chữa trị. Dù thế, nghiên cứu của họ đã bị công chúng Nam Hàn phản đối dữ dội.

Cách đây vài tháng, có tin đồn rằng Bác sĩ Severino Aninori (Ý) đã thành công làm thụ thai, và sẽ cho ra đời một em bé vào khoảng tháng Một năm 2003. Nhưng, như đã đề cập trên, cuối năm 2002, công ty Clonaid thuộc giáo phái Rael, đã đi trước ông một bước và tuyên bố là họ đã thành công cho ra đời một em bé bằng phương pháp tái sản sinh vô tính.

Trong thực tế tái sản sinh vô tính rất phức tạp và còn nhiều vấn đề. Nói chung hiệu quả của tái sản sinh vô tính hiện nay vẫn còn rất thấp. Tỉ lệ thành công chỉ khoảng 0.1 đến 3%. Tức là trong 1000 lần thử nghiệm, chỉ có 30 trường hợp thành công. Trong trường hợp con cừu Dolly, các nhà khoa học phải thử nghiệm 277 lần để tế bào phân chia, và chỉ có 29 lần là họ thành công. Ngay cả khi cấy vào cừu cái, chỉ có 13 trường hợp có thai, và cuối cùng chỉ có một Dolly ra đời.

Ngay cả khi thành công, một sinh vật được tạo bằng tạo sinh vô tính tuy có cùng DNA với bản chính, nhưng hoạt động của gien có thể khác với người cho DNA. Trong môi trường tự nhiên, DNA trong phôi được lập trình sao cho một số gien hoạt hóa. Khi phôi bắt đầu phân chia, chương trình hoạt động thay đổi. Mỗi tế bào, máu, da, xương, thần kinh, chương trình này hoạt động khác nhau. Trong tạo sinh vô tính, cái nhân được cấy vào trứng không có cùng chương trình hoạt động của cái phôi tự nhiên. Nhà khoa học phải huấn luyện và lập chương cho cái nhân, giống như huấn luyện con chó những mưu mẹo hàng ngày. Nếu lập chương hoàn hảo, thì quá trình phát triển sẽ bình thường. Nếu lập chương sai hay không hoàn hảo, phôi sẽ phát triển bất bình thường và có thể sẩy thai. Do đó, không ai ngạc nhiên khi thấy các động vật được sản sinh bằng phương pháp tái sản sinh vô tính có nhiều dị tật, hay bị ung thư, tiểu đường, và có tuổi thọ thấp.

Nói chung, hiện nay, giới y sinh đức và nghiên cứu khoa học xem đây là một phương pháp cực kì phi đạo đức. Ngoài ra, về mặt kĩ thuật mà nói, tế bào con người có một chu kỳ sống nhất định. Con cừu Dolly được tạo ra từ tế bào hơi già (khoảng 6 tuổi, tức là ở độ tuổi trung niên), thành ra, khi ra đời, Dolly được xem là 6 tuổi, và Dolly chỉ có thể sống 6 năm mà thôi, thay vì 11 năm như thông thường. Nếu điều này cũng đúng trong con người thì con người được tạo sinh bằng phương pháp tái sản sinh vô tính cũng sẽ có tuổi thọ ngắn.

Tái sản sinh vô tính chỉ cần một trứng, mà không cần đến một phái nam. Nếu phương pháp này có thể ứng dụng trong con người thì người ta sẽ không cần đến đàn ông trong tương lai, và khi đứa bé ra đời mối quan hệ tình cảm của nó với người cho DNA và gia đình sẽ không bình thường. Chẳng hạn như một đứa bé sinh ra từ một tế bào của người cha thì em bé này sẽ là em [nhỏ tuổi] của người cha! Do đó, đạo lí xã hội và gia đình sẽ bị hỗn loạn.

Đối với giới tôn giáo (Ki-tô giáo), có người tin rằng con người được tạo bằng tái sản sinh vô tính sẽ không có linh hồn. Họ tin rằng khi trứng gặp tinh trùng và thụ tinh là lúc mà phần hồn cũng hình thành. Và khi không có tinh trùng, thai nhi sẽ không có linh hồn. Có điều là không ai biết linh hồn có tồn tại hay không, bởi vì linh hồn

không thể thấy, sờ, ngửi, hay nghe được.

Một hình thức tạo sinh vô tính thứ hai có tên là **tạo phôi vô tính**. Đây là một phương pháp bắt chước theo cách tạo phôi tự nhiên trong quá trình thụ thai và sinh đôi trong con người. Một hay hai tế bào được chiết ra từ phôi đã được thụ thai, rồi cấy vào tử cung của người phụ nữ để phôi này phát triển thành một hay nhiều phôi khác có cùng chất liệu di truyền. Đây là một phương pháp đã được dùng qua nhiều năm (từ thập niên 1970s) trên chuột và các động vật cấp thấp khác.

Tạo phôi vô tính có tiềm năng ứng dụng trong con người, nhưng cũng gây ra một số quan tâm. Qua nghiên cứu cách thức tạo phôi vô tính, các nhà khoa học có thể tìm hiểu sâu rộng hơn về nguyên nhân dẫn đến sẩy thai, mà cho đến nay vẫn còn là một bí mật. Ngoài ra, nó có thể dẫn đến việc phát triển các phương pháp trị liệu và phòng ngừa nạo thai. Đối với cha mẹ có những gien nguy hiểm và những gien này có thể lưu truyền trong con cái, tạo phôi vô tính có thể phòng ngừa được tình trạng này xảy ra. Người ta có thể thử nghiệm nhiều phôi khác nhau cho đến khi một phôi toàn hảo và tránh tình trạng bệnh tật cho con cái sau này.

Tạo phôi vô tính thực chất là một hình thức làm cho người phụ nữ sinh đôi. Đối với các phụ nữ thích có con sinh đôi (thay vì sinh hai lần), tạo phôi vô tính cũng có thể giúp họ trong việc tạo dựng sự nghiệp và kế hoạch hóa gia đình.

Một quan tâm hàng đầu của phương pháp này là nếu nó lọt vào tay của những người (hay nhóm người, hay chính quyền) có những tham vọng điên rồ như thời Đức quốc xã. Đối với những nhóm người này, họ có thể dùng phương pháp tạo phôi sinh vô tính để tạo ra những con người hoàn hảo như giấc mộng của Đức quốc xã ngày xưa. Và một phương pháp tương tự cũng có thể dùng để tạo ra những con người thấp kém hơn (nhưng có thể lực mạnh mẽ) để dùng vào các mục tiêu phi nhân, phi chính khác, như nô lệ chẳng hạn.

Sau cùng là phương pháp **trị liệu bằng tạo sinh vô tính**. Đây là một phương pháp mà các giai đoạn đầu cũng giống như phương pháp tái sản sinh vô tính. Nhưng tế bào mầm (stem cells) được chiết ra từ một phôi với mục tiêu sản sinh ra những mô hay một cơ phận để ghép vào một bệnh nhân, chứ không để hình thành một bào thai hay một con người.

Thay vì dùng trứng của con người, các nhà khoa học cũng có thể dùng trứng của lợn (cũng có gien giống như con người). Tức là lấy trứng của một con lợn, rút DNA ra, và thay vào đó là DNA của con người, và để cho nó phát triển thành cơ phận của một con người.

Nói tóm lại, mục tiêu của tạo sinh vô tính cho trị liệu là "trồng" một cơ phận của con người để dùng cho mục đích ghép (transplant). Phương pháp này có một lợi điểm lớn là thay vì dùng cơ phận của người khác, các nhà khoa học chỉ việc dùng cơ phận của chính bệnh nhân. Nguồn cung cấp coi như vô tận, và sẽ không có vấn đề chờ đợi để được giải phẫu hay ghép. Người được ghép sẽ chẳng phải dùng thuốc miễn nhiễm (immunosuppressant drugs) suốt đời như hiện nay.

Vấn đề mấu chốt trong việc tạo sinh vô tính cho trị liệu, hay nghiên cứu tế bào mầm, là cứ mỗi tế bào được chiết ra từ túi phôi (gồm khoảng 100 tế bào) thì phôi bị tiêu hủy. Đối với Ki-tô giáo, việc tiêu hủy phôi này là phi đạo đức. Giáo hoàng John Paul II, từng tuyên bố rằng "Một xã hội tự do và đạo đức, mà nước Mỹ thiết tha muốn có, phải từ bỏ những thói quen làm giảm phẩm cách và xâm phạm sự sống của con người trong bất cứ giai đoạn nào từ thụ thai cho đến khi qua đời." Quan điểm này bắt nguồn từ niềm tin của Ki-tô giáo rằng sự sống của con người khởi đầu từ lúc trứng và tinh trùng liên hợp. Nói một cách khác, Ki-tô giáo công nhận quyền sống và địa vị đạo đức của trứng lúc thụ tinh. Do đó, các tu sĩ Ki-tô giáo phản đối mạnh mẽ việc nghiên cứu tế bào mầm phôi.

Nhiều thành phần trong xã hội cũng phản đối việc hủy diệt một túi phôi để lấy tế bào mầm. Họ cho rằng phôi phải được tôn trọng như một con người. Và ý kiến phản đối này còn đến từ những vị khoa bảng có tiếng tăm. Giáo sư Pellegrino, giám đốc trung tâm Y đức sinh học lâm sàng, Viện đại học Georgetown (Mỹ), tuyên bố: "Tôi phản đối bất kì mọi nghiên cứu nào mà làm hủy hoại cấu trúc phôi người còn sống. Phôi người là thành viên của loài người tính từ khi thụ tinh, và vì vậy cần phải gắn liên với đạo đức đặc biệt. Tôi chọn điểm mốc là 14 ngày, các nghiên cứu tiến hành trên phôi người vào thời điểm trước đó thì chấp nhận được."

Tuy nhiên các quan điểm trên đây, kể cả quan điểm của Ki-tô giáo, không giải thích tại sao một trứng thụ tinh được xem là một con người có đạo đức, cũng như không cho biết những tiêu chí nào mà Ki-tô giáo và những người phản đối [chương trình nghiên cứu tế bào mầm] dùng để định nghĩa một con người. Thành ra, câu hỏi cần được đặt ra là: "sự sống con người bắt đầu từ lúc nào?" Phát biểu một cách khác: khi nào thì một sinh vật, một thực thể được xem là một con người.

Phải nói ngay rằng không có câu trả lời đơn giản cho câu hỏi này, bởi vì có nhiều khía cạnh để định nghĩa thế nào là một con người, và những khía cạnh này phát sinh trong nhiều thời điểm khác nhau. Theo chúng tôi, một thực thể chỉ là con người khi thực thể đó hội đủ những đặc tính di truyền, khả năng nhận thức, nhân dạng sinh học, và ý thức đạo đức. Dựa vào những tiêu chí này, thật khó mà cho rằng phôi là con người, và không có lí do gì để điều chỉnh cái thời điểm phát sinh con người lùi lại thời điểm thụ tinh. Một hợp tử có thể có đầy đủ các thông tin di truyền (cũng như một cọng tóc, một khối nước bọt, một giọt máu đều có thông tin di truyền), nhưng hợp tử cũng có thể tự tách rời thành hai hợp tử (sinh đôi), hay cũng có thể phát triển thành một bào thai. Chỉ khi nào một hợp tử phát triển thành bào thai thì những khía cạnh con người mới có ý nghĩa. Và ngay cả khi hợp tử có khả năng phát triển thành bào thai, có nhiều yếu tố khác trong giai đoạn thai nghén có thể ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bào thai. Thụ tinh chỉ là một trong nhiều bước cần thiết để phát triển thành một cá nhân, một con người. Thụ tinh không phải là mốc thời điểm để định nghĩa một con người, và kết quả khởi đầu của thụ tinh không phải là một con người.

III.

Như trình bày trên đây, tạo sinh vô tính không phải là một lĩnh vực đặc thù, mà gồm ba hình thức khác nhau từ kĩ thuật đến mục tiêu. Do đó, không thể nào phát biểu một cách dứt khoát là tẩy chay hay không tẩy chay, cấm đoán hay cho phép tất cả các hình thức tạo sinh vô tính, bởi vì những phương pháp này có nhiều ứng dụng khác nhau. Điều quan trọng cần phải nhận thức là tất cả các phát triển dù là kĩ thuật hay công nghệ sinh học, đều có những ích lợi, và không ít thì nhiều, tiềm năng gây ra tác hại.

Ứng dụng công nghệ tạo sinh vô tính không phải là một vấn đề lựa chọn cá nhân hay vấn đề của y học, mà là một vấn đề của xã hội vì nó ảnh hưởng đến quan hệ giữa con người trong xã hội hiện tại và trong tương lai. Do đó, những tranh luận về tạo sinh nhân tính không nên chỉ dựa vào góc độ kĩ thuật của công nghệ tái sản sinh như hiện nay, mà cần phải chuyển điểm tranh luận từ kĩ thuật, ích lợi, tác hại đến ảnh hưởng trong các thế hệ con người trong tương lai. Tất cả chúng ta không muốn có một xã hội mà trong đó việc ứng dụng công nghệ tạo sinh vô tính cho ra đời những con người như là những món hàng có thể buôn bán, và gây thêm những bất công trong xã hội . Hiện nay, chúng ta chưa đủ sáng suốt để đương đầu với tình trạng đói, nghèo, và suy thoái môi trường, chúng ta khó mà có đủ sáng suốt để đối phó với quá trình tiến hóa của chính chúng ta. Do đó, chúng tôi cho rằng xã hội có lí do để tẩy chay **tái sản sinh vô tính** (tức là reproductive cloning).

Nhưng **tạo phôi vô tính** (embryo cloning) có tiềm năng giúp đỡ những cặp vợ chồng hiếm muộn có con như họ mong ước, và do đó phương pháp này có thể chấp nhận được nếu như các phương pháp khác (như IVF) không thành công.

Những nghiên cứu liên quan đến **trị liệu bằng tạo sinh vô tính** (hay stem cells research) nên được khuyến khích và yểm trợ, bởi vì nó có triển vọng chữa trị những bệnh ngặt nghèo mà y học hiện đang bó tay. Có người cho rằng trị liệu bằng phương pháp tạo sinh vô tính là đóng vai trò của Thượng đế, một quyền mà con người không nên có. Nhưng nếu việc làm đó là đồng nghĩa với vai trò Thượng đế thì các thuật giải phẫu, uống thuốc trụ sinh, ghép thận, v.v... cũng là đóng vai trò Thượng đế! Trong thực tế, nghiên cứu dùng tế bào mầm để chữa trị bệnh tật là sự mở rộng lựa chọn của con người, là mưu cầu tri thức nhằm vào mục tiêu cuối cùng là diệt khổ.

Xã hội có được những khám phá khoa học quan trọng, kể cả những phát triển trong y học, xuất phát từ lòng khao khát tri thức mới của con người, và sự sẵn sàng ứng dụng những tri thức này vào thực tế, dù lợi hại không thể đoán trước được. Một số phương pháp tạo sinh vô tính thể hiện sự mạo hiểm mới của con người trong hành trình chinh phục bệnh tật và đem lại hạnh phúc cho con người. Trong quá khứ chúng ta đã can đảm chấp nhận những công nghệ mới, và trong nhiều trường hợp những mạo hiểm này đem lại nhiều lợi ích hơn là thiệt hại cho con người. Ngày nay, chúng ta vẫn cần can đảm và lí trí để tiếp nhận công nghệ tạo sinh vô tính. Nói theo nhà triết học người Mỹ, George Santayana, phớt lờ quá khứ có thể làm cho chúng ta phạm thêm lỗi lầm, nhưng hiểu quá khứ có thể giải thoát chúng ta khỏi những u tối.

Chú thích:

[1] Chữ "clone" xuất phát từ tiếng Hi Lạp, *klon*, có nghĩa là "sprout" (mầm) hay "twig" (nhánh con). *Cloning* là một phương pháp tái sản xuất, sao chép một sinh vật mà không phải qua các quá trình tái sản xuất bình thường như thụ tinh giữa trứng và tinh trùng.

[2] Whatever next? *The Economist* 1997 March 1;79-81.

[3] Time/CNN poll. 1997 March.

[4] International Food Information Council. *Wirthlin group quorum survey*, 1997 March 21-24.

SƯƠNG KHÓI SAPA

TÔN NỮ THU NGA

Ngày xưa còn bé, tôi hay được đi du lịch bằng xe lửa với bố mẹ. Ánh đèn vàng sân ga và những gánh hàng rong mãi mãi vẫn là những hình ảnh ghi đậm trong tâm trí tôi. Vì thế tôi thấy lòng mình nao nức xôn xao khi Hoàng, người hướng dẫn đưa chúng tôi ra nhà ga Hà Nội để đáp xe lửa đi Lào Cai. Từ Lào Cai chúng tôi sẽ có xe du lịch đưa lên Sapa, một miền đất thượng du Bắc Việt chỉ hiện diện trong trí tôi qua những bài địa lý và sách báo.

Hoàng hôn xuống từ lâu, Ga Hà Nội lên đèn sáng rực. Quanh ga kẻ bán hàng nhộn nhịp chào mời du khách. Nhìn quanh toàn là du khách Âu Mỹ, chỉ có tôi, Tuấn và Hoàng là người Việt. Hoàng chỉ mới hai mươi lăm tuổi, nhanh nhẹn, thông minh và nhiều kiến thức. Có như thế anh ta mới là người hướng dẫn giỏi. Kéo chiếc valise lớn giùm chúng tôi, Hoàng chầm chậm chờ tôi khệ nệ với cái ba lô đầy dụng cụ nhiếp ảnh và cái chân ba càng. Đi đâu mà không đem theo cái chân ba càng này thì bị lỡ nhiều dịp chụp ảnh đẹp.

Lếch thếch vòng vo qua nhiều đường sắt, nhiều toa tàu cũ kỹ, chúng tôi được dẫn lên toa tàu Victoria. Tàu này cũng như khách sạn Victoria là một liên doanh du lịch của Việt Nam và Thụy Sĩ. Nổi tiếng vì sang trọng, đẹp và dĩ nhiên là rất đắt. Làm việc cực nhọc suốt năm, tiền bạc để dành đi du lịch mà. Đi chơi chỏ vui vẻ thoải mái rồi về làm việc tiếp. Vừa làm vừa tưởng tượng tới những chuyến đi sau.

Đưa chúng tôi vào phòng an vị xong, người bảo vệ mời Hoàng đi ra. Hoàng phải ngủ ở toa tàu khác dành cho hướng dẫn viên du lịch. Có lẽ lo cho chúng tôi, anh còn nấn ná dí mũi vào cửa kính, thấy tôi cười vẫy tay chào anh mới ra đi.

Toa tàu chúng tôi chỉ có khách ngoại quốc và một nhân viên bảo vệ người Việt. Cửa toa khóa chặt không cho người ngoài cũng như bạn hàng buôn lọt vào. Trong toa toàn là phòng ngủ, hai giường hoặc bốn giường, hai nhà vệ sinh hai đầu toa. Toa hàng ăn nối liền, chỉ cần bước qua cái hành lang nhỏ.

Vào phòng ngủ, thay áo xong, tôi trèo lên giường , lấy cái gối lót dưới bụng, tôi nằm sấp chống tay lên cằm nhìn qua cửa sổ, lòng tôi xôn xao thích thú như một đứa trẻ con lần đầu đi du lịch. Tôi nằm ngồi không yên, nhấp nhổm mãi làm anh Tuấn cứ nhìn tôi cười hoài. Nhìn qua cửa sổ tàu, được bảo vệ bằng tấm lưới sắt, tôi hồi hộp chờ tàu khởi hành. Cuối cùng tàu cũng chầm chậm lăn bánh ra khỏi ga. Tàu chạy qua phố, tất cả xe cộ ngừng bên đường sắt, đèn xe dọi sáng trưng về phía chúng tôi. Có khi xe lửa chạy trên cao, nhà cửa ngoài kia bé tí xíu, có khi xe lửa chạy đường thấp, sân nhà dân chúng hoặc các dây phơi quần áo dường như sát ngay mặt, cách có mấy thước. Đang giờ cơm chiều, tôi thấy nhiều gia đình đang quây quần quanh mâm cơm, các đứa trẻ con đưa tay vẫy, có lẽ chúng nhìn thấy chúng tôi rõ ràng trong khung cửa sáng. Tôi tắt đèn phòng để nhìn ra ngoài bóng đêm cho rõ. Xe chạy qua cầu Long Biên, dòng sông đen và rộng. Cầu khá sáng sủa, nhiều cặp nhân tình khắng khít bên nhau trên xe gắn máy hoặc xe đạp, tựa vào lan can cầu hóng gió và tâm tình. Một lát sau, chán ngắm cảnh, tôi bật đèn lên đọc sách rồi ngủ quên. Chỉ nhớ rằng vài lần tôi giật mình thức giấc khi tàu đổi đường rầy, dùng dằng chậm lại hoặc thắng tàu kêu ken két.

Khi tôi thức giấc vào buổi sáng, toa tàu đã trống rỗng, hành khách xuống gần hết và Hoàng đang đi tìm chúng tôi. Thật là mê ngủ, tàu tới ga Lào Cai mà chúng tôi cũng chưa dậy. Lật đật rời tàu, Hoàng dẫn chúng tôi ra chiếc xe du lịch với người tài xế tên Cường vừa lên từ Hà Nội để chở chúng tôi đi chơi trong những ngày sắp tới. Lào Cai là một thị xã lớn, lớn hơn sự tưởng tượng chúng tôi đã có về một vùng đất xa xôi miền thượng du Bắc Việt. Phố xá rất sầm uất, biên giới Tàu Việt là cửa Hà Khẩu ngay sát bên, con buôn làm ăn náo nhiệt chạy vùng biên giới qua cầu Hồ Kiều, cầu này bắc ngang con sông Nậm Thi. Sông Nậm Thi nước trong veo, nối vào sông Cái (Sông Hồng) thì nước đã thành màu đỏ. Tại cửa khẩu, rất nhiều các loại xe chuyên chở, lớn nhỏ đủ loại. Các con

ngựa nhỏ thó kéo những chiếc xe chở đầy vun các bao gạo thóc. Bên lề đường, các tài xế rảnh rỗi, trong lúc chờ mối, túm tụm vào các sòng bài, la hò nhộn nhịp. Bầu trời trong xanh nhưng không gian thì không thơm tho lắm vì bụi bặm, rác rưởi chen trộn với khói xe và phân bò, phân ngựa. Đi quẩn quanh vài phút cho biết mùi biên giới, tôi lên xe rời cửa khẩu.

Từ Lào Cai, theo Đại lộ Hoàng Liên lên Sapa chỉ chừng hơn 30km nhưng vì đường núi quanh co, ngoằn ngoèo qua các sườn đồi nên xe chạy rất chậm. Trời mới mưa xong, những đoạn đường đất sét đỏ trở nên lầy lội, rất trơn trợt và nguy hiểm. Ven đồi, các loài hoa đua nhau khoe sắc. Hoa Gừng, hoa lan rừng mọc rất khỏe. Những

Tác giả và các phụ nữ người Dao Đỏ (Ảnh Tuấn Trần)

đám ruộng bậc thang sắp đến mùa gặt nên các hạt lúa chín vàng trĩu ngọn.

Buổi sáng hôm nay mặt trời chỉ lấp ló trong các đám mây nên quang cảnh rất êm dịu, tuy nhiên khi chụp ảnh các đám ruộng bậc thang (1), chúng tôi không thu thập được màu sắc của lúa chín vàng. Chụp chân dung thì tuyệt vì ánh sáng dịu và không nhiều độ tương phản. Đường núi quanh co và hẹp, xe cộ chạy tránh nhau hơi khó khăn nên chúng tôi không muốn ngưng nhiều. Khi có cảnh gì xuất sắc thì mới tìm chỗ rộng rãi, đậu xe cho an toàn, rồi mới đi bộ ven đồi tìm vị trí tốt để chụp ảnh. Lúc nào Cường và Hoàng cũng theo sát chúng tôi, người coi chừng xe và hành lý, người xách hộ máy ảnh, đôi khi còn xin nhìn qua máy hình để xem các khung cảnh chúng tôi chọn lọc. Vùng này rất vắng vẻ, không có các kẻ buôn bán theo chào mời. Lũ trẻ con chỉ nhìn chúng tôi từ xa chứ không dám tới gần, bọn chúng nhút nhát hơn trẻ con thành phố. Thỉnh thoảng ven lộ, vài người thổ dân mang gùi trên vai, lưng đeo đứa con bé tí teo, cùng vài đứa trẻ lớn dẫn dắt nhau đi họp chợ. Các người đàn ông trẻ mang gùi, đeo thêm cái súng "ngựa trời" dài ngoằn trên vai, có lẽ họ đi săn hoặc đi đốn củi. Thấy chúng tôi họ đưa mắt nhìn, đôi khi mỉm cười, gật đầu chào rồi tiếp tục lên đường.

Thành phố Sapa hiện ra trước mắt mà tôi chưa nhận thức được, ngỡ rằng còn lâu nữa mới tới vì Sapa vẫn còn giữ sự yên lặng, cổ kính của một thành phố miền núi. Xe chạy qua nửa phố, leo lên con đường đồi nhỏ với những trụ đèn cổ kính để tới khách sạn Victoria. Sau khi cất dọn hành lý vào phòng và dùng điểm tâm xong, tài xế và hướng dẫn viên đã chờ sẵn để đưa chúng tôi đi chơi.

Vào ngày cuối tuần, Sapa thường có lễ hội và họp chợ, nên dân các bản trong những bộ áo quần diêm dúa, tụ hội về rất đông. Các cô các bà người H'mong đen, mặc thổ cẩm, màu chàm, thêu dệt xanh đỏ. Họ mặc váy, quanh bắp chân bó vải, đeo các nữ trang bằng kim loại trắng. Tai đeo các hoa tai to dài lòng thòng, cổ đeo nhiều kiềng bạc, tay cũng đeo các vòng chạm trổ tỉ mỉ. Thấy tôi các cô các bà xúm vào mời mọc mua vòng xuyến, tôi bận chụp ảnh nên để cho Hoàng làm công việc trả giá và chi tiền. Chợ Sapa nằm bên triền đồi nên phải xây nhiều tầng. Một con đường chính xuống chợ phải đi theo nhiều bậc thang bằng đá, bạn hàng ngồi dọc hai bên lề. Xứ này cái gì cũng xây trên bậc thang cả, nào là ruộng bậc thang, phố bậc thang và bây giờ tôi đang đi trên chợ bậc thang. Vừa bước tới cổng chợ, một giọng nói vang bên cạnh tôi:

"Đưa cái đầu mèo vào đây cho tao cắt."

Tôi giật nẩy mình nhìn quanh.

"Sao cái đầu mèo này để dài quá dzậy?"

Thì ra đây là câu nói của anh thợ cắt tóc dạo người Kinh, thấy anh người Mèo khách hàng quen

thuộc vừa ra chợ nên rủ vào hớt tóc. Anh dân tộc Mèo thấy tôi nhìn, tay vò vò đầu, cười mím chi, trèo lên cái ghế đẩu để cạnh bức tường loang lổ, trên tường treo một miếng kính to chừng vài gang tay. Tôi ôm bụng cười vì câu nói của anh thợ hớt tóc, nếu không nhìn thấy họ mà chỉ nghe câu nói ấy, tôi có thể tưởng rằng có gian hàng bán thịt mèo ngay tại cổng chợ.

Bây giờ người ta gọi các thổ dân là "dân tộc." Danh từ thật mơ hồ làm tôi khó chịu. Anh Tuấn cũng không thích lắm nên hỏi: "Sao chỉ gọi họ là dân tộc? Mình cũng là 'dân tộc' vậy, ai cũng là dân tộc Việt hết!" Hoàng bảo: " Mình là dân tộc Kinh!" Chúng tôi không mấy hài lòng và vẫn không thể nào dùng các tiếng Việt mới ấy được.

Dạo quanh chợ, tôi thấy rất nhiều nhóm người trang phục khác nhau. Hoàng chỉ cho tôi nào là người H'mong đen, mặc váy, bó bắp chân, đầu quấn vải đen. Người Dao đỏ đầu che vải đỏ. Người Tày đội nón diêm dúa. Người Day mặc áo quần sáng tươi, xanh hồng lòe loẹt. Người H'mong Hoa mặc váy xòe màu hồng và đỏ, tính tình vui vẻ và hiền từ nhất. Tôi lang thang khắp chợ, hai máy ảnh đeo trên ngực, khi chụp hình dương bản màu, lúc thì chụp trắng đen. Nhờ những ống kính dài nên hoạt động dễ dàng trong khu chợ đông đảo, lúc nào cũng có người vượt qua trước mặt. Tôi hay rình chụp các trẻ con, những đứa bé gái bắt gặp tôi chụp hình lén, chúng chạy ngay tới mời tôi mua vòng kiềng: "Cô chụp hình tụi cháu rồi bây giờ cô mua giùm cháu." Tôi đưa các vòng lủng lẳng trên cánh tay cho chúng xem thì các cô ấy bảo tôi: "Cái vòng này của bản khác làm chứ không phải bản của cháu, cô mua của người H'mong đen bây giờ cô mua cái khác của người Dao đi!"

Thế là Hoàng phải chịu trận, anh trả giá và đưa tiền ra cho tôi thoát nợ.

Rời chợ, tôi bước vào nhà thờ Sapa. Nhà thờ cổ, đơn giản, tháp chuông trắng và thập tự giá vươn lên như muốn níu kéo sương mù. Sáng nay, nhìn từ trên đồi xuống, tháp chuông thánh đường trông thật thơ mộng và cô liêu. Trong nhà thờ, tín đồ ngồi kín hơn mươi hàng ghế, toàn là người H'mong đen. Tuấn hỏi thăm thì mới biết rằng ở đây không có linh mục nên không có lễ, bổn đạo chỉ cùng nhau đọc kinh cầu nguyện. Trên bực thềm trước nhà thờ, hai bà cụ người H'mong ngồi sát nhau chuyện vãn, từ phía sau, tôi dùng cánh cửa làm khung để chụp hình đôi bạn ấy. Thời tiết nơi đây mát hơn Hà Nội thế nhưng tôi cũng đổ mồ hôi vì vừa lên xuống đồi vừa đeo theo mấy cái máy hình nặng. Hoàng đã thương hại, mang giùm tôi cái ba lô đựng phim, ống kính và kính lọc.

Quanh quẩn trong chợ một lát, chúng tôi quyết định đi núi Hàm Rồng. Núi Hàm Rồng được nhà nước giao cho công ty xổ số quản lý. Muốn lên núi lại phải trèo lên rất nhiều bậc thang. Dọc đường có nhiều tiệm bán dược thảo như cam thảo, bạch truật, ngũ gia bì, tam thất, hạt sen, dương quy , bát mộc hương, đổ trọng..., những loại thuốc được tin là làm cho tăng sức khỏe và tuổi thọ. Chúng tôi được mời lại uống thử trà Linh Chi, còn đang ngần ngại không dám uống thì Hoàng bảo chúng tôi cứ dùng thử. Loại trà này cũng dễ uống vì vị ngọt chứ không đắng chát. Anh Tuấn đòi thêm ly nữa khi chị chủ quán duyên dáng bảo anh rằng: "*Uống trà này được vợ khen và bà hàng xóm cũng mon men đến gần.*" Tôi chỉ hy vọng rằng ly trà sẽ giúp tôi bò được lên núi Hàm Rồng là đã công hiệu lắm rồi.

Trên công viên tôi đi quanh thăm vườn hoa lan, mùa này chỉ một ít hoa còn khoe sắc. Việt Nam có 643 loại phong lan thì riêng trong núi Fansipan đã có 330 loại (2). Tôi rất thích những chùm hoa lan vàng tươi, khỏe mạnh trổ dài trên các thân gỗ mục. Sau vườn lan là một vùng đất bằng phẳng, huy hoàng với các loại hoa đỗ quyên, hoa thược dược, vạn thọ... trồng trọt và chăm sóc cẩn thận nên rất tươi đẹp. Xa xa dưới đồi là thành phố Sapa. Đang loay hoay chụp ảnh thành phố, bỗng đâu hơi lạnh ùa đến, một đám sương kéo về bao trùm cả cảnh vật. Thời tiết đang trong sáng thế mà chưa đầy năm phút sau chúng tôi không thể thấy người đi năm thước trước mặt mình. Tuy nhiên chỉ khoảng mười lăm phút sau, sương lại tan dần như có bàn tay bí mật nào đó vén giùm tôi tấm màn voan mỏng phủ che thành phố. Sau vùng hoa tươi cỏ biếc là rừng đá với những tảng đá đen to lớn, hình thù kỳ dị mọc san sát bên nhau, cây leo xanh tươi bám quanh đá hoặc những cây thông mọc chen kẽ như các bức tranh Tàu. Bậc thềm dẫn lên cổng trời lát đá rất tốt, chúng tôi ngồi xuống thềm chụp ảnh rồi quyết định đi trở về phố Sapa để dùng cơm trưa. Rau trái tại đây rất tươi tốt nên những món ăn của chúng tôi thường có nhiều rau quả và ít chất béo. Ăn trưa xong, về khách sạn nghỉ ngơi, khoảng ba giờ chiều xe tới đón chúng tôi đi thăm làng Cát Cát của người H'mong.

Từ cổng làng, xe chạy ven triền núi chừng hai

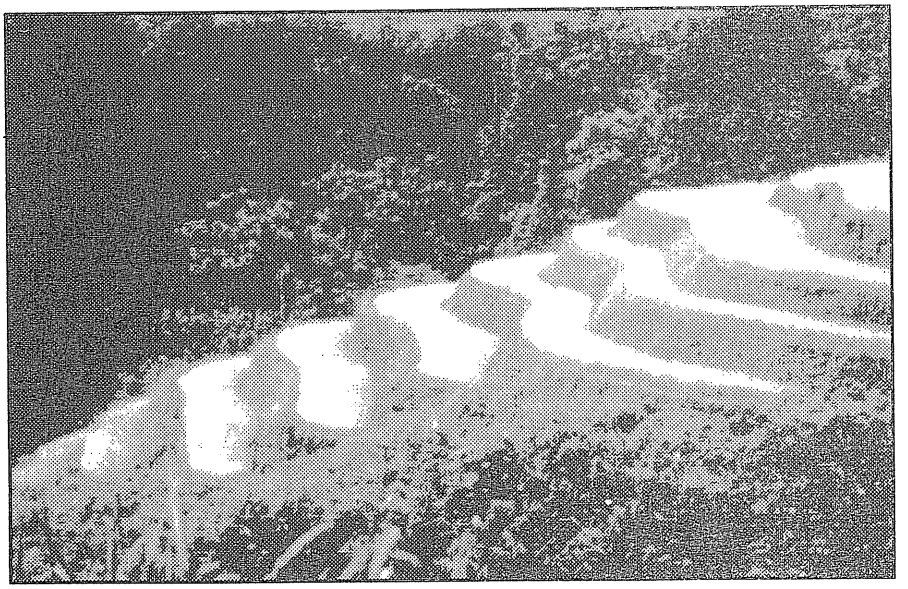

Ruộng bậc thang Sapa (Ảnh của tác giả)

cây số thì chúng tôi phải xuống lội bộ. Làng xây lưng chừng núi nên nhà cửa xây trên bậc thang, ngang hàng với các thửa ruộng của họ. Làng này chỉ có 19 gia đình người H'mong cư ngụ. Hoàng dẫn tôi vào nhà anh Xử, anh ta khoảng 40 tuổi, người rắn chắc, không cao lắm nhưng trông rất mạnh khỏe. Anh làm nghề dẫn lộ cho các nhóm trèo núi Fansipan, ngọn núi này cao nhất Việt Nam (3143m), mỗi chuyến đi như vậy khoảng năm ngày, họ phải đem theo đầy đủ các dụng cụ leo núi, lương thực và vũ khí. Anh có đến sáu đứa con, đứa nhỏ nhất đang được anh bế trên tay. Anh mời chúng tôi ngồi chơi và rót rượu ra mời. Tôi uống thử thì mùi vị ngọt và nồng như Sake. Anh Xử ngồi hút thuốc lào cho chúng tôi chụp ảnh và chúng tôi cũng chụp ảnh mấy đứa con nhỏ của anh. Nhà anh bằng gỗ, lợp tranh, có một cái gác chứa lương thực và bắp khô. Trong nhà tối đen và khói ám vì bếp lửa cũng nằm ngay bên chỗ ngủ. Rời nhà anh Xử, chúng tôi đi xuống suối Cát Cát. Theo ý tôi, đường đi này khó khăn hơn đi chùa Hương vì các bậc thềm rất cao và không đều, thế mà các bọn trẻ nít thoăn thoắt nhảy theo chúng tôi. Mồ hôi ướt áo, đầu gối đau nhức, thế mà tôi vẫn ráng đi, cương quyết không nghĩ đến đường về. Đường làng thật đẹp, hai bên rải rác các bụi tre xanh, hàng rào thưa xiêu vẹo và các đường ruộng bậc thang uốn éo tỏa ra như những lượn sóng vàng. Đi qua một mái nhà tranh, thấy có chú bé đang cầm dao róc mía, vẫy tay chào tôi cười toe toét. Tôi hỏi chú: "Mía ăn ngon không con?" "Ngon lắm chứ." Các đứa trẻ nói tiếng Việt rất rành rọt, hơn cả mấy đứa con tôi ở Mỹ. Như vậy câu tôi chê các con "Nói tiếng Việt như mọi" là một câu nói không đúng lắm. Hoàng giải thích, mía là một món quà ăn vặt của các đứa bé vùng này, như là kẹo của bọn trẻ thành phố. Qua một khúc quanh, tiếng suối chảy vang dội làm tôi quên cả mệt và đau đầu gối, tôi chạy một mạch xuống đồi làm anh Tuấn phải chạy theo kéo lại sợ tôi ngã. Muốn đến suối phải băng qua một chiếc cầu treo, thấy mỏng manh nhưng không đong đưa nhiều nên dễ đi. Bên kia suối vài du khách ngoại quốc đang ngồi kề bên nhau ngắm cảnh suối rất tình tứ. Một bọn con gái nhỏ thấy tôi thì ùa lại mời mua các dây chỉ thêu do chính tay chúng làm, tôi đồng ý mua cho mỗi cô mỗi sợi nên chúng rất vui, quây quần bên tôi, cột chỉ vào tay tôi như những chiếc vòng đủ màu sắc. Thấy tôi muốn chụp ảnh chung, các em ngồi xuống bên tôi rất thân mật. Có em rất tò mò, muốn xem máy ảnh cho nên tôi cho em nhìn vào ống kính, bày cho em chụp hình các bạn, thế là chúng thay phiên nhau chụp ảnh và rất thích thú với cơ hội này. Thình lình bên kia anh Tuấn kêu tên tôi ơi ới, tưởng anh gặp nạn, tôi chạy qua tiếp cứu, thì ra anh đang mừng quýnh lên khi thấy một anh Mường mang cái gùi đầy gỗ trên lưng đang nhảy qua dòng suối. Anh giậm chân tiếc hùi hụi vì không chụp kịp. Tôi bảo anh nếu anh muốn chụp thì tôi sẽ thuê anh Mường nhảy qua dòng suối lại để anh chụp chứ có gì mà tiếc. Anh Mường là bạn của con trai anh Xử, thế nên con trai anh Xử thông dịch những điều tôi muốn. Anh Mường vui vẻ đeo gùi, nhảy qua nhảy lại mấy lần cho chúng tôi chụp ảnh. Chụp xong hai anh ngồi bên suối hút thuốc, nghỉ ngơi và chia nhau tiền chúng tôi tặng. Thấy cái gùi gỗ bên cạnh anh Mường, Tuấn và Hoàng nhấc lên thử thì chỉ nhúc nhích được một chút xíu trong khi anh Mường chỉ khoảng mười bảy tuổi, ốm nhom nhưng thật là rắn chắc và mạnh khỏe, anh di chuyển thật dễ dàng với cái gùi đeo trên lưng. Hai anh này cũng là những

người thường tháp tùng các toán leo núi Fansipan. Thấy hai anh hút thuốc, tôi chợt cảm thấy thương hại các buồng phổi của họ quá. Động chạm nghề nghiệp, tôi bèn nói cho họ nghe về cái hại của thuốc lá và khuyên họ đừng nên hút nữa. Không biết có ai nghe lời mình không, nhưng nếu không nói được cho họ biết, chắc tôi sẽ không bằng lòng với lương tâm mình.

Dù muốn ở lại suối chơi lâu hơn cũng không được vì trời đã kéo đầy mây xám, cơn mưa cuối chân trời đang cuồn cuộn kéo về, chúng tôi thu dọn máy móc để trèo lại lên đồi, vừa đi tôi vừa than thở ỉ ôi, thế nhưng lâu lâu cũng ngừng lại chụp ảnh. Chụp xong rồi thì Hoàng lại đẩy lưng tôi, giúp tôi trèo lên những bậc thềm cao mà bây giờ dường như cao hơn gấp bội, so sánh với chuyến đi xuống. Đi ngang qua các nhà ven lộ, các thiếu nữ phơi thổ cẩm vừa mới nhuộm chàm nhìn tôi cười, các tấm vải phơi phới bay như các bàn tay vẫy chào tạm biệt. Dưới ruộng, mấy đứa con trai tụ tập chơi đùa, trèo lên nhảy xuống trên lưng một con trâu bự. Con trâu hiền lành nằm yên cho bọn trẻ leo trèo rất ngộ. Còn nửa cây số cách chỗ xe đậu, tôi gặp một thiếu nữ mới mười sáu tuổi thật xinh, đeo đứa con nhỏ trên lưng. Tôi mua mấy chiếc vòng của cô và hỏi chuyện. Cô lấy chồng năm mười hai tuổi vì con gái ở đây lấy chồng rất sớm. Chồng cô đi làm rẫy và cô đi bán những cái vòng cho du khách kiếm lời. Trong lúc Hoàng lựa vòng thì tôi chụp ảnh mẹ con cô đứng trên sườn đồi, xa xa sương mù từ từ dâng lên trong thung lũng. Mưa đã rắc nhẹ trên đường, thu dọn máy vào ba lô, tôi và Hoàng ba chân bốn cẳng chạy lên đồi. Anh Tuấn đã lên trước, anh đem gói kẹo và bút chì của tôi mang theo, chia cho các đứa trẻ trong làng. Thằng con trai bé của anh Xử giờ này đang nhai kẹo, nước dãi, nước mũi cùng nước kẹo bôi lem luốc cả mặt.

Chạy được lên đây, trái tim tôi tưởng chừng sắp rơi xuống đất, nghe tôi thở quá nhanh và ngắn, nhìn cái mặt tái xanh của tôi, anh Tuấn lắc đầu :" Ham chụp ảnh quá!" Tôi vừa thở vừa cười, thều thào :

" Thôi, bây giờ chết cũng vừa, chưa có ngày nào sung sướng như hôm nay!"

Vừa lên xe thì mưa ào ào rơi xuống, thật hú hồn, sấm chớp ầm ầm sáng lóe chân trời. Anh Cường lái xe rất chậm lên núi vì mưa bay mù mịt. Về lại khách sạn Victoria, tôi và Tuấn đi lên hồ bơi. Hồ bơi, phòng thể dục và khu tắm quất nằm trong một tòa nhà khác, phải đi bộ lên đồi chừng vài trăm thước. Vừa bước vào, nhận khăn tắm xong, tôi vào phòng riêng thay áo, tắm vòi sen trước khi bước xuống hồ bơi. Hồ rất lớn, sạch và rất ấm áp. Đùa giỡn trong nước một hồi tôi cảm thấy tất cả mệt mỏi biến mất và bắt đầu đói

BÙI GIÁNG

Màu Trời Đó

Màu trời đó bữa nay về trở lại
Một mùa xưa người nhớ chứ năm kia
Ngày chạm mắt dưới mùa xuân man dại
Dịp trùng lai em hẹn với tan lìa

Đường có cỏ có bờ lau rộng có
Lá cây bay và em có đi qua
Bàn chân bước lệ buồn em có nhỏ
Xuống điêu tàn em khóc mộng tiêu ma

Nguồn thao thức ta về từ một buổi
Trời bay mây bốn hướng gió xa mong
Từng cánh én mang trùng dương về nội
đâu rồi em? sóng đục đã theo giòng

Em cho phép ta ngồi đây hỏi lại
Và gọi về trăng mùa cũ lang thang
Màu trời đó để ngàn sương hớt hải
Xuống li ti là dựng vội con đường

bụng nên lên phòng thay áo để về lại phòng ngủ. Mới sáu giờ chiều mà trời đã tối, mưa như những hạt kim theo gió quất mạnh trên da, gió thổi làm tôi muốn ngã. Nép sát vào nhau dưới cái khăn bông lớn, chúng tôi chạy dưới mưa, cười vang như hai đứa trẻ khi cái khăn bay lồng lộng trên đầu và những giọt nước mưa châm chích trên vai, trên mặt. Quả thật, trong cuốn sách du lịch Lào Cai họ viết: "Một ngày ở Sapa có cả bốn mùa: Buổi sáng là mùa xuân, buổi trưa là mùa hạ, trời trong, nắng vàng nhưng vẫn mát dịu. Buổi chiều mây và sương sà xuống trở nên se lạnh, cái lạnh của mùa thu. Về khuya, tiết trời lạnh rét như là mùa đông." Đúng như vậy, tôi đã hưởng được bốn mùa xuân, hạ, thu, đông trong hôm nay. Tuy nhiên mùa hạ (buổi trưa) sao nóng quá, có thể người nội địa cho rằng như thế là mát, nhưng vì sống bên Mỹ mấy mươi năm, chịu lạnh quen rồi nên nếu tôi có được cái lạnh thu, đông của Việt Nam thì chắc sẽ thoải mái hơn nhiều.

Tối nay trời mưa, Hoàng và Cường dẫn chúng tôi đi chợ đêm. Chợ tình không còn họp tại đây nữa, một phần vì mưa, các cô cậu dẫn nhau đi trú mưa, chứ không đi lang thang ngoài đường để tán tỉnh nhau. Dân cư từ các bản xa thường ở lại thành phố Sapa vào tối thứ bảy, có kẻ ngủ ngoài vỉa hè, sân nhà thờ, hoặc góp tiền nhau thuê một phòng và trú ngụ chung. Các anh thanh niên sau khi làm một bụng "cháo lòng" hoặc "thắng cố" (3), nốc thêm mấy xị rượu đế là phê đến nỗi nằm ngủ ngay bên hè phố. Các em nhỏ tám tuổi đến 12, 13 bá vai nhau lang thang đầu đường xó chợ, thường thường thì con gái đi chung với nhau, con trai cũng vậy nhưng không nhiều bằng con gái. Nhìn các đứa trẻ tôi thấy rất nhiều đứa lai tây phương. Hoàng giải thích là những sắc dân bản xứ có một quan niệm tính dục rất rộng rãi. Mỗi năm một lần, trong một ngày lễ hội, dù đã có gia đình rồi, người vợ hay chồng có quyền tự do đi chơi với người tình cũ hoặc người nào đó tùy thích. Không chỉ như vậy, thanh niênTây Phương về bản ngủ đêm rất thường nên nhiều đứa trẻ sanh ra không bao giờ biết cha mình là ai cả, người cha bản xứ vẫn nuôi như chính con của mình vậy.

Chúng tôi đi ăn lẩu tại một tiệm ăn nổi tiếng của Sapa. Trời mưa mà được ăn lẩu thì thật là tuyệt diệu. Ngoài các món thịt rừng và cá, tôi thấy có các loại nấm rừng, rau cải tươi và đậu phụ. Nhìn Hoàng và Cường ăn nhiều, tôi cảm thấy vui như mỗi lần dẫn con mình đi ăn tiệm.

Thăm Sapa mà không được đi nghe nhạc dân tộc là một điều thiếu sót. Vì thế Hoàng và Cường dẫn chúng tôi vào "Apocalypse," một hộp đêm thuộc khách sạn Bamboo. Tại đây, người H'mong trình diễn nhạc và các điệu vũ cổ truyền. Các diễn viên là các cô gái trẻ rất xinh xắn trong trang phục bản xứ, họ múa nhảy theo các tiếng trống, điệu Khèn, hát bằng thổ ngữ và biểu diễn nhạc bằng cách thổi vào mấy chiếc lá. Trong hộp đêm, trẻ con thổ dân chiếm hơn một nửa, ngồi la liệt dựa vào nhau trên các ghế bành hoặc trên sàn nhà lẫn lộn với du khách. Người Âu Châu và Úc Châu du lịch vùng này rất đông và đi đâu họ cũng hút thuốc và dùng bia rượu rất nhiều. Dù đi du lịch nhiều, đây là lần đầu tôi thấy cảnh trẻ con đi ra vào hộp đêm một cách tự do như vậy. Hình ảnh này gợi trong trí tôi các cảnh tượng liên hoan của các đoàn du mục vào một thời hoang sơ nào đó. Không thoải mái lắm trong chốn khói thuốc, rượu nồng và những khuôn mặt trẻ con mờ nhạt trong bóng tối, tôi bỏ buổi trình diễn ra về. Thà tôi nhìn các em lang thang trên phố, tôi không thể nào ngồi đây để nhìn khuôn mặt thơ ngây của các em trong bóng tối của các quán rượu, phòng trà.

Sáng Chủ Nhật, trời xanh biếc, mây trắng bồng bềnh. Chúng tôi đi Tả Phìn, một làng của người Dao đỏ cách Sapa hơn 10km về hướng Đông Bắc. Trước khi vào làng, chúng tôi ngừng lại một tu viện cổ đã đổ nát, đá mốc rêu xanh trông thật thê lương. Hoàng bảo rằng tại đây, nhiều giáo sĩ đã chết cùng một lúc, khi tu viện bị dội bom trong thời Pháp thuộc. Hoàng chỉ cho tôi xem những mảng rêu đỏ trên tường xám và bảo rằng dân trong vùng tin rằng đó là những vệt máu của các tu sĩ. Hoàng bảo rằng anh ta hay bị ớn lạnh mỗi khi dẫn du khách vào đây. Thông thường, các du khách khác ít ai muốn vào nhìn các tòa nhà đổ nát, điêu tàn cả, tuy nhiên chúng tôi không phải là du khách bình thường nên đã ra xe vác máy và chân vào chụp ảnh. Hoàng được phép ra chờ ngoài xe vì tôi không muốn để anh ta xúc động nhiều. Khung cảnh nơi này thật hoang vu, chỉ tiếng lá bay trong gió, tiếng mấy con chim rúc rích chuyền cành, tiếng con ong đen bay vù vù quấy nhiễu và tiếng lên phim sột soạt của máy ảnh. Bước chân tôi âm thầm lặng lẽ trên con đường lát đá gồ ghề lưa thưa cỏ mọc. Tôi bước sát vào khung cửa sổ đổ nát, cúi mặt nhìn xuống chánh điện, nhà thờ có nhiều tầng dưới mặt đất sâu hun hút. Tự nhiên, tôi choáng váng chóng mặt, phải vịn vào cây cột đá một hồi mới từ từ lui bước. Không dám xâm

phạm vào không gian huyền bí ấy nữa, tôi lùi ra vườn, tìm các khía cạnh đẹp để chụp ảnh. Không biết vì tôi đứng trong bóng râm nên lạnh hay cảnh tượng thê lương làm tôi chao đảo; tôi phải đặt máy ảnh lên chân ba càng để chụp cho vững.

Rời tu viện một khoảng ngắn, chúng tôi phải rời xe đi bộ xuống làng vì đường đang còn sửa chữa. Thấy chúng tôi xuống thăm, các phụ nữ và trẻ em trong bản chạy ra trò chuyện và rủ tôi lên nhà họ chơi. Hai bên đường chính, tôi thấy có các tiệm bán chạp phô, trường học cùng vài trụ sở nho nhỏ. Ruộng lúa chạy suốt một thung lũng lớn, nhà dân cư lẫn trong các đám cây trên đồi, muốn vào thăm nhà chúng tôi phải đi trên con đường đất nhỏ băng qua các cánh đồng. Có hai mẹ con người Dao đang cắt lúa, anh Tuấn xin chụp ảnh. Chị ấy bằng lòng vui vẻ cho anh chụp

Tác giả và các em người H'mong bên suối Cát Cát (Ảnh Tuấn Trần)

ảnh. Anh bảo họ cứ tự nhiên làm việc thế nhưng họ không hiểu, tưởng làm mẫu là phải đứng yên lặng và nghiêm trang. Sau một lúc làm hiệu, chị mới hiểu ý anh, bèn tiếp tục làm việc trong khi chúng tôi đi lòng vòng quanh chị để chụp hình. Theo các chị khác, chúng tôi tiếp tục lên đồi. Các chị này thật dễ thương, nói tiếng Việt rành nhưng giọng lơ lớ. Chị Mẩy bằng tuổi tôi, ở chung với cha mẹ chồng, anh em chồng, hai nàng dâu khác và các cháu. Chị bảo anh Tuấn rằng: "Anh nuôi vợ khéo quá, thôi bây giờ anh đem ba chị em tôi về nuôi cho béo giống như chị này đi nhé." Lạ thật, từ ngày qua xứ này, ai gặp tôi cũng thích được béo mập như tôi cả, họ nào có biết rằng tôi đang muốn được gầy như họ mà làm cách gì cũng vô phương! Gương mặt chị Mẩy rất xinh, đầu quấn một cái khăn thổ cẩm màu đỏ, xõa sau ót và trên đỉnh đầu cột bằng một sợi dây màu nhạt. Trán chị sói sọi không có tóc, tôi tưởng chị cạo trọc nhưng chị cho biết là phía sau vẫn có tóc, phía trước nhổ hết cho đẹp. Chị đeo mấy chục cái kiềng bạc quanh cổ, tai lủng lẳng hoa tai, tay loảng xoảng vòng xuyến. Chị bận bộ áo quần thổ cẩm màu đen, ngực thêu diêm dúa, quần chẽn cũng diêm dúa không kém. Từ rốn xuống gần đầu gối, treo một tấm khăn thêu bề ngang chừng một gang tay. Lưng chị mang một cái gùi lớn có mấy bó rau muống lấp ló. Hầu hết phụ nữ cũng như trẻ con tại làng này ai cũng trang phục gần giống như nhau. Cách thêu thùa thì hơi khác nhau tùy theo trí tưởng tượng và sự khéo tay của từng người. Đường lên nhà chị rất trơn trợt vì đất còn ướt sau trận mưa chiều hôm qua, thấy Hoàng vừa bị trượt chân, hai chị nắm tay tôi kéo lên, họ đi thoăn thoắt như những con sơn dương. Căn nhà của đại gia đình này tuy lợp tranh vách ván nhưng bên trong rất khang trang. Có ghế trường kỷ gỗ, nệm mỏng bọc vinyl, nhà có máy hát và cả vô tuyến truyền hình. Bà mẹ chồng chị Mẩy đã ngoài 70 nhưng trông còn mạnh khỏe và trẻ. Chúng tôi được uống nước vối xanh trong những cái tách nhỏ xíu. Tại đây, tôi mua giúp họ các món đồ thêu tay, một cái túi thêu chỉ có hai đô la! Trên đường về, Hoàng bảo tôi: "Em để chị mua giúp họ chứ họ bán mắc gấp ba lần ngoài chợ Sapa." Thấy có anh chàng lái xe mô tô đang chở đứa con nhỏ đi chơi, Hoàng nhờ anh ta chở tôi lên đồi cho khỏi mệt. Anh đặt đứa con nhỏ xuống bên lề đường, thằng bé con chừng một tuổi, mặc cái áo lót thật bẩn, mặt mày lem luốc mũi dãi, nó yên lặng nhìn tôi trèo lên xe, không thèm la khóc chi cả. Chiếc xe loạng choạng chạy trên con đường núi lồi lõm, gió mát rượi thơm mùi lúa chín.

Theo con lộ chính, về hướng tây Sapa khoảng

8 km là Thác Bạc. Đoạn đường này cảnh rất đẹp, khi yên bình qua các nhà vườn tươi mát, các vườn su hào, cây ăn trái, các biệt thự nho nhỏ, khi đi ngang sườn núi quanh co, xa xa là rặng Hoàng Liên Sơn xanh tím trùng điệp với các đỉnh núi còn ngái ngủ trong mây. Tôi yêu cầu ngừng xe, bước xuống ven đồi, lặng nhìn Hoàng Liên Sơn trải dài như một con rồng xanh, trong các lũng sâu, sương mờ nhạt vấn vương bay giữa ngàn cây xanh. Đây rõ ràng là chốn núi thẳm rừng sâu tôi đã được đọc trong các chuyện dã sử . Đến Thác Bạc, tôi ngẩng đầu nhìn nguồn thác, nước như một con rồng bạc chảy từ trời xuống, gió lặng nên nước không văng tung tóe nhiều mà chỉ dạt dào triền miên chảy trên các mỏm đá trắng xóa. Thác cao vòi vọi làm tôi e ngại lắm, không biết có nên trèo lên không? Tuy nhiên, ngàn năm một thuở, có ai đã đến tận đây mà còn làm biếng, mai mốt về nghĩ lại rồi tiếc rẻ. Vì vậy, tôi cố gắng trèo mấy trăm bậc thang đá để lên đến tầng thứ nhất. Nghỉ ngơi và chụp ảnh xong tôi hạ sơn. Thấy Cường ngồi tại cái quán xép bên đường tôi cũng vào nghỉ mệt. Tại đây, chúng tôi ăn khoai lang nướng, bắp nướng, cơm lam (4) nấu trong ống nứa chấm với muối vừng. Ăn hàng cả bốn người mà chưa tới một đô la.

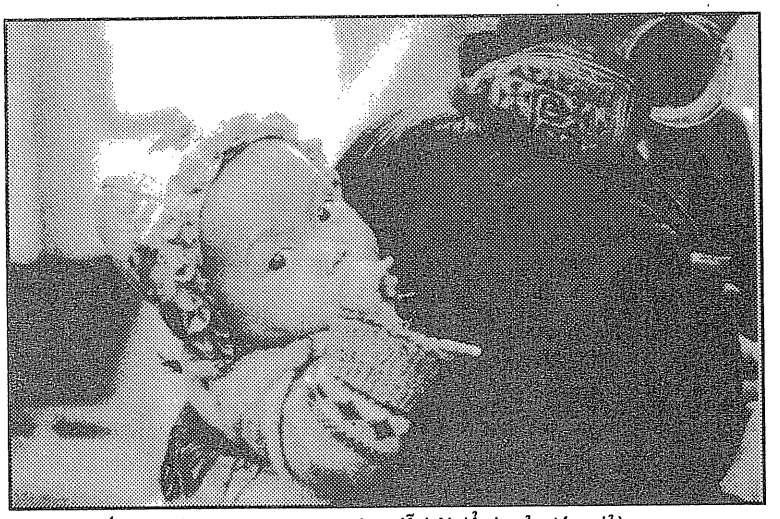

Em bé sắc tộc và mẹ trong trang phục lễ hội (Ảnh của tác giả)

Sau bữa cơm trưa, tôi ra hiên khách sạn ngồi uống cà phê và đọc sách. Nắng vàng thật dịu dàng, trời xanh thẳm và mây trắng bềnh bồng. Quanh đồi, các ngọn thông xanh hùng vĩ thách đố cùng tuế nguyệt. Lòng tôi bâng khuâng lắm, tôi cảm thấy thật quyến luyến Sapa, tôi sợ thời gian trôi quá nhanh và tôi phải từ giã Sapa để ra đi. Đời nhiều thay đổi lắm, mỗi lần từ biệt, làm sao hẹn được ngày trở lại? Và tôi nằm dài trên ghế , ngửa mặt nhìn trời, thưởng thức mùi hương nắng của mùa thu Sapa, mong ước sao cho chiều rơi thật chậm.

Sáng thứ hai, chúng tôi rời Sapa để về Hà Nội. Hôm nay, vì chúng tôi muốn đi ngang Bắc Hà để xem chợ phiên và nhà vua Mèo nên dậy rất sớm. Khách sạn đã soạn sẵn cho chúng tôi hai giỏ thực phẩm gồm các thứ bánh, trái cây, sữa chua, nước uống để chúng tôi ăn dọc đường. Khi tôi lên xe, Sapa còn mờ trong sương, đường xuống chợ có các chị H'mong Hoa ra sớm, họ mặc sắc phục rực rỡ màu sắc, vẫy tay chào chúng tôi. Thánh đường Sapa trắng lặng buồn im vắng. Lòng tôi cũng buồn hiu, ước chi được ở lại thêm nhiều ngày nữa. Anh Tuấn thấy tôi im lặng, anh buộc miệng: "Thôi, ở đây như vậy là đủ rồi, ở lại thêm cũng không còn gì nữa." Tôi không đồng ý nhưng chỉ thầm nghĩ: "Sao lại chẳng còn gì? Tôi vẫn còn muốn lang thang trên các sườn núi tím, tôi còn muốn ngồi bên đồi nhìn thổ dân gặt những ngọn lúa chín vàng lả lơi trong nắng thu, tôi còn muốn cùng các trẻ em H'mong chuyện trò bên suối từ sáng đến chiều, tôi muốn để các em nhìn cảnh quê hương qua ống kính, tôi muốn các chị Dao đỏ nắm tay tôi dẫn lên đồi và chống nạnh làm duyên cho tôi chụp ảnh. Tôi muốn nhiều thứ quá nhưng bây giờ những phút giây đẹp đẽ ấy đang lui vào kỷ niệm, lui mãi theo từng vòng bánh xe quay đưa tôi rời Sapa sương khói. Có một điều tôi nhớ rõ nhất là giọng nói lơ lớ của chị Mẩy: "Hôm nào về lại, ghé nhà ăn cơm nhé." Vâng, ăn cơm lam với muối vừng, chao ơi ngon chi lạ, làm sao mà quên được!

Tháng mười - 2002

Chú Thích:

1. Trên cao nguyên, dân chúng cắt đất quanh các ngọn đồi thành các bậc thang lớn để trồng lúa.
2. Tài liệu trong sách "Du lịch Lào Cai".
3. Món ăn nhậu đặc biệt của người H'mong, nấu nhừ mọi thứ rau thịt như món tả pí lù.
4. Gạo nấu trong ống nứa, cơm chín xong chẻ ống ra, ăn thơm mùi tre.

NỤ HỒNG TỶ MUỘI

TRẦN MỘNG TÚ

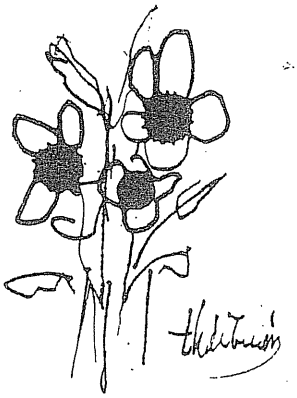

Buổi sáng mùa xuân, bầu trời trong vắt, xanh biếc, chim oanh, chim yến, chim ngói, chim sẻ hát trong những bụi cây, bay xao sác trên nóc nhà. Hoa mai, hoa huệ, hoa thược dược, mẫu đơn, hoa trà, hoa cúc trong vườn đua nhau nở từ từ từng cánh. Mấy anh Sóc, mấy chị Thỏ lăng xăng chạy tới chạy lui tìm cây, tìm lá, tìm sỏi đá để làm sân khấu cho các loài Hoa bước lên biểu diễn. Một cái ghế cao nhất cho bà Ong Chúa ngồi làm Giám Khảo danh dự. Hội Đồng chấm điểm gồm có: chim Hồng, chim Oanh, chim Yến, chim Vành Khuyên, chim Vàng Anh, chim Ngói, chim Bồ Câu, năm nay có thêm anh Két ở xa đến dự nữa, các anh Bướm thì có anh ở ngay trong tỉnh nhà, có anh phải bay cả ba tiếng mới tới.

Cả khu vườn bận rộn và hồi hộp vì ngày mai là ngày Hội Hoa. Tất cả các bông hoa đều phải mang "vẻ đẹp đến thì" đi dự hội. Bà Ong Chúa nổi tiếng là khó tính. Hoa nào nở đúng thời hạn nghĩa là nở ngay đúng lúc tiếng chuông nhà thờ đổ vào năm giờ sáng (không được sớm hơn hay muộn hơn) và phải nở ở mức độ vừa phải, không cúp quá, cũng không bung ra quá, nghĩa là đi qua mức Hàm Tiếu một chút xíu thôi, sẽ đoạt giải Hoàng Hậu Hoa. Các cô Hoa đều mang một vẻ lo lắng trên nét mặt hoa của mình. Có cô nhịn uống nước, có cô tránh ra nắng, thì có cô lại phải uống nước gấp đôi, và đem mình ra phơi nắng cho mau nở. Các cô lẩm nhẩm đếm số cánh hoa của mình. Nở bao nhiêu cánh thì gọi là vừa đủ. Cô Ong giám khảo không thích Hoa hàm tiếu, cũng không thích Hoa mãn khai. Thế thì biết làm sao bây giờ?

Nhưng không phải ép mình, ép xác mà được như ý mình muốn. Cô Thược Dược không kiềm chế được mình đã nở tung ra rồi, đành thui thủi ra về chờ đến mùa xuân sang năm, Cô Trà Mi vừa nở được dăm cánh thì ngưng lại, cô vội núp ngay dưới một bụi cây hy vọng ngày mai đúng giờ cô sẽ nở tiếp, cô Cúc thì đếm từng cánh một, cô đếm nửa ngày vẫn chưa xong vì cô có nhiều cánh quá. Cô cũng học cách đếm của cô con gái bà chủ vườn, mỗi lần đếm một cánh lại nói:

"Anh ấy yêu tôi; Anh ấy không yêu tôi; Anh ấy yêu tôi; Anh ấy không yêu tôi." Bao giờ cô Cúc cũng bị ngưng lại ở chữ "không," cô giận lắm!

Bụi hồng Tỷ Muội, chỉ có một nụ duy nhất thì đang ngồi khóc, cô bé 18 tuổi này không biết làm thế nào để nở cho kịp ngày mai. Sáng nay cô đã dậy thật sớm uống nguyên một bụng sương buổi sáng, rồi lại phơi nắng suốt buổi trưa thế mà chẳng ăn thua gì, những cánh của cô vẫn quấn chặt vào nhau cứng như một cái nút chai. Bây giờ cô biết nhờ ai? Hoa nào cũng lo lấy thân mình, có thời giờ đâu mà lo giúp cô. Cô nghĩ mãi, cái thân hình bé bỏng của cô muốn nứt tung ra mà cái nụ hoa của cô vẫn thản nhiên im lặng. Cô định nhờ anh Sóc hay chị Thỏ, lấy mấy cái móng chân mở từng cánh hộ cô, nhưng cô lại sợ họ vụng về làm gẫy cổ cô trước khi hoa nở. Cuối cùng Tỷ Muội nghĩ chỉ có một người duy nhất có thể giúp mình nở được mà không cần uống nước,

phơi nắng. Đó là bà Chủ của vườn này.

Cô biết là loài người thông minh và rất nhiều sáng kiến hơn tất cả mọi loài, họ làm gì cũng được. Cô đã thấy người làm vườn đem những chị Cẩm Chướng trắng tắm vào một bình nước mầu xanh, thế là mấy tiếng sau, mỗi chị có một vạt áo xanh đầy quyến rũ, ông ta còn đem cánh tay của anh Táo này, ghép vào thân anh Táo kia. Thế là chỉ hai năm sau trên cùng một thân thể có hai thứ Táo khác nhau. Loài người họ tài thật, ngang với ông Trời.

Tỷ Muội lấy hết can đảm bước ra khỏi vườn, đi qua mấy bậc thềm lên nhà trên tìm bà chủ. Tỷ Muội kiễng chân ngó vào khung kính, bà chủ đang đứng chải đầu trước gương, cô ngẫm nghĩ một lúc. "Người phụ nữ đang làm dáng thường dễ dãi" cô mạnh dạn gõ ba tiếng vào cánh cửa xong hồi hộp chờ, bà chủ mở cửa, nhìn thấy Nụ Hồng Tỷ Muội đứng trước hiên nhà, bà bước hẳn ra ngoài ân cần hỏi:

"Em cần gì mà lại bỏ vườn vào đây?"

Tỷ Muội nghe hỏi bỗng òa lên khóc, bà chủ phải dỗ mãi cô mới chịu nín, rồi cô kể nỗi khó khăn của mình cho bà chủ nghe, và xin bà chủ làm ơn giúp cô nở đúng vào lúc chuông nhà thờ đổ sáng mai.

Bà chủ hỏi: "Ta giúp em bằng cách nào?"

Tỷ Muội ngập ngừng nói: "Bà có thể lấy móng tay tách từng cánh ra hộ em, lúc nghe chuông đổ."

Bà chủ hốt hoảng giơ tay lên vừa bụm miệng vừa kêu:

"Chao ôi. Em nói gì mà nghe đau đớn vậy! Em có biết làm như thế là em sẽ chẩy máu, sẽ xây sát, tàn héo và chết yểu không?"

Tỷ Muội đứng im lặng, cô hình dung ra những móng tay của bà chủ len lỏi vào trong cái đầu nhỏ xíu của mình. Cô không biết là nó có đau như lời bà chủ nói hay không, nhưng chắc chắn nó phải nở chứ. Vì bà bóc từng cánh nó ra cơ mà. Cô nói:

"Em nghe nói loài người làm cái gì cũng được. Họ có thể làm cho phụ nữ trẻ lại cả hai mươi tuổi, họ có thể làm đàn ông biến thành đàn bà, họ có thể đặt em bé vào trong bụng các bà mẹ mà không cần bố, và mới đây họ làm cả một con người khác giống hệt như họ, thì làm nở một đóa hoa đâu có gì là khó?"

Bà chủ kéo Tỷ Muội ngồi xuống hiên nhà cùng với bà, bà thân mật cầm tay cô nói:

" Không phải thế đâu em. Loài người luôn luôn nỗ lực cạnh tranh với ông Trời, họ thử đủ thứ và tuyên bố những điều không tưởng. Trước đây thì họ nao nức lên mặt Trăng để đứng ngang với Trời nhìn xuống nhân loại, bây giờ thì họ lại quay ra thay Trời làm việc sinh sản. Nhưng sự thật loài người chẳng thế nào làm nở được một đóa hoa trước khi ông Trời muốn cho đóa hoa đó nở. Ta có thể đem em vào trong nhà, mở lò sưởi lên, ngâm chân em vào nước ấm, có thể ngày mai em sẽ nở ra cùng với chuông nhà thờ đổ, nhưng tuổi thọ của em sẽ ngắn lại, em sẽ tàn héo và chết trước bông hoa nở tự nhiên ở ngoài vườn. Đấy là chưa kể có khi em sẽ không bao giờ nở và thui chột đi vì ta để em vào nước quá độ ấm hay quá gần lò sưởi. Như thế đâu có thể nói là ta làm được việc của ông Trời."

Tỷ Muội hỏi: " Bà không có cách nào để giúp cho em nở mà không bị xây sát, bị tàn héo, và chết yểu à?"

"Không, vì ta không phải là bà Trời, chỉ có một cách là em bình thản chờ, sống theo sự tự nhiên của đất trời." Bà vừa nói vừa đứng lên dắt Tỷ Muội đi ra vườn, đến bụi của cô.

Tỷ Muội chui vào bụi của mình, vẫy tay chào bà chủ. Cô bé nghĩ mình cần một giấc ngủ dài, cô mệt mỏi quá, vì cả buổi chiều nay cô phải lo nghĩ và đi bộ. Nhờ bà chủ vườn, cô hiểu việc cô nở hay không là việc của ông Trời, cô mà làm trái đi thì chỉ đau đớn, chết yểu, thiệt thân. Cô đặt mình xuống là nhắm mắt ngủ ngay.

Khi hồi chuông đầu tiên của nhà thờ đổ cô còn đang quấn mình trong chiếc chăn xanh, cô nghiêng tai nghe ngóng:

Laudo Deum
verum voco plebem
congrego clerum
defundos plozo
peslem fugo
festa decozo.*

Cô vươn vai, từ từ nở ra từng cánh, sẵn sàng *đi trang trí cho ngày Lễ Hội.*

Xuân Quý Mùi 2003

* Chữ La Tinh khắc trên quả chuông của nhà thờ Phát Diệm (đúc năm 1890) có nghĩa là : Tôi ca ngợi Thiên Chúa thật/ Tôi kêu gọi người dân tới/ Tôi tập hợp giáo sĩ/ Tôi than khóc người qua đời/ Tôi xua đuổi tà dịch/ Tôi trang trí ngày lễ hội.

TẾT NÀY NHỚ TẾT

LÊ MINH HÀ

Gửi PHA

Còn có hơn một tuần nữa là lại tết. Tết này mới là tết thật, với tôi, nơi này, dù không rộn ràng như tết tây. Tết tây, đi kèm ngay sau những ngày nghỉ lễ giáng sinh, với nhiều người có khả năng hội nhập cao hình như mới là tết.

Thì tôi cũng giống mọi người, được dịp nghỉ dài ngày, dúi dụi giữa bao nhiêu bận bịu và cuống quýt vì bè bạn xa xôi được dịp đến thăm nhau, lúc đêm về vẫn không quên ngồi gõ những lời chúc an lành gửi đến bao người chưa quen mà đã thân ở khắp thế giới này. Vậy mà vẫn chống chếnh một điều gì. Những lời chúc tết ấy chân tình lắm, vui vẻ lắm, mà vẫn như còn thiếu. Thiếu gì nữa nhỉ? Một mùi hương khói thâm trầm? Một làn mưa ấm phả đầy mắt mũi má môi khi bước chân ra cửa, tự mình làm một xuất hành cho hi vọng. Một nỗi gì chống chếnh giống như là nhớ? Và một ao ước trở về, để lại được mê đi trong những tất bật chiều cuối năm những bánh chưng những giò thủ những đào những cúc, để lại được sực nhớ nhảo vội ra chợ mua nắm lá mùi già và miếng chấp gội đầu... Ao ước, không hẳn là về quê cũ, mà là về ngày tháng cũ, với bạn bè thương mến giờ không biết may mắn chật vật nơi đâu. *ÆĐường lên hạnh phúc rộng thênh thênh.'* Thơ một thời đã học và vẫn nhớ, với bao nhiêu ngậm ngùi. Nhưng hạnh phúc, hạnh phúc luôn luôn có thật, từ những điều nhỏ nhặt vùi sâu trong tháng ngày. Giống tiếng trống chèo kia dẫu đủ sử rầu làn thảm vang từ màn ảnh nhỏ mỗi tối giao thừa, đã phát nhàm, mà vẫn náo nức một điều gì rất lạ.

Giống như tối nay, lục lọi tủ đồ ăn châu Á tích trữ, tôi bỗng phát hiện ra một gói măng khô còn nguyên địa chỉ người gửi ở Berlin, là một cô bạn học cũ mới tìm lại được. Măng khô đời mới, quà Việt Nam chính hiệu, bạn dặn không cần ngâm lâu, chỉ cần luộc qua đôi ba nước. Nhưng mà mình đang nhớ tết, sao không bỏ ra ngâm nhỉ, cho thật giống những ngày qua.

Kể thì cũng chẳng cần ngâm thật, vì măng khô bây giờ người ta sấy thẳng, không gác trên gác bếp như xưa. Miếng măng thả vào trong nước nóng, cựa mình nở ra nhè nhẹ, bốc lên mùi đúng thật là măng. Tiện quá. Thế này thì cần quái gì chờ tết, mai đã có thể làm một nồi đả trước cho sướng cái thần khẩu, như ông Vũ Bằng xưa cứ chốc chốc lại ới ơi với người thương nhớ ở chân trời.

Loay hoay với chậu măng vừa ngâm, tôi lại lạc vào tôi, lãng đãng bao mùa thơ dại. Tôi ấy, sao mà vất vả, luôn chạnh nỗi thiếu thừa vô cớ. Đâu nhỉ, cái màu đen kịt vì ám khói của nước ngâm măng. Đâu rồi, làng xưa sơ tán, dáng bà tôi cúi cúi bên chậu măng một trưa nào tháng chạp, rồi vừa chống tay vào gối lựa lựa đứng thẳng lên, vẩy vẩy mấy ngón gầy khớp luôn sưng đỏ, vừa hỉ hả về một nồi măng sẽ ninh thật nhừ để đãi những đứa con xa sắp tụ về ngày tết nhất.

Măng của ngày xưa khác lắm. Tôi không chắc là ngon hơn măng bây giờ, song chí ít thì nấu được nồi măng như ý cũng rất nhiều lỉnh kỉnh. Từ nửa tháng trước đã phải nhớ hạ mo cau ốp đẫy măng vẫn gác trên gác bếp xuống để ngâm với nước vo gạo, và phải thay nước hàng ngày. Để làm sao khi chiều hai chín hay sáng ba mươi nghe từ nhà bên tiếng trẻ con reo à à và tiếng lợn hộc gà quéc lên thảm thiết thì nước ngâm măng phải trắng nhờ nhờ đúng như nước vo gạo không pha phách thêm tí muội bếp nào. Bà đã hẹn đụng một góc lợn nhà bên đó. Cả bầy cháu lít nhít theo bà cắp rổ đi vòng qua ngõ để sang hàng xóm nhận phần thịt. Bà nghiêng nghiêng phía trước. Bà dừng chân ở gốc xoan đầu ngõ sửa lại cái khăn mỏ quạ, móc từ túi áo bông trần ra mảnh cau khô, dúm thêm tí thuốc lào bỏ miệng cho thêm đặm. Bà đáp lại tiếng chao chát hỉ hả nào của người làng vừa rảo bước trên đê.

Con lợn đã ngả xong rồi. Nồi nước sôi sùng sục ở góc sân, bốc mùi dồi đủ hành răm và mỡ chài, đầy hứa hẹn. Này của bên bà phần thịt thủ. Cũng được cái giò to đấy. Bà về ướp thịt tối hẵng xào, ới tôi chạy qua bó cho, phải tay đàn ông giò mới chặt. Này cái bong bóng lợn, cu út đâu, của chúng mày này. Cái đuôi này bên bà chắc chẳng ăn, thôi để phần cánh đàn ông chúng tôi nhắm rượu. Này cái giò, *ăn chân sau cho nhau chân trước*, ai lại thế bà nhỉ. Nhoáng cái, ông hàng xóm đã buông dao, hỉ hả: ÆMấy anh bên bà hôm

nay liệu đã về chưa? Chả biết người nhà nước được nghỉ ăn tết mấy ngày. Giá kịp thì bác bảo các anh ấy qua uống rượu tất niên với bố con em nhé.' Mấy cái rổ đã đầy ụ những thịt xương, hôi hổi ròng ròng nóng ấm. Cái rá to lót lá dong tươi đựng phần lòng luộc vừa được chia, mảnh lá sẫm lại héo mềm, bóng nhẫy vì mỡ màng và hơi nóng, bà sai cháu gái đầu lễ mễ bê về. Cẩn thận con nhé. Ïánh đổ thì chỉ có nước cho vào nồi cám. Bố mày thích ăn lòng lắm. Biết đâu về kịp trưa nay. Bà hàng xóm đã cho mượn cái nồi ba, lại lồng trong cái quang con con cho dễ xách. Nồi nước lòng ấy, hoặc bà sẽ làm nồi cháo, cho bố mẹ và các cô chú đi đường xa về có cái mà sì sụp, hoặc bà thả vào đó nắm cải xanh, hay củ su hào mới nhổ đem thái vát, hay mấy ngọn cần. Tôi thích nhất là mắt trước mắt sau cầm đũa khoắng bát canh, nhặt lấy mấy lá su hào bánh tẻ quyến quyện bao nhiêu béo bùi của những gan những dồi mới luộc.

Công việc quan trọng nhưng lại là nhàn của chiều ba mươi là nồi măng lưới lợn. Cái chân giò to uych mới mang về, bà đêm săm soi nhặt không sót một sợi lông, chặt miếng to, ninh dạo qua vài phút cùng muối rồi vớt bọt, măng đã rửa và đã thái để tiếp vào, nước sâm sấp mặt, cứ thế ninh. Cũng kha khá thời gian để cho măng ngấm mặn ngấm béo. Nồi măng ấy bà để sôi âm ỉ trong bếp, tay năm tay mười ra góc sân chuẩn bị nổi lửa nồi bánh chưng chung tay gói vừa xong với nhà hàng xóm. Bữa cơm ngày mồng một, bà chỉ cần đổ thêm nửa nồi nước luộc những mấy con gà là bát canh măng đã rất ra gì. Vài sợi miến trong trong vắt qua bát măng, củ hành thì trắng, dọc hành thì xanh quấn rối lờ lững trên màu nước măng nâu trong và nổi sao lên. Lại muốn bắt chước họ Vũ mà ới ơi cho nguôi nhớ.

Đã náo nức từ mấy hôm trước tết vì những bánh trái bà sắp sửa làm. Bánh chưng. Bánh gai. Bánh tẻ. Rồi bánh mật. Bánh chưng thì đã hẳn rồi, không khí buổi chiều hay đêm luộc bánh nhà nào chẳng như nhau. Thì cũng lại củ khoai bắp ngô vùi trấu, thì cũng lại râm ran kết tốt hội tam cúc quanh bếp lửa hồng, hừng hực xua hết cái giá lạnh đã nấp đâu đó trong bóng tối ngoài vườn chuối chỉ trực trườn vào khi đêm xuống. Rồi vớt bánh, ép bánh và nếm bánh. Rồi buộc thêm lạt mới nhuộm đỏ cho những cặp bánh chốc nữa sẽ lên ngự trên bàn thờ ông vải hay sẽ lên đường làm phần biếu họ hàng đầu làng cuối xóm.

Bánh tẻ quê nghèo tôi cũng đã tự nhem thèm mình kha khá bận rồi. Thôi, tết này nhớ tết tha nhau. Còn bánh gai và bánh mật...

Ở nơi này có lần tôi được người quen mới quy cố hương mang sang cho mấy cặp bánh gai bánh mật phố Nối. Cứ ngỡ sẽ chẳng lấy gì làm ngon miệng khi những thèm nhạt của ngọt đã bị bão hòa trong socola đường sữa bánh nướng bánh kem. Thế mà lúc ngồi tỉ mẩn bóc mảnh lá chuối gói bánh, tự dưng thấy cồn cào cả dạ. Lá bánh đã có vẻ muốn đổ mồ hôi. Thì cứ ăn nhấm nhót vài ba miếng, chết ai cơ chứ. Sao ngon lạ. Cái ngon điềm đạm, hiền lành, không nên đem ra địch hay sánh với socola hảo hạng. Mà chẳng lẽ có thể sánh được sao, những mảnh lá chuối khô âm ẩm với vỏ hộp socola in ấn đẹp tới toàn hảo. Còn cái vị mật mía kia, chất phác vậy, cũng khó mà địch lại được vị ngọt sắc và béo của socola, nếu người ta ăn chỉ là đi tìm béo ngọt. Tôi cứ nghĩ nếu mời tây hoặc họ sẽ từ chối thẳng, hoặc sẽ cầm tấm bánh lên nhìn ngờ vực, và dầu lịch sự thì cũng sẽ ngần ngại phẩm bình. Khi mà khẩu vị của mắt của lưỡi đã được tiêu chuẩn hóa, khi mà những người bản xứ tuổi tôi chỉ những lo ăn uống sao cho không bị lên cân, và chưa khi nào phải bận lòng vì tháng ngày gian nan, vì nỗi chết và nghèo đói, làm cách nào họ cảm ra được cái khác biệt tinh tế kia trong mỗi thức mời nhau qua bàn tay của người nội trợ từng nhà.

Tôi mê bánh mật của bà. Thứ nhất vì nó đầy đặn mà không thô, cũng không ẻo lả như cái lưỡi mèo của bánh làm hàng. Thứ hai: bánh của bà đậm mà không ngọt quá, dẻo mà chắc, không dính và rất lâu đổ mồ hôi. Có lẽ bởi bà cẩn thận khi chọn lá, phải lá chuối thật khô, lau thật sạch. Những ngày hanh heo bà dạo ra vườn chuối, chọn lá đã khô, gió mưa làm rách ít, mặt lá nâu già lên phấn trắng mờ mờ, tước về, phơi và cuộn chặt. Lá đèm đẹp thì bà cho cháu chắt bán cho mấy bà ngồi chợ, được hào nào thì đánh đáo tiếp vào hàng bỏng, kẹo bột, kẹo vừng, kẹo kéo, bánh gù ở đầu cầu. Lá đẹp thì bà giữ lại, dùng khăn lau thật sạch chờ ngày gói bánh. Bánh mật của bà đồ kĩ, có bánh mật chay và bánh mật nhân thịt đỗ, để rất lâu mà bột nếp không bị lại, lớp lá ngoài lên mốc trắng mà chiếc bánh mở ra vẫn khô, vẫn thơm, vẫn rất quyến mời. Buổi cháu chắt trở lại thành phố cùng bố mẹ, bà còn ở lại lo nốt nhà cửa vườn tược, ngày tết một mình bà vẫn hì hụi gói ngần ấy thứ bánh, chờ cháu con về, lớp ăn lớp mang theo ra Hà Nội. Cầm chiếc bánh đã bóc trên tay, cắt đôi ra, bên trong lớp bột nâu rất lành kia là đậu xanh vàng êm ả. Ăn bao thức quà ngọt về sau, tôi vẫn nghĩ cái vị đậu xanh kia chỉ

thực sự được tôn lên hoặc trong cái thơm ngầy ngậy của bánh chưng, hoặc trong cái ngọt gợi cả một mùa heo may của mật mía dọc triền sông quê cũ. Ăn bánh ấy, tục lắm mới ép uổng lột phăng lá gói. Phải nhớ lời bà, chầm chậm tước lá bánh thành sợi nhỏ, cắn tới đâu tước tới đó, và thỉnh thoảng nhấm chút chè thật đặc, chè mậu dịch một thời, ba hào bốn hào rưỡi một gói, đừng nói gì đến búp non búp già, toàn vụn bột, có chát mà không thơm, và lắm cặn. Thế mà là miếng ngon một thuở, nơi chả còn gì để than là thiếu, dễ tìm đâu.

Tết nhất cơm nước cái gì cũng ê hề. Nhưng mà thật lòng tôi chỉ thích mỗi cái mùi mâm cơm ngày mồng một lúc đã tàn cuộc, rượu hả lẫn trong khói hương đen. Ngồi bên mâm cơm như thế mà nghe đủ thứ chuyện nhà, chuyện đời, cứ tưởng nghe đấy rồi quên đấy, mà hóa nhớ.

Bữa ngon là bữa trưa tất niên, chưa thành cỗ bàn gì cả. Bát cơm chan canh rau nấu với nước lòng nóng bỏng, một đôi miếng dồi đủ vị hành răm, dăm miếng lòng non, và chiếc lá húng xanh mơn mởn cầm lên tay ngắm nghía rồi mới đưa vào miệng nhấm nhấm làm rau dẫn. Có ai biết hoa rau húng láng, quê tôi gọi lá húng dổi hay húng chó, quyến rũ bướm biết chừng nào. Nhớ hồi còn đi sơ tán với bà, tôi hay một mình thập thò nơi chái bếp có kê chum nước và tảng đá ong để đứng rửa chân. Ông hàng xóm hay ăn thịt vịt có trồng nơi đó một cây ớt chỉ thiên và một cây húng rất đỗi xum xuê, lá xanh, hoa tim tím. Sáng sáng bác ngan già ục ịch chẳng quản lấm láp ra vầy bùn, dụi mình gốc húng. Sáng sáng bướm ở đâu tất tả bay về. Những cánh tơ cánh lụa, vàng, đen, nâu, đốm, vẫy sáng cả những ngày xóm vắng âm u. Khỏa khỏa mấy nhánh rau húng đó trong chậu nước cùng vài ba thức rau thơm rau mùi khác mà nghĩ về bữa cơm đông đủ cả nhà trưa ba mươi tết, mà đột nhớ xóm cũ mùa xa, mà tưởng trước buổi

ĐẠM THẠCH

Đặt Lầm Nỗi Nhớ

Giá như có thể
Rinh cả con phố Bolsa
Hay bứng cả khu Little Saigon
Về đặt trên Saigon yêu dấu
Chồng khít rim nỗi nhớ
Hãy cứ xoay dọc xoay ngang
Đặt chồng, đặt chéo
Sao cho chí mí Bến Bạch Đằng
Tấn ra Tân Định
Có thể nào sát cạnh Thị Nghè
Và quẹt vòng Chợ Lớn
Mà thôi,
Những con đường mang tên mới
Những con đường thụt lùi
Những ngõ hẻm tắt tị
Không đủ sức chồng nỗi nhớ
Mà thôi,
Nỗi nhớ đã mọc rễ
Có bứng đi
Chồng lên Saigon cũ cũng héo
Bởi Saigon bây giờ
Như đám tang chua chôn
Kèn trống inh ỏi
Chờ người khóc mướn!
Này Saigon nhỏ tưởng tượng
Khỏi rinh khỏi bứng
Chờ một lúc
Ta về cùng một thể
Mang tro than nỗi nhớ về chôn
Trên Saigon hoa lệ cũ.

chiều hẹn bạn chợ Hoa... ái chà chà, ối chao ơi nhớ.

Bé thì đi chơi tết toàn phải theo gót bố mẹ, lắm lúc phải ngồi ăn cỗ hết nhà này nhà khác, nhìn đã no cành. Lớn lên, bạn bè đã lắm, ngày tết bố mẹ nhường cho cái xe đạp vi vu, nhiều lúc mải hẹn nhau, tết nhất mà cơm nước bữa không bữa có, rát lưỡi khô miệng chỉ vì chuyện vã và hạt dưa hạt bí. Thì có sao đâu, tạt qua nhà đứa bạn đứng dưới phố gọi vóng lên, rồi xông vào bếp mà xin ăn, hoặc giả kéo cả lũ về nhà. Bánh chưng này, cần thêm gì nữa nhỉ? Nhặt cho tớ mấy củ hành muối trong cái vại kia kìa. Ai thích giò thì bảo nhé. Một góc bánh chưng, củ hành chua chua vẫn còn thoáng vị cay, miếng giò chấm nước mắm rắc chút tiêu mới rang, mà ngon hơn, theo cái lưỡi của tôi, bánh ấy phải xơi với thịt đông nấu bằng gà trống thiến. Ngon cách lạ, nhưng chẳng thể nào có được ở Hà Nội, vị bánh chưng kia ăn với cá chép nướng, đem kho khô với riềng và mỡ nước. Áp tết, bà hay dặn mấy bố con ông hàng xóm, có nướng cá cho bà chung với. Cá hợp tác xã tát mương tát ao, nhận phần về, đổ cả rổ sảo ra, tre tươi chẻ làm giàn, nẹp chặt mấy con chép cụ vào, cả mấy chú thiểu chú lăng, rồi gác hai cái giàn chéo nhau, giữa gầy một mẻ than hoa, ủ thêm lõi ngô và trấu, cứ thế mà hong, thơm cùng xóm nhỏ. Rồi riềng xếp dưới, cá ép chặt bên trên, kho khô đến sém sém nồi thì chan vài ba thìa mỡ nước mới rán. Cá đậm một màu nâu bền bỉ, vị cũng bền bỉ khác thường, ăn với bánh chưng hay bát cơm nguội giữa hai bữa cỗ bàn ngày tết... Còn canh măng nữa. Chẳng cần đun nóng, mỗi đứa xiên một góc. Canh măng ngày tết mẹ và chị nấu cũng cầu kì y như canh măng của bà, được năm tết trời đổ lạnh đông đặc lại. Miếng măng, thấm kĩ vị ngọt của cổ cánh gà, vị béo của chân giò hầm nhừ, mềm sừn sựt, thịt cá còn thua.

Lại nói canh măng. Tôi mê canh măng của bà của mẹ, thế mà đã một lần kinh ngạc trước bát canh măng ăn ở nhà một cô bạn cũ, lúc đó đang học ở nước bạn. Cái bát sứ miệng rộng, không quá sâu lòng, bốn miếng móng giò trong vắt úp ở bốn góc trên những miếng măng lưỡi lợn nục nạc rất rồng chầu hổ phục, những sợi miến trong, củ hành chín tới, bốc hơi nghi ngút. Bát canh bổ béo vậy và thanh nhã quá. Hết bữa, ngồi lại chơi với bà và em bạn, giúp bà xắt mấy nắm đỗ đã đồ và giã kĩ làm chè kho với mật mía, quế, thảo quả, đỗ ho, tỉ tê hỏi bà về bát canh vừa nếm. Sau này, mỗi lúc làm một nồi canh măng khô tự phục vụ, chẳng chân giò làm gì cho mệt, cứ con gà để nấu súp, bỏ lòng, bỏ chân bỏ đầu rồi cũng còn hơn một kí, dân mình thích ăn và quen gọi gà già, nguyên con béo tốt như gà trống thiến tống thẳng vào ninh, rồi lại hì hục vớt cả con gà ra cùng tất cả mỡ màng nổi váng quăng vào thùng rác để đảm bảo sắc đẹp người ngự bữa, lại nhớ bát canh xưa. Nhớ bà cụ xưa nuốt cực nuôi con một mình từ thuở ngoài hai mươi tuổi. Con nhà gia giáo, lấy lẽ một ông kĩ sư đất mỏ, hai bà một ông đến tận lúc đó mới sinh hạ được một gái, là mẹ bạn tôi. Ông kĩ sư vào những năm đầu kháng chiến bị đưa đi đâu, không bao giờ về lại. Người thiếu phụ hai mươi ba tuổi một tay con dại, thu vén dắt người vợ cả lần về lại đất Hà Thành. Và cứ thế, một gian nhà ngõ nhỏ, hai người đàn bà hẩm hút nuôi con và nuôi nhau, bằng chiếc máy khâu cọc cạch và đôi bàn tay khéo chuyện bếp núc. Yêu thương trong lòng bà lão lớn đến mực nào để cho bà có thể ở vậy, sống vậy, qua bao nhiêu nỗi truân chiên?

Canh măng khô, qua củi lửa yêu thương chăm bẩm ngon là thế, sẽ ngon hơn chăng nếu biết cái đoạn từ bát canh ngược lại đời măng, nếu biết những chặng đường đi của sợi miến dong vắt qua những măng cùng nước. Xóm nhỏ quê tôi ven bờ sông Lấy, có những người đàn bà tảo tần và xốc vác, gần như bốn mùa đòn gánh trên vai. Cứ theo hướng núi mà đi, gặp may thì nhờ được anh xe tải dăm ba chặng. Còn không, chân trần dẫm đá răm, ngày mấy chục cây. Tối đất ra đi, khuya mới dóng tiếng ngoài ngõ. Đi đòn gánh cong, về cong đòn gánh. Bông. Hạt cải... và hình như nhiều nhất là măng. Măng tươi mùa hạ. Măng khô mùa đông. Hôm thì hỉ hả vì mua mau bán chạy, lại gặp anh xe tải từ tâm. Hôm vừa cất lời đã nghẹn cả cổ vì bị phòng thuế bắt.

Bà cô tôi là người đi tiên phong trong phong trào buôn bán ấy. Ruộng phần trăm thuê người làm chui. Còn thì bốn mùa một mình tất tả. Thế mà đủ gây dựng cho bốn đứa con cô mát mặt ở làng. Măng tươi, luộc kĩ, ép hết nước mà gánh cho dôi, thường là măng nứa, quê tôi các bà đi buôn gọi là măng ép. Buổi tối được hôm về sớm, tắm ù một cái ngoài sông, về mở mấy ép măng ra ới hàng xóm vạch rào sang vừa chuyện vãn vừa ăn măng chấm muối vừng đến tận lúc trăng tà. Măng đó, ra tới Hà Nội chả hiểu sao bị đổi tên thành măng lá, nghe đến là chung chung và đầy xúc phạm. Ngâm nước là măng tươi. Mà phơi khô gác trên gác bếp giáp tết mới bán thì thành măng khô. Có lần nhà tôi được biếu một mo măng

như thế. Măng của gia đình người Mường bạn hàng của cô tôi, dùng trong nhà, quý nhau thì mới đem cho. Măng đó, mang về ngâm không cần nhặt phần già. Hỏi tại sao. *Thì thằng bé nó kể măng để bán chờ đến lúc nhú cao cả gang tay rồi mới đào. Còn măng để ăn thì nhìn đất nứt đã vác thuổng ra rồi mà lại.* Cứ tưởng tự nhiên nhi nhiên, có tiền ra chợ là có măng ăn. Mà hóa cũng trần ai lắm.

Đến ngay cái sợi miến trong trong vắt qua bát canh măng kia, cũng giăng mắc bao nhiêu là nông nỗi. Nhà bà cháu tôi ngày sơ tán ba bề vây quanh bởi vườn củ bột, chiều mưa tạnh nhìn ra, hoa dong riềng chói lói. Quen vậy, mà chỉ đến lúc xuống trọ học mấy tuần ở một làng cuối huyện nhân kì thi học sinh giỏi tôi mới biết làm thế nào để từ củ dong riềng tầm xoàng kia biến thành sợi miến ngon bậc nhất trong những món ăn lặn lội. Nhà thầy cô gửi tôi, ông lão bà lão cả ngày lùi lũi ngoài vườn, đứa cháu gái chừng bảy tuổi đi học về tha thẩn góc sân đầu ngõ, người con gái đau tim, người con dâu đi về như cái bóng, và tấm ảnh người con trai độc mỉm nụ cười truyền thần dài dại dưới tấm bằng Tổ quốc ghi công. Có những đêm nhớ hơi bà không ngủ được, tôi đã nằm trong màn ngó ra những bóng người im lìm ngoài hiên mài dong riềng thành bột. Bột ấy sẽ được ngâm nước lạnh trong những cái vại to đùng xếp dọc giọt gianh tới tận bếp. Tối sẩm người con dâu xong việc đồng áng và bếp núc lại lụi hụi vần từng cái vại ra chắt nước và thay nước mới. Hỏi phải làm thế bao nhiêu lần trước khi vắt miến? - Ít cũng bốn lần cháu ạ. Giọng nói ấy, cái bóng khô khô ấy, và đứa con gái bé quẩn bên chân ám ảnh tôi không biết đến bao giờ, thức dậy những bùi ngùi xa xót, khi trong tiệm thực phẩm châu Á, bên những gói miến trắng tinh trắng nõn của Tàu ít lâu nay thấy cả những gói miến trong trong và không thật trắng, nhiều khi còn cả cái lạt giang chằng qua hàng chữ in cẩu thả kẹp ở bên trong: *Miến dong Việt Nam.* Những ai biết để mà mua?

Tết đã chờ trước cửa. Mai thôi, các chợ khắp tỉnh cùng quê sẽ náo nức những vàng hương cá chép tàu vũ trụ cho ông Táo thăng thiên, những hỉ hả trông chờ vào bản tổng kết cuối năm ông Táo sắp trình trước Ngọc hoàng thượng đế. Thế rồi là...

Rồi làm sao nhỉ? Cô bạn quý ở Sài Gòn vừa viết thư qua, kể chuyện mẹ, một bà giáo già bao lần lên bờ xuống ruộng dẫu con nhà, cứ ngồi chắc lưỡi vì nỗi *bây giờ quanh năm lúc nào muốn ăn thịt thà bánh chưng mà chả có, tết nhất đâm ra có ý nghĩa gì nữa đâu. Bánh chưng cũng chả cần gói nữa, bánh mứt cũng không cần mua nữa. Mất hết cả không khí tết...* Mà cũng đúng vậy thật. Cả mười năm trước, ngay ở đất Hà Nội, nơi trình độ dịch vụ bao giờ cũng thua Sài Gòn vài ba bậc, tôi đã thấy người ta vác đĩa mua xôi hàng để cúng rằm mồng một tết sâu bọ tết nguyên tiêu. Còn ngoài chợ, trước các hàng khô nào cũng thấy bày một chậu nước đầy ắp những măng ngâm kĩ đến độ mua về là có thể bắc ngay nồi áp suất lên bếp ninh luôn được. Lúc nào cũng có thể nấu măng khô, cứ gì ngày có đám. Tiện quá, cho những bà nội trợ việc làm ăn bận tối ngày, mà Osin thì vụng chân vụng cẳng.

Nhưng măng khô nấu ào ào, ăn ào ào trong bữa cơm thường nhật? Còn đâu nữa những xôn xao, iu ấp. Mất đi những bận bịu tưởng chừng vô nghĩa, phù phiếm, phí thời gian kia, hỏi đời sống còn lại những gì? Tiền bạc? Thành đạt? Năm đôi ba bận quyên góp xả láng cứu giúp nạn nhân hạn hán lũ lụt hay người già con trẻ cơ nhỡ không nhà. Tưởng cũng chỉ là để vỗ về con lương tâm thôi không cắn. Không phải là vì có tội lỗi gì ở thế gian này mới nói chuyện lương tâm. Mà là để giữ lấy cho mình cho nhau một khoảng lặng, cần thiết lắm, để ưu tư và yêu thương.

Thế nên tôi đã vô cùng nể cái ý tưởng tự gói bánh chưng tết năm ngoái của cô bạn học xưa hay của bà chị gái. Nào có phải là nhà khó hay quá mê của nếp mà nhân thể tết nhất bày ra. Dăm ba cặp bánh chưng thuộc loại cực kì lúc nào mà chẳng có thể đặt ngoài hàng. Bánh mời ông bà ông vải là phải sạch. Bánh làm hàng làm sao được như bánh nhà tự gói. Ông anh rể phán. Thế là bận bịu chuốc từ nắm lạt gộc củi về, rửa lá, lau lá, đãi đỗ, gói bánh và trông nồi bánh qua đêm. Cách rách thế vì hồn bóng, mà cũng là vì con trẻ. Cho chúng, giữa ngày tháng thiếu thừa này có được những xôn xao khác lạ, mai sau còn hồi niệm để tìm về, để có đi xa còn được chùng mình lại, lắng lọc mình trong nỗi niềm xứ sở, trong êm đềm ấu thơ. Thư bạn vội vội vài dòng báo tin đã vớt bánh, đã dọn xong củi lửa, đánh sạch xoong nồi, *Æthành công rực rỡ'* bởi trong những tấm bánh có bàn tay con trẻ lần đầu tập gói kia, dẫu quy mô hình thức khác nhau, song chắc chắn đủ gạo, thịt và đỗ. Tôi tin chắc những đứa trẻ của chúng tôi suốt đời sẽ nhớ và quý miếng bánh được bà được mẹ chỉ bảo đổ từng bát gạo, đặt từng miếng thịt và đỗ làm nhân, nắn tay bẻ lá và xoắn lạt, nhớ và quý suốt đời chút lộc đầu đời ấy. Cảm động. Như khi bắt gặp giữa những phận người

của nhà văn Bùi Ngọc Tấn một chi tiết nhỏ, rất nhỏ thôi, nhưng đủ để cắt nghĩa sự cương cường bình thản, nhất mực là mình của con người trong một đời sống đã tới độ không thể nào chịu nổi. Nhà văn đã cho đứa con trai thành phố của mình được mình trần lội xuống bùn ngày cuối năm giá rét, dịp nhà tát ao, để thằng bé được tự tay bắt lấy cho mình một con cá nhỏ. Để có được những ứng xử xa xỉ kia, phải nghệ sĩ đến chừng nào, phải nâng niu cuộc đời này đến mực nào!

Liệu có phải tôi lẩm cẩm, khi mà lại cứ nhắc nhỏm với mình bao món ngon ngày cũ, khi đang sống ở cái đất này, ra siêu thị là loạn thị, vì hàng hóa. Cá chép béo đần lừ đừ đong đưa trong tủ kính, chỉ tay một phát là ông Tây to vật vội vã vớt ra, chặt đầu moi ruột bóc mang cắt khúc bỏ túi nilon cho mà xách. Tôm he tôm hùm gà già chim non tất tật đều có cả. Có mời nhau ăn thì sang ra phải thịt cá loàng xoàng, chỉ rau cỏ mà thôi. Đi chợ nhiều lúc chả biết mua gì, nhặt đại cho đầy xe đẩy đủ ăn một tuần là xong chuyện.

Ấy thế. Chính vì cái chuyện đi chợ không biết mua gì ấy mà tôi nhớ. Nhớ những tết nhất xưa những ngày đánh phá, sướng khổ bên bà. Nhớ những toan lo của bà. Nhớ những ngày rời bà ra Hà Nội với bố mẹ. Nhớ những năm yên hàn mà thiếu đói. Nhớ những chập tối có bà tổ trưởng khu phố sang phát bìa gia đình, ngồi lại thắc mắc than thở bao nhiêu là chuyện. Nhớ mẹ phàn nàn *mậu dịch bán hàng tết theo bìa gia đình năm nay sao mà đắt, mứt vừa mua đã có vẻ dính tay, hạt tiêu toàn vỏ, bánh pháo tép thì hình như ngắn hơn năm cũ, con gà công nghiệp bìa tết năm nay nghe bảo là thịt bở cũng cứ mua cho các con ăn thử xem sao. Măng khô bà gửi, con chạy qua hàng xóm hỏi mai có dậy sớm đi xếp hàng mua thịt thì đặt hộ nhà mình cục gạch, may ra mua được cái chân giò*. Và những năm cùng tháng tận không còn mẹ nữa. Mùa hạ bo bo mùa đông khoai tây bi ron ron bán thay tiêu chuẩn gạo, mà tết đến vẫn nôn nao những phân vân và ngậm ngùi. Nếu chưa ở tuổi này, và nếu vẫn còn lật đật cơm áo ở quê nhà, tôi có ngấm hết những ngậm ngùi xo rụi và nhàu nát ấy?

Tết này chưa chắc... (*) Tết này con cũng... Đêm hạ huyền ngoài kia cứng lạnh vì băng giá. Ngả nào cho ta rẽ nhớ quê nhà? Một miếng ăn ngon, bao triền kí ức. Con chữ nào như rạ khô giữ lửa? Con chữ nào ngấu hết những cực nhọc, những mong chờ câm lặng trên đất nước ngày giông bão? Con chữ nào vang vọng hộ nỗi niềm ta?

1.2003

Chú thích:

Tết này chưa chắc con về được - Nguyễn Bính

Trả lời ông Lưu Văn Vịnh

ẢNH HƯỞNG NHO - PHẬT Ở VIỆT-NAM

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Trong Thế Kỷ 21 số 165 &166, Jan. & Feb. 2003, tr. 11, mục "Bạn đọc viết", ông Lưu văn Vịnh "Bàn về đạo Khổng," có nhắc đến bài "Đạo Nho" của tôi in trong Thế Kỷ 21 số tháng 01 & 02, 2002.

Nhắc lại câu : "Nước ta từ phong tục, luân lý đến chính trị đều lấy Nho giáo làm gốc" của tôi, ông bình :

"Có lẽ về chính trị thì có trọng Nho từ Hậu Lê, nhưng về luân lý, phong tục, nhất là luân lý bình dân thì cả nghìn năm cốt tủy lại là đạo Phật, nhà Nho khi viết :"kiếp sau xin chớ làm người" hay người nhà quê cắt tiết gà nói :"để tao hóa kiếp cho mày" hoặc người ta nói "không chấp trẻ con", "cha ăn mặn con khát nước" thì trong tiềm thức đã có Phật pháp rồi. Vả lại từ đời Hùng ta đã có phong tục tập quán, không phải chờ tới đạo Khổng vào mới có gốc phong tục luân lý.

(...) Vì lý do nào Trung Hoa có Khổng Mạnh, có Lão Trang mà vẫn phải mang Phật giáo vào, tại sao những thế kỷ VII, VIII tới XIII, XIV...Tầu, Việt, Nhật, Hàn... văn minh, văn hóa sáng chói nhờ Thiền môn, Phật pháp? Là tại vì những nguyên tắc đạo đức, những lý tưởng triết lý đều vô dụng nếu thiếu phương pháp thực hành, tu tập".

Trước hết, xin cảm ơn ông đã bỏ công ngồi đọc bài tôi viết và đã chỉ chỗ sơ suất của tôi. Câu "Nước ta từ phong tục, luân lý đến chính trị đều lấy Nho giáo làm gốc" quả không minh bạch. Khi tôi viết câu ấy chỉ nghĩ đến phong tục, luân lý từ các đời cha ông, tổ tiên còn để lại đến nay chứ không nghĩ xa đến tận đời Lý, đời Hùng, hầu như không còn vết tích trong nếp sống của ta.

Vì sử sách của ta mất mát nên những gì ta biết về đời Trần đã ít mà về đời Lý, đời Hùng lại càng hiếm, chỉ từ thời Hậu Lê ta mới còn giữ được tương đối đầy đủ sách vở nên khi tôi nhắc tới cái "gốc" của phong tục, tập quán là nghĩ đến phong tục hiện tại và những điều mà sử sách còn ghi.

1- Ông nhận xét là "có lẽ về chính trị thì có trọng Nho từ Hậu Lê" câu này cần phải xét lại hai điểm : "có lẽ trọng Nho từ Hậu Lê" và "về chính trị".

a- Trọng Nho từ Hậu Lê? - *Phải nói rõ là bài "Đạo Nho" trích trong phần "Dẫn nhập" quyển Khoa Cử Việt-Nam - THI HƯƠNG của tôi (1).* Vì Khoa cử kén người ra làm quan, hỏi về thuật trị nước của đạo Nho (trọng đức hơn trọng pháp) nên nói tới Khoa cử không thể không nhắc đến đạo Nho, song vì là phần "Dẫn nhập" nên tôi chỉ viết sơ lược, không đi vào chi tiết.

Tuy vậy, ở phần trên tôi đã viết rõ :

"Từ Ngô, Đinh, Tiền Lê, Trưng vương : Thời này Tam giáo (Nho, Phật, Lão) đều được trọng nhưng thịnh hành nhất là Phật giáo.

Nhà Lý : Đạo Phật vẫn được coi trọng nhất. Đến vua Nhân Tông (1072-1128) bắt đầu trọng đạo Nho : 1070 dựng Văn Miếu (nơi thờ cúng Khổng Tử, nhiều người coi như thủy tổ đạo Nho); 1075 mở khoa thi đầu tiên; 1076 xây Quốc tử giám để cho các hoàng tử và con nhà quyền quý đến học.

Nhà Trần : Mặc dầu các vua Trần rất sùng đạo Phật nhưng Nho giáo tiếp tục bành trướng (với Khoa cử). Phật giáo không còn được đắc sủng như thời nhà Lý, tăng lữ không còn được dự chính sự.

Thời Hậu Lê : Nho giáo được tôn sùng triệt để" (2).

Như vậy là tôi đã công nhận ảnh hưởng Phật giáo đến thời Lý vẫn còn mạnh, nhưng sử sách cho thấy ngay từ đời Trần thì Phật giáo đã nhường bước cho Nho giáo : các Nho gia "chân chính" đều lên tiếng chỉ trích, bài bác đạo Phật :

Trương Hán Siêu (mất 1354), được vua Trần Nghệ Tông cho thờ trong Văn Miếu, là người có tài văn chương, chính sự, rất thích bài dị đoan, cho Phật giáo là tà thuyết.

Chu văn An (mất 1370), bia đền Phượng-hoàng, huyện Chí-linh, Hải-dương (3) :"Tính cương trực, thích đọc sách, tinh thông Lý học, phá tà thuyết (Phật giáo). Vua Trần Dụ Tông ưa dùng nịnh thần, ông dâng sớ xin chém bảy người, vua không nghe, ông treo mũ từ quan, lui về dậy học. Chu văn An là người Việt duy nhất hiện còn được thờ ở Văn Miếu (Trương Hán Siêu sau bị truất).

b- Chính trị - Ông viết : "Có lẽ về chính trị thì có trọng Nho từ Hậu Lê", "có lẽ" tỏ ra ông chưa tin hẳn thời Hậu Lê Nho giáo được trọng, lại hạn chế ảnh hưởng của Nho riêng "về chính trị". Tôi viết là đến Hậu Lê thì ảnh hưởng của đạo Nho "triệt để", bởi vì Khoa cử Việt Nam đến đời Lê Thánh Tông là thời cực thịnh, mà Khoa cử với đạo Nho không rời nhau, như vậy thì "về chính trị" Hậu Lê trọng Nho là cái chắc chứ không phải "có lẽ".

Hơn nữa, từ nhà Trần khoa cử đã được tổ chức khá hoàn bị, không như thời nhà Lý. Khoa cử được trọng có nghĩa là nhà Trần tuy vẫn còn dùng con em trong hoàng tộc giúp chính sự nhưng số người do Khoa mục ra làm quan ngày một nhiều trong khi các tăng lữ không còn được dự triều chính nữa. Vậy thì rõ ràng "về chính trị" ảnh hưởng đạo Nho đã lấn đạo Phật ngay từ đời Trần chứ không phải chỉ từ Hậu Lê.

2- "Phong tục, luân lý cả nghìn năm cốt tủy lại là đạo Phật". Câu này cũng cần phải xét lại.

A- "Cả nghìn năm..." - Đúng là Phật giáo truyền đến nước ta từ cả nghìn năm nhưng những câu ông dẫn : "kiếp sau xin chớ làm người" (thơ Nguyễn Công Trứ), hay "để tao hóa kiếp cho mày" tuy do đạo Phật mà ra nhưng không phải có từ một nghìn năm trước : Nguyễn Công Trứ rõ ràng sống thời nhà Nguyễn nào phải từ thời Lý, còn những câu "để tao hóa kiếp cho mày" hay "đời cha ăn mặn, đời con khát nước" vv. thì chẳng ai biết có từ đời nào, rất có thể cũng chỉ mới được sáng tác sau này vì không có một chữ nào là chữ cổ cả. Sinh ngữ đời nào cũng có biến đổi, bà tôi sinh cuối thế kỷ 19 còn dùng chữ "min" :

Con gái ngủ đến giờ thìn,
Mẹ chồng gọi dậy rằng min nhức đầu.

sang thời mẹ tôi sinh đầu thế kỷ XX, chữ "min" không còn dùng nhưng mẹ tôi vẫn thường dùng chữ "thèo đảnh" mà ngày nay ít người hiểu: "Làm ăn thèo đảnh, để cốc nước bấp bênh thế kia, ai đi qua đụng vào là đổ vỡ." Ngôn ngữ cuối thế kỷ 19, đầu 20 đã khác ngày nay thế thì câu "để tao hóa kiếp cho mày" hay "đời cha ăn mặn, đời con khát nước" không thể là bằng chứng có từ "nghìn năm" được.

B- Cốt tủy là Phật giáo? - *Những câu dẫn trên đã không phải là bằng chứng ảnh hưởng Phật giáo có từ "nghìn năm", lại càng không chứng minh được đạo Phật là "cốt tủy" của phong tục, luân lý bởi vì ảnh hưởng Nho giáo chưa chắc đã kém, có khi có từ hơn nghìn năm, từ thời Bắc thuộc (111 tr TL - 938) khi các thái thú Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp (được gọi là Nam bang học tổ) mở trường dậy học là họ đã đem đạo Nho truyền cho ta rồi.*

Hậu Hán Thư viết :"Dân Giao-chỉ không biết đạo cha con (cha con cùng tắm một sông), chỉ theo dâm hiếu, không biết đạo vợ chồng (hôn nhân trai gái tự do tìm hiểu qua hội mùa), không theo lễ giáo Trung quốc...". Hán Vũ Đế thấy thế mới sai các quan thái thú sang cai trị phải dậy cho dân ta biết lễ nghĩa.

Ngô Thì Sỹ cũng viết rằng Tích Quang (thái thú Giao-chỉ) dậy ta lễ nghĩa, Nhâm Diên (thái thú Cửu-chân) dậy luân lý, sính lễ vv. (4).

Sử chép năm 1007, khi Lê Ngọa Triều sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống xin kinh Đại Tạng (Phật) thì cũng xin luôn cả Cửu kinh của đạo Nho (5).

Nếu căn cứ vào những câu "để tao hóa kiếp cho mày," "không chấp trẻ con" để chứng minh ảnh hưởng Phật giáo trong dân gian thì cũng không nên quên ta còn có những câu chứng minh ảnh hưởng Nho giáo như "Con có cha như nhà có nóc," "Dậy con từ thuở còn thơ, dậy vợ từ thuở bơ vơ mới về" (Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài), "Trai thì trung hiếu làm đầu, gái thì tiết hạnh làm câu sửa mình" hoặc giễu cợt như "Nhất sĩ, nhì nông, hết gạo chạy rông nhất nông, nhì sĩ", "Quân tử nhất ngôn là quân tử dại, quân tử nói đi nói lại là quân tử khôn"...

Nho Phật cùng có ảnh hưởng song song, chưa thể biết đích xác bên nào bắt đầu trước, nhưng tôi nhận thấy trong đời sống thường nhật thì ảnh hưởng Nho có phần nặng hơn :

a- Ngay trong ngôn ngữ thường ngày, người trong gia đình phân biệt bên "nội" (người trong nhà) trọng hơn bên "ngoại" (người ngoài). Ca dao:

"Ẵm con chồng hơn bồng cháu ngoại",

hay :

"Chồng cô, vợ cậu, chồng dì,
Trong ba người ấy chết thì không tang"

là vì cụ Khổng rất trọng nam khinh nữ ("nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô). Tuy đức Phật lúc đầu cũng không thuận cho mẹ ruột mình được đi tu nhưng không "khinh nữ" có hệ thống như Khổng Tử.

b- Tục lệ đẻ con ra lấy họ cha cũng không do đạo Phật. Cho đến gần đây, nhiều người Việt còn rất sợ không có con trai nối dõi, do câu "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại". Người đi tu theo đạo Phật, diệt dục, không con, thường bị bị chê là phạm tội "bất hiếu."

c- Dậy trẻ trước hết người ta dậy phép tắc theo

LÝ THỪA NGHIỆP

TIẾNG VANG LỤC TỰ

Vườn tôi xanh quá sáng nay
Nắng lung linh nắng, chim dài tiếng ca
Ai ngồi như bóng xuân qua
Tóc râu cùng với xương da một màu
Buồn vui như một câu chào
Tiếng vang Lục tự trôi vào chơn tâm.

THUYỀN AI

Thuyền ai trôi với sương mù
Núi ngàn năm lạnh, đợi giờ hóa sinh
Biển nằm đợi nắng bình minh
Xương tan còn đợi lời Kinh vọng về
Ngoái đầu mình với u-mê
Lênh đênh đâu biết cận kề diệt vong.

tôn ti trật tự đạo Nho "Con có cha như nhà có nóc," còn những "thiền quán" hay "hóa kiếp" là phải lớn lên mới học đến, mà cũng chưa chắc ai cũng hiểu, đến như thực hành "thiền định" không phải dễ, trong khi sửa mình cho ngay thẳng, "tu thân" theo đạo Nho, thì dễ hơn nhiều; "diệt dục" khó nhưng giúp vua trị nước, dậy dân biết ăn ở theo lẽ phải ai cũng có thể làm được. Ấy là chưa kể thử hỏi đã mấy người "bình dân" hiểu chữ "chấp ngã" của nhà Phật trong khi họ hiểu rất rõ thế nào là "trung" là "hiếu" của đạo Nho.

d- Ta trọng người có học cũng là tiếp tục cách phân chia giai cấp của Nho theo thứ tự "Sĩ, nông, công, thương"....

e- Năm mươi năm trước, ở Hà-nội lễ cưới không làm ở chùa, dù là người theo đạo Phật, nhưng các lễ vấn danh (hỏi tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ), nghênh hôn, hợp cẩn v.v. đều có.

f- Trong tang lễ, tuy Phật giáo có tụng kinh siêu độ nhưng những lễ nhập quan, thắt hồn bạch (lấy tấm lụa thắt hình người đem thờ sau khi đã nhập quan thể xác người quá cố), lễ thành phục (con cháu bắt đầu mặc tang phục) v.v. đều là lễ tiết của Nho gia. (Nho giáo có cả một quyển Kinh Lễ chỉ dậy phép tắc).

Và còn nhiều nữa... Vậy thì khi những hành động hàng ngày của ta từ cử chỉ ôn hòa, lễ độ, đến giáo hóa con trẻ, hôn lễ, tang lễ v.v. đều theo khuôn phép đạo Nho, làm sao có thể khẳng định rằng "cốt tủy" phong tục, tập quán của ta là ở Phật giáo?

3- Phong tục đời Hùng - "Từ đời Hùng ta đã có phong tục, tập quán...". Lấy lý mà suy thì chắc đời Hùng chúng ta cũng có nếp sống riêng, nhưng ngoài tục xâm mình thì phong tục, tập quán như thế nào, ở trình độ nào chẳng ai biết. Ta chỉ biết một cách mơ hồ có các quan lang, mị nương, có các Lạc hầu, Lạc tướng, cha truyền con nối gọi là Phụ đạo, còn phần nhiều chi tiết đều khá hoang đường: chuyện "Lạc Long quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra một trăm cái trứng, nở ra một trăm người con," chuyện 18 vua Hùng trung bình mỗi vua trị vì hàng trăm năm v.v. thì tin thế nào được? (6)

Việt Sử Lược chép nước Văn Lang thời Hùng Vương có "phong tục thuần lương, chính sự dùng lối thắt gút" song "phong tục thuần lương" ấy như thế nào?

Ngay thời Trưng vương, là dòng dõi các vua Hùng, mà cũng không ai biết phong tục tập quán một cách đích xác. Trong Hậu Hán Thư "Mã Viện truyện" chép Mã Viện sang đánh nhau với Hai Bà Trưng rồi tâu với vua Hán: "Luật nước An-Nam khác luật Trung quốc hơn mười điều" (7) nhưng nào ai biết là những điều gì? Cho nên các sử gia chỉ bàn được có một câu "hơn mười điều" có thể là trỏ số nhiều, không nhất thiết là theo nghĩa thông thường của con số mười hiện nay.

Khảo cổ học, bằng vào những hiện vật được khai quật như trống đồng, lưỡi cầy v.v., cho thấy nước Văn Lang có một nền văn minh không chịu ảnh hưởng của Trung quốc, rực rỡ nhất vào cuối thời các vua Hùng, nhưng đó là nói về mặt kỹ thuật đúc đồ đồng hay về mặt nghệ thuật chế tạo trống đồng, hoa văn tinh xảo trên các hiện vật v.v., còn tập quán, phong tục thời ấy ra sao thì còn phải nghiên cứu thêm.

Đã không biết gì về phong tục đời Hùng thì còn bàn luận thế nào được?

4- Ông viết: "Vì lý do nào Trung Hoa có Khổng Mạnh, có Lão Trang mà vẫn phải mang Phật giáo vào... *Tầu, Việt, Nhật Hàn... văn minh văn hóa sáng chói nhờ Thiền môn, Phật pháp?"*

a- Nhờ Thiền môn Phật pháp? - *Theo chỗ tôi hiểu thì tuy đạo Phật truyền đến Trung quốc ít nhất từ đời Đường (618-907), có thể sớm hơn nữa, theo thuyết cho là Phật giáo truyền sang Việt Nam*

trước qua đường thủy (8) song đến đời Tống mới có ảnh hưởng rõ rệt. Các Tống Nho vì chê Phật giáo, Lão giáo là "tà đạo" muốn nghiên cứu Phật - Lão để dễ bài bác, không ngờ rút cục lại chịu ảnh hưởng của đạo Phật, đạo Lão, đi sâu vào con đường huyền học thuộc phần Hình Nhi Thượng của đạo Nho. Những người sùng Khổng giáo rất chê Tống Nho, cho là đi xa đạo, thiếu thực dụng vv. Thực ra Tống Nho có công phục hưng Nho giáo, bàn rộng đến nguồn gốc của vũ trụ, bản thể của Thái cực, của Lý và Khí vv... những vấn đề thuộc phần Hình Nhi Thượng mà Khổng học, quá thiên về thực tiễn (Hình Nhi Hạ), ít nhắc tới vì cho là không thiết dụng và thường bỏ qua một bên.

b- Ảnh hưởng của Phật giáo đối với Nho đạo là chuyện có thực song ngược lại, không phải chỉ riêng đạo Nho chịu ảnh hưởng của đạo Phật mà đạo Phật khi nhập Trung quốc cũng ít nhiều tiêm nhiễm văn hóa Trung quốc (đạo Nho, đạo Lão) rồi phát triển, chia ra nhiều môn phái: Tịnh độ tông, Thiên thai tông v.v. "Giao lưu văn hóa" không phải chỉ ngày nay mới có :

Phật giáo bị Ấn độ giáo và Hồi giáo lấn át, trở nên suy vi trên đất Ấn, nên vượt biên giới truyền qua phương Nam (Tích-lan, Thái-lan, Miến-điện, Căm bốt) gọi là Nam tông, truyền qua phương Bắc (Trung hoa) gọi là Bắc tông.

Nam tông, được coi là Phật giáo nguyên thủy, phân tích cái khổ của trần gian và chỉ con đường giải thoát. Kinh điển ở Ấn độ bị Hồi giáo hủy nên ngày nay người ta nghiên cứu Phật giáo nguyên thủy là nghiên cứu Phật giáo Nam tông (ở Tích-lan). Kinh điển Nam tông chỉ có bộ Kinh A-hàm, giáo lý căn bản là "Vạn vật vô thường, thân vô ngã" (phá chấp ngã để tự giác, nhập Niết-bàn). Đạo Phật nguyên thủy chú trọng vào giải thoát cá nhân, phân tích rất khoa học, cao siêu song cũng rất khó theo. Cái tên Tiểu thừa (Cỗ xe nhỏ) xuất hiện khi Phật giáo Đại thừa (Cỗ xe lớn) phương Bắc đã thịnh, để phân biệt hai giáo phái.

Phật giáo Đại thừa cũng phá chấp ngã, và còn chủ trương "tự giác, giác tha," không những nghiên cứu Kinh A-hàm mà còn có những Kinh Bát nhã, Hoa nghiêm vv. Bát nhã nghĩa là "trí tuệ siêu việt," không phải sự hiểu biết thông thường của lý trí, chỉ có thể cảm nhận. *Song từ trước khi Phật giáo truyền sang Trung quốc, Lão Tử (có thể là 604-523 tr. TL hay 430-340 tr TL) đã dậy trong Đạo Đức Kinh rằng người ta không thể định danh Đạo, gượng dùng danh từ ấy để tạm chỉ định, mà dùng danh từ chỉ định tức là vật chỉ định đã bị hạn định, trong khi cái Đạo "không thể phân chia." Muốn được Đạo không thể dùng lý trí, hiểu biết bằng sự so sánh, mà chỉ có thể hiểu bằng trực giác (9).*

5- "Thiếu phương tiện thực hành, tu tập" - Ông cho Trung Hoa đã có Khổng Mạnh mà còn phải nhờ Thiền môn Phật pháp: "Là vì những nguyên tắc đạo đức, những lý tưởng triết lý đều vô dụng nếu thiếu phương pháp thực hành, tu tập," câu này chỉ đúng theo nghĩa chung chung nhưng áp dụng vào đạo Nho thì sai: Đạo Nho, đặc biệt từ Khổng Tử, chú trọng nhất vào phần thực hành và tổ chức "phương tiện tu tập" rất có hệ thống.

Từ xưa các Nho gia vẫn nhận đạo của mình là Chính đạo vì lẽ mục đích làm người quân tử của đạo Nho là đem tài trí mình ra giúp vua trị dân, dậy dân ăn ở theo lẽ phải, biết lễ nghĩa, sống hòa mục với nhau, đem lại hạnh phúc cho dân nên mới được gọi là «cha mẹ dân"... Thế thì mục đích của Nho gia rất là thiết thực cho đời sống xã hội, không phải chỉ là một mớ nguyên tắc, lý tưởng mơ hồ, vô dụng.

Những câu nằm lòng của các nhà Nho là "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ," và "Tiến vi quan, thoái vi sư" (khi gặp thời, gặp vua biết dùng người thì người quân tử ra làm quan, giúp vua trị dân, gặp ông vua không ra gì thì treo ấn từ quan, lui về dậy học, đào tạo thế hệ mai sau) đủ thấy con đường được vạch từng bước, kế hoạch đặt rõ ràng. Thế là Nho giáo có phương pháp.

Còn phương tiện tu tập? Các làng xóm thường có chùa nhưng đồng thời cũng có thầy Đồ dậy đạo Nho, dậy con trẻ phép tắc "trên kính, dưới nhường," lớn lên thì học các Huấn đạo ở huyện, Giáo thụ ở phủ, Đốc học ở tỉnh, học thuật trị nước của đạo Nho. Nho giáo tổ chức đâu ra đấy, có mục đích, có phương pháp, mà phương tiện tu tập cũng rõ ràng đầy đủ, theo dõi đứa trẻ từng bước, không phải là những "nguyên tắc, lý tưởng vô dụng."

Chính vì sùng bái Nho giáo là Chính đạo, chê đạo Phật thiếu thực dụng, nên thời Hậu Lê, Ngô Thì Sĩ (1726-80) mới mạt sát đạo Phật, đạo Lão, nhìn nhận các vua nhà Lý là những ông vua tốt, có độ lượng đế vương "duy đáng tiếc là chưa tôn Chính học (...) đáng chê trách là tôn sùng đạo Phật" và :"Các danh nho thời cổ học rộng cả bách gia, xuất nhập cả Phật Lão, học vấn không thuần nhất, tâm đã tạp, không chuyên nhất thì có ích gì cho việc đời mà cũng được xuất thân?" *(10).*

Tuy ngày nay Nho giáo không còn được tôn

sùng là Chính đạo và chúng ta không mấy người biết đến Nho giáo song trong đời sống thường nhật chúng ta vẫn ít nhiều cư xử theo khuôn phép của Nho giáo: thích người ăn ở hòa nhã, lễ độ, biết phải trái, trọng người có học...

Phong tục, luân lý đời Hùng ra sao chúng ta không biết, ảnh hưởng đạo Phật đối với ta tuy không phải là ít, nhưng tôi không tin "cốt tủy" phong tục, luân lý của ta là ở đạo Phật, vẫn thấy ảnh hưởng Nho giáo nặng hơn.

Châtenay-Malabry, tháng 1-2003

CHÚ THÍCH:

1- Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Khoa Cử Việt-Nam - Tập Thượng - THI HƯƠNG. Paris : An Tiêm, 2002.

2- Thi Hương, tr. 51-4.

3- Văn Khắc Hán Nôm, bia số 1181, tr. 640-1.

4- Trần Quốc Vượng, tr. 388 - Ngô thì Sỹ, tr. 38.

5- Cương Mục, III, tr. 33 - Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, tr. 24, cho là Lê Đại Hành, song Lê Đại Hành đã mất từ 1005.

6- Lê Thành Khôi, Diễn Đàn : Nước ta có "4000 năm văn hiến", tính ra 18 vua Hùng trị vì từ -2000 đến -258 (khi nước mất vào tay An Dương Vương) là 1742 năm, trung bình mỗi vua trị vì gần 100 năm.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, tập I, tr. 63 cho biết từ Kinh Dương Vương đến hết các vua Hùng là 2622 năm, tức là mỗi vua trị vì hơn một trăm năm.

7- Biên Niên, tr. 24.

8- Giao Điểm số 5 : Phật giáo Ấn độ truyền sang Việt-Nam qua đường thủy trước rồi mới truyền đến Trung quốc. Năm 247 thiền sư Khương Tăng Hội, được coi như sáng tổ thiền Việt-Nam, sang Trung quốc thuyết pháp.

9- Lão Tử Tinh Hoa, tr. 41.

10- Ngô Thì Sỹ, tr. 106, 126-8, 158.

Sách dẫn

Biên Niên Lịch Sử Cổ Trung Đại Việt-Nam. *Hà-nội : KHXH, 1987.*

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục. Hà-nội : Văn Sử Địa, 1957. Tổ biên dịch : Phạm Trọng Điềm, Hoa Bằng, Trần văn Giáp.

Lê Thành Khôi, "Đọc quyển Tìm về bản sắc văn hóa Việt-Nam của Trần Ngọc Thêm", Diễn Đàn số 125, 1 / 2003.

Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, tập I. Hà-nội :: KHXH, 1967. Cao Huy Giu dịch.

Ngọ Phong Ngô Thì Sỹ, Việt Sử Tiêu Án. Bản dịch của Hội Việt-Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu. San José : Văn Sử tái bản, 1991.

Nguyễn Quang Hồng chủ biên, Văn Khắc Hán Nôm Việt-Nam. Hà-nội : KHXH, 1992.

Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Khoa Cử Việt Nam - Tập Thượng - THI HƯƠNG. Paris : An Tiêm, 2002.

Quảng Nhơn, Tuệ Hạnh, "Khương Tăng Hội - Sáng tổ Phật giáo Việt-Nam", Giao Điểm số 5, 15-9-1991. Santa Ana, California, USA.

Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Lão Tử Tinh Hoa. Saigon : Khai Trí, 1963.

Trần Quốc Vượng, "Từ sau Trưng vương đến trước Lý Nam Đế", chương sáu, Lịch Sử Việt-Nam - Thời kỳ nguyên thủy đến thế kỷ X, tập I. Hà-nội : Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983.

PHÂN ƯU

Được tin trễ, thân mẫu nhà văn Song Thao Tạ Trung Sơn

Bà quả phụ TẠ TRUNG HƯƠNG
Nhũ danh Maria ĐẶNG THỊ HIÊN

Đã qua đời vào ngày 25 tháng 12, 2002
tức ngày 22 tháng 11 Nhâm Ngọ
tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 89 tuổi
Xin thành thật chia buồn cùng nhà văn Song Thao và tang quyến.
Cầu xin hương hồn Cụ Bà được an nghỉ nơi Cõi Vĩnh Hằng.

Thân hữu tại Canada: **Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Trang Châu, Hoàng Xuân Sơn, Hoàng Chiều Nhân**
Anh chị em trong Ban Biên tập và Trị sự của hai tạp chí Thế Kỷ 21 và Phụ Nữ Gia Đình Người Việt (Quận Cam, California)

NHỮNG BỨC TƯỜNG LÒNG

TƯỞNG NĂNG TIẾN

Khi còn bị phân chia bởi "bức tường ô nhục", người dân Đông Đức hay kể lén câu chuyện sau đây:" *Có một con chó chui tường từ Đông sang Tây. Thấy khách lạ nên lũ chó bên Tây Đức xúm xít lại, tíu tít hỏi thăm:*

- Bên ấy có hội bảo vệ súc vật không?

- Có chứ.

- Có nhà thương và bác sĩ thú y không?

- Có luôn.

- Có đồ hộp dành riêng cho chó không?

- Có tuốt.

- Thế thì việc gì đằng ấy phải vất vả chui tường sang đây?

- Tại vì bên ấy chúng cấm không cho... sủa!

Năm 1989, bức tường Bá Linh bị đập đổ. Dân Đông Đức được giải phóng. Từ đây, người được quyền ăn nói tự do, và chó có quyền... được sủa.

Sự thống nhất nước Đức về thể chế, cũng như về nhân tâm, tuy không phải là một tiến trình toàn hảo nhưng có thể được coi như là ổn thỏa - ngoại trừ đối với một số người. Họ là những di dân đến từ Việt Nam, theo như tường thuật của Alisa Roth - qua bài báo "Bức Tường Ô Nhục Vẫn Ngăn Chia Người Việt", như sau:

" Người Việt vẫn đang là nhóm Á Châu lớn nhất tại thành phố Bá Linh. Những người được mệnh danh là *Người Việt miền Tây* là những người miền nam Việt Nam, hầu hết là thuyền nhân mà trong những năm tiếp theo chiến thắng 1975 của cộng sản, họ đã đổ đến những vùng bây giờ là Tây Đức.

"Còn *người Việt miền Đông* là những người đến Đông Đức vào thập niên 1960 và 1970 cùng với các công nhân xuất khẩu từ những quốc gia cộng sản đang phát triển tới làm việc trong các nhà máy..."

"... Cái cộng đồng nhỏ bé này hãy còn duy trì sự chia cắt với hai thế giới, hai phương trời cách biệt. Những ý thức hệ - từng xé nát nước Đức và nước Việt Nam ra làm đôi - hiện vẫn còn luân lưu mạnh mẽ tại nơi đây..."

Nó "mạnh mẽ" tới độ khiến một người dân bản xứ phải thốt lên rằng:"*Bức tường Bá Linh nằm trong đầu óc của người Việt miền Đông với người Việt miền Tây còn cao hơn cả bức tường của người dân Đức đối với người dân Đức.*" ("Berlin's Divide Lingers For Vietnamese Expatriates Capital's East - West Gap Reflects Cold War Past," *San Jose Mercury News*, 12 Jul. 2002:A1/ *Việt Mercury* 12 Jul. 2002: 1 + 69. Trans. Nguyễn Bá Trạc").

Nói như thế, nghe (tưởng) đã phũ phàng nhưng (vẫn) chưa "đã miệng" và... "hết ý"! Trong cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* của Nguyễn Gia Kiểng - ấn bản 2001, Paris, nơi trang 70 - tác giả còn trích dẫn nhận xét của một người ngoài ngoại quốc khác về dân Việt -như sau:"*Ils ne s'aiment pas*" (Họ không ưa nhau đâu).

Cha nội Parisien nào đó đã nói một câu (mới) nghe tưởng tào lao nhưng - không chừng - dám... trúng lắm (à) nha. Những phương tiện truyền thông và giao thông của thời hiện đại quả có làm cho trái đất nhỏ lại, và khiến cho loài người gần gũi với nhau hơn. Chỉ riêng với với dân Việt thì... không. Nhất định không. Người ngoại quốc có vẻ "hơi" ngạc nhiên về thái độ "rất kém thân thiện" của dân Việt đối với nhau - trên bước đường lưu lạc. Họ sẽ ngạc nhiên chết (mẹ) luôn nếu biết rằng những "bức tường ô nhục" tương tự hiển hiện khắp chốn, kể cả ở Việt Nam, chứ chả riêng chi ở Berlin.

Dù đất nước đã "thống nhất" hơn một phần tư thế kỷ, dân chúng giữa hai miền Nam/Bắc Việt Nam (rõ ràng) vẫn chưa gần nhau mấy. Họ ăn ở cư xử với nhau cứ y như những kẻ phải sống trong một cuộc hôn nhân... cưỡng bách vậy.

Theo "truyền thống," người Việt hay chia phe và họ thường nhìn nhau qua những "lỗ châu mai" từ những "pháo đài" của phe mình. Họ "thích" gọi nhau là "tụi này" hay "tụi nọ" (tụi Công Giáo, tụi Phật Giáo, tụi Nam Kỳ, tụi Bắc Kỳ, tụi Trung Kỳ ...). Gần đây, có thêm một "tụi mới" nữa xuất hiện - tụi... Bắc Cộng! Tụi này sau khi nắm được hết quyền bính và tài sản quốc gia thì lập tức hành xử như "mấy chủ nhân ông da trắng thời thực dân" vậy - theo như cách nói của ông Vạng Lộc, qua bài báo "Báo Động Nạn Kỳ Thị Của Bắc Cộng" (*Việt Báo* 9/ 12/ 2002).

Và đó mới chỉ là những chuyện nhỏ, ở miền xuôi. Ở miền ngược, miền núi, hay còn gọi là miền cao, miền sơn cước (hoặc cao nguyên) thì còn nhiều chuyện... kỳ cục dữ nữa. Nơi đây, một phần dân tộc Việt vẫn chưa được nhìn nhận là người thường hay người Thượng. Họ bị "tưởng" là... "tụi mọi" và bị chính đồng bào mình (cùng với cường quyền) cướp đoạt hết đất đai canh tác.

Nghèo đói quá hoá "sảng" chăng? Khổ cực quá, cùng quẫn quá, bị chèn ép quá nên đâm ra gấu ó, cấu xé lẫn nhau chăng? Không hẳn đã thế đâu. Tại nước Đức, ngay giữa một thành phố tự do và phú túc, " *bức tường Bá Linh nằm trong đầu óc của người Việt miền Đông với người Việt miền Tây (vẫn) còn cao hơn bức tường của người dân Đức đối với người dân Đức"* mà. Hơn nữa, như đã thưa, những bức tường lòng (ô nhục) tương tự hiển hiện ở khắp nơi chứ đâu có riêng chi ở Berlin.

Nơi đâu có người Việt quần tụ là tức khắc nẩy sinh những chuyện dè bỉu, đố kỵ, chia cách, phân hoá... Mỗi cộng đồng vẫn thường cần đến hơn một ban đại diện (dù tất cả những ban đại diện - dường như - không đại diện cho bất cứ ai và cũng không mấy ai - thực sự- cần người đại diện). Tương tự, mỗi hội đoàn đều có tới hai hay ba ông (bà) chủ tịch, dù cả hội đoàn đều không biết rõ là họ hội họp lại với nhau để làm gì. Cũng thế, mọi tổ chức (không chóng thì chầy) nếu không vỡ tan tành thì cũng bể thành vài mảnh!

Người Nga có câu ngạn ngữ là nếu thiếu một con chó chăn cừu, vài chục con cừu không thể biến thành một đàn cừu được. Vấn nạn của những cộng đồng người Việt hải ngoại là sự dư thừa loại chó này. Đã thế, phần lớn, đều là... chó dại!

"*Sự kiện vô vàn phi lý, cực độ vô nghĩa, và bất lợi không lường này, đang diễn tiến kết thành hiện tượng phân hoá hỗn loạn, phân liệt khắc nghiệt, chia rẽ trầm trọng giữa những cá nhân, nhóm cá nhân, cộng đồng người Việt* " (Phan Nhật Nam, "Lời Khẩn Thiết Nhằm Chấm Dứt Hiện Tượng Phân Hoá," *Nguyệt San Việt Nam*, Jan. 2003 :36). Cũng theo tác giả bài báo vừa dẫn thì Cục Tình Báo Hải Ngoại trực thuộc Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng Cộng Sản Hà Nội là nguyên nhân gây ra những hiện tượng phân hoá tiêu cực kể trên.

Tôi thực tình không tin như vậy. Với ít nhiều chủ quan, tôi không nghĩ là Hà Nội còn "bảnh" tới cỡ đó đâu. Tôi vẫn "nghi" rằng chính phạm không đến từ bên ngoài. Nó "nằm vùng" trong lòng dạ của tất cả chúng ta.

Khi còn bé, tôi nhớ là đã đọc ở đâu đó, qua lời kể của Schopenhauer, một câu chuyện ngụ ngôn - nội dung như sau:

Có một mùa Đông lạnh đến độ muốn tồn tại muôn loài đều phải xích lại thật gần nhau để truyền cho nhau hơi ấm. Chỉ riêng có loài nhím vì lông quá nhiều, quá nhọn và không cách nào thu lại được nên đành... chờ chết!

Dân tộc Việt đang trải qua một "mùa Đông" vô cùng khắc nghiệt. Nếu những bức tường lòng không vượt qua được, những lông nhọn tua tủa không xếp lại được, và mỗi người (hay nhóm người) đều nhất định "tử thủ" trong pháo đài của riêng mình thì giống nòi (có rất nhiều hy vọng) sẽ... tiêu tùng!

LƯU HY LẠC

VÔ RỪNG NGÀY MỒNG MỘT TẾT

gửi chị Thu

Một đầu gió- một đầu mây
tôi nằm im giữa rừng cây bạch đàn
chờ gió lặng/ đợi mây tan
một rừng cây lá bạch đàn che tôi.
sóng ngoài biển rú từng hồi

mù mịt sương níu/ kéo, trôi
ngang mắt nhìn mảng trời thoi thóp, chiều
ngồi dậy tôi- rừng tiêu điều
tiếng chim cú, tiếng tàu hiu hiu buồn
vốc lên mặt bụm gió tuôn

lội về, tôi lội vô hồn
giữa phố xá tôi nhìn thôn ổ nào
tôi hỏi tôi đêm, rồi sao
ngã tư đường ngõ/ hướng nào, về đâu
quay lại rừng tôi lầu bầu

Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát, Ma Ha Tát.

CÁI CHẾT "TRÊN TỪNG CÂY SỐ"

Vụ ám sát nhà văn Georgi Markov

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Thời cuối thập niên 1970, tại Việt Nam có chiếu trên truyền hình bộ phim gián điệp (ở Việt Nam gọi là "phim tình báo") mang tên "Trên Từng Cây Số." Phim dài nhiều tập, do Bulgaria (ở Việt Nam gọi tắt là "Bun") sản xuất, mỗi tập kể một thành tích của thiếu tá Deyanov, một gián điệp cộng sản Bulgaria hoạt động ngay trong lòng quân đội Đức Quốc Xã. Cuốn phim chiếu dài cả năm, và là một phim cộng sản hiếm có không bị người miền Nam tẩy chay, ngược lại còn rất thích. Bộ phim ăn khách đến mức cụm từ "trên từng cây số" len lỏi vào biết bao nhiêu bài văn, truyện ngắn, và nhất là các bài báo, các bài phiếm luận tiếng Việt trong và ngoài nước. Cụm từ này hầu như không có trong các bài viết trước năm 1975.

Tuy nhiên, có một điều ít ai biết, là tác giả kịch bản bộ phim truyền hình ấy, ông Georgi Markov, đã đào tẩu qua Anh từ năm 1969, và đã bị gián điệp Bulgaria với sự cộng tác của KGB ám sát vào năm 1978, khi bộ phim đang chiếu tại Việt Nam.

Georgi Markov (1929-1978) là một nhà văn, một nhà soạn kịch. Ông đã từng được chế độ cộng sản cưng chiều, và là một nhà văn có "dù" che, quen biết với cả Bí thư thứ nhất đảng Cộng Sản Bulgaria, ông Todor Zhivkov. Năm 1969, được sự tin tưởng của cấp lãnh đạo, ông được phép qua Ý thăm gia đình đã di cư sang đấy. Ông đào tẩu và định cư tại Anh.

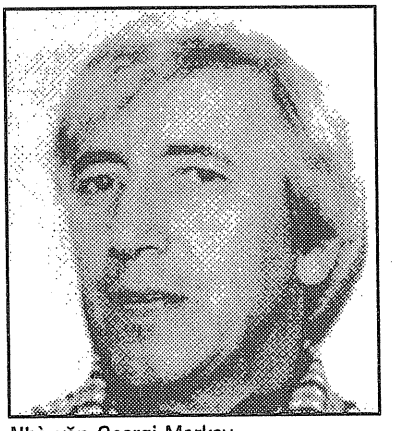

Nhà văn Georgi Markov

Đến Anh, ông sử dụng tài văn chương và những điều ông biết về chế độ cộng sản để hoạt động chống lại nhà nước Bulgaria. Ông làm việc cho đài phát thanh BBC (Anh), Deutsche Welle (Đức), và đài phát thanh Âu Châu Tự Do (Radio Free Europe, phát thanh từ Đức). Đặc biệt trên đài RFE, ông phát thanh trên chương trình tiếng Bulgaria một mục mang tên "Tường trình vắng mặt từ Bulgaria" trong đó ông lên án chế độ cộng sản độc tài và tiết lộ nhiều bí mật về sự tha hóa, tham nhũng của giới lãnh đạo, kể cả ông Todor Zhikov.

Điều này làm ông Zhikov, lúc này kiêm luôn chức Chủ tịch nước, rất giận. Năm 1972, chính quyền Bulgaria xử Markov khiếm diện sáu năm rưỡi tù về tội phản động. Họ cho người đe dọa ông Markov để áp lực ông ngưng tiết lộ các bí mật về giới lãnh đạo Bulgaria.

Bất chấp những lời hăm dọa, ông Markov tiếp tục phát thanh. Zhikov lại thêm lo lắng khi những chương trình phát thanh của ông Markov gây nên một phong trào phản kháng ngay trong nước. Năm 1977, Zhikov ra lệnh cho giới an ninh bằng bất cứ cách nào phải làm cho ông Markov ngưng phát thanh. Mối lo của Zhikov sau này trở thành sự thật. Các chương trình phát thanh của Markov đã ảnh hưởng tinh thần phản kháng của ông Zhelu Zhelev, một thành viên nhóm "Tuyên Ngôn 78" chống chính quyền Cộng Sản và sau này trở thành tổng thống dân cử đầu tiên của Bulgaria.

Zhikov yêu cầu KGB của Liên Xô giúp thủ tiêu Georgi Markov. Lời yêu cầu này được chuyển lên lãnh tụ cấp cao nhất của KGB, và chính hai nhân vật hàng đầu KGB, ông Yuri Andropov (sau này là Tổng bí thư đảng Cộng sản Liên Xô) và ông Vladimir Kryuchkov (sau này có tham gia vụ đảo chánh hụt chống ông Gorbachev) đích thân trả lời đồng ý cộng tác, với điều kiện không để lại bằng chứng nào có thể dính Liên Xô vào vụ này. KGB cử tướng Sergei Gobulev qua Bulgaria nhiều lần để làm việc với DS, cơ quan an ninh Bulgaria.

Đầu năm 1978, tại một dạ tiệc tiếp đón nhà văn Georgi Markov do RFE tổ chức tại Munchen (Đức), gián điệp Bulgaria bỏ thuốc độc vào ly rượu của ông. Vụ ám sát này thất bại. Hè 1978, khi ông Markov đi nghỉ mát tại Sardinia (Ý), gián điệp Bulgaria lại mưu sát ông

nhưng lại thất bại. Cho đến nay chưa biết lý do vì sao hai vụ này không thành công.

Trưa ngày 7 tháng 9 năm 1978, khi ông Markov đang chờ xe bus để đi làm tại đài BBC, một người đàn ông lạ mặt cầm dù đi tới, cây dù đụng phải đùi ông Markov, rơi xuống vệ đường. Người này nhặt lên, xin lỗi, rồi rời bến xe bus. Buổi chiều, trong lúc làm việc, ông thấy chân mình chỗ bị dù đâm đã sưng lên thành một cái nhọt hơi chảy máu. Ông vén quần cho đồng nghiệp xem và kể lại vụ bị dù đâm chân.

Cựu Tổng Bí Thư đảng CS Bulgaria, ông Todov-Zhivkov, người chủ trương bất cứ giá nào phải bịt miệng ông Georgi Markov.

Buổi tối, ông lên cơn sốt, và vợ ông phải gọi điện thoại nhờ đồng nghiệp chở vào nhà thương. Các bác sĩ chẩn đoán ông bị nhiễm độc trong máu, nhưng mọi chữa trị đều không có hiệu quả. Ngày hôm sau, ông lên cơn sốc, và sau ba ngày quằn quại đau đớn, ông qua đời ngày 11 tháng 9 năm 1978.

Cái chết vì nhiễm độc của ông làm Scotland Yard (cơ quan điều tra an ninh của Anh) nghi ngờ. Họ giải phẫu xác ông. Cắt nhọt nơi đùi ông, bác sĩ pháp y tìm thấy một đầu kim bé tí. Khi họ gắp đầu kim này ra thì một hạt kim loại tí hon rơi từ bên trong đầu kim này xuống mặt bàn mổ.

Hạt này nhỏ bề ngang chỉ 1,7 milimét. Bác sĩ chuyển hạt này đến cơ quan chuyên nghiên cứu về vũ khí sinh và hóa học của Scotland Yard. Dưới kính hiển vi, họ thấy hạt này có khoét, có lẽ bằng laser, hai lỗ nhỏ bề ngang chỉ có 0,34 milimét, có lẽ là nơi chứa độc chất.

Thử nghiệm thêm máu của Markov, các bác sĩ pháp y kết luận rằng ông đã bị nhiễm một độc chất gọi là ricin, một hóa chất rút ra từ hạt cây castor oil, độ độc rất cao và không có thuốc chữa. Ricin độc đến mức chỉ có 0,45 miligram đã giết chết Markov.

Chính kỹ thuật giết người tinh vi này làm cái chết của nhà văn Markov nổi tiếng tại phương Tây. Khá nhiều tiểu thuyết gián điệp đã cho chi tiết "bắn thuốc độc vào đối phương dùng một cây dù" vào truyện. Oái oăm thay, tác giả phim gián điệp "Trên Từng Cây Số" chết một cái chết cũng rất là "truyện gián điệp"!

Sau khi Liên Xô tan rã, và theo sau đó là sự sụp đổ của chính quyền cộng sản Bulgaria năm 1989, phía Nga tiết lộ nhiều bí mật về vụ ám sát nhà văn Markov. Hai sĩ quan KGB, Oleg Gordievsky và Oleg Kalugin, thú nhận KGB có đồng lõa trong vụ này. Hai người này còn cho biết, để tránh mọi khả năng KGB bị dính líu, cây dù thủ phạm đã được mua tại Mỹ.

Tuy nhiên, tại Bulgaria thì nhiều chi tiết vẫn còn bí mật. Hồ sơ vụ này trong cơ quan DS đã bị hủy. Tháng 3 năm 1991, trùm gián điệp Bulgaria Vasil Kotsev bị chết trong một vụ tai nạn xe hơi bí hiểm. Tháng 5 năm 1991 tướng Vladimir Todorov, người đã hủy bỏ hồ sơ, bỏ trốn qua Mát xcơ va, nhưng sau đó trở về vì sợ bị Cộng hòa Nga dẫn độ. Tướng Todorov khai rằng hồ sơ dài 3500 trang nhưng lại không có gì, chỉ có những bài báo cắt ra. Ông này bị tù 1 năm 4 tháng về tội hủy hồ sơ. Một người khác đã dính líu đến vụ Markov là cựu Thứ trưởng Nội vụ tướng Stoyan Savov, tự sát trước khi bị ra tòa năm 1992.

Người bị tình nghi trực tiếp giết ông Markov là một kẻ tội phạm người Ý đã từng bị Bulgaria bắt về tội buôn ma túy, Francesco Guilino. Các cơ quan phản gián phương Tây đã tìm được bằng chứng ông Guilino hoạt động cho tình báo Bulgaria với mật danh "Picadilly". Họ cũng có bằng chứng ông Guilino có mặt tại London trong ngày Markov bị ám sát. Năm 1993, Scotland Yard và an ninh Bulgaria tìm được Guilino tại Đan Mạch và ông Guilino bị gọi lên hỏi cung. Cơ quan phản gián Đan Mạch cũng gọi ông Guilino lên hỏi cung vì bị tình nghi hoạt động gián điệp cho Bulgaria chống Đan Mạch. Hai cuộc hỏi cung không có kết quả, và sau đó ông Guilino đã trốn mất.

Sau khi tổng thống Zhelu Zhelev nhậm chức, ông đã viếng mộ ông Georgi Markov tại Anh và tuyên bố sẽ dùng mọi cách để làm sáng tỏ cái chết của ông Markov. Tổng thống Petar Stoyanov, sau khi đắc cử năm 1997, cũng tuyên bố như vậy, nhưng đến nay vụ án vẫn chưa giải được. Ngay khi chế độ cộng sản Bulgaria sụp đổ năm 1989, những bài phát thanh "Tường trình vắng mặt từ Bulgaria" của nhà văn Georgi Markov đã được in thành sách và trở thành cuốn sách bán chạy nhất nước.

VỀ

TRẦN DOÃN NHO

Cứ mỗi lần gần đến Tết, thì tôi lại nghĩ đến chuyện *về*.

Về, tức là trở lại. Trái nghĩa với đi. Khi nói về, ta phải hiểu là ta đã đi, đã lìa xa một nơi chốn thân yêu nào đó. Khi nói về là nói đến một hạnh phúc, một thú vui, một ước ao. Về, do thế, trở thành một sức lôi kéo mạnh mẽ, đôi khi không cưỡng lại được. Đi, có thể là bất đắc dĩ. Mà về, thường thì không. Chữ về bao giờ cũng gợi nên một cảm giác thân thiết, một cái gì ấm cúng: mạ đi chợ về, tha về (trả tự do), trở về, xuân về, hè về, về làng, về nước, về nhà, về quê. Ít ra là về mặt chữ nghĩa.

Ngày trở về, anh bước lê trên quảng đường đê
đến bên lũy tre
Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè, chào đón
người về (Ngày trở về/ Phạm Duy)

Để mô tả ngày trở về của một người thương binh, Phạm Duy đã sử dụng âm "ê" ở cuối câu, dựa vào chữ về, khiến cho bản nhạc hát lên nghe êm đềm, nao nức. Khung cảnh của một làng quê với lũy tre, với đường đê với vườn rau thân thuộc trong nắng, tất cả hiện ra y như thể để chào đón một người. Cảnh đoàn tụ thật vô cùng cảm động:

Mẹ lần mò, ra trước ao nắm áo người xưa ngỡ
trong giấc mơ
Tiếc rằng ta đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ.

Người lính đã trở về và sung sướng tìm thấy lại những gì thân yêu nhất trong đời mình và an nhiên thụ hưởng cảnh sống êm đềm xưa cũ. Về ở đây là hội ngộ, gặp gỡ, là hàn gắn những vết thương gây ra do hậu quả của thời gian và chia cách.

Cũng là trở về, nhưng cách về của một người tù cải tạo sau 1975 hoàn toàn khác hẳn:

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai...
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ?
Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay. (Ta về/Tô Thùy Yên)

Cái về này thật lạ. Không lũy tre, không có nắng vườn rau, chẳng có bà mẹ nào lần mò ra trước ao để đón. Về mà như đi. Một cái về lạnh lùng, tức tưởi. Về, đơn thuần chỉ là một chuyển động vật lý: trở lại ngôi nhà của mình. Mặc dù khác với anh thương binh, người tù được trả về chốn cũ với thân thể nguyên vẹn, không phải bước lê vì bị thương, nhưng lòng hoang mang thất tán. Mọi thứ hoàn toàn khác xưa:

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ
Giậu nghiêng, cổng đổ, thềm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa... (Ta về)

Thôi thì vậy cũng được. Cũng bình thường. Nhưng cái này mới kinh khiếp:

Ta về như bóng ma hờn tủi
Lục lại thời gian, kiếm chính mình.
Ta nhặt mà thương từng phế liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh (Ta về)

Một trở về mất mát. Một trở về tuyệt vọng. Về, không còn mang ý nghĩa uyên nguyên của nó. Nó giống và khác với cái về của một nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

"Thấy khuôn mặt chàng không có gì khác thường, nàng tiếp:

- Em van anh, cho em được đến đây thăm con. Cho em...

Chàng ngắt lời nàng:

- Chỉ sợ đến lúc nó không chịu gặp cô nữa thôi!

Nàng lịm người vì sợ hãi bất chợt. Lần đầu tiên nàng nghĩ đến cảnh huống đau xót ấy. Tưởng nàng không tin vì quá tự tín, chàng nói dối:

- Vả lại, cần gì cô phải xin. Cô là chủ hộ. Cô muốn làm gì trong nhà này mà chẳng được.

Nàng mím môi lại. Không nói năng, nàng chụp lấy cây bút bi, ký vào phần ý kiến của chủ hộ. Cây bút bi để lâu ngày không ra mực, nàng phải dí đầu bút lên lòng bàn tay nhiều lần. Chữ ký của nàng run rẩy. nét gạch bên dưới không được ngay, trông giống như một chữ ký giả mạo.

Chàng lấy giọng khách sáo:

- Nhờ cô mà tôi được tạm trú trong nhà của mình. Cảm ơn cô.

Phần nàng, nàng trở lại van lơn:

- Em van anh, cho em được ở tạm đây với con cho đến sáng mai. Em ao ước được ôm con ngủ trọn một đêm. Em van anh!

Giọng nàng rạn đi, pha lẫn nước mắt. Chàng cảm động nhưng vẫn cố cứng cỏi:

- Tại sao lại xin tôi? Xin một người tạm trú để được tạm trú? Có ai xin phép một khách qua đường để ngủ tạm trong cái quán trọ?" (truyện ngắn *Ngày về không nắng*, "Xuôi dòng", tập truyện, trang 68)

Tô Thùy Yên trở về thấy mất mình, nhân vật trong truyện trở về thấy mất vợ, mất nhà (tạm trú trong nhà của mình mà vợ - tuy đã bỏ đi lấy chồng khác - là chủ hộ).

Tôi nhớ một chuyện khác thời xưa: chuyện Tô

Tần. Tần là người thời chiến quốc bên Tàu, giỏi biện thuyết, có tham vọng dùng miệng lưỡi của mình để kiếm công danh. Không có tiền, ông xin mẹ già bán gia tài để làm lộ phí đi các nơi du thuyết. Cả nhà ai cũng can ngăn, nói rằng: "Tại sao không chịu cày cấy, buôn bán làm ăn mà chỉ muốn đem mấy tấc lưỡi để kiếm giàu sang, bỏ cái nghiệp đã thành cầu cái lợi chưa được, sau này nghèo túng còn hối sao được?"

Tần không nghe, cứ đi. Và đúng như lời khuyên can, sau nhiều năm tháng đi đây đi đó không được gì, nghèo đói phải trở về nhà. Thấy vậy, mẹ già mắng nhiếc, vợ đang dệt cửi ngồi yên, không thèm nhìn cũng chẳng thèm chạy ra chào hỏi. Đói quá, Tần xin chị dâu cho ăn cơm, chị dâu không cho. Tần chảy nước mắt tự trách mình. Đó là cái về của một người thất bại.

Nhưng Tần không chịu. Lại ra đi. Và lần này thành công lớn. Khi về, có võng lọng, có lính hầu, tiền rừng bạc bể. Mẹ già chống gậy ra đường xem. Chị dâu và vợ hổ thẹn không dám nhìn lên, phủ phục ở ngoài ngõ đón. Tần ngậm ngùi than: "Tình đời xem ấm lạnh, giá người thành thấp cao."

Hai lần về, hai khung cảnh, hai tình cảm, hai vở kịch. Thì thế. Và phải như thế. Nếu không như thế thì thành chuyện thần tiên mất rồi. Thời nào cũng có những Tô Tần, tuy mức độ có khác nhau. Giá của một Việt kiều trở về tất cao hơn nhiều so với giá của một người tù trở về. Hàng năm, Tết đến là có hàng trăm ngàn Việt kiều về lại quê hương. Trở về theo kiểu "vinh quy bái tổ," "áo gấm về làng." Nói tất cả thì không hẳn đúng. Nhưng đa số đều về với tâm thức của những người "được" chứ không phải là của những người "mất." Họ không trở về để "lục lại thời gian kiếm chính mình" như Tô Thùy Yên, cũng không như người thương binh của Phạm Duy muốn trở về với đời sống bình dị. Mà về với tâm thế của một Tô Tần thành đạt. Dù rằng để được như thế, họ phải đánh đổi bằng cách cật lực làm ngày làm đêm, làm ca hai, ca ba, làm *overtime*, làm 2, 3 *job*. "Về", đôi khi, là một gánh nặng. Bổn phận, danh dự, thể diện vân vân. Có lẽ vì thế mà có người không dám về. Hay chưa thể về. Tôi có một người bạn qua đây từ tháng 4/1975. Cho đến giờ này, anh chưa về lại Việt Nam lần nào. Vì sợ Cộng Sản? Không. Vì không có tiền, anh cho biết. Tại sao lại không có tiền, anh qua đây đến gần 30 năm mà? Đúng ra là không đủ tiền. Vậy thì bao nhiêu mới đủ? Anh ngần ngừ một lát rồi trả lời: "Tôi cũng chẳng biết bao nhiêu thì đủ. Nào phải xây lăng, đắp mộ bên nội rồi bên ngoại, xây nhà từ đường rồi biếu tiền cho ông chú, bà dì, bà o, rồi em út cháu chắt, rồi bà con xa bà con gần rồi bạn bè, đàn em cũ. Rồi du hí, chơi bời, vân vân và vân vân. Chẳng lẽ đi Mỹ mấy chục năm trở về để bị mang tiếng keo kiệt." Đại loại anh lý luận như vậy. Rốt cuộc, loay hoay mãi, hết hẹn năm này về rồi sang năm, chưa bao giờ anh "về" được.

Tôi chẳng dám khuyên gì anh bạn. Vì từ ngày sang đây, tôi cũng chưa có dịp về. Tiền là một lẽ. Sợ hãi vu vơ là một lẽ khác. Nhưng lý do chính là tôi biết tôi chẳng tìm thấy gì vui trong việc về. Tôi đã từng kinh qua việc "về nhà" từ trại cải tạo độ nào. Được ra khỏi nhà tù thì mừng, tất nhiên. Nhưng về nhà rồi chẳng thấy gì vui. Gia đình tôi còn nguyên vẹn, không trở thành bi kịch như nhân vật trong truyện của Nguyễn Mộng Giác ở trên. Nhưng không khác mấy với "ta về" của Tô Thùy Yên. Cảnh còn đó, người còn đây, nhưng mọi tương quan đã khác. Phải tập làm quen với mọi thứ, kể cả với người thân trong nhà. Một anh bạn tôi, ra đi từ tháng 4/1975. Sau gần hai chục năm, anh trở về với tâm trạng hăm hở muốn tìm lại những kỷ niệm cũ. Anh đi thăm nơi này nơi nọ, những chỗ đã từng ghi dấu những ngày vui xưa của anh. Những tưởng sẽ tìm lại nguyên vẹn những gì xưa cũ. Nhưng tất cả đã mất, mất hẳn. Anh không tìm thấy gì hết ngoài một cảm giác lạ hoắc y như thể anh tới một nơi xa lạ. Cảnh, người và anh đều lạ lẫn nhau. Thế rồi cuối cùng, anh ngong ngóng ngày về lại Mỹ, nơi mà trước đây khi ra đi với tâm trạng của một kẻ bị lưu đày. "Về" Mỹ! Về Mỹ, chứ không "đi" Mỹ. Và cảm giác "về" Việt Nam trở thành "đi" Việt Nam.

Có lẽ cũng chẳng phải một mình anh bạn có cảm giác như vậy. Nhiều người "về" Việt Nam rồi "về" lại Mỹ. Không về Mỹ sao được? Con đó, cháu đó, công ăn việc làm ở đó, tương lai ở đó, tiền hưu bổng ở đó. Đi, đâm ra cũng là về. Và về, đâm ra cũng là đi. Viết đến đây, tôi nhớ một câu chuyển kể của thầy Nhất Hạnh. Có hai vợ chồng nọ lấy nhau vì tình. Như mọi cặp vợ chồng khác, lúc đầu họ sống rất hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian, người vợ mất hết vẻ tươi mát và người chồng mất hết sự dịu dàng và ngọt ngào. Họ phải sống với nhau như một điều bắt buộc. Vì sợ tai tiếng. Vì sợ làm hai gia đình buồn... Ông chồng chẳng cảm thấy hứng thú gì khi về nhà thấy mặt vợ. Và ngược lại, bà vợ cũng chẳng thấy vui vẻ gì khi đợi chồng về. Hai người bắt đầu đi tìm niềm vui riêng. Bà dành nhiều thì giờ lo việc chùa chiền. Còn ông thì lấy cớ cần phải học thêm về ngành chuyên môn nên hết giờ làm nấn ná tìm cách ở lại sở. Tóm lại, chẳng ai muốn về nhà. Hai chữ "về nhà" thân thương mất hết ý nghĩa. Nhà vốn được hiểu như là một "tổ ấm," bây giờ là "tổ lạnh." Về nhà thành ra "đi" nhà.

Hay nói theo cách diễn đạt của Albert Camus, thì quê nhà (le royaume) (*) trở thành chốn lưu đày (l' exile). Truyện ngắn "La femme adultère" (trong tập truyện L'Exil et le Royaume) mô tả tâm

trạng phức tạp của một người đàn bà tên là Janine. Janine theo chồng đi bán hàng ở một thành phố Á Rập nằm trong sa mạc. Nhìn thấy sa mạc lần đầu, nàng bị cuốn hút ngay vào cái lạ lùng, hoang vắng và yên lặng của nó. *"Bên trên sa mạc, sự yên lặng mênh mông như không gian."* Nàng cảm thấy như đó là một vương quốc mơ ước vĩnh cửu của nàng. Đêm đó, trong phòng khách sạn, nằm bên người chồng đang say sưa ngủ, nàng ray rứt xót xa. Bao nhiêu năm sống với người đàn ông gọi là chồng dường như chẳng có mấy ý nghĩa. Nàng đi theo chồng, Marcel, giản dị chỉ *"để làm vui lòng người đã cần nàng. Niềm vui duy nhất mà anh ta cho nàng là sự nhận biết nàng là cần thiết. Có lẽ anh ta chẳng hề yêu nàng"* (...) *Hai người làm tình với nhau chỉ bằng cảm giác trong bóng tối, chẳng hề nhìn thấy mặt nhau* (...). *"Nàng biết rằng Marcel cần nàng và nàng thì nàng cần cái cần đó của anh ta."* Tim nàng như thắt lại khi khám phá ra rằng nàng đã kéo lê đời sống như thế trong cả hai mươi năm trời. Nàng cảm thấy như mình bị lưu đày. Và bỗng nhiên nàng muốn được giải thoát. Ý nghĩ đó khiến nàng ngồi bật dậy, mặc áo quần, lặng lẽ trốn chồng đi ra ngoài. Trong bóng đêm, bất chấp gió lạnh, bất chấp nỗi sợ hãi, bất chấp tất cả, nàng chạy như điên như cuồng về phía sa mạc. Đến một cái pháo đài bỏ hoang, nàng leo lên đứng dựa vào góc tường, đắm đuối nhìn vào sa mạc - vương quốc yêu dấu của nàng. Nàng tự do thưởng thức cái yên lặng, cái mênh mông và đủ thứ ảo tượng thực trộn cùng hư dấy lên từ trời từ đất và từ cõi lòng nàng. Nhưng rốt cuộc, nàng phải trở về. Và rồi nàng khóc, khóc nức nở. *"Không có gì đâu, anh yêu. Không có gì đâu,"* Janine nói với chồng. (Trích đoạn lấy từ "The Adulterous Woman," *Exile and the Kingdom*, Albert Camus, bản tiếng Anh của Justin O'Brien, Random House, NY, Hoa Kỳ, 1991)

Trong ý niệm của Camus, lưu đày và quê nhà không phải là không gian vật lý của một nơi chốn nào hết, mà là tâm thức con người. "Nhà" hay "không nhà" là tâm giới chứ không là cảnh giới. Trong cuộc sống, không thiếu người xem "nhà" là nơi tù ngục, tù không có án, là nơi để người ta "giết đời nhau." Nhưng có lúc, chỗ lưu đày lại được xem là nhà. Nhớ khi còn ở tù, mỗi lần xuất trại đi ra ngoài lao động, lòng cứ ngong ngóng "về" láng. Về cái chỗ nằm chật hẹp vừa đủ để đặt lưng của mình, về trong một không gian hạn hẹp, bị canh phòng, giám sát đêm ngày. Cũng là "về" vậy. Điều mỉa mai là, trong hoàn cảnh tù đày, chỗ nằm đâm ra trở thành "tổ ấm."

Vậy, đâu là đi, đâu là về? Thật khó nói một lần cho xong.

Đẩy ý niệm đi và về xa hơn, thì ta đụng với khái niệm về cõi trần hay cõi thế, trần gian, cõi tục lụy, cõi ta bà. Đụng với hình ảnh mà Trịnh Công Sơn cho là "tin buồn." *Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người.* Trần gian trở thành nơi tạm bợ, là một chỗ đi:

Tôi nay ở trọ trần gian
Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời (Ở trọ)

Mà trần gian chẳng có gì vui, nên anh kêu gọi:

Thôi về đi, đường trần đâu có gì
Tóc xanh mấy mùa
Có nhiều khi, từ vườn khuya bước về
Bàn chân ai rất nhẹ, tưởng hồn những năm xưa (Phôi pha)

Ít có nhạc sĩ (và cả thi sĩ) nào đề cập đến chuyện đi và về nhiều như Trịnh Công Sơn. Nhạc của anh, rốt cuộc, có thể tóm gọn trong hai chữ "đi" và "về." Ra đời là "đi" và chết là "về." Anh cho ta thêm một hình ảnh mới tượng trưng cho cuộc đời: *một cõi đi về.*

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về (Một cõi đi về)

Cũng trong cõi đó, Du Tử Lê diễn đạt một cách khác:

Đi và về cùng một nghĩa như nhau

Người đông phương định nghĩa: Sinh ký tử quy. Sống gửi thác về.

Gửi! Đi hay về cũng chỉ là gửi, tạm gửi (hay gửi tạm). Thầy Nhất Hạnh dùng chữ "gửi" trong một ví von khá độc đáo:

Tôi gửi tôi nơi đất
Đất gửi đất nơi tôi

Tôi mạn phép quãng diễn ra một cách khác: Tôi gửi tôi nơi Mỹ, Mỹ gửi Mỹ nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi em, em gửi em nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi đời, đời gửi đời nơi tôi...

Đất gửi đất nơi tôi = hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi.

Tôi gửi tôi nơi đất = để một mai tôi về làm cát bụi / đất ôm anh đi về cội nguồn

Thực ra, ví von trên của thầy Nhất Hạnh được đẩy xa hơn, thâm trầm hơn:

Tôi gửi tôi nơi Bụt
Bụt gửi Bụt nơi tôi.

Đất và tôi, Bụt và tôi, đi và về, sống và chết, Mỹ và Việt Nam, ... và...và... *Còn biết nơi nao là chốn quê nhà.* (TCS)

(12/2002)

(*) "L'Exil et le Royaume" (Lưu đày và quê nhà) của Albert Camus. Tôi dùng lại chữ "quê nhà" mà một dịch giả (tôi quên tên) trước 1975 ở miền Nam đã dịch thoát từ tiếng Pháp "royaume" (vương quốc). Bản dịch tiếng Anh của Justin O'Brien là "Exile and the Kingdom."

BÀ MẸ NUÔI CỦA PHÙNG QUÁN

XUÂN ĐÀI

Bà Mùi không ngạc nhiên khi nhận được giấy triệu tập của công an xã Quảng An. Bà biết tỏng là chuyện liên quan đến người con nuôi sinh sống với bà đã hơn tháng nay. Đứng ngay giữa trụ sở uỷ ban xã, bà lão điềm tĩnh nói với những nhân viên đang ngồi rải rác sau các bàn làm việc:

- Chú nào là trưởng công an xã đứng dậy gặp tôi. Tôi là Nguyễn Thị Mùi, cư ngụ xóm Nghi Tàm, mẹ liệt sĩ thời chống Pháp đây!

Những người đang ngồi ở các bàn việc đều đứng cả dậy, ngơ ngác nhìn bà. Một anh vừa rít xong điếu thuốc lào, vội vàng bước lại, nắm lấy tay bà xởi lởi nói: "Bà là bà Trưởng Giơi, cả làng này ai còn lạ gì hoàn cảnh của bà, tính tình bà, mà bà phải to tiếng giới thiệu. Giấy triệu tập đâu bà đưa cho con. Con là trưởng công an xã, bà không biết con, chứ con thì rành bà lắm."

Thực ra, bà Mùi không lạ gì anh công an vẫn đến thậm thà thậm thụt với đứa cháu gái bà làm công an xóm, nhưng bà cứ tỉnh bơ, coi như không quen biết, đó là cách ứng xử của các bà lão quen buôn bán từ nhỏ ở ngoài chợ khi cần đối mặt ăn thua đủ với "đối phương." Bà hắng giọng: "Tôi suốt ngày chường mặt ngồi trên bờ đê bán thuốc lá lẻ cho người lớn, bán kẹo gừng, kẹo lạc, ngô rang... cho trẻ con. Anh là con nít mới lớn, chắc đã từng ăn quà vặt ở hàng tôi, không khéo còn nợ tiền bà lão này cũng nên."

Anh công an cũng không lạ gì cách nói dân dã của người quê mình, nhất là những người nửa quê, nửa tỉnh như bà Trưởng Giơi. Với các bà, các cụ, khôn nhất là biết đối đáp nhẹ nhàng nhưng cũng phải thưa chuyện rành mạch, nếu cần phải biết nói như quát để họ không lấn lướt, khinh rẻ mình. Anh nhẹ nhàng kéo ghế mời bà ngồi:

- Con năm nay cũng gần bốn mươi rồi, chỉ thua anh Trưởng nhà bà bốn năm tuổi là cùng, lúc nhỏ con với anh Trưởng là bạn đánh bi ve, câu cá trộm, đá bóng... quần nát các vườn tược làng mình đấy bà ạ! Thời trẻ con, con chẳng bao giờ mua quà của bà vì quà bà bán toàn bọc bụi với cát bờ đê Yên Phụ. Ăn vào kinh lắm, có đứa ăn quà của bà mà... ho lao đấy!

- Tôi nghèo nên mới phải bày mẹt trên bờ đê, chứ giàu có như cha mẹ các anh, các chị, mới có tiền mua sạp trong chợ, nắng mưa không đến mặt, sướng một đời. Sướng ai chẳng muốn, nghèo thì phải biết phận mình. Đứa nào ăn quà của tôi rồi mắc bệnh lao anh chỉ mặt cho biết. Đừng có mà ăn nói hồ đồ.

- Thôi bà ơi, con không đấu khẩu lại bà đâu. Con vẫn nhớ hai câu ca dao bà thường đọc: "Đi buôn từ thuở mười hai, trên đời em chẳng yêu ai hơn tiền."

- Ấy là thuận mồm tôi đọc vậy, chứ tôi không phải là hạng người coi tiền bạc hơn tình nghĩa như quan lại thời xưa với lại cán bộ thời nay... ở cái làng này đâu. Thời nào cũng thế, quan nha các loại đều ham tiền, hám gái.

Anh công an biết nếu cứ bị cuốn hút vào cuộc đối đáp với bà, từ chỗ chửi xéo, bà không ngại gì mà không chuyển sang chửi vỗ vào mặt. Bà dám lấy những chuyện dân làng đồn đại về tham ô, trai gái của các nhân viên ủy ban ra mà tế! Anh liền nghiêm mặt, nói thẳng vào vấn đề bằng câu hỏi:

- Bà có biết hôm nay ủy ban mời bà lên có việc gì không?

Bà Trưởng Giơi đứng lên, đủng đỉnh đi ra cửa nhổ toẹt miếng trầu đương nhai, rồi ngồi thụp xuống lấy gấu quần lau vội quết trầu dính hai bên mép. Đứng lên quay vào, vừa đi vừa nói, dằn giọng từng tiếng một:

- Tôi làm sao biết được công an xã gọi lên về việc gì. Việc thì không biết, chỉ biết sợ. Nói cho cùng, con dân xã này, ai mà dám lờn mặt với ủy ban. Có việc gì anh cứ huych tẹt ra, không việc gì phải ỡm ờ.

- Gớm, có gì đâu mà bà nặng lời thế. Con xin nói lý do triệu tập bà hôm nay. Bà có biết anh con nuôi của bà là hạng người nào không?

Bà Mùi đốp chát ngay:

- Anh đừng có xách mé, gọi người ta là hạng này hạng nọ. Anh ấy là bộ đội cụ Hồ, đánh Đông, dẹp Bắc quần nhau với cả Tây ở Điện Biên Phủ cơ đấy!

- Ngày xưa anh ấy là bộ đội, chúng con biết, nhưng bây giờ anh ta là phần tử phản động chống Đảng chính phủ.

- Anh nói lạ nhẩy, phản động người ta bắt bỏ

tù Hỏa Lò, chứ ai cho nhởn nhơ như vậy. Anh có bỏ thói "vu oan giá họa, gắp lửa bỏ tay người" thì bảo.

Anh công an trừng mắt:

- Đây là trụ sở ủy ban chứ không phải ngoài đường ngoài chợ để bà nói năng lăng loàn. Con nói cho bà biết, nó là thằng phản động chưa đến mức phải cho đi tù, vì là bộ đội phục viên nên Đảng chính phủ khoan hồng, bà không biết ngọn nguồn về nó, mới rước nó về làm con nuôi. Bà là mẹ liệt sĩ, chính quyền phải có trách nhiệm với gia đình mới gọi bà lên thông báo cho mà biết. Bà ngồi im để con nói bà nghe, nghe xong đầu đuôi, thích cãi, bà hẵng cãi, không ai cấm bà.

Anh công an xã sực nhớ đến câu của ông tuyên huấn thành ủy dạy hôm nọ liền nhắc lại: "Không ai cấm bà tự do ngôn luận, tự do tư tưởng. Nước ta là nước dân chủ. Bà là công dân nước này, bà có quyền tất cả. Nhưng trước hết bà phải tôn trọng người cai quản việc xóm việc làng, việc dân việc nước đã! Chính phủ lo công việc cho toàn dân, chúng tôi ở cấp xã thì lo đời sống cho dân xã, nhất là đời sống chính trị. Chúng tôi biết bà sai mười mươi, không nói cho bà biết để sửa chữa, ngày bà càng sai hơn. Cái sai loang nhanh như dầu hỏa vương vãi trên giấy trắng, bà biết chứ!"

Bà Mùi không quen lý luận dông dài. Bà là người của đường phố, chỉ quen ăn tạp nói ngay, liền cắt ngang lời anh công an.

- Dưng mà anh con nuôi của tôi làm phản động như thế nào mới được chứ? Nếu là phản động thật, ngay tối nay tôi đuổi ra khỏi nhà, không chịu đi, tôi cầm hai cẳng quẳng xuống Hồ Tây cho cá nó rỉa. Già thì già nhưng lão còn khỏe lắm.

- Bà cứ bình tĩnh, tôi nói bà nghe đầu đuôi xuôi ngược: Anh ta là thằng Phùng Quán, tụ tập với một số thằng nhà văn nữa ra báo tuyên truyền chống Đảng chính phủ. Tờ báo đó có tên là "Nhân văn Giai phẩm" và "Mùa xuân mùa thu... giai nhân gì đó" (anh công an xã không nhớ nổi tên tạp chí "Giai phẩm mùa Xuân", Giai phẩm mùa Thu").

Bà Mùi vẫn lớn tiếng:

- Thế cái thằng con nuôi tôi nó viết cái gì anh đọc cho tôi nghe, để tôi thấy nó phản động đến cỡ nào, tôi còn biết đường xử với nó, tội nặng xử nặng, tội nhẹ xử nhẹ. Tờ báo nhân nhân... gì đó anh vừa nói, anh đưa cho tôi xin một tờ, hai ba tờ càng tốt.

- Bà đừng có hoạnh họe, tôi đâu có biết anh ta viết gì. Cấp trên phổ biến anh ta là phản động chẳng lẽ là sai, tôi phổ biến cho bà để bà biết mà cảnh giác, không thì làm phúc phải tội. Còn tờ báo của bọn phản động đã tịch thu hết rồi giao cho ông thần hỏa xử lý. Bà đừng lòe tôi mang báo về đọc. Cả làng này từ đứa trẻ đến người già, ai mà không biết bà mù chữ! Gớm, lại còn hách xì nhằng xin báo mang về nhà đọc!

- Tôi mù chữ là tại đế quốc phong kiến, anh không căm thù đế quốc sài lang mà lại còn to mồm xỉ vả tôi. Tôi sẽ lên huyện trình ông chủ tịch để ông ấy xử anh. Tôi không đọc được báo đã có con cháu nó đọc cho nghe. Tính tôi cái gì cũng phải "bắt tận tay xoay tận mặt" chứ không quen thói hồ đồ, cả tin.

- Bà đừng có già mồm. Đưa ông huyện, ông tỉnh dọa tôi. Nói thật, cả làng này ai cũng biết thơ ca hò vè của bà cũng rất chi là chống đối chế độ - anh công an trừng mắt trấn áp bà lão – Tôi đọc bốn câu lục bát này bà lắng nghe nhá:

Việt Nam dân chủ cộng hòa
Quần áo bán trước cửa nhà bán sau
Có ăn cơm thì xin ăn rau
Đừng có ăn thịt mà đau dạ dày
Có phải bốn câu của bà không?

- Ừ, của tôi chứ còn của ai vào đó. Đây không thèm chối nhá!

Rồi bà Mùi thút thít, chậm rãi kể lể rời rạc từng tiếng một: "Giời ơi, khổ cho cái thân tôi, có mụn con trai độc nhất thì nó chết trận chết mạc để cho thân tôi long đong lận đận, ngần này tuổi đầu còn phải ngồi đầu đường đầu chợ bán quà vặt dỗ trẻ con kiếm miếng ăn."

Đang khóc sụt sịt, bà bỗng rống lên:

"Con ơi là con ơi, con bỏ mẹ con đi, mẹ ốm đau, trái nắng giở giời không ai chăm sóc như nhà các ông, các bà ủy ban con đàn cháu đống vừa hắt hơi sổ mũi đã có người chạy đi mua thuốc, đưa đi bệnh viện. Mẹ đói mẹ nghèo không nơi nương tựa, phải cắt bớt vườn tược bán tống bán tháo, mẹ còn đau ruột đau gan khi phải xách quần, xách áo cũ của mẹ của con, đem ra chợ trời bán rẻ như cho để lấy tiền đong gạo. Con ơi là con ơi, bán thứ gì thì bán chớ bộ quần áo kaki với cái mũ calô vệ quốc đoàn của con thì mẹ không bao giờ bán. Thấy thằng Quán hiền lành, siêng năng lại là bộ đội phục viên, nó thua con bốn tuổi, nó nhận con là anh, hôm giỗ con vừa rồi không có nó thì mẹ không biết xoay sở ra làm sao! Ới con ơi là con ơi! Thằng nó nhận mẹ là mẹ nuôi chỉ ở đậu chứ không ăn nhờ, nó cũng có sổ gạo, tem phiếu đầy đủ mà lại là tiêu chuẩn cán bộ như ai, thế mà hôm nay công an lại bắt mẹ đuổi nó đi, làm điều ác nhân ác đức. Đến nước này mai mốt mẹ phải bán nhà, bị gậy lên phố ăn mày. Ôi, trời cao đất dày, con ơi là con ơi! Sao con bỏ mẹ con

đi để bây giờ người ta lộng quyền hành hạ mẹ, con ơi!"

Anh công an xô ghế đứng lên bước vội về phía góc nhà nơi có cái điếu cày. Mấy ông mấy bà ủy ban cũng đứng dậy ngán ngẫm bước ra ngoài thở hít khí trời. Bà Mùi bỗng im bặt. Khóc và kể lể mà không ai thèm nghe thì khóc làm gì cho phí nước mắt, khan họng.

Lúc sau xem chừng bà Trưởng Giơi đã nguôi, không kể lể con cà con kê nữa, thôi lấy nước mắt và người con liệt sĩ ra làm "vũ khí", anh công an quay vào:

- Ừ thì túng thiếu bà phải bán vườn tược, quần áo. Cứ cho điều ấy là có thật đi. Mai mốt bà lại bán nhà, ừ, cứ cho là như vậy, không sao cả. Vậy căn cớ gì trong thơ bà lại vận "Việt Nam dân chủ cộng hòa" vào?

Bà Mùi tỉnh bơ:

- Là cho nó có vần "Nhà" thì phải "Hòa" cho có vần có điệu.

- Có vần có điệu, hay là giọng điệu phản động, đúng là mẹ nào con nấy.

- Anh đừng xưng xưng vụ vụ. Thằng Quán mới về nhà tôi hơn tháng nơi, mấy câu lục bát, lục nổi đó tôi nói từ đời tám hoánh.

*

Bà Mùi kể lại chuyện diễn ra trên ủy ban cho Phùng Quán nghe. Quán hỏi bà:

- Người ta có hỏi mẹ về chuyện trình báo hộ khẩu không?

- Người ta hỏi làm gì, họ biết tỏng ra rồi là nhà mình có trình báo đầy đủ. Trước khi người ta gọi mẹ lên ủy ban, họ đã đi hỏi xóm hỏi làng, dò la từ đứa trẻ con. Việc gì người ta cũng biết rõ mười mươi đầu cua tai nheo cả đấy.

- Thế người ta có hỏi gì về nhà con thứ bảy chủ nhật về đây chơi với mẹ con mình không. Con nghĩ từ nay vợ con ở lại tối thứ bảy ta cũng nên trình báo, mẹ ạ!

- Anh chẳng phải cẩn thận đến mức đó, vợ chồng ăn ở với nhau là lẽ thường tình. Ngủ có một tối, ở có một ngày, không việc gì phải bẩm báo cả. Vợ anh là cô giáo cấp ba chứ có phải hạng đầu đường xó chợ đâu. Làng này là làng "tôn sư trọng đạo," anh cứ cứ tin ở tôi. Ấy là tôi nói vậy, còn anh muốn trình báo thì tùy...

Phùng Quán ngồi thừ ra. Ngẫm thân phận mình, thân phận bè bạn, thân phận nhân dân... sao mà cay đắng quá.

- Con nghĩ không việc gì mà mẹ phải làm ầm lên, nước mắt ngắn, nước mắt dài với cán bộ ủy ban.

Cụ Trưởng Giơi chặc lưỡi:

- Tôi phải bù lu bù loa lâu như thế cho họ kiềng cái mặt tôi ra. Tôi già rồi, thân cô thế cô, không làm vậy để cho chúng nó bắt nạt à. Bắt nạt một lần, được thể chúng nó lấn tới bắt nạt liền tù tì là mình thua. Hôm trước ngồi trong bếp nấu cơm, nghe lỏm anh đọc cái truyện gì ấy cho vợ anh nghe. Tôi cũng thích cái đoạn thằng bé người quê anh, mới mười ba mười bốn tuổi mà khôn đáo để. Cái thằng bé hoạt động trong đội thiếu niên gì đó, bị Tây bắt bỏ tù, tra tấn. Tây đánh một nó la mười. Tây đánh mười nó la trăm. Tây vừa vung roi chưa kịp đánh, nó đã la làng. Tôi thích cái câu văn của anh "người ta mạnh đòn, mình phải mạnh miệng." Ấy đấy, thằng bé ấy nó cũng giống tính tôi đấy. Hay là tính tôi giống tính nó cũng được. Mình ít chữ thì phải mạnh miệng cho chúng nó kệch mình ra.

Phùng Quán suýt phì cười:

- Đó là chuyện giữa Tây với ta, chứ ủy ban là ta, mẹ là ta, việc gì phải làm như thế!

Bà Trưởng Giơi cả cười:

- Đúng anh là cái ngữ suốt ngày ru rú ở nhà, *công danh hai chữ lờ đờ, bế con cho vợ để nhờ*

NGUYỄN MINH ĐỨC

NHỚ NHUNG

sương lạnh mờ trôi giặng mắt cay
hơi sương lướt thướt sầu bay bay
gió tạt sương cài lên tóc rối
người đi rồi lạnh thấm đêm nay

người đi rồi trăng có còn khắc khoải
tình đi rồi cay đắng mãi men say
em đi rồi thương năm tháng cũ
nhớ nhung
mòn mỏi sợi mây bay

miếng ăn nên chẳng biết cái gì sất. Anh cứ ra chợ mà xem mấy bà bán hàng rong đối chọi với mấy ông quản lý thị trường. Quản lý thị trường vừa mới đặt nhẹ tay vào đôi quang gánh là các bà ấy giật ra ngay, xông tới xô cho quản lý thị trường ngã dúi ngã dụi. Thế là anh quản lý thị trường đứng dậy phủi bụi, lầu bầu mấy câu rồi cắp đít bỏ đi. Bà hàng rong nào mà dại dột thưa bẩm tử tế là nó rút sổ ra ghi biên lai phạt liền. Anh thấy chưa, ra với đời là phải biết làm bà chằng, nặc nô, chứ hiền lành chỉ có thiệt. Ấy là tôi nói vậy. Khôn ngoan đối đáp người ngoài. Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Nói đến đó bà cụ xách rổ rau đi ra hồ Tây. Phùng Quán quá rành rẽ tính nết của cụ, nói chuyện bao giờ cũng.phải vận lục bát. Có khi lục bát mở đầu câu chuyện. Nói dăm ba câu phải trái lại vận dụng ca dao hò vè. Kết thúc câu chuyện bao giờ cũng bằng câu lục bát răn dạy việc đời. Cấm có câu nào cụ nói trật... chủ đề.

Mỗi lần có bè bạn đến chơi, Quán thường đưa quyển sổ ghi chép ra đọc cho nghe những câu vè, những câu nói lối, những câu ca dao... mà mẹ nuôi của anh hay đưa ra vận dụng vào các.câu chuyện, thường là rất đúng chỗ, rất hợp cảnh, hợp người của diễn biến sự việc. Phùng Quán bảo: mẹ nuôi của tao là nhà sưu tập, nhà sáng tác vĩ đại, một đại diện cho các tác giả văn học dân gian Việt Nam. Mà đúng, cụ Trưởng Giơi thường nhặt những câu tục ngữ, ca dao ở ngoài chợ, ngoài đường. Nhặt để chơi, để nhớ, để vận dụng vào các câu chuyện giữa bà con lối xóm, giữa bà con họ hàng, giữa hai mẹ con với nhau. Ai thích thì thuộc, chứ trong thâm tâm cụ không có ý phổ biến những câu này. Phần lớn những câu đó là do cụ sáng tác tức thì, cụ vận không bao giờ trật.

Như hôm nọ, anh chàng Xuân Lê đến chơi. Cụ biết anh ta vừa vợ đi ngoại tình, vui chuyện, cụ trao đổi dăm câu điều hơn lẽ thiệt, khuyên bảo chàng Lê đừng buồn vì cái sự đời diễn ra như thế. Kết thúc câu chuyện cụ đọc ngay: *Khi xưa ngọc ở tay ta/ Vì ta chểnh mảng ngọc sa tay người/ Ai ơi được ngọc chớ cười/ Ta nuôi không tốt để người khác nuôi.* Xuân Lê bảo với Phùng Quán: "Nhà này có hai nhà thơ, nhà thơ quốc doanh là cậu, nhà thơ dân gian là cụ, quốc doanh nhất định thua dân gian. Cái gì văn học thành văn tránh né, không dám đả động đến thì dân gian làm ngay: *Mỗi người làm việc bằng hai/Để cho chủ nhiệm mua đài mua xe/ Mỗi người làm việc bằng ba/Để cho chủ nhiệm xây nhà xây sân.* Hay là: *Thanh tra, thanh lý, thanh gì/ Cứ có phong bì là nó thanh kiu.*

Xuân Lê nói là nói cho vui, cứ đọc kỹ những sáng tác của Phùng Quán, từ tác phẩm đầu tay "Vượt Côn Đảo," "Cuộc đời một đôi dép cao su"... ít nhiều le lói chất dân gian trong văn học thành văn, cho đến tác phẩm ở tuổi ba mươi như "Nước ta có một người mù" (nhà xuất bản Thanh niên định in nhưng khi phát hiện tác giả là Phùng Quán chứ không phải như tên ký ngoài bìa nên đình chỉ). Sau khi Phùng Quán được giải tỏa, lấy lại cái tên cúng cơm của mình thì nhà xuất bản cho biết đã làm thất lạc bản thảo, quyển này dày hơn năm trăm trang. Cho đến "Dũng sĩ chép còm" và "Tuổi thơ dữ dội" thì chất dân gian được Phùng Quán khai thác tài tình, tỉ mỉ nhất. Cuốn sách về đội thiếu niên trinh sát thành phố Huế năm 1946 trở thành một cuốn sách không thể thiếu trong mọi gia đình. Trong bộ tiểu thuyết ba tập dày hơn một nghìn trang, Phùng Quán đã cặm cụi, cân nhắc từng chữ, từng dòng trong ngôi lều giữa đảo Nghi Tàm lồng lộng gió hồ Tây. Tôi nghĩ, những ngày tuổi nhỏ chăn trâu cắt cỏ ở vùng quê Thừa Thiên, những ngày lang bạt kỳ hồ khắp miền Bắc, chất dân gian đã thấm vào máu thịt anh, lại được bà mẹ nuôi tiếp sức, vun đắp làm cho những trang văn xuôi của Phùng Quán thấm đẫm chất trữ tình, dân dã...

Hơn một lần, bên chén rượu, thường là trải chiếu bày ra dưới đất, Quán tâm sự:

- Các cậu thấy đấy, tớ chưa viết được trang nào về lối sống của người giàu, cũng như tình yêu nảy nở trong các cặp trai gái con nhà quý phái. Tớ không có vốn sống về cái này, lắm lúc muốn viết đành chịu thua.Thôi thì cái gì mình biết mình hẵng viết, may ra các cậu đọc còn cho là được. Cuộc sống trong trang sách của tớ là cuộc sống của những người cùng khổ, tình yêu nam nữ cũng là tình yêu của tầng lớp họ, nho nhoe viết về tầng lớp trí thức là tớ thất bại liền!

Sau ngày Phùng Quán qua đời, 22 tháng 1 năm 1995, bạn bè, đồng chí viết về Phùng Quán khá nhiều, các bài viết đăng ở hầu hết các báo Trung ương, địa phương, trong Nam, ngoài Bắc, cộng lại chắc không dưới một nghìn trang. Tất cả những dòng viết tràn đầy lòng cảm phục tài năng, nhân cách của Phùng Quán, tràn đầy niềm thương cảm một đời văn, một đời thơ và một đời vật lộn với miếng cơm manh áo. Tuy nhiên, một ngàn trang sách vẫn không vượt qua được sáu chữ của nhân dân khắc họa chân dung anh: cá trộm, rượu chịu, văn chui! Và hai câu lục bát tổng kết về sự nghiệp văn chương của anh rất hóm của bà mẹ nuôi xóm Nghi Tàm:

Công danh hai chữ lờ đờ
Bế con cho vợ để nhờ miếng ăn!

Trích "Ký Sự Phùng Quán"

NHỮNG NGÀY ĐẦU NĂM QUÝ MÙI TRÊN ĐẤT KOSOVO

XUÂN QUANG

Tết với mỗi người Việt Nam vẫn rất thiêng liêng, ngày Tết ai cũng muốn được ở bên người thân và gia đình. Nhưng đã nhận nhiệm vụ của cơ quan thì đành phải xách vali lên đường... Thế là tôi đã đón Giao thừa trên không trung, trên đường bay tới Kosovo, một xứ sở nhỏ bé ở Nam Trung Âu mà cách đây vài năm đã từng là điểm thu hút sự chú ý của dư luận thế giới.

Chiếc máy bay SWISS của hàng không Thụy Sĩ phải bay vòng trên phi trường Pristina, phi trường duy nhất của Kosovo, suốt hơn một tiếng đồng hồ do phi trường này bị đóng cửa vì bão tuyết. Những người phụ trách không phận và phi trường Pristina thuộc lực lượng quân sự Ý trực thuộc phái đoàn quân sự LHQ tại Kosovo còn gọi là KFOR (Kosovo Force). Họ cũng chính là những người có trách nhiệm quản lý, mở hay đóng phi trường. Ở châu Âu, người Ý thường có tiếng là không "nghiêm chỉnh." Một sự ngạc nhiên đầu tiên.

Trước đây, Kosovo là một tỉnh thuộc Nam Tư cũ, nhưng hiện nay đang được đặt dưới sự quản lý chính trị và hành chính của Phái đoàn Liên Hiệp Quốc (LHQ) gọi là UNMIK (United Nations Mission in Kosovo) theo nghị quyết 1244 của Hội Đồng Bảo An (HĐBA) LHQ năm 1999. Lực lượng gìn giữ hoà bình gồm 50.000 quân nhân của nhiều nước (Anh, Pháp, Đức, Nga, Ukraina, Thổ Nhĩ Kỳ, Hungary, Na uy, vv.) đang đảm nhiệm công việc đảm bảo an ninh và trật tự của Kosovo.

Cuối cùng thì máy bay cũng được phép hạ cánh và thế là chúng tôi đã đặt chân lên đất Kosovo, biểu tượng của cuộc đấu tranh được cả thế giới biết đến nhằm chống lại mưu toan "tiêu diệt chủng tộc" (Ethnic cleansing) của nhà cựu độc tài Milosevic của Nam Tư, người đang bị Toà án quốc tế La Haye xét xử với tội danh chống nhân loại.

Vừa xuống sân bay, người ta có thể thấy cờ của LHQ, cờ của NATO (Tổ chức Hiệp ước Bắc - Đại Tây Dương), cờ Nga, Na Uy, Anh, Ý, Pakistan, Ấn Độ, Maroc.v.v. Đến Kosovo không cần visa vì LHQ quản lý tỉnh này. Những người cảnh sát gác phi trường thuộc về toán quân ấn Độ. Có thể nhận thấy họ là những người Sikh với bộ râu chẳng bao giờ được cắt, cuộn chặt dưới cằm và mái tóc nuôi từ thửa lọt lòng mẹ được cuốn gọn trong một vành khăn quấn quanh đầu. Những người lính Bangladesh hay các cô nhân viên quan thuế thuộc các nước châu Âu, nói chuyện nhiều hơn là làm việc vì đa số hành khách chẳng có gì để kiểm tra. Người đi đón khách hay gia đình đa số là đàn ông với cái nhìn đăm chiêu và nét mặt mộc mạc quê mùa. Dân Kosovo đa số là người gốc Albania và phần lớn theo đạo Hồi.

Có lẽ do các ông "nhà banh" ý thiếu nghiêm chỉnh đã thông báo là phi trường bị đóng và không máy bay nào được hạ cánh, nên khi tôi đến nơi chẳng thấy ai cầm tấm biển có tên của mình. Chơ vơ ở phi trường xa lạ và lạnh lẽo, không biết ai, không có số phone nào để gọi. Một thoáng lo ngại, nhưng rồi tôi nhanh miệng hỏi vài người chung quanh và tìm ra ngay được người cùng cơ quan và đi cùng chuyến máy bay đang dùng cell phone gọi xe đến. Thế là vấn đề được giải quyết mau chóng.

Ra khỏi phi trường, từ trên xe bọc sắt, chúng tôi có thể thấy đồn của lực lượng Nga với vài người lính đội nón lông đứng gác, ngay cạnh họ là những tấm bảng chỉ lối vào các cửa hàng (PX) của quân đội Nga. Trên đường về nơi ở, hai bên đường thấy nhiều ngôi nhà đổ nát đang được xây cất lại. Những ngôi nhà này đã bị quân đội Serbia bắn phá hoặc bị oanh tặc bởi không quân NATO trong cuộc chiến tranh với Serbia. Ngoài các doanh trại của Nga, chúng tôi cũng thấy nhiều doanh trại của quân đội Anh, Na Uy v.v. , các trạm xăng và garage xe.

Hầu hết các con đường bị tàn phá trong chiến tranh đến nay vẫn chưa được sửa chữa. Đâu đâu cũng thấy bùn lầy hòa lẫn trong tuyết thành một lớp chất dẻo bẩn thỉu phủ đầy mặt đường.

Ngày mùng một Tết ở xứ lạ quê người không khỏi hồi hộp, bâng khuâng và cảm giác trống trải...

Rồi chúng tôi cũng được đưa tới nơi ở của cơ quan vì khách sạn ở đây không đầy đủ tiện nghi, không có máy lạnh, còn theo kiểu XHCN. Chúng tôi được ở trong những căn hai phòng ngủ không tồi, khá đủ phương tiện, có hệ thống sưởi tốt, có máy phát điện và có đủ đồ nhà bếp để tự nấu ăn. Đến vào mùng một Tết, lại là thứ bẩy, chưa kịp đổi tiền, nhưng tôi đã gặp hên là người láng giềng cùng nhà không những cho vay ít đồng Euro mà còn mời ăn. Tiền Kosovo là đồng Euro, một Euro tương đương với một dollar.

Vài nét về lịch sử Kosovo

Kosovo là một tỉnh chậm tiến nhất của cộng hòa liên bang Nam Tư với lợi tức và trình độ giáo dục thấp nhất. Cũng như cả vùng Balkan, lịch sử Kosovo chất chứa những thảm kịch khổ đau và chết tróc. Từ thời thượng cổ đến thế kỷ 20, Kosovo nằm trong vùng tranh chấp giữa Tây phương và Trung Đông, giữa Cơ đốc giáo và Hồi giáo. Vào đầu TK 20, nơi đây đã xảy ra rất nhiều cuộc giao tranh giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các vương quốc ở Âu châu nhằm biến vùng đất có vị trí chiến lược này thành thuộc địa của họ. Chiến tranh vùng Balkan xảy ra vào năm 1912; năm 1914 Hy Lạp chiếm phía Bắc Albania; năm 1915 quân đội Serbia chiếm miền trung Albania; 1916 quân đội Áo chiếm phía Bắc Albania và quân đội Ý chiếm một phần lãnh thổ Albania. Cho đến 1919 các tranh chấp ở Balkan mới tạm thời được giải quyết tại Hội nghị Hoà bình Paris qua Hiệp ước Tittoni-Venizelos.

Năm 1932, vương quốc Nam Tư ra đời. Sau Đệ nhị Thế chiến, Kosovo là một tỉnh nằm trong Cộng hoà Liên bang Nam Tư. Dưới thời Tito, Kosovo được hưởng quy chế tự trị theo Hiến Pháp 1974 của Cộng hòa Liên bang Nam Tư. Năm 1980 nhà độc tài Tito mất và 1981 Kosovo đòi độc lập. Năm 1989 khi Slobodan Milosevic người gốc Serbia trở thành tổng thống Nam Tư, ông ta hủy bỏ quy chế tự trị của Kosovo và gởi quân đội Serbia đến chiếm đóng. Người dân Kosovo gốc Albania bị coi công dân hạng hai. Họ không được nắm các chức chủ chốt hoặc các chức quản lý, thậm chí con em họ không được vào đại học (như dưới thời Tito hay tự trị). Nói tóm lại, người Kosovo bị đối xử một cách tệ bạc và đó chính là nguyên nhân dẫn tới họ phải vùng lên đòi độc lập.

Dưới thời Milosevic, đã có nhiều cuộc đàn áp đẫm máu do quân đội Serbia tiến hành tại Kosovo, khiến cho trên 400.000 dân phải bỏ nhà... Kosovo trở thành điểm nóng của nạn diệt chủng nơi nhiều dân bị hành quyết. Các vụ giết người hay "diệt chủng" này đã làm thế giới phẫn nộ, làm thức tỉnh giới chính trị Mỹ và Âu châu và họ đã ra tay. Cuộc chiến ở Kosovo kéo dài trong vài tháng. Giai đoạn đầu, NATO ném bom trong 78 ngày, buộc lực lượng Serbia phải rút lui khỏi Kosovo. Đáng chú ý là trong việc oanh kích Kosovo và Serbia, TT Mỹ Bill Clinton đã ra quyết định không yêu cầu sự hậu thuẫn của LHQ nhưng được sự ủng hộ của NATO và không có sự chống đối của Nga và TQ, mặc dù lúc đó Serbia được sự ủng hộ của Nga (cả hai cùng theo dòng đạo Orthodox). Thời gian này đã một cuộc chạy đua giữa quân đội Nga và Tây phương để chiếm giữ các vị trí ở Kosovo và một việc khá bất ngờ là quân Nga đã đến phi trường Pristina trước.

Từ 1999 đến nay, hoà bình đã vãn hồi trên đất Kosovo. Sau giai đoạn oanh kích, giai đoạn thứ hai là NATO trao lại quyền quản lý Kosovo cho LHQ và Kosovo được đặt dưới sự kiểm soát của KFOR và UNMIK. Sau giai đoạn hai là giai đoạn thứ ba với việc UNMIK sẽ trao quyền cho Liên minh châu Âu (EU) tiếp tục tái thiết xây dựng để đưa Kosovo vào EU.

Trong giai đoạn hai hiện nay, UNMIK được trao quản lý Kosovo theo nghị quyết số 1244 của HĐBA LHQ với một số việc chức năng chính sau đây:

* Quản lý hành chính
* Xây dựng chính quyền có quyền tự trị cao
* Giúp dân chúng quyết định tương lai chính trị
* Phối hợp viện trợ nhân đạo và trợ giúp quốc tế
* Trợ giúp tái thiết các hạ tầng cơ sở
* Giúp dân tỵ nạn hồi hương

Trong năm 2001, UNMIK đã giúp tổ chức các cuộc bầu cử ở cấp địa phương và cuối năm 2001 đã có cuộc bầu cử Quốc Hội và một chính phủ lâm thời đã ra đời.

Các giới lãnh đạo chính trị ở Kosovo không tin nhiều vào UNMIK mà phần lớn là người Âu châu, nhưng họ tin người Mỹ nhiều hơn vì họ cho là nhờ sự giúp đỡ của Mỹ thì dân Kosovo mới thoát khỏi ách thống trị của người Serb. Họ tin rằng một ngày nào đó Kosovo sẽ được độc lập trong khi UNMIK chưa đả động gì tới vấn đề này.

Toà đại diện Mỹ (chưa phải là sứ quán) ở đây luôn được dân chúng ủng hộ. Tại trung tâm thành phố Pristina có hai đại lộ: đường Mẹ Theresa (một nữ tu Thiên chúa giáo gốc Albania được giải thưởng Nobel hoà bình vì giúp dân nghèo ấn Độ)

và đường Lenin. Sau khi Kosovo được giải phóng thì đường Lenin đã trở thành đường Bill Clinton. Đó là một cách mà dân Kosovo muốn bày tỏ sự biết ơn nước Mỹ.

Không giống như Cơ đốc giáo, đạo Hồi không có một giáo hội để quyết định về sự hiểu biết thánh kinh và đức tin. Mỗi một trung tâm Hồi giáo có một vị đứng đầu chủ trì được gọi là iman. Các iman thường được đào tạo tại các trường Hồi giáo ở Ai Cập, Irắc, hoặc các trường đại học Hồi giáo quốc nội. Người Hồi giáo tại Kosovo không giống người Hồi giáo ở Trung Đông hay các nước Á châu khác, nam giới có thể uống rượu hay bia, không một phụ nữ nào mang khăn choàng, và nói chung họ rất cởi mở và vui vẻ.

Về nhân chủng, 90% người Kosovo là gốc Albania, 6% là gốc Serb, 1,2% là gốc Montenegro, 1% gốc Romania, và các dân tộc khác là 1,8%.

Lương trung bình của một giáo viên là $140/tháng và của một bác sĩ là $250, trong khi số ít người làm cho các cơ quan quốc tế (có ngoại ngữ) có thể lĩnh từ $800 đến $2000. Xã hội Kosovo cũng bị ảnh hưởng nhiều vì chiến tranh kéo dài nhưng hầu như gia đình nào cũng có người làm việc tại Ý, tại Đức và đó chính là nguồn tiếp tế giúp đỡ gia đình cũng như số người Việt ở hải ngoại gởi tiền về cho gia đình ở VN. Phân nửa ngoại tệ hàng năm là do người Kosovo từ ngoại quốc gởi về.

Thăm chợ trời Pristina

Ngày mùng hai Tết (tức Chúa nhật 2/2), thời tiết ấm áp hơn nhờ có ánh sáng mặt trời. Vậy là tôi quyết định đi thăm thành phố Pristina. Từ trên đồi, nơi có ngôi nhà mà chúng tôi đang ở có thể thấy một dãy hàng quán nhỏ làm bằng các containeur chở hàng. Muốn đi vào thành phố phải băng qua dãy hàng quán này. Hàng quán ở đây bán đủ thứ. Một đĩa Video CD được bán với giá 2,5 Euro tương đương là $2,8, còn đĩa DVD khoảng $15. Đồ ăn được bán khắp nơi. Đây đó mùi hạt dẻ nướng (chestnut) bốc hương thơm thoang thoảng trong buổi

LÊ THỊ KIM

TÔI VÀ CỎ

Bấy giờ chưa có tôi
Đã có nhiều bãi cỏ
Không biết những ai đã đến ngồi
Trên tấm thảm trời êm mát đó?

Trong tiếng khóc chào đời của tôi
Có mùi thơm cỏ mật
Trong tiếng cười thứ nhất
Có hương vị cỏ gừng
Lần đầu xòe đôi mắt
Gặp cỏ gà rưng rưng
Rồi khi tôi đi học
Cỏ trong trang sách dày.

Khi mái tóc tôi lần đầu biết bay
Mọi loài cỏ đều hóa thành con gái
Trong mối tình tôi lần đầu vụng dại
Có hương cỏ mặt trời

Cỏ và tôi
Cứ đan vào nhau như tổ chim
Khi tôi ngủ, cỏ đi tìm
Khi tôi ăn, cỏ chờ ngoài cổng
Cỏ gấu suốt đời lêu lổng
Cỏ gà không biết gáy bao giờ
Cỏ mật hay nằm mơ
Để mùi hương thao thức
Để tôi theo cỏ vực
Đi tìm dấu chân trâu,
Đi tìm một thời xa xưa cây lúa ở đâu?

Lúa cũng là loài cỏ
Ông bà đem về nhà
Tôi thương mẹ thương cha
Còng lưng ngoài đồng nhặt cỏ
Hỡi cỏ năn, cỏ lác
Sao mày không mọc ở chân đê?
Sao không như cỏ chỉ
Suốt đời sống ở nhà quê?
Sao không như cỏ chân vịt
Cho bà làm vị thuốc Nam?
Sao tôi không làm cỏ may?
Để giữ người yêu lại
Đường về còn xa ngái
E cỏ nứa đâm chân

Nếu có ai bắt gặp tôi tần ngần
Là thế nào cũng tìm ra cỏ!

Thảo Cầm Viên Sài Gòn 1978

ban mai hơi lành lạnh khiến tôi nhớ tới những hàng chestnut của những ngày mùa đông Paris thời sinh viên... Đâu đâu cũng có các quán bán gà quay, thịt xiên nướng (kebab) hay loại thịt băm viên giống như hamburger. Nói chung đồ ăn ở đây giống như ở Trung đông, rất nhiều sữa chua (yugurt), sữa, nhiều tỏi, cà chua và dưa chuột. Dân chúng ở đây đa số theo đạo Hồi nên họ chỉ ăn thịt gà và thịt bò, còn thịt heo chỉ tìm thấy trong các siêu thị lớn bán hàng cho các người nước ngoài. Vào các tiệm ăn hay tiệm cafe, ai cũng hút thuốc. Mùi thuốc lá khét lẹt dính vào áo len, áo parka đến khi về nhà vẫn còn thấy hôi rình. Ở đây có đủ thứ thuốc lá vì thuế thấp và hàng nhập lậu nhiều. Dân chúng Kosovo uống cafe nhiều tưởng như thay nước. Liệu các doanh nhân Việt Nam có dịp xuất khẩu cafe qua đây chăng?

Tới Pristina ai cũng có thể thấy những chiếc ăngten hình chão để thu hình qua vệ tinh mọc tua tủa dầy đặc trên các nóc nhà và trên các hành lang các apartment. Trên đường phố đầy nghẹt các loại xe hơi hiệu Renault, Peugeot hay xe VW và Mercedes. Dân địa phương cho hay đây là một thị trường tiêu thụ khá mạnh loại xe "second hand," kể cả các xe bị ăn cắp ở nơi khác mang tới. Một chiếc xe VW Golf khoảng $2000, xe Mercedes $4000. Các xe này đều đã qua sử dụng trung bình trên 5 - 6 năm với đồng hồ km thường ghi từ 70.000 đến 100.000 cây số trở lên. Taxi ở đây rất sẵn chỉ có điều là không có đồng hồ do đó phải trả giá từ $2-3 một "cuốc."

Giữa thành phố có một sân vận động đang xây dở, kiểu các vận động XHCN. Chung quanh đó, giống như cảnh khu "dân sinh" ở Saigon ngày trước, dân chúng đã tự dựng một khu phố bằng các tấm nylon che tuyết cho các sạp hàng. Đó là khu vực chợ trời bán quần áo, đồ điện và hàng rau quả.

Trước khi tôi đến đây người ta đã dặn nhớ mang quần áo ấm và một đôi "bốt." Bây giờ khi đi ra ngoài tôi mới hiểu lời khuyên này là đúng. Trời lạnh, tuyết rơi nhiều, đường sá rất xấu, nơi đâu cũng có những vũng bùn trộn với tuyết và muốn đi lại thuận lợi cần giầy tốt. Chẳng thế mà ở đây khi đến công sở ai cũng đóng bộ với veston cravát nhưng dưới chân thì mang bốt, trông rất tức cười.

Trong chợ này, có thể tìm tất cả mọi thứ quần áo, từ áo len đến các bao tay, nón len để che lạnh, quần jean nhái kiểu của các hãng lớn được đưa đến từ Á châu hay từ Thổ Nhĩ Kỳ. Tại một góc chợ, thấy một đám đông toàn phụ nữ, tôi lại gần thì ra đó một khu bán đồ lót của phụ nữ. Các bà các cô nhao nhao trả giá còn cánh bán hàng thì... toàn đàn ông.

Đồ lót phụ nữ và giầy dép phần lớn của Trung Quốc, giá cả vừa phải, trung bình từ $7 đến $20 một đôi giày. Khác hẳn với các nước Á châu mà đa số người bán hàng là phụ nữ, ở đây tất cả những người bán hàng đều là đàn ông.

Tôi tự hỏi tại sao vậy? Có lẽ vì thế mà tỷ lệ thất nghiệp tại đây rất cao, tới 49 - 56%. Theo thống kê, 60% dân Kosovo ở độ tuổi dưới 19 tuổi, trong đó 35% dưới 9 tuổi. Phụ nữ ở Kosovo ít hơn nam giới với tỉ lệ 48,8% dân số. Phụ nữ da trắng, nét mặt hơi giống người Âu châu Latinh, nhưng một số giống Thổ Nhĩ Kỳ, các thiếu nữ đều cao ráo với chiều cao trung bình trên 1,65 m. Đàn ông phần lớn lai Arập hay Thổ, trông cao to và mạnh khoẻ. Có điều ai ai cũng hút thuốc lá. Cũng theo thống kê chỉ có 30% người Kosovo đi làm để nuôi 70% số dân còn lại.

Các sạp hàng bán đồ điện, đồ phụ tùng đục, hàn, sửa xe, vv. Đa số các mặt hàng này là từ TQ, Thổ Nhĩ Kỳ hay Ý. Tại đây có thể tìm thấy radio, máy nghe VCD, DVD, đèn pin, các hàng điện tử khác. Lâu lâu cũng thấy một số quân nhân Maroc, Jordan thuộc lực lượng LHQ - KFOR vào đây tìm các hàng điện tử.

Mặc dù cảnh nghèo khổ phô bày khắp nơi, nhưng trong suốt ba tiếng đồng hồ tôi chỉ bắt gặp một bà già ăn mày mà thôi. Thỉnh thoảng gặp một em bé có cái cân để ai đi qua cân lấy chút tiền, giống cảnh các ông già ngồi cho thuê cân trên vỉa hè ở Hà Nội. Họ không chạy theo nài nỉ mà chỉ ngồi một chỗ chờ người đến cân và trả tiền.

Quan cảnh khu chợ rau quả thì thật là hỗn độn. Trái cây và rau được mang tới đây để bán sỉ, đa số là nhập khẩu từ các nước láng giềng hay Thổ Nhĩ Kỳ bằng xe tải. Những người ở chợ chạy xe thồ chở rau quả phần nhiều là thanh thiếu niên từ 12-18 tuổi. Đây cũng là một điểm cho thấy là xứ này còn nghèo. Họ rất dễ thương, ăn nói nhẹ nhàng chứ không hùng hổ như ở VN hay một số nước Á châu khác mà tôi đã có dịp đến.

Chiều đến, mặt trời đi ngủ rất sớm, tuyết rơi mỗi lúc một dày... Tôi cũng theo dòng người trong chợ hối hả trở về lòng trĩu nặng những liên tưởng tới người Việt đang mừng Tết ở các nơi trên thế giới, gia đình và bạn bè bên California, Âu châu và nhất là các người bà con đang ăn Tết ở VN.

Pristina, Kosovo

XỨ DÂN GẦY...

XUÂN ĐỖ

(Thân tặng anh Bửu Viên)

" Ôi quê hương xứ dân gầy
Ôi bông lúa, con sông xưa, thành phố cũ..."
(Về Miền Trung - Phạm Duy*)*

Tôi lăn trên giường, cảm thấy lành lạnh. Không biết cái mền tôi đắp khi ngủ tụt đâu mất. Tôi giật mình, có tiếng dế gáy như ở đâu trên đầu giường hay dưới gầm giường. Tôi nằm yên, để xem tiếng dế gáy phát ra từ đâu. Hay tôi đang mơ ngủ. Và lại hình như có ai ngoáy ngoáy lông gà vào lòng bàn chân tôi, làm tôi nhột quá và rút chân co lên. Tôi ngồi nhổm dậy, à té ra chú Tám, phá tôi. Tôi nổi xùng:

- Chú Tám phá, không cho tôi ngủ hả?

Chú khoát khoát tay, như muốn bảo tôi đừng nói lớn, sợ cậu mẹ tôi nghe. Chú chồm lại, ghé vào tai tôi nói thầm thì:

- Tôi bắt cho chú mấy con dế đá đây nè. Ưng không?

Nghe dế đá, tôi nhảy xuống giường, cúi nhìn theo tay chú Tám:

- Mấy con? Lớn không, có đá ác không?

- Ác lắm. Có một con dế một chân, nhỏ thôi nhưng chắc là con dế hay. Dế một mà.

Có tiếng mẹ tôi hỏi ngoài sân:

- Cái chú Tám Nghĩa bỏ đôi thùng nước đây đi đâu mất rồi?

Chú Tám lủi ra ra sân, nói lớn:

- Dạ thưa mợ con đây. Chú Nhỏ kêu con pha cho chú miếng nước. Chú ấy mới ngủ dậy.

Tôi cũng chạy ra, cứu chú Tám, nói với mẹ tôi:

- Mẹ có chi ăn, con đói bụng quá.

Mẹ tôi nhìn tôi, ngạc nhiên:

- Con mới dậy, chưa chịu rửa mặt mà đòi ăn chi sớm vậy? Có xôi mẹ đậy trên bàn đó. Ăn xong, đậy điệm lại cho mẹ. Mẹ đi lên xóm trên, kêu người làm cỏ ngày mai, chút nữa mẹ về.

Chờ mẹ tôi vừa đi ra, tôi chạy vội xuống nhà bếp, dỡ lồng bàn, lấy xôi trong dĩa, bỏ vào miếng lá chuối, gói lại, dấu vào trong áo, chạy đi tìm chú Tám. Nghe mẹ nói, chú đang gánh nước, có lẽ tưới cây trong vườn, tôi chạy ra bờ sông, phía trước nhà, tìm chú. Quả nhiên thấy chú đang gánh nước, chạy lúp xúp. Tôi kêu:

- Chú Tám, chú Tám.

Tôi dơ gói xôi, vẫy vẫy. Chú chậm lại, đôi nước nặng trĩu vẫn còn trên vai, hỏi tôi:

- Hộp dế hả? Cất đi. Hồi nào làm xong, tôi chỉ cho.

Tôi lắc đầu:

- Không phải. Chú đói bụng không? Tôi đem cho chú xôi, chú muốn ăn không?

Tôi thấy mắt chú sáng lên, nhưng chú lắc đầu:

- Chú Nhỏ nè, chú làm như ri, mợ biết được, mợ la lắm đó. Tôi đói lắm, nhưng tôi không dám làm điều quấy. Chú đem về đi. Trưa tôi ăn cơm cũng được. Tôi đói hoài cũng quen rồi.

Tôi năn nỉ:

- Chú Tám, tôi đem xôi cho chú mà. Ăn đi, đừng sợ. Mẹ tôi đâu biết tôi lấy xôi cho chú.

Tôi nhét gói xôi vào tay chú. Chú cầm, nhưng không có chỗ nào để gói xôi. Chú chỉ mặc cái quần đùi ngắn ngủn, cái áo mỏng manh, không có túi. Tôi nói:

- Chú cầm đi, vừa làm vừa ăn cũng được. Tôi đi về, xem mấy con dế, đá thử có hay không. Hồi nào chú đói, tôi lấy đồ ăn khác, chú ăn. Mẹ tôi không la đâu.

Tôi quay lại, chú đã chạy đi tưới nước rồi. Tôi trở vào nhà.

*

Chú Tám làm cho nhà tôi lâu lắm, có lẽ từ khi tôi chưa sinh ra đời. Tên của chú là Nghĩa, nhưng tôi còn nhỏ, không dám kêu tên tộc chú, nên như mọi người, chỉ kêu chú Tám. Chỉ có cậu mẹ và các anh chị lớn của tôi, kêu chú là chú Tám Nghĩa. Chú đâu khoảng gần bốn mươi tuổi, nhưng chú choắt lại, còn nhỏ con hơn tôi, dù lúc nhỏ, tôi cũng ốm nhách như con mắm.

Thuở đó, tôi mới lớn, mười bốn, mười lăm tuổi, đang học lớp đệ ngũ trường Trung Học Trần Quí Cáp, Hội An. Tôi được cậu mẹ tôi cho xuống Hội

An học từ năm lớp nhì, năm 1952. Sau cuộc đình chiến, theo hiệp định Genève năm 1954, quê tôi, Ái Nghĩa, quận Đại Lộc, đã trở lại thanh bình. Các dịp nghỉ lễ, Tết và hè, tôi về quê chơi. Đây là khoảng thời gian sung sướng và đẹp nhất trong tuổi thơ của tôi. Tôi và vài tên bạn, đèo nhau trên xe đạp, đi qua mấy làng khác chơi, mua trái cây. Đôi khi bọn tôi lên tận núi Đất, ở Phiếm Ái , vô núi hái sim. Mùa hè lên tận Hà Tân mua trái bòn bon của những người vừa hái trên núi về.

Mỗi dịp về quê chơi, chú Tám là người tôi gần nhất, nhưng tôi hay phá chú, nhiều khi chú xùng lắm, rồi cuối cùng, chú cũng nhịn tôi. Chú có căn nhà nhỏ ở xóm dưới, cách nhà tôi không xa lắm. Không biết tôi có thể gọi "nhà" của chú là nhà không? Nó chỉ có năm, bảy tấm tranh, cột nhà bằng tre. Không có tường, vách chi cả. Giường, chiếu cũng không. Tôi cũng ngạc nhiên, chẳng thấy bếp núc ở đâu và tối rồi mà chẳng có cơm nước chi hết.

Một lần, gần khoảng chạng vạng, mẹ tôi bảo tôi, xuống xóm dưới, kêu chú, ngày mai, lên làm cỏ cho mấy mẫu bắp, để chuẩn bị cho mùa lúa tháng mười. Tôi không thấy ai ở nhà cả. Tôi kêu to:

- Chú Tám đâu rồi? Chú Tám ơi.

Vẫn không có ai trả lời. Tôi định đi về. Chú Tám ở đâu, đi về, áo quần ướt nhem. Tôi hỏi:

- Chú ở đâu mà tôi kêu hoài không thấy? Mẹ nói, kêu chú mai lên làm cỏ, trên đám mẫu.

Chú có vẻ vui, nói:

- Ừ, được rồi. Tôi mới tắm ngoài sông. Lạnh quá. Ừ, mợ kêu, có việc làm là tôi mừng, chớ không đói quá.

Nghe chú nói đói quá, tôi hỏi:

- Tối rồi mà tôi không thấy chú nấu cơm, bộ chú nhịn đói, đi ngủ hả?

- Ừ, chớ sao? Mà đói, nằm xuống dễ ngủ lắm, thiếp đi như chết vậy. Tôi cũng không hiểu sao, buổi sáng, nghe gà gáy, lại tỉnh giấc, ngồi dậy, đi làm. Cũng lạ, nếu đói quá, chết luôn, thì... "khỏe" biết mấy.

Nói xong, chú cười. Tôi cười theo, hỏi tiếp:

- Giường đâu chú ngủ?

- Giường làm chi cho nó đau lưng! Tôi ngủ trên tấm nong cũ của cậu cho, lâu rồi, nát hết.

Tôi nhìn chú, nghĩ, chú này kỳ cục, cái gì cũng không có, cái gì cũng như chuyện giỡn chơi. Tôi chợt hỏi:

- Chừ, chú có đói không? Ưng ăn bắp nướng không? Để tôi chạy về nhà, lấy mấy trái bắp, tôi còn để dành, tối nay vừa ăn bắp vừa đọc sách, thú vị lắm. Tôi cho chú.

- Này chú Nhỏ nè, của chú để cho chú, đừng cho tôi hoài, không được đâu! Tôi đói quen rồi! Chú còn nhỏ quá chưa biết, tôi nghèo thì phải ráng chịu thôi!

Tôi chạy vù về nhà. May quá, nhà không có ai lúc đó. Tôi vào lấy hai trái bắp nướng tôi dấu dưới hộc bàn học, lại chạy vào bếp lấy thêm mấy trái bắp sống còn để trong giỏ bội. Tôi lận hết vào trong lưng quần, chạy đi. Xuống nhà chú Tám, không thấy chú đâu, tôi gọi ơi ới:

- Chú Tám đâu rồi?

Có tiếng chú sau nhà. Tôi chạy ra phía sau, chú đang cắt cây chuối. Tôi nói:

- Chú làm chi đó? Tôi đem bắp cho chú đây.

- Chú Nhỏ nè, tôi biết chú thương tôi, nhưng chú cứ ăn cắp cho tôi hoài, không được đâu. Thôi chú đem bắp về đi, tôi có lõm chuối mới cắt, ăn cũng ngon lắm.

Tôi năn nỉ:

- Chú ni kỳ quá. Lõm chuối để cho heo ăn, làm sao chú ăn được. Cái gì tôi cho chú, chú cứ ăn đi. Cậu mẹ tôi có biết cũng không la đâu. Chú nghèo nhưng chú đàng hoàng, không ai khinh chú được. Cậu mẹ tôi và mấy người lớn nói rứa đó.

- Chú Nhỏ nè, chú cho tôi hoài, tôi đói cứ nhận hoài, thành ra lợi dụng chú. Cậu mợ không biết, không khinh tôi, nhưng không được làm rứa hoài.

Tôi tức quá, đi về, không thèm nói chuyện với chú Tám "khùng" này nữa. Mấy trái bắp lận trong lưng , làm tôi ngứa ngáy. Tôi có cái mưu trong đầu. Tôi đi trở lại nói:

- Chú Tám nè, chú còn nhớ, chú cá với tôi, đi học cho giỏi, tập bơi cho giỏi, về bơi thi với chú, bơi qua sông trước nhà mình, ai thua phải nạp bắp cho người thắng. Hôm qua, bơi đua, chú hơn, chú nhớ không? Tôi thua, tôi nạp bắp cho chú đó, nếu không, tôi là kẻ ăn gian, chú khinh tôi. Ngày mai, bơi đua nữa, chú đói, chú bơi không nổi, chú đổ thừa, thì dị quá.

Chú cười hì hì:

- Thiệt hết chỗ nói, cái chú Nhỏ này bày đủ chuyện. Ừ, bắp này là bắp thua, chớ không phải cho, phải không? Thôi để đó, mai tôi với chú bơi đua nữa. Coi ai hơn?

Mưu của tôi vui lắm. Mai bơi đua, tôi giả làm "ma da", lặn sâu xuống, kéo chân chú, để coi chú có sợ không? Tôi bơi giỏi hơn chú, tôi mạnh hơn, tôi tập bơi hoài ở Hội An, bơi qua sông

Thu Bồn ở Cẩm Phô với tụi bạn nhiều lần. Hôm qua, tôi thua vì chú "chạy" trên cát, chỗ cạn. Chứ bơi chỗ sâu, sức mấy chú hơn tôi được.

*

Buổi chiều, chú Tám sau khi làm cỏ trên mẫu xong, về nhà ăn cơm. Cơm nước no nê, chú chuẩn bị đi gánh nước. Tôi nháy chú, đi tắm sông, bơi đua như giao hẹn hôm qua. Tôi nói:

- Hôm trước, chú hơn tôi, vì chú ăn gian, bơi chỗ cạn. Bữa ni, tôi thách chú bơi phía khúc dưới sông, chỗ nước sâu. Chú thua, chú phải bắt dế cho tôi. Chú phải trèo lên cây thị thiệt cao, bắt ổ chim cà cưỡng nữa. Chú chịu không?

Chú gật đầu, cười:

- Ừ, bơi thì bơi. Mà chú Nhỏ nè, chỗ nước sâu, nhiều chỗ nước xoáy nguy hiểm nghe. Đừng có "anh hùng rơm, dốc chó" mà lụy đến thân đó.

Tôi cười trong bụng, bữa này ăn no nê, chú này chịu chơi đây. Mình kéo chân chú, cho chú uống nước chơi.

Quả nhiên, sau khi chú đã múc đầy đôi thùng nước, đem lên bờ để đó. Xuống nước, chuẩn bị bơi đua. Tôi hô, một hai ba, rồi nhảy ùm ra thật xa, bơi sải bỏ xa chú. Tôi nhớ cái mưu, lặn sâu xuống, quay trở lại, thấy chú đang bơi "kiểu chó". Tôi kéo chân chú xuống sâu, xuống sâu nữa. Chú vùng vẫy, cố thoát ra, ngoi lên, tôi càng kéo chú xuống sâu hơn. Lâu quá, tôi cũng đuối sức, uống nhiều nước, sặc sụa, vùng vẫy. Gặp chỗ nước sâu và xoáy.

May đâu, tôi và chú Tám, trôi đi một khoảng khá xa, tới chỗ nước cạn, có cát. Tôi run rẩy, mửa thốc tháo. Chú bước được vô bờ, té nằm ngay đơ, nôn ọe mật xanh, mật vàng. Có lẽ, lâu lắm, tôi và chú mới tỉnh và khỏe đôi chút. Chú nỗi điên, chỉ vào mặt tôi, gào lên:

- Cái thằng ni, sao mi chơi cái chi mà ngu, may không chết hết rồi. Tau chết, không nói làm chi. Mi chết thì ngu quá. Mấy cái thằng ăn học

TÔN NỮ THU DUNG

CÓ NHIỀU KHI

Tôi muốn biết những người đang ở đó
Có bao giờ nghe gió nhắn gì không?
Tôi muốn biết đất trong vườn hoang dại
Vừa nở thêm được mấy nụ hồng.

Tôi muốn biết những con đường im lặng
Có trở mình sau những lớp mù giăng
Tôi muốn biết những hoa sầu đông trắng
Có thoát hồn vằng vặc những đêm trăng.

Tôi muốn biết những người đang ở đó
Có bao giờ nghe gió nhắn gì không?
Những hôm bão rớt mưa to nhỏ
Gió có làm xanh những má hồng.

Tôi vẫn nhớ chỗ người yêu tôi ngủ
Trên đồi cao cỏ mọc rất thong dong
Tôi vẫn muốn hỏi thầm tôi rất nhỏ
Ngỏ lên trời chẳng biết có gần không?

Có nhiều khi thấy yêu đời tha thiết
Có nhiều khi nghe mệt mỏi vô cùng
Có nhiều khi nằm âm thầm đợi chết
Có nhiều khi thèm được sống tưng bừng

Có nhiều khi ngồi lại cùng trang giấy
Không hề nghe xao động ở trong hồn
Có nhiều khi mắt mở trừng mà chẳng thấy.
Lòng tan hoang như cát bụi trên đường.

Có nhiều khi, có nhiều khi, có nhiều khi
im lặng ngồi hàng giờ không nói,
mãi ngó về một nơi không thể tới,
mới biết rằng...
không thể
nói...
không yêu !

(NhaTrang -1980)

càng cao, thì càng ngu ra.

Nghe chú "chưởi," tôi trố mắt ngạc nhiên, cái chú này ngon thiệt. Tôi lại ôm bụng cười đau ruột. Chú mất cái quần xà lỏn đâu rồi. Có lẽ, khi tôi kéo chân chú, chú vùng vẫy và tôi nắm cái quần chú kéo, tụt mất mà không biết. Chú dòm xuống, thấy không có quần, chú cũng chẳng thèm ngượng, chú chạy lại, lấy cái áo, quấn quanh. Trở lại, xỉa tay vào mặt tôi:

- Tau tưởng mi thông minh, ai dè mi ngu quá. Mi có biết , ông Bùi Hí, ở trên Trung Phước, ổng bơi giỏi, võ sĩ vô địch cả tỉnh ni không ai đấu lại. Lội qua sông Thu Bồn, trên Vĩnh Trinh, vạp bẻ, chết trôi không? Còn mi là cái thá gì, đừng có "dốc chó."

Nghe chú càm nhàm hoài, tôi cũng tức, không thèm nói lại, chạy về nhà trước. Nghĩ lại, tôi cũng rùng mình, lạnh tóc gáy. Ử, mình cũng chơi ngu thiệt. Thôi quên đi, đừng chơi dại nữa.

Buổi tối, cậu mẹ tôi ngồi trên bàn, đang nói chuyện có vẻ nghiêm trọng. Tôi bước lên, cậu tôi nhìn một cái nhìn quắc mắt. Tôi muốn run lên. Từ mấy năm nay, từ khi tôi lên trung học, tôi đã là "người lớn" rồi, cậu tôi không còn đánh roi vọt nữa, nhưng tôi sợ cậu tôi lắm. Khi nào cậu hỏi về việc học, tôi trả lời xong, tìm cách lẻn đi. Tôi gần mẹ hơn và mẹ tôi chiều tôi.

Cậu tôi "gầm" lên:

- Mi muốn chết, phải không? Mi ưng làm "ma da" phải không?

Vừa hét, ông đứng bật lên, dang tay định xán tôi mấy cái bạt tai. Mẹ tôi hoảng hốt, cũng đứng lên, xô tôi ra. Tôi lủi đi. Tiếng ly tách rớt bể, rổn rảng phía sau lưng tôi.

Sau trận đó, tôi ít về nhà. Những dịp về tết, hè, nghỉ lễ, tôi còn "ghét" chú Tám, cũng không thèm nói chuyện với chú. Đôi lần, chú gạ gẫm, làm huề bằng cách cho tôi những cây hoa thật đẹp, chú bứng ở đâu đó. Tôi lấy, nhưng cũng cứng đầu, không thèm cám ơn.

Năm 60, tôi đậu tú tài I, ra Huế học lớp đệ nhất tại trường Quốc Học. Mùa đông đó, đi học về, tôi nhận được điện tín, cậu tôi mất. Tôi về Đà Nẵng và cấp tốc về trên quê, chịu tang cậu. Bước vào nhà, mẹ tôi ôm tôi khóc. Chú Tám ôm cặp đồ tang trắng, đưa cho tôi, nói trong tiếng nghẹn ngào:

- Cậu mất mau quá, không kịp đợi chú về. Chú mặc đồ tang vào, lại lạy bàn thờ đi.

Tôi cầm bộ áo quần tang, nhìn nhanh chú Tám, chú còn ốm nhách và già khú hơn xưa. Chắc chú vẫn còn thiếu ăn dài dài. Tôi thở dài, nước mắt chảy trên mặt. Sao cuộc đời này, cái xứ gì mà khổ hoài thế này.

Sau đám tang cậu, buổi sáng, tôi ngồi trên bao lơn đầu nhà, nhìn mấy cụm hoa thược dược, bông trang và gốc mai vàng, đang đầy nụ, chuẩn bị tết sắp về. Chú Tám ở đâu đi lại, nói:

- Trước khi cậu mất, cậu dặn, để lại cho tôi cái áo lạnh thiệt lớn, áo "bành tô" cậu hay mặc trong mùa đông. Chu cha, tôi mặc ban đêm mấy bữa ni, thiệt là ấm. Tôi chỉ tiếc, cậu không thọ thêm ít lâu nữa, chờ chú "thành tài."

Tôi cảm động, nhưng cũng muốn cười, không biết tôi " thành tài" cái gì? Chú quay đi, tôi chợt thấy mắt chú đỏ ngầu. Tôi tưởng chú khóc nên mắt đỏ, nhưng nhìn lại, chú bị bịnh đỏ mắt. Tôi hỏi:

- Chú Tám, mắt chú sao vậy, đỏ quá?

- Tôi bị đỏ mắt mấy tháng ni, có nhỏ nước muối mà chẳng lành. Thôi kệ nó, trước sau gì nó cũng lành mà. Ăn uống no là mạnh khỏe, hết bịnh hoạn.

Buồn quá, tôi xách xe đạp chạy ra quận Đại Lộc chơi cho vui. Đạp xe hết bên phố Ái Nghĩa, qua cầu, hết phố Hoán Mỹ, cũng chẳng có gì vui cả. Bạn bè đi học xa cả. Đứng lại trên cầu, nhìn dòng nước trôi lững lờ bên dưới. Con sông này, chiếc cầu này, hồi nhỏ bọn học trò chúng tôi quen thuộc quá. Bọn tôi ở hai bên phố, chia phe đá banh, rồi đánh lộn, ví nhau, nhảy xuống sông bơi về bên mình. Thằng nào nhát, không dám bơi, chạy qua cầu, bị bọn nó bắt được, tụt hết áo quần. Sau này, hồi những năm 60, học ở Sài Gòn, tôi xem một phim Pháp ở rạp Eden, do các tài tử tí hon của Pháp đóng, có tên "la guerre des boutons" cũng có cảnh tụi nhỏ cởi hết quần áo. Như vậy bọn con nít chúng tôi có sáng kiến này trước các nhà viết truyện phim và đạo diễn phim " Trận giặc cúc áo" kia.

Chiếc cầu "biên giới" này, một hai lần bị Việt Minh, thả mìn, thủy lôi, giật sập, chưa kịp làm lại. Bọn tôi qua sông , nhảy xuống nước bơi đi. Có những tên bơi giỏi, chỉ bơi một tay, tay kia cầm áo quần và sách vở mà không ướt.

Tôi về nhà. Đi qua tiệm thuốc tây, tôi nhớ chú Tám bị đỏ mắt, tôi ghé vào mua một bình thuốc nhỏ mắt. Vừa về nhà, thấy chú Tám gánh nước, tôi kêu to:

- Chú Tám ơi. Lại đây tôi nhỏ thuốc đau mắt cho. Tôi có thuốc đây.

Chú nghe tôi gọi, thấy tôi đứng chờ để nhỏ

thuốc, nhưng có lẽ chú "nghi ngờ" tôi lại chơi cái trò gì nữa đây. Chú ngần ngừ nói:

- Chú Nhỏ nè, chú đừng phỉnh tôi nữa, nghe không? Chú nhỏ nước gì tầm bậy vào mắt tôi, tôi đui thì khổ lắm. Thôi tôi không muốn nhỏ thuốc nữa.

Để cho chú Tám tin, lần này tôi không phỉnh chú, tôi nói:

- Chú Tám ngó đây nè, tội nhỏ vào mắt tôi cho chú thấy. Lần này tôi muốn chữa bệnh đau mắt cho chú. Tôi không đùa nghịch nữa. Tôi ngán chú cái vụ chú mét cậu tôi lần trước.

Chú cảm động, làm thinh. Tôi bắt chú ngửa mặt ra cho tôi nhỏ thuốc. Tôi dặn:

- Sáng mai, chú nhớ nhắc tôi, xem lại mắt chú, có bớt không, để nhỏ thêm thuốc lần nữa.

Quả nhiên, sáng hôm sau, tôi còn nằm ngủ nướng vì trời còn lạnh, tôi nghe tiếng chú nói với mẹ tôi:

- Mợ thấy mắt con hết đỏ rồi, phải không? Chú Nhỏ lấy thuốc ở đâu nhỏ cho con. Thuốc hay quá. Chú ni giỏi thiệt. Con mới trèo lên cây ổi đầu nhà mình, hái cho chú mấy trái xá lị .

Có tiếng mẹ tôi la:

- Chú đừng sử hư nó.

*

Năm 62, tôi vào Sài Gòn học. Làng tôi cũng bắt đầu mất an ninh. Cho nên mỗi lần ở Sài Gòn về chơi, tôi chỉ ở Đà Nẵng, không dám về trong làng. Hơn nữa, mẹ tôi cũng ra Đà Nẵng ở với chị tôi, chỉ thỉnh thoảng bà về thu hoạch hoa màu, bán lúa bắp, rồi ra lại Đà Nẵng.

Năm 64, mẹ tôi về thăm nhà, chưa kịp đi lại, trời mưa dữ dội . Mẹ kể:

- Liên tiếp cả tuần lễ, trời mưa không dứt. Buổi chiều mẹ thấy nước đã mấp mé ngoài ngõ. Mẹ hối thúc hai đứa cháu và chị người làm vô nhà, thắp đèn lớn lên, coi chừng nước lụt tràn vô. Trời chưa tối hẳn, nước đã vô sân rồi. Mỗi lúc nước tràn vô nhanh hơn. Mấy đứa nhỏ kê chiếc bàn lên bộ phản. Nước lớn nhanh đến nỗi, bộ bàn, bộ phản cũng bị ngập luôn. Mấy bà cháu, sợ quá, trèo lên gác ngồi chờ... chết. Nhưng đến sáng thì nước ngưng lại, chỉ cách căn gác chưa đến nửa thước. Trong đời mẹ, đây là lần đầu tiên, mẹ thấy một trận lụt dữ dội như rứa đó và cái chết thiệt gần kề.

Tôi hỏi:

- Con đọc báo, thấy người chết nhiều lắm. Trên làng mình có hờ gì không mẹ?

- Mẹ cũng không biết rõ. Nghe nói làng mình có đến năm người chết. Mà tội quá, chú Tám Nghĩa chết rồi.

Tôi la lên:

- Trời ơi! Chú Tám chết rồi hả mẹ? Chết làm sao?

- Bị nước lụt cuốn đâu mất. Cơ khổ thế này. Trời mưa lớn quá, gió thổi như bãosuốt cả tuần lễ, nên trong nhà, chỗ nào cũng ẩm ướt. Bắp ướt. Lúa ướt. Cái gì cũng bị ướt hết. Mẹ bảo chú Tám Nghĩa, mỗi buổi chiều ghé lại nhà, giúp mấy đứa che lúa bắp, rồi ăn cơm luôn. Cái đêm nước lụt tràn vô, chú không lên nhà mình được. Chú chạy qua nhà chú Mãi, gần nhà chú, hạ ghe xuống, để đi cứu người, chỗ này chỗ kia. Nước chảy mạnh quá. Gió càng lúc càng thổi mạnh quá. Chiếc ghe chòng chành, rồi lật úp, chìm, trôi mất. Hai đứa con chú Mãi còn trẻ, bơi giỏi nên bám vào bụi tre, thoát được. Chú Tám Nghĩa trôi đâu mất. Tội quá.

*

"Trời rằng..., trời hành cơn lụt mỗi năm..." Tiếng hát từ mạng lưới Internet phát ra. Tôi rùng mình. Nhiều năm, Trời còn... hành đến ba, bốn cơn lụt. Anh Bửu mới gởi các bản nhạc do bạn bè yêu cầu lên mạng lưới điện toán. Tôi xin anh gởi bản "Về Miền Trung" của nhạc sĩ Phạm Duy. Trong đêm khuya thanh vắng, qua dòng nhạc, nhớ về quê nghèo, người dân quanh năm suốt tháng, đời này, qua đời khác, lăn lộn trên mảnh đất khô cằn, hứng chịu bao nhiêu đau thương, từ chiến tranh, đến thiên tai hạn hán, lụt lội hằng năm.

Bây giờ nổi trôi trên xứ người, tuổi đời càng thêm... dài ra. Trong các ân hận, tôi nhớ về, một thời tuổi thơ, vui chơi, phá phách trên nỗi khổ đau của bao người không may mắn, trên quê nghèo. Như hình ảnh chú Tám Nghĩa. Tôi không hiểu sao, tôi phá chú hoài như thế, mà chú vẫn không bao giờ giận, ghét tôi. Mỗi lần, thấy tôi về chơi, chú mừng rỡ, vui cười. Những tiếng cười hiếm hoi trên khuôn mặt nhăn nhúm của chú. Tôi lại xót xa, nhớ lần chơi nghịch ngu dại, làm "ma da" nhận nước chú, làm cả tôi lẫn chú... suýt chết. Sau đó, tôi giận và không thèm nói chuyện với chú, vì chú mét cậu tôi. Tôi quên mất, chú bị tụt mất chiếc quần xà lỏn, không biết làm sao chú kiếm đâu ra chiếc quần khác thay thế.

Bản nhạc trên máy điện toán hết từ lâu. Tôi ngã người trên ghế, đầu óc mông lung. Tôi lại thở dài, chép miệng./.

HẠT CHÂU

LINH BẢO

(Tiếp theo)

Mỗi chiều Hằng đã dành được phần nấu ăn. Ban đầu Vân nấu, bảo Hằng đứng xem để học lóm, nhưng Hằng không chịu, bảo rằng muốn làm từ đầu đến cuối tất cả mọi thứ để biết một cách rõ ràng, chứ không chịu "chị ướp gì vào thịt, em không biết, chỉ thấy xào xào, ai xào chả được, mai đây em biết làm thế nào." Ban đầu Vân không tin là Hằng không biết nấu ăn, nhưng hôm nói chuyện về bánh chưng, Hằng hỏi một câu làm tất cả mọi người giật mình:

- Có phải nấu nếp chín trước, kho thịt xong, rồi mới gói lại thành hình bánh chưng phải không chị?

Từ đấy ai biết gì cũng ra công chỉ bảo cho Hằng, bởi vì tất cả đều không còn ngờ vực tài nấu nướng của Hằng nữa. Hằng nhường phần quét dọn và nấu buổi sáng cho Vân. Ngọc phụ bếp. Hằng giữ chân bếp chính nhưng ở dưới sự chỉ huy của Vân và Ngọc. Cô bé hăng hái muốn tập tất cả những món gì có thể nấu được, để chuẩn bị cưng anh chàng Hoàng tử đẹp trai tương lai nào đó.

Mỗi chiều sau khi chỉ cho Hằng phải làm món gì, làm như thế nào rõ ràng, Vân ra vườn tưới hoa cắt cây. Ăn uống, rửa bát dọn dẹp xong, Vân nằm đọc sách cho đến khi mắt nặng trĩu vứt sách tắt đèn là ngủ luôn. Vân lớn tuổi nhất trong bọn nên vẫn được gọi đùa là chị Hai. Từ lâu nàng quen sống độc lập cả vật chất lẫn tinh thần. Lắm lúc Vân ao ước có một người bạn nào có thể bàn bạc hay hỏi ý kiến được thì hay quá. Cái gì Vân cũng phải tự suy nghĩ, quyết định lấy, rồi may nhờ rủi chịu. Vân nhận kết quả tốt cũng không vui mừng, mà thất bại cũng không buồn giận oán than. Thành công không được khen tặng, mà hỏng việc cũng chả có ai để đổ thừa.

Tính Vân tinh nghịch, muốn được ỷ lại vào người nào một tí cho có vẻ nữ tính. Còn gì chán hơn cho một người đàn bà phải sống, làm việc, suy nghĩ, và hành động như một người đàn ông. Đàn bà như thế thì đàn ông mới trông thấy cũng đủ sợ hết vía rồi, đâu còn dám nghĩ đến chuyện làm quen nữa. Mười năm sống đời quả phụ, tình cảm của Vân đã cô đọng, khô khan, chai đá. Trái lại đôi mắt của Vân thì vẫn còn mơ buồn và đẹp một cách xa xôi. Vân trông trẻ hơn tuổi rất nhiều. Người nàng cũng vừa phải, mạnh khỏe và còn chứa đầy sinh lực. Mỗi chiều Vân ra vườn sau làm cả một mảnh vườn. Vân lại còn dặn bà Lan đừng thuê người làm để dành cho Vân có chỗ vận động. Làm xong mảnh này, mảnh kia cỏ lại mọc lên, thế là Vân lại có chỗ để tiêu pha nguồn sinh lực dồi dào. Những đường cong uốn lượn trên thân thể nàng như một trái cây chín tới, không quá xanh mà cũng không quá chín. Thân thể cân đối nở nang của nàng như phát ra sức hút, mà cũng như chờ đón nhận những âu yếm nồng nhiệt.

Mỗi ngày sau hai giờ làm vườn, Vân mệt lả, nằm trong bồn nước nóng đầy xà phòng ngập đến cổ nhìn lên trần nhà hát khe khẽ. Cũng có khi Vân không giữ được yên tĩnh đập nước đùng đùng và hát to như trẻ con. Các cô khác nghe thấy tưởng là Vân đang lên cơn vui. Chính thực ra Vân biết lúc ấy là lúc đầu óc trống rỗng và vô nghĩa nhất nên phải làm một cái gì ầm ĩ để lấp cái trống rỗng, để không còn cảm thấy vô nghĩa được.

- Kìa chị Vân ăn đi chứ. Công trình các chị gói bánh ăn Tết và mừng Ngọc ốm khỏi... Không ăn Ngọc giận, ốm lại cho mà xem.

Vân đang mơ mộng, giật mình trở lại với hiện tại, vừa xắn chiếc bánh vừa nhìn Ngọc. Mới cách đây hai tuần, Ngọc còn ốm nằm mê man trên giường bệnh, bây giờ đã ngồi dậy ăn chung, nói lem lém làm việc như thường. Da mặt Ngọc đã thay bỏ lớp cũ, da non ra hồng hào, mơn mởn, tươi thắm như da trẻ con, mắt Ngọc sáng long lanh trông rất xinh. Thấy Vân nhìn mình mỉm cười, Ngọc hỏi:

- Sao chị nhìn em dữ thế?

- Ngọc bắt đầu ăn được ngon miệng rồi, chóng mạnh lắm. Cứ việc ăn, đừng sợ phát phúc.

- Em có sợ đâu. Em ăn nhiều ăn ít gì cũng thế thôi. Không bao giờ thêm bớt gì cả. Người em là một tác phẩm tuyệt vời mà. Thêm một lạng thì quá mập, thiếu một lạng thì quá gầy.

Hằng vỗ tay reo:

- Hay hay. Em sẽ học câu ấy của chị. Thêm vào một câu hôm nọ là thêm một phân thì quá cao, thiếu một phân thì quá thấp. Chỉ khổ cho em, em lùn quá. Sau này nhỡ có bồ cao lại phải bắc thang trèo lên mới ngả được đầu vào ngực bồ, chán quá. Hằng nói xong, bóc thêm một chiếc bánh chưng để vào đĩa của mình.

- Em phải ăn thật nhiều mới được. Mai mốt vào trường lại phải ăn "hamburger" và "hot dog" chán chết. Về đây ở chung với các chị mấy tháng, tuy không có cái vui nhộn như em hằng ước ao nhưng được ăn toàn món ăn Việt, lại biết tự nấu lấy nữa. Chuyến này về, em tha hồ mà trổ tài với các anh ấy.

Hằng vừa ăn vừa nói tiếp:

- Chị Ngọc lành rồi, "Ba Xạo" không thấy đến nhỉ. Tiếc quá chị Vân đã điều đình giúp em, nhờ "Ba Xạo" cắt cái mũi sư tử của em, sửa cho gọn cao và đẹp, chỉ tính có nửa tiền, thế mà em không đành tâm "ly dị" một tháng lương để sửa. Mất một cơ hội tốt nhưng cũng đành vậy. Sau này anh nào yêu em thì cũng phải yêu luôn cái mũi sư tử của em nữa.

Ngọc nghe nói đến tên "Ba Xạo" phá lên cười.

Vân nghe đến chữ "Ba Xạo" thì biến sắc mặt. Tim nàng như có vật gì đâm nhói vào.

Chợt trông thấy sắc mặt Vân, tiếng cười của Ngọc cũng tắt hẳn, còn Hằng vẫn vui thích cười vang lên. Ngọc tinh ý hơn Hằng. Trong đời Ngọc, trước khi lấy chồng, Ngọc từng biết thế nào là thăng trầm ấm lạnh của tình cảm. Còn Hằng vẫn ngây thơ. Có lẽ trong đời học sinh Hằng đã từng yêu vơ vẩn một vài hình bóng nhưng đấy chưa thật là tình yêu có đủ khói lửa sóng gió, Hằng chưa biết được "lửa sống" để hiểu rõ nội tâm của kẻ khác. Hằng thường nói:

- Em không tin có người buồn tình mà mất ăn mất ngủ được. Nếu em yêu mà bị tình cho "lay off" thì càng buồn em càng ăn nhiều. Còn ngủ thì như các chị biết đấy, sáng nào chị Vân đánh thức dậy đi làm, em cũng nằm vật lên vật xuống mấy chục lần, cuối cùng sợ bà Lan bỏ rơi, không có xe đến trường nên mới cố gắng lấy hết can đảm bình sinh vùng dậy đi tắm. Không tạt nước lã vào người, chỉ rửa mặt thôi cũng không thể nào tỉnh táo được.

Vân bỏ đũa, dẹp chén đĩa của mình vào chậu nước rửa bát xong nói nhỏ một mình:

- Ăn nếp chóng no làm sao. Mình phải coi chừng kẻo béo ra thì nguy. Tham ăn làm hỏng mất một tác phẩm tuyệt diệu của hóa công, tội chết phải xuống địa ngục A Tỳ...

Nói xong, không đợi mọi người phản ứng, Vân ra phòng khách ngồi nhìn qua cửa kính.

Ánh sáng của ngọn đèn đường xa quá không soi thấy gì cả. Sương mù đã xuống dày đặc xóa nhòa những ánh đèn lấp lánh bên kia bờ bể. Vân ngồi trong phòng ấm mà nghe như cũng cảm thấy được hơi sương. Khí lạnh bên ngoài như hòa hợp với băng giá phất ra từ trong tâm. Vân rùng mình nhìn xuống sân. Bên dưới chỉ có hai chiếc xe hơi, một của Ngọc, và một của bà Lan. Vân ngồi bất động mơ tới chiếc xe thứ ba. Chiếc xe ấy, mới cách đây ít lâu còn hay đến đỗ trước nhà này. Chiếc xe màu ngà ngừng êm không một tiếng động, nên bao giờ cũng mãi tới khi có tiếng gõ cửa cả nhà mới biết là có khách. Vân có cảm giác rằng, chiếc xe ấy sẽ không bao giờ đến nữa. Có những điều người ta mơ hồ biết trước mà không lý luận vào đâu được.

Ai trông thấy Hà mà không nghĩ đây là một hạt châu. Là một "hạt châu" từ trong trứng, cả thế giới dám cấp giấy chứng nhận Hà là một hạt châu chính hiệu, thế mà cái tinh thần ba xạo của Hà thì ví với mắt cá cũng còn chới với.

Nhưng điều mâu thuẫn rủi ro nhất cho tâm hồn người đàn bà là thấy rõ cả một trời khuyết điểm mà tình cảm vẫn không suy chuyển. Vân vừa nhớ Hà, vừa giận Hà, vừa ao ước gặp Hà mà đồng thời cũng thầm mong đừng bao giờ gặp Hà nữa để có thể quên.

Chỉ trong vòng một thời gian rất ngắn, Vân bỗng dưng trở thành một con người khác hẳn. Trước kia Vân tưởng mình, một đời sống mười năm quả phụ với một vài lần hiểu lầm, trái tim như đã im lặng, như bất động hàng thế kỷ không còn biết cảm xúc là gì. Thế nhưng tình yêu chớp nhoáng đã đến với nàng như một cơn bão bất ngờ. Cơn bão đến không báo trước, và lúc đi cũng tan biến vào khoảng không như một bóng ma, không một lời từ giã, không một câu giải thích, không một chữ hẹn hò...

Vân nhớ lại cách đây mấy tháng khi Vân gặp Hà lần đầu. Vân giật mình kinh ngạc mà không hiểu tại sao, nên vẫn cố thản nhiên che dấu bối rối. Vân đã nhìn Hà như một bảo vật trong tủ kính. Vân nhìn với cái nhìn của kẻ biết mình biết người, nhìn một cách quí mến, tán thưởng mà không hề ao ước.

Hôm ấy Vân đem Ngọc đến phòng khám bệnh của Hà. Vân đã giật mình kinh ngạc vì Hà rất

giống một người bạn cũ ngày xưa của Vân. Tuy không giống hẳn nhưng khuôn mặt, khổ người, dáng điệu thanh thanh cũng đủ làm Vân lặng hẳn người đi. Mái tóc hoa râm của người đàn ông đối với một người đàn bà đứng tuổi, lắm khi trông còn hấp dẫn hơn vẻ đẹp của một lực sĩ. Đôi mắt Hà nhìn thẳng thắn tỏa ra một sức mạnh trầm lặng mà nồng nhiệt vô cùng.

Vân nhìn trộm tay Hà thấy đeo một chiếc nhẫn ngọc thạch cùng kiểu với bộ khuy tay áo. Hà không đeo nhẫn cưới, nhưng có nhiều người vợ con hàng đàn mà vẫn để ngón tay trống trơn như bàn tay độc thân. Đã lâu Vân không còn tin được vào những bàn tay không nhẫn ấy nữa!

Ngọc còn phải đến phòng bệnh nhiều lần, và mỗi lần Vân đều phải đem đi. Hà đã quen mặt thuộc tên hai người, đã thích hỏi những câu bâng quơ ngoài chuyện bệnh tình. Một hôm Hà hỏi Vân:

- Cơm Việt Nam có ngon không cô?

Giá Vân là một người khác, qua nhiều lần "bốn mắt nhìn nhau" như thế, sẽ hiểu ngay đây là câu "mở đường cho hươu chạy," Vân có thể trả lời, "Ngon lắm chứ, ngon hơn cả cơm Tầu nữa! Ông có muốn ăn thử không?" Hà sẽ trả lời, "Có chứ! Nếu cô định cho tôi ăn thử cơm Việt Nam thì còn gì bằng!"... và cứ như thế sẽ có rất nhiều khoản chính, khoản phụ cần phải để hạ hồi phân giải...

Nhưng Vân chỉ thật thà trả lời:

- Đối với tôi cố nhiên là ngon!

Một lần khác Hà lại gợi chuyện:

- Tiếng Việt Nam có khó không cô? Tôi muốn học tiếng Việt Nam lắm. Tôi sắp tình nguyện sang Việt Nam ba tháng giúp việc tại nhà thương Sài Gòn.

Đây cũng là một câu "mở đường cho hươu chạy" nữa! Đáng lẽ Vân trả lời, "Dễ lắm, nếu ông muốn học một vài câu nói thông dụng tôi sẽ dạy ông. Tôi chắc sẽ rất có ích khi ông đến Việt Nam." Thế rồi câu chuyện có thể kéo dài ngày học, giờ học và vô tận... Nhưng Vân chỉ trả lời một cách đứng đắn:

- Tiếng Việt Nam rất dễ vì văn pháp giản dị. Nhưng đối với người ngoại quốc thì khó về dấu và giọng.

Hà nhìn Vân không nói gì. Cái nhìn có vẻ trách móc như bảo:

- Đồ ngu, ta mở đường cho mà không biết đi!

Vân cũng nhìn lại một cái nhìn thách thức như để trả lời:

- Đứa nào giả vờ ngu được là đứa ấy không ngu lắm đâu! Làm chủ cả một cái bệnh viện như ông, đẹp trai tài giỏi như ông, không hỏi cũng biết đàn bà chung quanh ông thiếu gì. Ở cái bán đảo quanh năm thường trực có hàng chục ngàn đàn bà vừa góa, vừa ly dị, vừa nhỡ tàu, và nửa chừng xuân... quanh năm ông sửa mắt, sửa mũi, kéo da, thêm ngực cho hàng nghìn người, ông muốn thì thiếu gì, bộ tôi cũng chui vào tròng để rồi chết không ngáp à?

Vân cố giữ mình để cho cuộc đấu trí giữa hai bên sớm chấm dứt. Nàng không trả lời những câu hỏi bâng quơ của Hà nữa! Cả hai bên đều có thể tự coi như đã đi lạc vào rừng, trông thấy một đóa hoa dại tuyệt đẹp, và cố nhiên không thuộc quyền sở hữu của ai hết, nên đã dừng chân ngắm nghía tán thưởng một lúc rồi lại tiếp tục đi.

Câu chuyện chỉ có thể đến đây là hết, nếu Ngọc không quyết định sửa nhan sắc, thay da mặt, và Vân lại phải chở Ngọc đến phòng bệnh của Hà mỗi ngày. Lúc da non ra, Ngọc phải tránh nắng và gió nên một hôm Vân phàn nàn với Hà:

- Các cô nữ khán hộ của ông bảo ông không bao giờ thăm bệnh nhân ở nhà cả. Nhưng đây là trường hợp đặc biệt, xin ông đến nhà, chúng tôi sẽ trả tiền gấp đôi.

Hà mỉm một nụ cười bí hiểm trả lời:

- Được, tôi sẽ đến. Tôi không tính tiền đâu! Chủ nhật này 1 giờ trưa nhé!

Ngay tối hôm ấy khi cả nhà còn ngồi bên cạnh máy truyền hình bỗng có tiếng chuông điện thoại reo vang. Tiếng Hà ở bên đầu giây kia:

- Bác sĩ Hà đây. Chào cô. Thế nào, các cô đang làm gì đấy? Tôi sẽ đến thăm các cô.

Vân ngạc nhiên trả lời:

- Vâng, ông có hứa đến thăm bệnh ngày mốt. Chủ nhật, 1 giờ trưa.

- Tôi sẽ đến ngay bây giờ.

- Bây giờ là 11 giờ đêm?

- Còn sớm chán. Tôi sẽ đến trong 5 phút.

Vân gọi các bạn:

- Này các cô, bác sĩ Hà tới ngay bây giờ!

Tất cả mọi người đều ngạc nhiên:

- Động mả hở?

Đúng 5 phút sau Hà đến với chai rượu trong tay. Cả nhà cùng uống mỗi người một ly nhỏ, còn Hà uống hết cốc này đến cốc khác không ngừng. Hà nói chuyện vui vẻ, bặt thiệp, duyên dáng, có óc hài hước vô cùng.

Lúc ra về, Hà bắt tay tất cả mọi người trong nhà, chỉ một mình Vân đưa Hà ra xe. Hà mở cửa xe bảo:

TUỆ SĨ

MƯA CAO NGUYÊN

1.
Một con én một đoạn đường lây lất
Một đêm dài nghe thác đổ trên cao
Ta bước vội qua dòng sông biền biệt
Đợi mưa dầm trong cánh bướm xôn xao

2.
Bóng ma gọi tên người mỗi sáng
Từng ngày qua từng tiếng vu vơ
Mưa xanh lên tóc huyền sương nặng
Trong giấc mơ lá dạt xa bờ

3.
Người đứng mãi giữa lòng sông nhuộm nắng
Kể chuyện gì nơi ngày cũ xa xưa
Con bướm nhỏ đi về trong cánh mỏng
Nhưng về đâu một chiếc lá xa mùa

4.
Năm tháng vẫn như nụ cười trong mộng
Người mãi đi như nước chảy xa nguồn
Bờ bến lạ chút tự tình với bóng
Mây lạc loài ôi tóc cũ ngàn năm.

- Mời cô lên xe một lúc, tôi có chuyện quan trọng muốn nói.

Hà vừa nói vừa đẩy nhẹ Vân. Vân không kịp có phản ứng gì hay suy nghĩ xa xôi, theo đà bước lên xe. Vân vừa ngồi xuống thì Hà đã ngồi ngay bên cạnh. Vân định hỏi Hà muốn gì, nhưng chưa kịp mở lời, thì một tay Hà đã quàng qua sau lưng Vân, một tay ôm ngang. Anh chận câu hỏi bằng một cái hôn. Vân vùng vẫy chống cự, cái phản ứng đầu tiên của một người khi bị tấn công bất ngờ. Nhưng bị kềm chặt giữa hai vòng tay cứng rắn của Hà, Vân không thoát được. Môi của Hà mềm và thơm ngát mùi rượu dâu. Vân thấy choáng váng ngây ngất, để yên cho Hà tìm môi mình sâu hơn.

Hà chỉ ngừng lại thở trong vài giây rồi lại hôn tiếp. Và Vân mất hết ý tưởng chống cự, để mình chìm đắm sâu hơn trong mỗi cái hôn của Hà. Bỗng cả hai giật mình vì đèn ở ngoài hiên bật sáng. Có tiếng trên gác vọng xuống:

- Vào nhà nhanh lên kẻo gió lạnh lại bị ốm Vân ơi!

Cô nàng nào lo Vân bị lạnh lại có nhã ý vặn đèn soi đường, nhưng lòng tốt đến không đúng lúc, hình như không được hoan nghênh lắm.

Hà buông tay, Vân sửa lại tóc. Hai người nhìn nhau bâng khuâng.

- Thôi tôi về, khuya rồi. Mai là ngày mổ của tôi.

Vân gật đầu.

- Chủ nhật anh còn đến nữa không?

Hà se sẽ gật đầu, mở cửa xe cho Vân. Nhìn chiếc xe chạy biến vào đêm tối, Vân thong thả bước lên nhà nghĩ thầm:

- Đời là vậy sao? Hơn 10 năm sống như một đóa hoa kết thành băng, bỗng trong giây phút bị một người lạ mặt hái trong một lúc không ngờ nhất. Thì ra thời đại nguyên tử có khác. Hai người nhìn nhau, hiểu nhau muốn gì, người đàn bà cho cơ hội, và người đàn ông nắm lấy không cần có một lời mở đầu.

Vào nhà cả bọn hỏi tưng bừng tới tấp:

- Chuyện trò gì mà lâu quá vậy?

- Ai cho ai uống nước đường hở?

- A ha! Thế mà mấy cô khán hộ cứ quát tháo ầm cả lên: "Bác sĩ của chúng tôi không bao giờ làm "house call". Thấy chưa? Bây giờ "house call" từ 11 giờ đêm đến 3 giờ sáng!

Vân không trả lời những câu hỏi lửng lơ. Đầu óc nàng choáng váng, tâm trí lâng lâng một niềm vui từ đâu kéo đến như nước vỡ bờ tràn ngập mênh mông. Thì ra khi một người đàn ông được coi như xứng đáng đến đúng lúc, thì họ có thể xoay chiều cả một nhân sinh quan, ở trong bất cứ cái đầu óc nào bướng bỉnh kiên cố nhất.

Trưa hôm sau trong lúc không ai ngờ Hà đến, thì Hà lại lừng lững vào và ngồi chơi rất lâu. Cả bọn đều hoan nghênh đã "tậu" được một người bạn mới biết chữa bệnh, biết nói chuyện rất có duyên và biết cả đàn hát nữa!

Sau buổi cơm tối cả nhà tưởng là đã hết khách, không ngờ Hà lại còn đến. Mọi người đều đi ngủ từ lâu, cái divan ở phòng khách cũng đã lật ra

thành giường. Khách được mời ngồi trong nhà bếp.

- Anh muốn uống cà phê hay nước trà?

Hà lắc đầu:

- Tôi đã uống tất cả các thứ rồi.

Vân nhìn Hà ngạc nhiên nghĩ thầm: 1 giờ sáng, anh chàng này ở đâu đến đây? Tại sao giờ này còn lang thang như đồ...

Hà không để Vân có thì giờ nhìn anh để phân tích hỏi han. Anh giơ tay kéo mạnh Vân vào lòng, thế là những cái hôn đến tới tấp như mưa.

Trưa chủ nhật, Hà giữ đúng lời hứa, làm cái "house call" chính thức. Nhưng bác sĩ đến không phải để thăm bệnh mà để ăn cơm tối với bệnh nhân và cả nhà rồi ra về. Ngọc đã gần khỏi, ngồi dậy đi ra đi vào nói chuyện lém lỉnh như thường, chỉ còn da mặt đang thay chưa được phép ra nắng.

Buổi cơm tối, bệnh nhân và các cô bạn gái bắt đầu đem bác sĩ của mình lên bàn mổ phân tích:

- Thằng cha này lạ! Có địa vị, danh giá, nổi tiếng giàu có, đẹp trai, đàn hát đủ tài, thế mà lại như có vẻ cô đơn!

- Theo thuyết của bà Lan thì những anh nào bị vợ bỏ là "something wrong". Anh nào đủ điều kiện cho đàn bà chết mệt mà cũng bị vợ chê là "something" lại càng "wrong" lắm lắm lắm!

- Thằng cha này có đủ khả năng để có một nghìn lẻ một người yêu, tại sao lại chạy đến đây bất phân nhật dạ như đồ cầu bơ cầu bất thế nhỉ?

Những câu hỏi lửng lơ nêu ra, không ai cần trả lời, mà thực ra cũng không ai hiểu Hà đủ để trả lời.

Hà còn đến nhiều lần nữa, và lúc nào cũng có cả nhà quây quần chung quanh anh nói chuyện, nên trước mặt mọi người anh chỉ dám nắm tay Vân mà thôi. Vân không nói nên cũng không ai biết giữa Hà và Vân đã đi đến đâu.

Một hôm, lúc lại đem Hà lên bàn mổ, Ngọc bảo:

- Thằng cha hay đùa quá. Mới đầu thì vui, bây giờ thấy chướng. Mình hỏi câu gì quan trọng đáng trả lời một cách đứng đắn, hắn cũng bông đùa. Ví dụ như hôm qua em hỏi về cái khoản "special charge" trong đơn tính tiền là gì, thằng chả trả lời: "Đó là nụ cười duyên dáng của tôi dành riêng cho cô".

Hằng cũng nói:

- Thằng cha ấy lạ. Chỉ độc nói chuyện với một mình chị Ngọc. Hai người đối đáp sát sạt như keo sơn, không còn ai chen được một chữ vào trong câu chuyện. Thế nghĩa là trong bụng lão thì thích chị Ngọc, mê chị Ngọc, nhưng vì Ngọc có chồng rồi, nên lão nắm tay chị Vân cho đỡ ghiền!

Vân cũng tiếp:

- Tôi thấy lão nói láo số một. Lão chỉ thích đến bất ngờ bất cứ giờ nào, không nghĩ đến chủ nhân có tiện tiếp khách hay không. Còn khi lão hứa và mình chờ thì lão không đến. Party của mình nhận lời đến rồi lờ đi, không xin lỗi trước lỗi sau gì cả. Party của lão, hứa đến đón mình rồi quên luôn.

Ngọc gật đầu:

- Thằng cha ba xạo thật!

Hằng vỗ tay:

- Ha ha, Ba Xạo đúng là tên của lão!

Thế là từ đấy, tên Ba Xạo được ghi vào sổ bộ, được mọi người công nhận đúng là tên của Hà.

Vân nói:

- Ba Xạo ly dị, vợ ở nhà thương điên. Có khi cái ba xạo của lão làm vợ nổi khùng, chịu không nổi hóa điên cũng không biết chừng!

Mỗi ngày mọi người lại tìm thêm được một vài sáng kiến trong sự mổ xẻ tâm hồn và cuộc đời của Hà, và những phát giác mới càng củng cố cái ý nghĩa tính chất của tên Ba Xạo thêm lên.

Cho đến mấy tuần lễ sau này, Ba Xạo không thấy đến luôn như trước. Bệnh nhân lành rồi, bác sĩ không cần săn sóc, hay bác sĩ còn đang bận làm một "house call" nào quanh quất đâu đây!

Ở dưới đường từng chiếc xe đi qua, vết đèn chạy dài trên đường nhựa sáng loáng. Bây giờ Vân không hy vọng một trong những chiếc xe ấy dừng lại nữa. Chỉ một thời gian rất ngắn vừa qua, cuộc sống sóng gió nội tâm đầy đủ hơn cả 10 năm trời đằng đẵng. Rất nhiều tình yêu gói ghém niêm phong cất kín từ đời kiếp nào, một phút được mở khóa đem ra phơi nắng. Thoát khỏi xiềng xích, tình bay lan tràn, ngập cả tim óc, ngập cả không gian. Nhưng cũng như một phép nhiệm mầu, mối tình tự cảm thấy thoát ra không đúng thời đại, cho không đúng người, đúng lúc, tình tự thu mình nhỏ dần, nhỏ dần, rồi không ai bắt buộc, chính nó tự lắng vào tận nơi u uất nhất của tâm hồn, tự niêm phong lại sâu chặt hơn xưa.

Một trận gió ngược đã thổi tất cả sương mù sang vùng khác, bên kia bờ biển hàng vạn ánh sáng lấp lánh đủ màu như một rừng kim cương hiện ra.

Ngọc đã ăn xong đến ngồi cạnh Vân. Vân nhìn Ngọc, thấy người bạn trẻ hơn 10 tuổi, bây giờ vừa thay da mặt xong đẹp hơn trước gấp bội. Từ lúc mới quen nhau hồi 4 năm trước, Vân vẫn coi Ngọc như em gái, thương Ngọc một cách chân

thành. Nhất là những ngày Ngọc vừa ở bệnh viện về, Vân đưa đón, bồng lên đỡ xuống, nâng niu như một người em bé, tình thương càng sâu đậm thêm lên. Nhưng từ lúc Hà đến và nhận thấy Hà chỉ thích nói chuyện với Ngọc, Vân mới nhận ra Ngọc có một nhan sắc hấp dẫn đàn ông kinh hồn, nhan sắc ấy người đàn bà nhìn nhau như bạn gái không thể nào cảm thấy được.

Hằng ăn xong cũng theo ra phòng khách, hỏi:

- Này các chị, em nhận thấy là Ba Xạo mê chị Ngọc nhưng Ngọc có chồng rồi, lão không dám dở trò sợ bị ăn đòn, nên dùng chị Vân làm bình phong.

Ngọc tức quá, gân cổ lên cãi:

- Ngọc có chồng rồi còn mê man gì! Nói bậy phải đòn bây giờ! Bác sĩ đến thăm bệnh nhân thì phải nói chuyện với bệnh nhân chứ còn nói với ai!

- Bác sĩ nói với bệnh nhân về các vấn đề nhân sinh quan, và hạnh phúc của nhân loại, và vũ trụ với lại không gian... hà hà nghi quá. Lại còn cả chuyện con khỉ, con tiều, vớ vẩn không đâu vào đâu nữa!

Vân không nói gì nhưng nghĩ thầm:

- Ngọc có chồng rồi ai chả biết, nhưng ai cấm được đàn ông mơ tưởng Ngọc. Ngọc rất yêu chồng, tối nào cũng viết thư cho chồng, nghe chồng hát trong máy ghi âm, ấp yêu ảnh chồng nào ai biết. Họ vẫn cứ hy vọng như thường.

Tự cho là mình nghĩ bậy, Vân hối hận nói:

- Xin lỗi Ngọc nhé!

Ngọc ngơ ngác không hiểu. Vân càng cảm thấy thương Ngọc hơn xưa. Ngọc có lỗi gì đâu khi có người yêu mê Ngọc. Ngọc làm sao bắt buộc được người khác đừng yêu thích mình. Nếu trong câu chuyện Ngọc đã lắm lúc muốn đem tài quán thông kim cổ của mình ra áp đảo các bạn, thì cũng là một hành động đúng theo bản tính hiếu thắng của con người.

- Tết nhất gì mà kỳ cục thế này? Không có thủy tiên, không có pháo, không có áo mới, chúc mừng. Không có bà con cô bác gì cả. Chỉ có một cành đào giấy với mấy cái bánh chưng bé tí teo thế này cũng dám gọi là Tết à?

Lại vẫn cô bé Hằng liến thoắng, phàn nàn. Vân thêm:

- Chưa hết đâu. Đừng quên là ngày mai dù mồng một, chúng mình vẫn cứ phải đi dạy như thường. Đây đâu có phải là quê hương của ta mà bắt thiên hạ phải ăn Tết theo ta. Tốt hơn hết là cứ ngồi yên mà hồi tưởng.

Bà Lan đem lên tặng các cô một đĩa kẹo mứt mua ở phố Tàu để pha trà tham gia buổi tối hồi tưởng tất niên cho thêm ấm cúng.

Trong phòng khách, mỗi người ngồi một góc, không nhìn nhau, cũng không cần mang cái mặt nạ vui tươi. Các cô yên lặng ngồi nhìn vào khoảng không. Mỗi người trong tay cầm một chén trà, một miếng mứt. Dù tách trà có đưa lên môi, chất trà có thấm vào thể chất, bà Lan biết không có ai đang sống trong hiện tại. Bà Lan phá tan sự yên lặng trước:

- Thôi, thì giờ tưởng niệm quá khứ như thế là đủ rồi. Bây giờ đến tương lai. Mỗi người đều phải nghĩ tới điều mình ao ước, tưởng tượng điều đó thực hiện y như thực.

Hiền ngập ngừng hỏi:

- Có phải nói ra không?

Bà Lan lắc đầu:

- Không cần, cứ tâm niệm cho mình, hằng đêm tâm niệm, mãi mãi rồi sẽ thành sự thực. Đừng nói ra mất thiêng!

Nhìn mấy cô gái cô đơn ngồi bó gối thả hồn phiêu lưu, bà Lan nhè nhẹ mở cửa xuống nhà dưới.

Ba tuần lễ sau, Ngọc đi làm trở lại. Cả nhà trở về với nhịp sống bình thường. Nhưng thực ra nếp sống chỉ có vẻ bình thường phần vật chất ngoài mặt, còn phần tình cảm trong thâm tâm ai cũng có nhiều thay đổi. Mực sống vui vẻ đã lên đến cao triều bây giờ đang hạ dần xuống.

Ngọc và Hằng ngày ngày tính nhẩm xem bao giờ về trường, đã làm được bao nhiêu, để dành được bao nhiêu. Hiền tính chuyện về nước lấy chồng. Bà Lan rất đồng ý, cứ khuyên Hiền mãi:

- Cô Hiền về nước chắc thích hợp hơn. Cô không yêu được người ngoại quốc mà gặp người Việt ở hải ngoại thì khó hơn đáy biển mò kim. Hai người dù có cô đơn đến đâu gặp nhau cũng ít khi đủ điều kiện để hợp nhau. Hai thứ cô đơn hai nhãn hiệu khác nhau, như không cùng chung một thế giới, ngửi không được!

Hằng đã biết nấu tất cả những món ăn trên tờ thực đơn dán trong bếp hai trang dày đặc, đã biết làm tiệc cho 20 người ăn mà không mệt, biết cách chế biến khi cấp thời, biết sáng kiến nấu những món ăn cũ thành mới, biết chế ra những món ăn không tên với bất cứ loại rau thịt nào có sẵn trong nhà. Hằng đã bắt đầu thấy mình tài giỏi nên tỏ ra chán làm bếp.

Hiền xưa nay vẫn sống riêng biệt, tự nhiên thấy nói chuyện thủ thỉ với Hằng nhiều hơn, và Hằng bỗng dưng cảm thấy thiệt thòi vì phải làm bếp nhiều hơn mọi người. Hằng đã quên mất rằng

lúc đầu nàng đã phải tranh đấu kịch liệt dành phần làm bếp để học hỏi. Vân hiểu ý, lấy lại chân nấu bếp như lúc đầu.

Càng ngày Ngọc và Vân càng hiểu thêm về tính nết Hằng qua những câu chuyện chắp nhặt trong mỗi bữa ăn.

- Em ở trường Xơ, các Mẹ các Dì la mắng gì em cũng cười, cũng vâng dạ, mà thực ra em chẳng bao giờ nghe theo cả. Các mẹ thấy em không bao giờ cãi cho là con bé ngoan nhất, lành nhất, có biết đâu là trong thâm tâm em cóc cần.

Một lần khác Hằng cho biết:

- Ai muốn nói gì thì nói, em không nghe thì thôi. Con bé lúc nào cũng chỉ cười, cười thực tươi cho thiên hạ tha hồ nói mỏi mồm, chê chửi chán thì ngừng.

Thì ra đây là mặt thực của Hằng, cô bé lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, ngoan ngoãn, nhã nhặn, rộng rãi, hay mời mọc đến một mức độ làm cho mọi người không tin được ở trên đời có thể có một cô gái dễ thương đến thế. Bây giờ mới biết được bọc trong nụ cười duyên dáng ấy là cái gan lì, tính cóc cần, bướng bỉnh, ngạo đời, sâu đậm hơn ai cả. Và trong khi mọi người thấy cô luôn luôn nhã nhặn xin học hỏi, xin mọi người tận tâm chỉ bảo, trong khi cô rót những cốc nước đường đầy tràn vào người khác, cô tự cười thầm trong lòng:

- Chúng mày ngu cho chúng mày chết! Cho chúng mày tha hồ mà phơi bày tim gan lòng dạ. Điều gì tao muốn biết, tao học cho hết, xong rồi tao cười vào óc chúng mày!

Bây giờ mỗi lúc trông thấy Hằng cười, cũng nguyên nụ cười xinh xinh với cái má núng đồng tiền giả tạo ấy, Vân đọc thấy câu:

- Cho chúng mày chết, tao cóc cần!

Ngọc không nói chuyện nhiều chỉ sửa soạn về trường. Ba tháng nữa, chồng Ngọc sẽ thôi ở trong quân đội, dọn nhà đi Hoa Thịnh Đốn, Ngọc sẽ theo chồng đến đấy nên đã làm đơn xin đổi trường, hằng ngày thư từ giấy tờ gởi đến tới tấp.

Đêm cuối cùng của bộ tứ, ai nấy đều hành lý sẵn sàng để lên đường. Hiền về nước hy vọng "yểu điệu thục nữ" sau 15 năm chu du thế giới, may ra sẽ gặp được "quân tử hảo cầu" để thấy quê hương mình là đẹp hơn cả. Hằng về trường học nốt 2 năm nữa để giật mảnh bằng MA. Cô đã đi phố Nhật mua một thùng to tướng vật liệu để nấu cơm Việt Nam, nào là xì dầu Tầu, nước mắm Hồng Kông, bún, nấm, măng, tương v.v... lại có cả mấy gói trà thơm, một bộ đồ trà sứ xinh xinh. Cô bé quyết tâm mở chiến dịch thu hút những chàng trai "rường cột nước nhà" đang sống tha phương cầu học, và hằng đêm ngày mơ tưởng đến mùi quê hương, vị quê hương như bát phở tái, bún chả, gà xé phay, bò bún, sườn nướng, gỏi tôm v.v...

Ngọc cũng sửa soạn giấy tờ xong, nàng đã cho tất cả hành lý lên xe, chỉ còn chờ ngày mai mặt trời mọc là lên đường.

Suốt đêm Vân tắt đèn ngồi bên cửa sổ nhìn ra bể. Bên kia bờ bể vẫn cái rừng kim cương ánh đèn bát ngát bất di bất dịch ấy như ngày cả bọn mới đến, nhưng tháng ngày qua, tâm trạng con người đã khác xa. Cảm tình của bốn người bạn đối với nhau cũng không còn đơn giản như ngày mới gặp. Vân chợt nghĩ đến câu ví "hạt châu như mắt cá" của người xưa. Phải, ở đời đúng là hạt châu mắt cá lẫn lộn. Mắt cá có cái màu sắc và hình dáng của hạt chậu; và cũng có rất nhiều hạt châu chỉ có cái vỏ bóng bảy xinh đẹp bên ngoài, trong ruột lại còn tệ hơn cả mắt cá. Bây giờ làm thế nào để mượn được một đôi mắt xanh của cổ nhân để phân biệt ai là hạt châu hay mắt cá trên đời đây!

Sợ ý nghĩ miên đưa đi xa quá mà không đến đâu, Vân lắc đầu như xua đuổi những ám ảnh phức tạp, Vân bảo thầm:

- Chủ trương của Hằng thế mà hay. "Cứ cười cho thật tươi, còn thì cóc cần tất cả". Cô bé con khôn lạ.

Hành lý của Vân cũng đã xếp đặt gọn gàng. Vân đã tặng hay vứt bỏ tất cả những thứ không cần đến, chỉ giữ lại đúng 20 cân hành lý hãng máy bay cho phép mang theo. Các cô hỏi Vân đi đâu, Vân chỉ lắc đầu:

- Chưa biết! Khăn gói gió đưa. Muốn đến đâu thì đến. Tôi không còn cha mẹ, không có nhà cửa gia đình, cũng chả có trường mà về. Đi đâu cũng không có gì là quan trọng.

Sáng hôm sau, bà Lan quét dọn trong phòng lại để cho người khác thuê. Bà thấy phòng của Vân sạch sẽ khác thường, không giống phòng các cô kia, mỗi người để lại một núi rác. Chăn màn của Vân do bà Lan cung cấp được giặt giũ xếp vuốt tử tế, phòng không một vết nhơ. Chỉ có một đống tro chất đầy lò sưởi. Vân đã đốt tất cả thư từ, giấy tờ, kỷ niệm... Trong đống tro một mảnh phong bì còn sót lại dấu hiệu "Peace Corps". Bà Lan tự bảo:

- Cô này bướng bỉnh, không khéo lại tình nguyện sang Phi châu công tác mất rồi.

Monterey 1963

ĐÊM GIAO THỪA

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Đêm ba mươi mốt tháng Chạp dương lịch. Thành phố Hamburg ướt át và lạnh băng. Những tiệm bán sách báo và phim ảnh khiêu dâm dọc theo hai bên đường Reeperbahn coi mòi ế ẩm. Các cô gái ngồi trong buồng kín với thân hình trần trụi cho khách làng chơi bỏ tiền vô coi, những chị em bán dâm ngồi trong các nhà kiếng, hoặc tập trung trong một chung cư đã đóng cửa gần hết. Xe đường hầm mỗi đợt đổ khách xuống ào ạt, một lát sau người ta biến đi đâu mất. Trên đường phố thưa thớt bóng người. Những người nầy có lẽ cũng như anh, không có nơi đón Tết nên mới đi thất thơ giữa trời đông giá lạnh.

Lúc phố xá bắt đầu hực hỡ nhiều màu sắc, cũng là lúc anh tà tà từ đầu phố đi đến cuối phố và từ cuối phố đi ngược lại. Mới hơn mười giờ mà anh đi tới, đi lui không biết bao nhiêu bận rồi. Nghe người thấm lạnh, bèn quẹo vô quán bia ôm quen thuộc. Tony đứng quày rót rượu, thấy anh vô nó vẫy tay chào:

- Hi, tàu mầy mới ghé phải không?
- Không, ghé hồi sáng.
- Sao giờ nầy mầy mới lên?
- Tao lên từ hồi chiều, nhưng tao đi rảo ngoài đường.
- Ở ngoài giờ nầy đâu có khỉ gì, giao thừa mới vui. Mầy uống gì tao rót?
- Cho tao cái cognac.

Tony rót rượu đưa anh:

- Ly nầy tao đãi mầy.
- Cám ơn.

Tony day ngang tiếp người khách mới vô. Tony người Phi Luật Tân, sở dĩ anh với Tony tâm đồng ý hợp vì hai đứa sống trên hai đất nước tài nguyên cạn kiệt do những tên ăn cắp và con người ở hai xứ sở ấy đều bết bát như nhau. Hai người cũng đồng ý với nhau rằng hai quốc gia Việt, Phi cứ tiếp tục như vầy hoài, thì phải chờ tạo thiên lập địa một lần nữa may ra mới ngóc đầu lên nổi. Đúng ra anh leo lên chiếc ghế trước quày ngồi chờ Tony rảnh rang trò chuyện. Nhưng đêm nay anh không thích nói về hai xứ sở chẳng ăn trăn quấn đó nữa. Anh bưng ly rượu lại ngồi bên chiếc bàn trống. Trên bàn có cuốn sách khiêu dâm của ai đó bỏ quên, vậy khỏi tốn gói đậu phộng làm mồi, anh móc thuốc châm, hít một hơi dài, phà ra ngụm khói lớn góp phần vào khối hôi hám đầy đặc trong không khí. Anh tiếp tục lật quyển sách vừa xem hình vừa nhâm nhi congac.

- Chào ông anh.

Lẫn trong ầm thanh ồn ào tiếng ngoại quốc tự nhiên anh nghe tiếng Việt thanh thao của một người phụ nữ. Cái gì đây? Anh ngó lên, chưa kịp hỏi thì cô ả tiếp:

- Ông anh còn nhớ em không?

A, thì ra cái cô người Việt Nam mà anh đã gặp trước đây trong hội quán ở Bremen, cô "làm ăn" chung với phụ nữ Phi Luật Tân. Hôm đó cô ngồi với anh, hai người vui vẻ chuyện trò với nhau bằng tiếng Anh, cô có vẻ hơi rụt rè giữ kẽ khi ngồi nói chuyện, nhưng tiếng Anh cô nói rất lưu loát, trong khi anh thì xối xả tiếng bồi. Ngồi chơi với anh được một lát, cô giới thiệu cô là người Việt. Anh mừng quá liền hô lên bằng tiếng Việt:

- Tui cũng là người Việt chánh hiệu con rồng vàng đây.

Tưởng nói vậy cô ta sẽ mừng rỡ biết bao. Nhưng không, cô biểu lộ tình đồng hương bằng cách xịu mặt xuống, bẽn lẽn đứng dậy mượn cớ đi toilet, rồi cô biệt dạng. Bỗng dưng đêm nay cô xuất hiện trong chiếc áo lông dầy, màu xám, dài tới đầu gối, vai mang bóp da với phong cách gái giang hồ thứ thiệt.

- Nhớ chớ làm sao quên được.
- Anh cho em ngồi với nhé.

Anh chỉ chiếc ghế trước mặt nói như ra lịnh:

- Cô ngồi xuống đi, nhưng không được đi toilet như lần trước nữa nghe không.
- Ông anh nầy.
- Anh là anh, ông là ông gọi lộn xộn nghe kì cục thấy mồ. Cô muốn uống gì?

Cô ta dợm ngồi xuống. Nghe anh hỏi cô liền đứng dậy:

- Để em đi lấy. Anh uống thêm?

Anh bưng ly ngước cổ ực một hơi, giơ ly qua cho cô và kèm theo tờ Đức mác. Cô cầm chiếc ly nhưng không lấy tiền.

- Anh cất tiền đi, em có.

Đúng là tết với nhứt. Ngồi chưa nóng ghế đã được hai ly cognac miễn phí. Không biết một lát còn cái nào miễn nữa không? Anh gấp cuốn sách lại, với tay để qua chiếc bàn bên cạnh. Người vô quán mỗi lúc một đông. Các cô gái Phi Luật Tân áo quần đẹp đẽ, đi tới đi lui, lăng xăng chào đón khách, chưa tới giao thừa mà các cô đã hớn hở,

chúy choé:

- Happy new year...

Có hai người đàn ông bao hai cô gái, bày tiệc bàn phía sau góc quán. Trong ánh sáng lờ mờ, mỗi anh ôm chặt một cô, tay thọt vô váy mò mẩm và cũng chính bàn tay đó khi cần rút ra bưng bia uống và bốc đậu phộng rang muối bỏ vô miệng nhai ngon lành, sau đó thọt tay dính đầy muối trở lại chỗ cũ. Hai cô gái cứ thản nhiên ngồi xuôi chưn, dạng háng uống champagne, miệng phì phà thuốc lá. Trò chơi cứ tiếp tục tới giao thừa thì phần giữa háng của hai cô gái chắc cũng vừa đủ mặn.

Cô gái bưng rượu để lên bàn, cô uống rượu pha, màu trắng đục, anh không biết rượu gì. Thấy anh ngồi trầm ngâm ngó vô góc quán, cô yên lặng cởi áo lạnh vắt lên thành ghế và kéo ghế đối diện ngồi xuống. Anh bưng ly nói lời cám ơn, hít hơi thuốc cuối cùng và dụi tàn vô chiếc gạt.

- Anh tên Tân phải không?

- Không tôi tên Đủ.

- Nhưng sao Tony nói anh tên Tân.

- A, thì ra vậy. Tôi tên là Nguyễn Tấn Đủ, nhưng người ngoại quốc phát âm chữ đủ nghe kì cục quá nên tôi mới lấy chữ lót làm tên cho họ dễ kêu.

- Vậy em phải kêu anh tên nào.

- Tùy cô, thấy tên nào tiện cứ kêu.

- Anh Đủ nhé, cho có vẻ miệt vườn một chút.

- Được. Còn cô, cô có tên Việt không, hay mang cái tên ngoại lai nào đó mà tôi đã quên mất rồi?

- Em tên Bích, còn tên ngoại lai thì nhiều lắm, hồi đó giới thiệu với anh tên nào em còn không nhớ nói chi anh.

Anh nâng ly:

- Mời Bích.

- Cụng ly nhấp một hớp, để ly xuống, Anh rút thuốc đưa qua mời. Bích rút thuốc gắn lên môi.

Anh bật lửa châm.

- Ở đây có còn cô nào người Việt nữa không?

- Không anh.

Người vô quán mỗi lúc một đông, toàn là dân tứ phương, đông nhứt là dân Phi Luật Tân.

Tiếng nhạc hoà cùng tiếng người cao giọng ồn ào. Anh và cô gái muốn nói chuyện phải hả họng lớn và kề sát mặt nhau mới nghe được.

- Nghe Tony nói anh ở Hoà Lan.

- Thì đã sao?

Ngồi đây nói chuyện thấy hơi phiền, mặc dầu cuộc sống của Bích không cần phải che đậy, kể cả thân thể của cô, nhưng đàn bà mà mỗi khi há họng lớn, nói to trước chỗ đông người cũng khó coi lắm. Tôi chồm qua hỏi lớn:

- Đêm nay cô có bận khách không?

Bích nhíu mày một cái rồi kề miệng sát vô tai tôi, nói:

- Không, đêm nay anh là khách của em?

- Chấm mút được gì đâu?

- Liếm láp chút ít cũng được, cần chi chấm mút.

- Nói chuyện hay quá vậy.

- Nghe Tony nói anh là người đàng hoàng, Sao nói chuyện nghe phát lợm.

- Ngồi đây hít vô ám khí, nói ra sao được thơm tho.

Cô gái cười khúc khích. Anh tiếp:

- Nếu muốn có không khí sạch sẽ cô đi với tôi ra ngoài kia.

- Đi đâu?

- Kiếm chỗ sạch sẽ ngồi nói chuyện chơi. Chịu không?

- Chịu.

Hai người uống hết rượu, đứng dậy sửa lại khăn cổ, choàng áo lạnh và đi ra khỏi quán. Trời lạnh câm, đường dán băng trơn nhớt, pháo nổ xa gần. Bích nép sát anh:

- Em nghe nói bên Amsterdam cũng có khu như thế nầy.

- Bên Amsterdam các cô gái ngồi trong lồng kiếng day mặt ra lộ, cô nào cô nấy gần như trần trụi. Còn ở đây các cô tập trung vô một chung cư, mỗi cô ngồi mỗi phòng, có những con hẻm dành cho các cô ngồi lồng kiếng, người ta ngăn bít hai đầu. Nhờ vậy con đường ngoài thanh lịch hơn và những người chưa quen sinh hoạt khu nầy đi ngang cũng không khó chịu.

Hai người đi bên nhau nói chuyện trời trăng mây gió một lát đã tới giao thừa. Sớm tới giờ anh cứ nghĩ ngày Tết ai ai cũng quây quần bên nhau trong căn nhà ấm cúng, cho nên ngoài đường phố vắng tanh. Chỉ có những người vô gia cư mới lang thang giữa trời đông giá lạnh. Đè đâu đúng giờ giao thừa trên trời pháo bông sáng tua tủa, dưới đất pháo nổ như chiến tranh. Người ở trong các quán ba tràn ra đường như ong vỡ tổ. Trong khói pháo mịt mù người ta uống bia, rượu, ca hát vang trời.

Anh và Bích đứng bên góc phố coi người ta đón Tết. Anh thấy có một người con trai đầu trọc lóc ôm bọc pháo đủ loại, tay cầm súng chỉa lên trời bắn đùng đùng. Đợi anh ta ngưng bắn, anh tới hỏi chia hai cây pháo cầm tay. Anh ta lẹ làm móc nắm pháo chìa cho anh, còn cho thêm hai lon bia và nói chúc mừng năm mới. Anh ta khoát tay không lấy tiền rồi day qua nạp pháo vô súng tiếp tục bắn. Anh đưa cho Bích nắm pháo, và móc hộp quẹt bật lửa châm. Pháo cháy như hoa nở, Bích cầm giơ qua giơ lại, cười thích thú. Trông cô

hồn nhiên vui vẻ như bao cô gái bình thường, ai biết được cô đã từng năm tao bảy tiết. Cô cầm pháo, anh châm lửa, đốt lần lượt hết nắm pháo. Anh khui bia đưa Bích một lon và giơ lên nói lời chúc mừng. Bích cũng giơ bia lên nói chúc mừng và hai người ôm nhau hôn trong mùi bia nồng nặc.

Giờ giao thừa trôi qua. Bây giờ hai bên đường phố người ta đông nghẹt. Hai người tiếp tục vừa đi vừa uống bia, khi cạn hai lon bia họ liệng lon vô thùng rác. Ánh đèn khu phố nhợt nhạt chiếu xuống, gương mặt Bích thoáng chút u buồn. Cô nắm chặt tay anh thỏ thẻ:

- Đêm nay không có anh chắc em... không biết ra sao.

Anh nghĩ tới mấy cô gái ngồi tiếp khách trong căn phòng thiếu ánh sáng ban nãy. Anh định nói: thì em cũng như các bạn em đương làm ăn trong quán, nhưng thấy tàn nhẫn quá, dù sao cô cũng chịu thiệt thòi một đêm đi chơi với anh. Anh ân hận nói sang chuyện khác:

- Không có tôi giao thừa cũng qua.

- Khinh bạc thế à.

- Cuộc sống nầy có gì trân trọng. Cô cũng nên tập sống như vậy.

Bích thở hắt một cái như ra chiều thất vọng. Anh đoán chừng cô ta muốn tâm sự. Anh nói:

- Mình vô quán ngồi cho ấm.

- Được, nhưng đừng trở lại quán Tony ngột ngạt hơi người em ớn lắm

Quán không tên, hiệu quán vẻn vẹn hai con số. Bên trong đầy đủ ánh sáng, sạch sẽ, không khí thoải mái. Đàn ông, đàn bà ngồi dọc theo chiều dài của quày rượu. Người Âu ăn ra ăn, nhậu ra ra nhậu. Ồn ào nhưng không xô bồ xô bộn, đông đúc nhưng không hỗn tạp như người Á. Anh mua một chai champagne, dĩa ô-liu. Ôm hết mọi thứ và hai cái ly đi lại để trên chiếc bàn cuối quán, rồi anh day qua phụ Bích cởi áo lạnh máng lên chiếc móc gần bên. Cô ngồi xuống, kéo tay anh ngồi cạnh bên và day ngang rót rượu. Bích bưng rượu đưa cho anh:

- Uống đi anh.

Anh cụng ly với Bích, nhấp miếng rượu. Anh mở gói thuốc, chỉ còn một điếu. Anh đứng dậy lại chiếc thùng đựng thuốc, bỏ tiền vô rút ra một gói. Đi lại châm thuốc giơ qua cho Bích và ngồi xuống rít một hơi thuốc rồi nhìn thẳng mặt cô:

- Cô giống như người tình.

- Anh muốn "chim" em hả?

- Vui miệng nói chơi chớ chim chóc gì.

Gương mặt rạng rỡ môi điểm một nụ cười, Bích nói:

- Trước kia gặp nhiều người Việt mình em cũng ngồi tiếp, nhưng không thấy ai nói chuyện như anh. Mấy người đi chơi bời mà làm như con nhà tử tế lắm, lên giọng thầy đời dạy dỗ, khuyên nhũ em đủ điều, họ bươi móc chuyện riêng tư, soi rọi từ lông tơ kẽ tóc, nói chuyện với họ em nghe như bị mắng vô mặt. Em bán ba mà họ làm như em bán cả bốn ngàn năm văn hiến của họ vậy. Vì vậy lần đó gặp anh em bỏ trốn. Mấy lần sau, lần nào anh đến em cũng đều không ra mặt và dặn mấy nhỏ bạn đừng cho anh biết gì em.

- Như vậy mỗi lần tôi đến cô không mần ăn gì được hết.

Cô cái nghẽo đầu cười. Anh hỏi tiếp:

- Sao hôm nay cô không trốn nữa?

- Nghe mấy đứa bạn nói anh keo lắm, còn Tony thì khen anh là người đàng hoàng.

- Keo kiệt, đàng hoàng nghĩa là sao?

- Nghĩa là mấy bạn em không khi nào uống của anh một ly đáng tiền. Tony khen anh là người tốt vì anh không bậy bạ.

- Như vậy keo kiệt với các cô chưa đến đổi xấu?

- Không biết, nhưng ít ra đi với anh em yên tâm trò chuyện.

- Vậy sao?

Một bà già ôm bó bông chìa ra trước mặt và mời mua bằng câu chúc mừng năm mới. Anh rút một cọng bông hồng gói trong giấy kiếng, móc túi đưa cho bà tờ đức mác, anh khoát tay kêu bà lão đi đi khỏi thối tiền. Anh đưa cọng bông cho cô gái:

- Tặng cô đó.

Cô ngước lên đón nhánh bông:

- Ồ đẹp quá.

Cô cúi hôn bông hồng rồi day qua hôn anh. Anh nhìn người con gái, đôi mắt lơ là, vầng trán vài nét nhăn, đôi môi son mỏng, trông cô có vẻ mệt mỏi nhưng nét đẹp của một thời vẫn còn phảng phất trên gương mặt dạn dày gió sương.

- Khuya rồi, uống hết rượu mình chia tay.

Cô gái giật mình bấu cánh tay anh.

- Anh không về với em sao?

- Tôi sống trên biển quanh năm, khi gần đàn bà những dồn nén trong người lâu ngày nó cứ trực trào ra.

Cô gái nghiêng đầu tựa vai anh:

- Thì anh cứ trút hết sự dồn nén của anh qua em.

- Để làm gì?

- Hy vọng có một đứa con cuộc sống em sẽ thay đổi.

- Muốn có con để thay đổi cuộc sống sao cô không kiếm một tấm chồng?

- Không biết còn ai lấy em không?

- Tìm sẽ gặp, xin sẽ được.

- Thế thì em xin anh một đứa con.

- Xin gì mà kỳ cục vậy. Chồng trước, con sau, xin đầy đủ như vậy mới được, xin có một phần thánh cũng không cho cô nữa, nói chi tui.

- Lớn tuổi rồi sống một mình đôi khi em thấy hụt hẫng.

Anh cốc nhè nhẹ lên đầu cô gái:

- Đàn bà ngu ngốc, muốn thì đòi chớ không biết lường hậu quả, cho nên đi tới đâu cũng nghe các bà than khổ.

Bích buông tay anh ra, ngồi chống tay lên càm nhìn thẳng mặt anh, vui vẻ nói:

- Em hiểu anh nói gì rồi.

- Vậy thì bỏ qua chuyện con cái đi.

Anh móc bóp moi ra xấp tiền đưa cho Bích:

- Ngày mai đổi tiền Euro, tôi không có thời giờ lên nhà băng, nhờ cô đổi dùm.

- Anh có trở lại đây nữa không?

- Có chớ.

- Có gặp em không?

- Không biết.

- Nếu không gặp lại số tiền nầy em làm sao đưa lại cho anh?

- Thì cô cứ xài.

- Không được.

- Hổng ấy cô tìm mua một món quà nào đó, coi như tôi tặng cô làm kỷ niệm.

- Nhưng anh muốn tặng em cái gì?

- Tùy cô.

- Không, anh chọn cho em.

- Vậy thì như vầy, một cái xú chiêng và một cái quần xì líp loại tốt. Được hông?

- Được, nhưng ý nghĩa gì?

Trên đời nầy không chuyện nào có nghĩa hết, ý nghĩa do người ta bày đặt ra đó thôi, như chuyện cô đi chơi với tôi nãy giờ cũng chẳng ý nghĩa gì ráo.

- Nhưng em thấy vui.

- Lát nữa cô sẽ buồn, mai kia mốt nọ cô sẽ quên, mọi chuyện cứ tuần tự đâu vào đó. Vậy tùy cô, cô cho chuyện nầy ý nghĩa gì cũng được.

- Ý nghĩa có rồi.

- Là gì?

- Kỷ niệm.

- Vậy thì cất tiền đi.

Bích cầm tiền bỏ vô bóp.

- Uống hết rượu anh đưa em về nhà nhé.

- Không, tới bến tắc xi thôi.

- Ừ, cũng được.

*

Anh đã trở lại phố Hamburg sau hơn sáu tháng hải hành đó đây bên miền nắng ấm châu Phi. Chiều nay anh ghé quán Tony. Còn sớm, quán vắng. Tony ngồi chống ngóc sau quày rượu, vừa thấy anh nó chào một cái, rồi đi vô trong, một lát sau trở ra không hỏi anh uống gì như thường lệ. Tony bắt đầu câu chuyện bằng cách đưa anh một bao thơ. Anh mở ra, thấy bên trong có hai tờ Euro.

- Cái gì đây mậy?

- Con Bích gởi cho mầy đó.

- Cô ta đâu?

- Nó nghỉ làm ở đây rồi.

- Nghỉ đây rồi cô ta đi làm ở đâu?

- Ai biết.

- Bích có nhắn gì không?

- Nó nhắn tao nói với mầy, đây là số tiền mầy nhờ đổi dùm, nó chỉ lấy ra đủ mua món quà mà mầy tặng cho nó.

Anh để bao thư xuống mặt bàn và leo lên chiếc ghế cao cẳng ngồi. Anh móc thuốc đưa qua mời Tony và kêu rượu. Tony vừa rót rượu vừa nói:

- Con nhỏ cũng ngộ, trước kia nó gặp người Việt Nam thì nó lánh, nhưng không hiểu sao từ khi gặp mầy nó như người mất hồn, cứ hỏi tao một chuyến đi của mầy là bao lâu. Nhứt là lúc gần nghỉ việc, nó có ý ngóng trông mầy.

- Trông tao chi vậy?

- Mầy không biết làm sao tao biết.

- Đàn bà!

Tony đi vô trong làm gì đó. Anh hớp rượu và châm thuốt hút. Quán vắng khách. Ánh sáng tờ mờ trông lạnh lẽo. Nhìn cô gái Phi Luật Tân đương lau chùi bàn ghế, chợt nhiên anh nghĩ tới truyện Kiều. Có thật không một nàng Kiều? Mà thiên hạ xôn xao bàn tán và đã làm rơi nước mắt biết bao nhiêu người chỉ vì thân Kiều trôi dạt. Ngày nay biết bao nhiêu mảnh đời vô định, như Bích, như anh, như Tony, như cô gái lui cui đằng kia; ngày lau chùi bàn ghế, đêm trần truồng tiếp khách và còn nhiều nhiều nữa... Nước mắt nào đâu đủ để xót thương.

Không biết có phải vì gặp anh lần đó mà mà Bích quyết định thay đổi cuộc sống hay không? Nhưng dù sao đi nữa anh cũng cầu mong Bích tìm được cuộc sống khác hay hơn. Đừng rời khỏi hố sâu nầy rồi sang qua vực thẳm khác như biết bao nhiêu cô gái mà anh đã gặp trên bước đường luân lạc.

Tony bưng dĩa đậu phộng đi ra để trước mặt anh. Nó bắt đầu câu chuyện như mọi lần:

- Hè năm nay mầy có về Việt Nam không?

Anh nghĩ tới mấy lần về nước, ăn không ngon, ngủ không yên. Khi trở ra bị ám ảnh làm anh như người khật khùng. Chợt nghe Tony hỏi. Anh phát ớn lên tới cổ, anh bưng ly hớp một hớp rượu đầy:

- Không, không năm nay tao không về đó nữa!

Baltic chủ nhật, 19 thang 6 năm 2002

Vài cảm nghĩ về cuốn

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ THUỘC PHÁP ĐẾN ĐỘC LẬP

1858 - 1945

của NGÔ THỊ QUÝ LINH

Người đọc: LÊ VĂN LÂN

Sách biên khảo, 412 trang khổ lớn, in nhiều ảnh màu, giá US$40.00.
Liên lạc: Y Linh Do, 6524 San Felipe #110, Houston TX 77057.
E-mail: ylinhdo@hotmail.com

Nhắc đến thời Pháp thuộc ở Việt Nam trước đây, tôi bỗng nhớ có hai ý tưởng đối nghịch nhau:

* một thì thù ghét Pháp thâm căn cố đế đến nỗi phải nhại câu ca dao cổ truyền mà cương quyết nói rằng: *Mấy đời bánh đúc có xương, Mấy đời giặc Pháp mà thương dân mình.* Ý kiến chống Pháp này rất chính đáng nếu ta nhìn lại cuộc xâm lăng bằng tầu chiến và đại bác và nền đô hộ áp bức bóc lột của những quan cai trị Pháp thực dân chính hiệu.

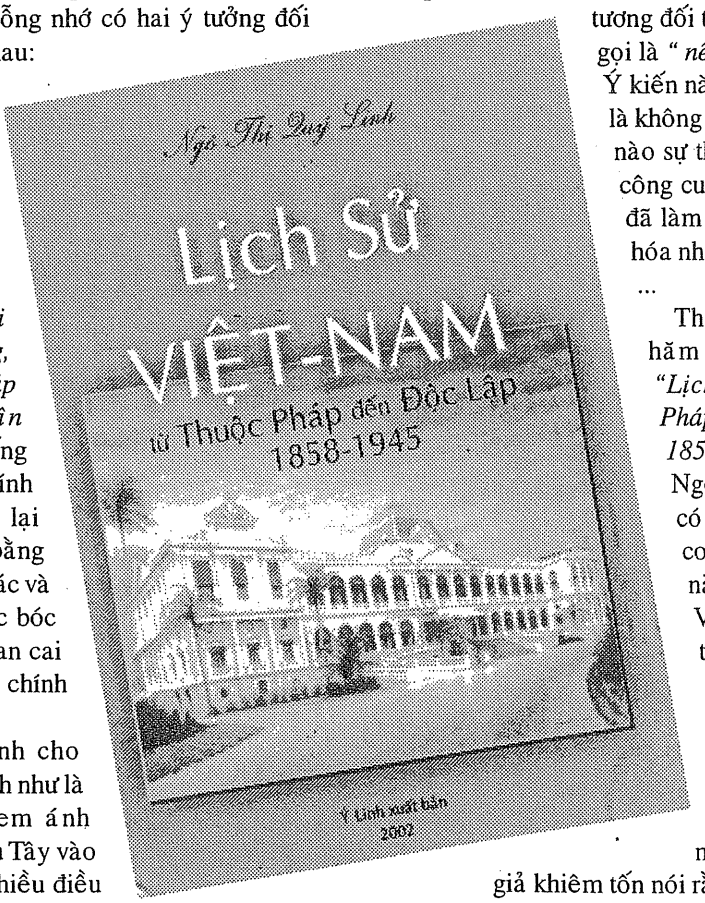

* một thì dành cho Pháp một cảm tình như là những người đem ánh sáng văn minh Âu Tây vào nước ta và làm nhiều điều hữu ích trong sự cải thiện đời sống lạc hậu của dân ta; đối với người này, người Pháp đã tạo cho nước ta một thời sinh hoạt tương đối trong an lạc mà họ gọi là *" nền thái bình Pháp."* Ý kiến này cũng không phải là không phản ánh một phần nào sự thực nếu ta nhìn lại công cuộc của người Pháp đã làm trong lãnh vực văn hóa nhất là về cứu tế, y tế ...

Thành thử ra tôi rất hăm hở mà đọc cuốn *"Lịch sử Việt Nam từ Pháp thuộc đến Độc lập 1858 – 1945"* của bà Ngô thị Quý Linh vừa có nhã ý gửi tặng để coi tác giả có thái độ nào? Nói về lịch sử Việt Nam thời gian trên, đã có ba tác giả đi trước rồi:

* *Phan Khoang với cuốn Việt Nam Pháp Thuộc sử (1884 – 1945)* in năm 1961: Tuy tác giả khiêm tốn nói rằng sách chỉ là một "sơ thảo" nhưng chúng ta cũng thấy rằng nó là một thiên sử khá đầy đủ và xác thật về biến cố

vong quốc của Việt Nam vì Phan Khoang gần như tường thuật với đầy đủ chi tiết về từng giai đoạn quân sự và chính trị diễn ra trong quá trình xâm lăng và đô hộ của người Pháp cùng với những cuộc tranh đấu kháng Pháp của dân ta.

* *Nguyễn Thế Anh với cuốn Việt Nam Thời Pháp đô hộ (1970)* : Tác giả là một thạc sĩ Sử học. Ông chỉ phác họa sơ qua những biến cố chính trị và quân sự mà Phan Khoang đã nói nhưng đã đào bới sâu vào những tài liệu mới chưa khai thác nên giúp người đọc nhận thức đúng đắn về sự diễn biến tổng quát của giai đoạn lịch sử vong quốc này. Trong sách này, Nguyễn Thế Anh lại thêm một chương chót nói về sự ngoan cố trở lại bằng vũ lực của người Pháp sau biến cố bị Nhật đảo chính năm 1945 và những diễn biến hội đàm từ hội nghị Fontainebleau đến thỏa ước ngày 8 tháng 3 năm 1949 công nhận nước Pháp bàn giao quyền hành cho nước Việt Nam độc lập trong Liên Hiệp Pháp.

* *Hoàng Cơ Thụy với cuốn Việt Sử Khảo luận từ Thái cổ đến Hiện đại* rất đồ sộ nên giai đoạn Pháp thuộc chỉ là một giai đoạn cận đại ngắn trong lịch sử miên trường của dân tộc nhưng rất quan trọng là sự xuất hiện của đảng Cọng sản Việt Nam như là một tai họa hiện đang nắm chính quyền ở Việt Nam.

Cuốn "**Lịch sử Việt Nam từ Thuộc Pháp đến Độc lập 1858 – 1945**" của *Ngô thị Quý Linh* vừa mới xuất bản, sanh sau đẻ muộn nên đương nhiên có tham khảo qua ba sách trên. Tuy nhiên, bà Quý Linh, một cây bút nữ viết biên khảo mới mẻ đã mạnh dạn tiến vào lĩnh vực lịch sử mà từ trước ở Việt Nam thường là nơi hoạt động của các học giả nam giới. Vào năm 1997, bà đã viết cuốn " *Lược sử Triết lý Giáo dục Việt Nam từ thời lập quốc đến đầu thế kỷ 20.*" Trong cuốn lịch sử thuộc Pháp, Quý Linh không noi theo lối viết của ba tác giả đi trước mà lại đi vào một hướng mới là nói nhiều về mặt văn hóa giáo dục trong giai đoạn này.

Sách dầy 400 trang, khổ giấy viết thư 8. 5 x 11, bìa màu bích ngọc mát mắt và trình bầy trang nhã với hình dinh Độc Lập, chữ in font 12, đọc không mệt mắt. Với giọng văn bình dị rõ ràng, tác giả trình bầy nội dung một cách khúc triết nên người đọc không cảm thấy khô khan nặng nề với những dữ kiện lịch sử.

Nội dung của sách đại khái chia thành hai phần chính:

1) - Trong phần đầu là phần trình bầy lại những chính sách căn bản mà người Pháp áp dụng cho thuộc địa Việt Nam trên những lãnh vực chính trị hành chánh, giáo dục và kinh tế. Qua phần này, người đọc có dịp biết nhiều lý thuyết về các chính sách mà người Pháp đề ra và bàn luận như đồng hóa, hợp tác, bảo hộ, bạo lực. Đọc phần này, chúng ta thấy rất mới lạ và bổ ích khác những cuốn lịch sử Pháp thuộc đi trước, Quý Linh đã tham khảo nhiều tài liệu mới mà tổng kết lại một cách phân minh. Chúng ta thấy chính sách cai trị của người Pháp bất nhất trong tính chất cương nhu, nhưng rất khôn ngoan và quỷ quyệt "*mềm nắn rắn buông,*" và thuộc địa Việt Nam là một nơi cung cấp dồi dào tài nguyên, vật lực cho mẫu quốc và một thị trường để tiêu thụ hàng hóa do tư bản Pháp sản xuất, nghĩa là trở thành một vú sữa chính để nuôi đế quốc Pháp duy trì địa vị cường quốc để cạnh tranh với đế quốc Anh. Nhưng tình hình đổi thay sau cuộc khủng khoảng kinh tế thế giới ở Đông Dương và sự can thiệp của đế quốc Nhật trong những năm thế chiến thứ hai khiến nền thống trị Pháp suy yếu một mặt phải nhượng bộ Nhật, một mặt phải vỗ về dân Việt Nam, nhưng cuối cùng thì Pháp bị Nhật đảo chính và giao trả độc lập cho Việt Nam.

2) - Trong phần hai của sách, Quý Linh miêu tả lại một bức tranh về các tầng lớp dân chúng trong xã hội Việt Nam thuộc Pháp. Xuyên qua phần này, ta thấy ảnh hưởng của nền thống trị Pháp đã tác dụng thế nào vào mỗi thành phần sĩ, nông, công thương của đám dân bị trị Việt Nam. Đây là một phần rất bổ ích để ôn lại một thời đĩ vãng cận đại mà chúng ta ít nhiều đã sống qua. Qua phần này, ta thấy dân Việt Nam vẫn khao khát đòi hỏi tự do, bình đẳng và hạnh phúc nên có những cuộc khởi nghĩa bạo động rồi những cuộc vận động tranh đấu ôn hòa và người Pháp theo đường hướng "*con khóc thì mới cho bú*" nhưng cho một cách biển lận cầm chừng thôi!

Trong phần kết luận ngắn , tác giả Quý Linh đã gói ghém một cách tổng lược về hai mặt tích cực và tiêu cực mà nền thống trị Pháp thuộc đã ảnh hưởng trên đời sống của người dân Việt Nam.

Theo tôi, cuốn Lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc của Ngô thị Quý Linh là một công trình nghiên cứu công phu với sự tham khảo nhiều tài liệu liên quan và trình bày ra một nhận định mới chú trọng nhiều về ảnh hưởng của văn hóa Pháp trên các tầng lớp dân chúng Việt Nam. Đối với nền thống trị Pháp, đương nhiên dân Việt Nam chúng ta không ai yêu mến, ngược lại còn căm

ghét. Sự căm ghét của chúng ta là theo cảm tính trước sự áp bức và bóc lột nhãn tiền của người Pháp, nhưng mấy ai hiểu được cái thực chất sâu xa của thực dân Pháp khi đi cướp nước chúng ta nếu chúng ta không tìm hiểu những chánh sách của họ.

Đọc Ngô thị Quý Linh, ta thấy rất nhiều điểm soi sáng cho lý do chiếm thuộc địa của Pháp qua lối giải thích của Jules Ferry: Các thuộc địa hải ngoại là những thị trường cần thiết để bán các sản phẩm của Pháp và là nơi để đầu tư tư bản. Lý do bảo vệ đạo Thiên Chúa chỉ là cái cớ đầu tiên cho họ nã đại bác vào cửa biển Đà Nẵng, nếu không có cớ này thì họ vin vào cớ khác. Về chủ trương của thực dân đi cướp đất, thì thường người ta mỉa mai rằng: Kinh Thánh đến trước, đại bác theo sau! Nước Pháp hăm hở nhân danh đạo Thiên chúa, nên trước đây được tuyên dương là "trưởng nữ của Giáo hội" (l'ainée de l'Église), nhưng hiện nay tình hình Thiên Chúa giáo ở nước này suy đồi ghê gớm. Dù là dùng đủ lý do để làm cái vỏ hoa mỹ, "*Albert Sarraut , Toàn quyền Đông Dương trước và sau Thế Chiến I, cũng đã thấy rằng khởi điểm của việc chiếm giữ thuộc địa là một hành động ích kỷ của võ lực, được biện minh bằng sự hữu dụng trong việc phát triển và phân phối nguồn tài lợi mới.*" (Lịch sử VN thuộc Pháp – trang 21). Chương đầu tiên viết về chính sách thuộc địa được tác giả Ngô thị Quý Linh viết rất hay, trình bày rất khúc triết những lý thuyết của người Pháp về cơ sở của bốn mối tương quan giữa thuộc địa và mẫu quốc: đô hộ (assujétissement), tự trị (autonomie), đồng hóa (assimilation), hợp tác (association). Ta thấy chủ đích của người Pháp trong mưu đồ đi chiếm thuộc địa như ý kiến xác nhận của Jules Harmand trong cuốn Domination et Colonisation:

Chủ trương thực dân là kết quả của bản năng tự nhiên... Để mưu tồn sự sống, mọi tổ chức xã hội từ gia đình nguyên thủy đến quốc gia thời nay, ai cũng tìm cách tăng cường sức mạnh bằng cách kiềm chế hoặc tiêu diệt đối phương...

Cướp đoạt độc lập của một dân tộc là một hành vi trái đạo đức. Nhưng đó là kết quả của qui luật phổ thông về cuộc tranh đấu để sinh tồn. Kẻ đi xâm chiếm, dù là hào phóng đến thế nào chăng nữa, không thể chờ đợi lòng yêu mến hoặc sự ủng hộ của các dân tộc bị khuất phục. Ngay cả sau một thời gian dài, khi mà hai dân tộc đều đã hưởng lợi nhờ cuộc chiếm đóng, nước chinh phục không nên tin rằng họ sẽ được yêu mến hoặc chấp nhận. Họ cần phải luôn luôn giữ địa vị của họ bằng lưỡi kiếm. Những thể chế dân chủ không thể đem ra áp dụng ở thuộc địa vì "những kẻ bị khuất phục không phải và không thể là công dân theo cái nghĩa dân chủ của chữ ấy được" (trang 20).

Thật đúng là: "*Mấy đời bánh đúc có xương, Mấy đời giặc Pháp mà thương dân mình*"! Do đó, qua những đời cai trị của các Toàn Quyền Pháp ở Đông Dương, dù dùng mỹ từ gì, sự bảo hộ của người Pháp là áp chế và dân bị trị đừng hòng người Pháp đem lại tự do nếu họ không dùng đủ phương thế để tranh đấu giành lại cái quyền đó !

Nhìn lại toàn bộ những công cuộc mà người Pháp làm trên phương diện nhân sinh và văn hóa, chúng ta không thể phủ nhận những mặt tích cực nhưng cũng đừng quên những mặt tiêu cực đi kèm:

Sự *kỹ nghệ hóa* và *đô thị hóa* vốn phát sinh từ chủ nghĩa đế quốc nổi bật nhất trong công cuộc người Pháp đã làm ở Việt Nam. Tuy nhiên sự kỹ nghệ hóa dù rằng đem lại tiện nghi trong sự tiêu dùng thoải mái của một cuộc sống tương đối thái bình hơn xưa nhưng không hoàn toàn rốt ráo và nửa chừng vì Đông Dương vẫn phải là thị trường chính để tiêu thụ những hàng hóa nhập cảng từ Pháp chế tạo do những tư bản Pháp. Chính phủ thuộc địa đã cung cấp cho giới này nhiều đặc quyền, đặc lợi và tài trợ, nên đã đóng vai trò đại diện cho quyền lợi của tư bản Pháp nên kềm hãm tiến trình nảy nở nền kỹ nghệ hóa ở Việt Nam. Còn đường sá , kinh lạch, cầu cống và hỏa xa lưu thông tuy có phát triển cho người dân hưởng, nhưng động lực khiến người Pháp bắt buộc phải làm như vậy là cho nhu cầu chuyển vận về chiến lược quân sự để gìn giữ thuộc địa. Quyền tư sản, tư hữu khuyến khích người Việt tham dự tích cực vào hoạt động kinh tế, nhưng chỉ giúp cho sự thành hình giới đại điền chủ và trung điền chủ trong khi đại đa số quần chúng vẫn nghèo khổ. Sự phát triển của chữ quốc ngữ tuy khiến nền giáo dục văn học Việt Nam đi vào hướng đi mới trong sáng và khúc triết thay thế hẳn nền nho học cổ hủ, nhưng một mặt khác làm thế hệ mới thiếu hẳn vốn liếng cựu học bị chặn đường và chặt cầu khi muốn tìm hiểu về dĩ vãng của dân tộc. Chủ trương giáo dục của người Pháp là chỉ tạo dựng ra những người thừa hành thuộc cấp cho họ nên họ cho phát triển giáo dục theo chiều ngang hơn là vươn thẳng lên. Về tự do thì người Pháp hà tiện ban bố cho dân bị trị, tự do gì thì tự do miễn là đừng động với chủ quyền chính trị của nhà cầm quyền Pháp.

Lịch sử của nhân loại là lịch sử của những luồng tiếp xúc và giao lưu giữa những dân tộc qua sự giao thương, truyền giáo, xâm lược... Nước Việt Nam trong thế kỷ 19 đã bị cưỡng chế chấp nhận sự tiếp xúc và giao lưu của đế quốc Pháp qua sự xâm lược để đi đến tình trạng vong quốc... Dù rằng nền thống trị Pháp có thi hành bao nhiêu công cuộc nhân danh là "khai hóa" tuy có nhiều phần đã cải thiện cho nước chúng ta, nhưng điều mà người dân Việt Nam khao khát nhất chính là sự tự do độc lập, mà điều này họ lại chẳng bao giờ có thiện ý tự nguyện đem lại nếu chúng ta không vùng lên tranh đấu để đòi hỏi. Bài học về "vết xe cũ " của một thời gian lịch sử vong quốc chính là ở điểm này mà chúng ta nên suy gẫm: Chúng ta đừng bao giờ tỏ ra vong ơn bội nghĩa đối với những đấu tranh và hy sinh máu xương, tù đày của những nhà cách mạng ái quốc từng hoạt động khởi nghĩa chống Pháp thực dân. Chúng ta cũng nên ghi khắc lại gương tranh đấu ôn hòa nhưng sâu sắc và can đảm của những bậc tân trí thức trên phương diện cải cách về chính trị, xã hội nhân sinh.

Tuy nhiên, trong tinh thần công bằng mà xét lại là trong đám người Pháp tiếp xúc với chúng ta trước đây không phải ai cũng mang đầu óc thực dân mà có nhiều người tốt vẫn đối xử với người bản xứ với tinh thần dân chủ như trong phần nói về "Giới Pháp kiều" trang 155 – 187 trong cuốn sách của Ngô thị Quý Linh. Phần này đọc rất cảm động. Có nhiều người Pháp đã viết về văn hóa và xã hội Việt Nam. Tạp chí của trường Viễn Đông Bác cổ (Bulletin de l'École Francaise d''Extrême –Orient) và Tạp san Đô Thành Hiếu cổ (Bulletin de L'Association des Vieux Amis du Hué) cho đến bây giờ vẫn là hai tài liệu quí giá về sự khảo cứu Việt học đối với chúng ta. Ngoài ra, còn nhiều bài khảo cứu công phu và khách quan của nhiều học giả Pháp về phương diện nhân chủng học, lịch sử , văn hóa Việt Nam là những món quà trân quí mà hậu sinh chúng ta phải gìn giữ học hỏi kỹ lưỡng. Những người Pháp có lý tưởng dân chủ trên đã tô một nét son trong lịch sử giao lưu văn hóa giữa Pháp quốc và Việt Nam. Văn hóa cổ truyền của Việt Nam từ trước vẫn chủ trương trau dồi khía cạnh "Thiện," văn hóa Âu Mỹ qua các sách Pháp đã mở ra trong đầu óc của thanh niên Việt Nam tân-trí-thức những ý thức khoa học mới, và những rung động tân kỳ tức là đã bồi dưỡng cho văn hóa Việt Nam thêm hai khía cạnh" Chân" và "Mỹ."

Cuốn Lịch sử Việt Nam thời Thuộc Pháp đến Độc lập 1858 – 1945 của Ngô thị Quí Linh nhìn tổng kết lại là một cuốn sách hữu ích đã giúp cho người đọc một cái nhìn nhìn về quá khứ qua công trình tra cứu công phu và gạn lọc tinh tế của tác giả.

Trong Phần Kết luận, sau khi nói về những điều tích cực mà văn minh và văn hóa Pháp đã ảnh hưởng vào xã hội Việt Nam, Ngô thị Quý Linh đã nhận định rằng dầu sao, những sự du nhập mới của văn minh và văn hóa Pháp cũng chỉ là một tập hợp **"hỗn tạp"** không thể giúp tạo thành một hình thức xã hội mới và chặt chẽ được, nên do đó xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc đã không chuyển mình "*cất cánh*" thành một xã hội tân tiến! Và cuối cùng, tác giả Ngô thị Quý Linh đã đưa ra một kết luận "mở rộng thay vì chấm dứt" khi nhận định rằng *"Sự tiến triển của xã hội Việt Nam sẽ tùy thuộc vào sự thu hoạch cùng sự ứng dụng văn hóa và văn minh Tây phương của người Việt,"* ám tàng ý nghĩa rằng người Việt ta trong sự giao lưu tiếp xúc không thể chỉ thụ động hấp thụ những sự du nhập ngoại lai Âu hóa mà không tự mình vạch ra một thái độ tự lực, tự cường trên con đường tiến hóa.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày thời Pháp thuộc chấm dứt, đất nước Việt Nam vẫn không ngừng bị lôi cuốn vào những biến loạn bão tố... Đọc lại những trang sử của dĩ vãng quả là một nhu cầu cấp thiết cho những ai thao thức trăn trở mưu cầu một tiền đồ tươi sáng cho dân tộc. Cuốn Lịch sử Việt Nam từ Thuộc Pháp đến Độc Lập 1858 – 1945 của Ngô thị Quý Linh chính là một niềm thao thức của một người thuộc thế hệ trẻ sinh sau thời Pháp thuộc muốn nhìn về lịch sử. Tìm hiểu về lịch sử quá khứ đối với một người không chuyên môn về Sử học là một việc khó khăn và nhiều khi phiến diện khi đứng trước bao nhiêu sự kiện phức tạp chồng tréo qua lại như một khu rừng rậm.

Nhưng Ngô thị Quý Linh với tinh thần tự học vẫn có một thái độ dấn thân đào bới đi vào con đường biên khảo cam go. Tác giả đã khiêm tốn nói rằng tác phẩm của bà chỉ là cuốn **"sổ tay của một người đi học"**! Nhưng chúng ta sau khi đọc nó xong thấy rằng đây là một việc làm vô cùng khích lệ và quí giá vậy.

Hy vọng rằng "cuốn sổ tay" này là một viên men làm khích phát phấn khởi một phong trào tìm hiểu lịch sử dân tộc trong đám thế hệ trẻ Việt Nam./.

Phỏng Vấn

ĐỖ QUỲNH DAO VỚI «CON NỮ»

TẬP TRUYỆN ĐẦU TAY

Văn Mới Xuất bản, 2002

TỪ NGUYÊN, *Paris*

Tập truyện «Con nữ» của Đỗ Quỳnh Dao phát hành tại Hoa Kỳ tới Paris vào đầu năm 2003. Không chờ được ngày ra mắt mà tác giả dự tính tổ chức vào cuối tháng ba, tôi trao đổi thư trên máy để hỏi chuyện tác giả về tác phẩm đầu tay, với cái tên ngộ nghĩnh, và những chuyện quanh vấn đề sáng tác.

Bài phỏng vấn gởi đi, mấy ngày sau tôi được câu trả lời như sau :

Từ Nguyên : *«Con nữ» không phải là truyện đầu tay. Dùng tên của truyện này đặt tên cho tập truyện đầu tay chắc phải có lý do ?*

Đỗ Quỳnh Dao : Thưa anh, tập truyện gồm 10 truyện ngắn trong đó «Con nữ» là truyện đầu tiên. Đầu tiên theo thứ tự trình bày chứ không theo thứ tự thời điểm sáng tác. Tại sao lấy nhan đề là «Con nữ» ? Trong một điện thư trao đổi về vấn đề này, nhà văn Nguyễn Mộng Giác khuyên nên lấy tên là «Sợi tình» hoặc «Cuộn khói mong manh» là tên hai truyện ngắn khác. Nhưng nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho rằng *«Sợi tình» có thể gây cho người ta hiểu lầm, (độc giả) chờ đợi một chuyện diễm tình kiểu Quỳnh Dao. Theo tôi, «Cuộn khói mong manh» vừa thơ mộng, vừa đúng với nội dung tập truyện.*

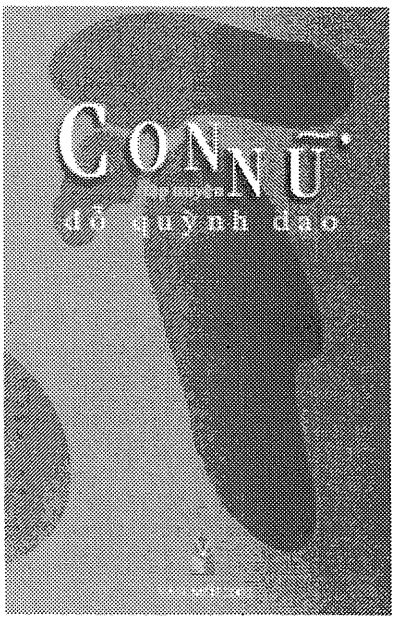

Cuối cùng tôi quyết định chọn «Con nữ» để đặt tên cho tập truyện vì nhân vật đã gây cho tôi một ấn tượng sâu đậm. Bao nhiêu câu hỏi cứ đeo đuổi quấn quít trong đầu để rồi bùi ngùi cho thân phận người trong cuộc đời không mấy chi dễ dàng huống hồ đó là một người giằng co trong cái ruột nữ vỏ nam.

Tôi cũng xin nhân dịp này để cám ơn nhà văn Nguyễn Mộng Giác, họa sĩ Khánh Trường, nhà xuất bản Văn Mới đã tận tình giúp đỡ cho sự ra đời của tập truyện.

Hỏi: Sinh hoạt hằng ngày của Quỳnh Dao có ảnh hưởng đến cốt truyện hay nhân vật không?

Đáp: Vâng, có thể nói là sinh hoạt nghề nghiệp đã ảnh hưởng đến sự dàn dựng cốt truyện cùng nhân vật trong tập truyện «Con nữ».

Hỏi: Quỳnh Dao gởi bài đăng báo năm nào, đăng ở báo nào trước nhất?

Đáp: Vào năm 1991, nhân dịp nhà văn Mai Thảo qua Pháp cùng với nhà văn họa sĩ Khánh Trường ra mắt Hợp Lưu tại Paris (tiệm phở Thụ), nhà văn Mai Thảo đã có thiện ý nhận bài của tôi. Khi về Mỹ, nhà văn Mai Thảo đã cho đi bài đó trên tạp chí *Văn*.

Hỏi: Có ai khuyến khích, thúc đẩy Quỳnh Dao sáng tác?

Đáp: Một cách gián tiếp, thân phụ tôi là người đã thúc đẩy tôi viết. Cho đến nay, tôi vẫn còn thấy hình ảnh của ba tôi ngồi nơi bàn làm việc và nghe tiếng gõ lọc cọc bằng hai ngón tay trên máy đánh chữ. Ba tôi khi xưa đã viết văn và viết báo tại Sàigòn.

Và bây giờ người thường xuyên khuyến khích tôi viết là nhà văn nữ Miêng.

Hỏi: Quỳnh Dao có tìm kiếm hay chọn lựa đề tài, hay thấy gì viết nấy?

Đáp: Viết, với tôi, là do xúc động trước một «cái gì»: một hình ảnh, một câu nói, một thở than,

một tâm sự, hay một mẩu đời... «Cái gì» đó bám dính trong đầu khiến cho tôi phải băn khoăn suy nghĩ, cho đến một lúc nào đó thì thấy muốn phơi trải lên giấy những suy ngẫm, cảm xúc của mình.

Hỏi: Quỳnh Dao viết lúc nào, bằng cách nào?

Đáp: Tôi viết trên máy điện tử và mỗi lần lại xuýt xoa cảm ơn những tiến bộ kỹ thuật cho phép mình tung lượn bay nhảy, cắt dán sửa chữa hoán chuyển điều chỉnh, tha hồ! Viết lúc nào thì không nhất định, có thể là ban ngày, buổi tối hay về khuya và không có một gò bó kỷ luật nào tự đặt cho mình cả. Chỉ biết là lúc đó mình muốn viết... Nhưng «lúc đó» cũng tùy công việc và tùy những cái bên cạnh kêu gọi níu kéo mình. Mà hình như những cái bên cạnh ấy có rất nhiều và lại rất hấp dẫn.

Hỏi: Quỳnh Dao có thấy khó khăn khi sử dụng tiếng Việt trong lĩnh vực chuyên môn?

Đáp: Khó khăn thì không, vì tôi may mắn có những người bạn là «tự điển sống» trong nhiều lãnh vực khác nhau. Nhưng cũng có một chút bỡ ngỡ khi nghe lần đầu tiên những từ lạ.

Hỏi: Quỳnh Dao rời Việt Nam năm nào, theo học ngành gì, có thích đọc sách không?

Đáp: Tôi rời Việt Nam vào thời điểm có những biến cố đã làm chủ đề cho một tiểu thuyết của nhà văn Nhã Ca (cũng là một trong những nhà văn nữ tôi mến mộ).

Tôi rất thích đọc sách, và hình như đó cũng là cái đam mê của đa số, nếu không phải là hầu hết những người viết. Có phải vậy không anh?

Hỏi: Trong những truyện đầu, nhà văn thường viết về mình. Quỳnh Dao có ở trong số các nhà văn đó không?

Đáp: Vâng, tôi vẫn nghe nói khi khởi bút người ta thường hay viết tự truyện. Nếu hiểu tự truyện là lấy đời sống nghề nghiệp làm chất liệu thì câu trả lời là: có. Nhưng nếu hiểu tự truyện là giãi bày thân phận của tác giả thì tôi xin thưa : không.

Hỏi: Quỳnh Dao vẫn tiếp tục viết. Dự tính tương lai như thế nào?

Đáp: Tôi vẫn tiếp tục viết, nhưng nói về dự tính tương lai thì...*Que sera sera.*

Từ Nguyên: Xin cảm ơn Quỳnh Dao và xin giới thiệu «Con nữ» cùng bạn đọc.

SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

Thời gian qua, Thế Kỷ 21 đã nhận được các sách sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin cảm tạ và giới thiệu cùng độc giả.

- Con Nữ, tập truyện của Đỗ Quỳnh Dao, Văn Mới xuất bản
- Chuyện Ở Tỉnh Lỵ, tập truyện của Vũ Thư Hiên, Việt Tide xuất bản
- Lịch Sử Việt Nam từ Thuộc Pháp Đến Độc Lập 1858 – 1945 của Ngô Thị Quý Linh, Ý Linh xuất bản
- Khoa Cử Việt Nam – Thi Hương của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, An Tiêm xuất bản
- Giấc Mơ Trường Sơn, thơ của Tuệ Sỹ, An Tiêm xuất bản
- Phật Giáo Việt Nam của Nguyễn Đăng Thục, An Tiêm xuất bản
- Hành Trình Nhật Ký của Phạm Quỳnh, An Tiêm xuất bản
- Tuyển Tập Tạp Ghi của Phan Lạc Phúc, Văn Nghệ xuất bản
- Vietnamese Engaged Buddhism – The Struggle Movement of 1963 – 1966 của Quán Như Phạm Văn Minh, Văn Nghệ xuất bản
- Chỉ Còn Thơ Ở Lại, thơ của Trần Huy Sao, Hiên Trăng xuất bản
- Ta Nhớ Người Xa Cách Núi Sông, thơ của Trần Vấn Lệ, Người Dưng xuất bản
- Hành Trình Của Một Kinh Tế Gia Việt, tâm bút của Phạm Đỗ Chí, Trẻ xuất bản
- Sôi Nổi, tập truyện của Nguyễn Lân, tác giả xuất bản
- Đứng Ngắm Phù Vân, tập truyện của Võ Doãn Nhẫn, tác giả xuất bản
- Kinh Tế Cộng Hệ của Hà Hưng Quốc, tác giả xuất bản
- Người Thích Nhìn Vú, tập truyện của Nguyễn Văn Thà, Giếng xuất bản

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Happy New Year 2003

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

Little Saigon
8860 Bolsa Ave., Ste A
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 899-3825
(Góc Bolsa & Magnolia, kế bên Bank of America)

San Jose
1716 Tully Road
San Jose, CA 95122
Tel.: (408) 528-9860
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)

San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
San Gabriel, CA 91776
Tel.: (626) 571-8707
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Hawaii, kế bên Phở Số 1)

El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
S. El Monte, CA 91733
Tel.: (626) 444-5588
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)

San Diego
4654 El Cajon Blvd.
San Diego, CA 92115
Tel.: (619) 283-8700
(Góc El Cajon và Menlo Ave.)

Dallas
3347 W. Walnut St. #129A
Garland, TX 75042
Tel.: (972) 494-9496
(Trong khu Hiệp Thái Plaza)

TIỀN 100 DOLLAR MỚI GIAO TẬN NHÀ

LỆ PHÍ THẤP

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang. Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ.

1 (888) 546-7489

www.kimphu.com